# NGUYỄN TỬ-CAO



# Những Bài Viết Năm Xưa.

*Hình bìa  New York 2008 – Diễn Hành Văn hóa Quốc tế - © Tu Cao Nguyen*

# Đời Lính

## La “Selfie” en (p)rose (1)

Sau bốn niên khóa dạy học tại TrườngTrung Học Benilde (Bá Ninh) Nha trang, bỉ nhơn dự thi tuyển và đậu vào Khóa I. Cùng thi còn có Phan Đắc L., Nguyễn Đình C., Phạm T., Phan L., Lê R., Nguyễn Xuân H….Đang lúc ấy, lại có lệnh gọi trình diện Khóa 24 Thủ Đức. Lúng túng không biết chọn bên nào nhưng có vẻ thích CTCT hơn. Dung hòa, trình diện luôn hai bên: hai lần chụp hình, một mang cấp hiệu Thiếu úy, một mang Chuẩn úy!!

Sự lựa chọn cuối cùng xẩy ra trên Vũ Đình Trường Trường Bộ Binh Thủ Đức: được đứng bên đội hình không-ngay-ngắn của CTCT. Lúc đó là tháng 12 năm 1966.

Trong hàng ngũ gần 170 khóa sinh, lần lượt xuất hiện những nhơn vật khó quên.Nhóm già có Quách Dược Th, Vũ Văn T., lão gia đây. Nhóm nhí có Nguyễn Xuân T., Lại Thế ., Nguyễn Qương Q. Nhóm phá phách có Phạm Gia H., Lê văn N., Bủi Thế C.. Lại còn một nhóm đáng chú ý nữa là nhóm học giả như Lê Doãn S. (nghe nói anh ta biết năm thứ tiếng), Huỳnh Bá T., Đạo D. (không còn nhớ tên thật là gì).

Tôi được nhiều người biết là vì trong Đêm Tâm Giao, đã thốt một câu bất hủ trong lời chào mừng quan khách và anh em: “Sở dĩ hôm nay…” Cũng vì Đêm Tâm Giao ấy Nguyễn Hữu Đ. và bỉ nhơn trở thành hai SVSQ/CTCT đầu tiên thọ phạt trình diện dạ chiến tại Thủ Đức.Lý do: cùng đi Sài Gòn mua hoa cho buổi tiệc và về trại trễ phép.

Tháng 5 năm 1967, di chuyển lên trường Đại học Chiến Tranh Chính Trị, KBC 4648.

Được phân phối về Đại Đội A, Trung đội 3, Nguyễn Văn D., nhỏ con nằm giường trên. Bên cạnh là Dương Quang B.. Bàn tự học nhìn ra ngọn đồi Nghĩa Trang Đà Lạt.

Suy nghĩ nhiều về Chiến Tranh và tương lai.

Tìm hiểu thêm về cái gọi là sức mạnh của đối phương và của ta. Chương trình học khá nặng nhưng khó đáp ứng cho tình hình thực tế. Đối

phương mạnh không phải vì chúng có cán bộ “trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý”. Chúng ta chiến đấu và hy sinh vì Tự Do; đối phương hy sinh Tự Do để đánh thắng. Đó là thảm kịch của chúng ta.

Năm thứ nhứt, kết quả khả quan nên bỉ nhơn được thưởng 24 giờ phép đặc biệt đi phố. Không bạn bè, không có đào nhưng cũng trải qua một đêm khó quên.

Qua năm thứ hai, sinh hoạt hàng ngày bị xáo trộn dữ dội. Cuối năm Con Khỉ, Khóa I đi Chiến Dịch Diên Hồng trên bốn Vùng Chiến Thuật.Về lại Trường Bộ Binh Thủ Đức, học chính trị một tuần lễ, mang lon Thiếu úy giả định đi chiến dịch.

Rút thăm trúng thị trấn Cầu Gỗ bèn đổi cho Cao Minh C., quê Sài Gòn, lấy quận Vĩnh Xương Nha Trang

Ngày 3 tháng 5 năm 1969. Được chọn làm Thủ Khay. Tổng Thống VNCH đã dùng chiếc bật lửa Zippo có khắc tên ông ta để châm ngọn đuốc Lục Đại Chiến lừng danh của ngành CTCT. Không ai gắn cấp hiệu Thiếu úy Hiện Dịch cho anh chàng này, anh chàng mang khay.Ngày hôm sau, ngày chọn đơn vị. Bỏ ý dịnh chọn Liên Đoàn 5 Biệt Động Quân ngay trước Bảng các Đơn vị vì yếu bóng vía. Lại chọn Liên Đoàn 2 DPQ Ninh Thuận. Bị la ó nên sẵn dịp N.X.H có ý muốn đổi, liền thuận ngay.

Cuối tháng 5 năm 1969, trình diện Khối CTCT Sư Đoàn 23 BB để về Trung Đoàn 44. Tại Sông Mao, phía Bắc Thị xã Phan Thiết, bỉ nhơn được bổ nhiệm về Tiểu Đoàn 2/44.Cùng ngày ra đơn vị đã gặp Phạm T.. Anh này làm ĐĐP ở Đại Đội 3 đóng ở Long Hương.Về sau, khi Tiểu Đoàn đang hành quân ở Phan Thiết, Phạm T. xin giải ngũ vì mắt kém.

Hóa ra, Khóa I về Trung Đoàn 44 khá đông. Nào là Phan Đắc L., Phạm Quang L. về Tiểu Đoàn 4/44; Nguyễn Ngọc V. về Tiểu Đoàn 1/44; Nguyễn Cư và Phạm T., Tiểu Đoàn 2/44; Nguyễn văn L., Đại Đội trinh sát 44; còn Nguyễn Mạnh V., Sĩ Quan CTCT Trung Đoàn. Một người khác cũng ở Trung Đoàn nữa là Huỳnh Q.. Hình như Huỳnh Q. về Tiểu Đoàn 3/44 hay 4/44 gì đó. Trung Đoàn 44 là thí điểm của Chiến Dịch Chân Trời Mới. Không ai nói cho biết Chiến Dịch Chân trời Mới có kết quả nào không nhưng thực tế cho thấy chức vụ Đại Đội Phó CTCT không làm được gì cho ra hồn.

Đến năm 1970, về làm Sĩ Quan Ban 5 của Tiểu Đoàn.

Sau Đại Hội toàn Khóa tại Tiểu Đoàn 50 CTCT ai nấy đều thấy tinh thần Khóa I không được phấn khởi gì cho lắm, nhất là các anh về Sư Đoàn 5 Bộ Binh.Tại đó, người ta xử dụng một số làm Xử Lý Đại Đội Trưởng.Các anh thuộc các đơn vị tác chiến

có vẻ sôi nổi nhất. Họ xin có Qui chế riêng để có thể thực hiện khả năng của Ngành.

Giữa năm 1970, về Sài Gòn thi Anh ngữ đi du học.Không được gọi đi học Trường Sinh Ngữ Quân Đội Nguyễn Văn Tráng. Nhưng tháng 10 năm đó, trở lại Sài gòn để thi một lần nữa. May mắn thi đậu và đi Mỹ cùng với Huỳnh Bé E. và Phạm gia H..

Bảy tháng sau, bỉ nhơn về lại Bộ tư lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh gặp Tôn Thất V. đang làm việc tại Khối CTCT/SĐ.Anh này cũng vừa xong Khóa Leadership ở Mỹ về trước đó không lâu. V. là một anh bạn hiền và tốt bụng. Một phần nhờ V. mà Nguyễn Cư mới không về lại Trung Đoàn. Ban Mê Thuột là một thị trấn buồn thiu thế nhưng TT V. không bao giờ tỏ ra mình không thích nó cả. Anh quen biết khá nhiều người đẹp nhờ vậy mà đời sống cũng bớt vô vị mà bạn cùng Khóa khi quá cảnh cũng đỡ hẩm hiu.

Gần ba năm làm chức vụ Giáo Dục Binh sĩ, Phòng Chính Huấn, công việc hành chánh chung quanh Bộ Tư Lệnh và các đơn vị trực thuộc không mấy hứng thú.

Thỉnh thoảng đi xa và bị liệt kê…MIA khi Trận Kon Tum bùng nổ tháng 4 năm 1972. Địa điểm ghi nhận mất tích: Đèo Chư Pao, Pleiku. Thật ra, trong cuộc chuyển quân của Bộ Tham Mưu Sư Đoàn, xe Jeep của hai vị sĩ quan Chính Huấn và Tâm lý Chiến đã né tránh đạn đại liên 12,7 ly quá kỹ nên

lạc tay lái, rơi xuống mương thoát nước bên đường, ngay dưới chân đèo Chu Pao. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, hai anh bạn mới an toàn tìm về với Chi Đội Thiết giáp Thiết Đoàn 8

Hú hồn!

Nguyễn văn L. thì không như vậy. L. bị bắt khi Bộ Chi huy Trung Đoàn bị địch tràn ngập. Người ta tin L. còn sống vì có ai dó lượm được chiếc Thẻ Kiểm Tra của anh chàng ngay dưới giường nằm. Quả có như thế vì sau đó trong cuộc trao trả tù binh, Nguyễn văn L. đã trở về và giã từ quân ngũ.

L. có thân hình thon, cao, da hơi trắng, nói giọng Phan Thiết ngọt nào, khá bùi tai nên nhiều cô gái thích lắm. Nghe nói L. từng đi tu nay đã xuất. Trong Khóa I mấy anh tu xuất này không phải là hiếm.Và thông thường, họ có đời sống tình cảm thật dồi dào.

Từ chiến thắng KonTum năm 1972, Sư Đoàn 23 Bộ Binh đảm nhận khu vực trách nhiệm rộng hơn trước đó. Các Trung Đoàn 44, 45 và 53 Bộ Binh chuyển các hậu cứ về Ban Mê Thuột, tình Đắc Lắc. Bộ Tư lệnh Sư Đoàn cũng phân làm hai. Bộ Tư lệnh Tiền Phương theo chân các Trung Đoàn, nay ở Thị xã Kon Tum, ngày kia chạy xuống Quảng Đức. Hậu cứ Sư Đoàn, do đó, trở thành một cỗ máy hậu cần chạy suốt 24 giờ/ngày. Công việc Khối CTCT/SĐ, trong quá khứ không có vẻ gì quan trọng trong nỗ

lực chung của Sư Đoàn, nay lại càng chậm chạp hơn. Cấp lãnh đạo CTCT/SĐ không có tiếng nói xứng đáng trong các quyết định lớn của đơn vị. Mọi việc hầu như chỉ nhằm mục đích đối phó với tình hình, không bao giờ có cái gọi là CTCT thế công.Cho nên, khi có Lệnh Ngưng Bắn, nhược điểm của phe ta lại càng nổi rõ hơn.

Ba năm giữ chức vụ Giáo Dục Binh Sĩ không mang lại lợi ích thiết thực nào cho đơn vị cũng như cho chính mình. Cuối năm 1973, rời bỏ Phòng Chính Huấn, sang giữ Ban Thông Tin Báo Chí.

Đây là chỗ bấy lâu nay mình mong ước. Sư Đoàn có một Bản Tin khỏang 4 trang. In hai màu theo lối thủ công nên số lượng và kỹ thuật đều kém. Nay Bản Tin biến thành tập san Biên Trấn, dựa theo Motto của Sư Đoàn 23 Bộ Binh “ Nam Bình, Bắc Phạt, Cao Nguyên Trấn”, dày gần trăm trang, in typ-pô, số lượng nhiều hơn, trình bày trang nhã, bài vở viết theo chủ đề và viết công kỹ hơn.

CSBV tấn công Ban Mê Thuột.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, CSBV tràn ngập thị xã.

Ngày 17 tháng 3 , bỉ nhơn , Sĩ Quan báo Chí Sư Đoàn bị địch bắt làm tù binh tại quận Phước An, cách Ban Mê Thuột hơn 30 cây số. Và đi tù sáu năm, ba tháng qua các trại Ia Sup (Đắc Lắc), Đức

Cơ, Thanh Bình (Pleiku), An trường (Bình Định), 51 và A.30 (Phú Khánh). Lê văn B. , Nguyễn Thanh N. (Khóa 2 ĐH.CTCT), Lê Hồng K., Đỗ Phước H., Huỳnh Xuân (?) M., và "cụ" Đoán (Khóa 3 ĐH.CTCT) là những người tù binh ĐH/CTCT đầu tiên của Tổng Trại I Tây Nguyên.

Trong số 65 "tên ngụy cực kỳ ngoan cố Tãy nguyên" bị áp giải xuống Bình Định khỏang giữa năm 1976 có mặt đầy đủ mấy người kể trên.Trừ Lê Văn B. được trả tự do (?) rồi mất tích cùng vợ con trong cuộc vượt biển sau đó, những người còn lại được phóng thích trong tháng 6 năm 1981.

Bị quản chế thêm 7 năm nữa cho đến đầu năm 1988, "công dân CHXHCNVN"(2) bỉ nhơn tìm đường vượt biển. Và đi thoát cùng vợ con.

*Sic transit gloria mundi* (3)

(Revised 10-2022)

(1) Có khúc nhạc nổi tiếng La Vie en rose được Edith Piaf, tục gọi là Con chim sẻ của Paris (Le Moineau de Paris) thường hát trong các quán rựou những năm giữa hai cuộc thế chiến.

Tiểu tựa có nghĩa :Tấm hình tự chụp bằng văn xuôi.

(2) Ra tù năm 1981, đi đâu cũng cầm theo Giấy Ra Trại. Mãi tới đầu năm 1988, mới được trả quyền công dân.

(3) Thomas à Kempis, trong sách De Imitatione Christi , bình luận về tính phù du của sự kiêu căng của con người. Câu la tinh này đã được đưa ra trong lễ đăng quang của một vị giáo hoàng. Trong buổi lễ một khoanh dây thừng đốt lên và khi ngon lửa nhỏ sắp tàn, người ta xướng lên câu: “Pater sancte, sic transit gloria mundi.” (“Thưa cha rất thánh, Vinh quang của thế gian đã đi qua như thế đó)

# TUỔI NGŨ THẬP VÀ QUÁN CỦ HÀNH

*“...Có người không sao hành xử được, nhất là trong vòng một trăm năm chúng ta đang sống đây, trong thế kỷ đầy đau thương và muộn phiền này, chắc chắn hậu thế rồi đây sẽ coi như một trăm năm không thể rơi lệ. ...”*

(THE TIN DRUM, Gunter Grass, « In the Onion cellar », tt 519- 535)

Mới ngày nào tóc còn xanh, nay đã sắp xỉ Ngũ thập. Thời gian đi như thoi đưa.Cổ nhân có câu: Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập

nhi tri thiên mạng.Vào đời năm mười chin, vào lính năm hai mươi tư, đi tù Việt cọng năm ba mươi ba, đến xứ người năm bốn mươi tám, lúc nào câu nói trên cũng theo đuổi, như một nhắc nhở, hối thúc, có lúc như có ý khiển trách nặng nề.

Bàn “lộ đồ” tam, tứ, ngũ này thật quái ác. Không dễ gì ăn ngủ yên với nó đâu. Nhất là khi chúng ta lở chọn cho mình một cái mệnh.Nói nôm na là chọn lấy một nghề trong những nghề độc đáo nhất thiên hạ: Nghề cấm súng giữ nước.Chưa có con số thống kê chính thức về cuộc chiến 1960-1975 đã có bao nhiêu thanh niên, thanh nữ đã chọn con đường chúng ta đi.Có lẽ đâu đến triệu người. Bao nhiêu người còn sống sót để có cơ hội tính sổ cuộc đời? Bao nhiêu người đã bỏ cuộc dọc đường, bao nhiêu người hối hận vì đã lựa chọn và bao nhiêu người cố quên nhưng chẳng bao giờ quên được những thất vọng, chán chường, những niem vui ngắn ngủi va khổ đau kéo dài?

Đầu năm 1969, Khóa I Nguyễn Trãi chuẩn bị ra trường. Hơn hai năm, ngày đi học, đêm trực gác trên xử Hoa Anh đào không làm cho mọi người quên đi cuộc chiến ngày càng khốc liệt dưới kia. Chiến tranh đối với những thanh niên như chúng ta lúc đó đơn giản, chỉ là cuộc đọ sức giữa Chính nghĩa và Hung tàn như Cụ Thánh Tổ từng nói vào Thế kỷ thứ XV. Một vài tổn thất trong năm Mậu

Thân 1968 khi Khóa I trở lại Trường sau kỳ nghỉ phèp Tết chỉ la rủi ro cho những đồng đội xấu số.Tôi nhớ hình như cả Khóa có tổ chức Lễ Truy điệu cực kỳ trang nghiêm. Thân phận mỗi người chắc chắn đã được suy ngẫm lại, tương lai cứ vẫn rất hồng. Chúng tôi tự tin ở sức mình. Điều nay quả chẳng có gì là thiếu thực tế. Nều Quân lực duy trì được hệ thống chiến tranh chính trị hoạt động hữu hiệu trong toàn quân, chính trị hóa hệ thống chỉ huy từ cấp đại đơn vị đến hàng binh sĩ. Đối phương chúng tôi đã làm được điều đó, tại sao mình lại không làm được?

Vả lại không khí học tập khi ấy thuận lợi cho việc nghiên cứu sách vở đầy rẫy trong Thư viện. Chúng tôi đọc ngấu nghiến các loại sách hiếm về chủ nghĩa CS, Mustapha Kemal, Nasser, theo dõi hàng tuần vụ truy lùng bắt “Che” Guevara ở Bolivia.Bài giảng vế Sử Quan của GS Lê Tôn Nghiêm, lý thuyết Dân Tộc Sinh Tồn của Cố GS Nguyễn Ngọc Huy, ý kiến Cân bằng Quyền lực trong sinh hoạt chính trị quốc tế của GS Tạ Văn Tài đếu là những kiến thức căn bản từ đó mỗi người xây dựng nên chính trị quan cho riêng mình.Trong âm thầm một số nhóm sinh hoạt chính trị đã “bí mật” hình thành.Mục tiêu,sách lược như thế nào không rõ nhưng sự kiện riêng nó nói lên tính chất tự tin, lạc quan và dấn thân. Nói chung, chúng tôi cần một cuộc Cách mạng.

Một cuộc Cách mạng trong Quân Lực gồm nhiều thế hệ giáo dục, chính kiến, quyền lực khác nhau trong khi người ước vọng chỉ là những “ông Quan Một” chưa tới hai năm trong quân ngũ!

Chúng tôi đã biết hoặc chưa biết quan điểm của Bộ tổng Tham mưu QL/VNCH về vai trò chính trị của quân đội ra sao. Thực tế cho thấy chúng ta chiến đấu trong vị thế thiếu cân bằng, hỏa lực mạnh nhưng thiếu yểm trợ chính trị. Yểm trợ chính trị chỉ có khi chẳng những quân đội chiến đấu giỏi ngoài mặt trận, hậu phương bộ máy công quyền thu phục được sự ủng hộ của đồng bào. Đến đây vấn đề bỗng trở nên quá lớn, bao trùm cả sinh hoạt quốc gia. Có một vị trong Tổng Cục Chiến Tranh chính trị nói riêng với chúng tôi rằng những vấn đề nêu lên trong Đại hội Khóa I (1) năm 1970 tại hội trường TĐ50CTCT rất là xác đáng và xây dựng, nhưng có người không muốn như thế.Cái gọi là Chiến tranh chính trị trong quân đội Hoa kỳ không hề có. Ngay cả khi họ trải qua kinh nghiệm đau đớn trong năm năm nội chiến (Civil War).Với óc thực tiễn, người Mỹ dựa trên con số đo, đếm được để dự trù kế hoạch. Họ không quan niệm có một cái gì trên cõi đời này gọi là chiến tranh tổng lực.Trong cuộc chiến tranh loại này, rất nhiều hy sinh được đặt ra trong số đó có mất mát lớn nhất là sự hạn chế nhất thời quyến tự do cá nhân , vốn không thể khoan nhượng được của người Hoa kỳ.

Ở Fayetteville, North Carolina, US Army J.F Kennedy Special Warfare Center and School đã đào tạo nhiều khóa sĩ quan Tâm lý chiên cho quân đội Hoa kỳ và Đồng Minh. "..Chinh phục con tim và khối óc" là câu kinh nhật tụng của khóa sinh. Áp dụng vào thực tế chiến tranh Việt Nam hoạt động tâm lý chiến không đi quá những kỷ thuật tuyên truyền (trắng, đen, xám) của Cục Tâm lý Chiến QL/VNCH đã và đang làm. Ai dám nói Hoa kỳ không làm tuyên truyền? Họ chỉ tuyên truyền nơi đối tượng không phải là quân nhân, công dân Hoa kỳ.Chúng ta không ngạc nhiên khi thấy báo chí, truyền hình Hoa kỳ luôn miệng chỉ trích Đồng Minh Viêt Nam đàn áp báo chí, tư tưởng, tín ngưỡng…Nhân danh "sự thật" truyền thông Hoa kỳ đã góp phần tuyên truyền không công cho Cọng sản Hà Nội suốt cả cuộc chiến!

Một số đại diện Khóa II chắc còn nhớ không khí sôi nổi, phẩn uất của các niên trưởng. Trong lúc căng thẳng nhất, có anh đã đề nghị dẹp bỏ Trường đại học CTCT, nghĩ rằng bỏ ra hai năm để huấn luyện một sĩ quan và đến khi ra trường sĩ quan này đi làm công việc của một Thương sĩ Thường Vụ Đại đội không đòi hỏi kiến thức chuyên môn gì cả thì lãng phí quá! Một năm lặn lội ở các Đại đội Bộ binh tác chiến tại Bốn Quân khu và Biệt Khu Thủ Đô đâ mang lao bao cay đắng, thất vọng cho những cán bộ của một trong những quân trường

hiện dịch quốc gia. Quyệt liệt nhất có lẽ là những anh em Sư Đoàn 5 (2). Ở đó, chúng ta còn nhớ những Bồi, Việt, Duyến, Y...cùng những đồng đội khác đã âm thầm làm nhiệm vụ của những Đại Đội trưởng, Trung đội trưởng suốt mấy tháng, có khi cả năm trường, vừa đánh giặc vừa nguyền rũa. Cuối cuộc chiến, Sư Đoàn này đã nổi tiếng như một nơi kém may mắn nhất cho Khóa I. Không rõ sau này, các Khóa Nguyễn Trãi có ai còn dám về đơn vị này không?

Nhìn chung, hai ngày thảo luận sôi nổi đã không mang lại kết quả mong muốn. Về phía Khóa I , anh em có dịp gặp gỡ nhau sau mười hai tháng thử lửa với chiến trường, được giải trí « rất văn nghệ », được an ủi, vỗ về cũng rất chu đáo.Những đề nghị của anh em chúng ta hầu hết không được giải đáp thỏa đáng. Có thể Tổng Cục CTCT không đủ thẩm quyền làm cuộc thay đổi chúng ta đòi hỏi và ngay cả Bộ Tổng Tham Mưu không chắc đã muốn làm nếu như Tổng Cục muốn như vậy.

Tại sao chúng tôi nhắc lại sự kiện năm xưa? Quên tuổi trẻ, nhất là khi chúng ta ra khỏi tuổi hoa niên bỗng thấy đầu đã bạc, tim khô cằn và lý tưởng ban đầu nay đã trở thành câu chuyện của quá khứ, ai có thể quên được?

Cũng như Scarlett O’Hara trong Gone With the Wind,(3) chúng ta lúc nào cũng nhớ đến Tara, một

thứ Tara của riêng chúng ta. Đó là nơi chốn chúng ta muốn trở về tìm lại những Bạch Cúc, Phụng Hoàng sương mù lãng đãng, những buổỉ chiều đông một mình thả bộ dọc con đường đất đỏ chạy quanh ngọn đồi 4648, tâm hồn mênh mông như bầu trời trên cao.Tara của anh em chúng ta là mãnh đất khổ đau mang tên Việt Nam, một vùng đồi, núi, thác, hồ chúng ta đã không giữ được trọn vẹn, cho dù bằng một giá rất đắt.

Ngày nay, nơi đất khách quê người, liệu có bao nhiêu người còn thiết tha với việc “lấy nhân nghĩa thắng hung tàn”?Hay chúng ta chỉ là những tâm hồn già nua, Xuân Thu nhị kỳ gặp nhau , ôn lại chuyện cũ gói ghém trong chốn anh em xa gấn, trách mình thì ít, trách người thì nhiều, chuyện quê nhà bảo rằng quá xa không muốn bàn đến, chuyện đồng bào tỵ nạn kéo dài đến tận hòm nay, bảo sao họ không tự ý hồi hương cho chúng tôi khỏi bận lòng.

Tôi không tin như thế.

Nhưng tôi cũng không tin hậu duệ của Cụ Nguyễn Trãi còn có chỗ đứng trong thế trận mới sau khi Cọng sản Việt nam xụp đổ.

Tôi muốn được ai trong số anh em cho tôi lại Niềm Tin hay có ít đi nữa, cho tôi một chút xác tín về sự phục sinh của niềm tự tin, lạc quan, dấn thân đã được vun xới , nuôi dưỡng cách đây một phần tư

thế kỷ. Dĩ nhiên tôi muốn nói về sự lột xác có thực từ đống tro tàn quá khứ của chim Phượng Hoàng huyền thoại, tiếp tục đường bay đến những mục tiêu mới, sau khi đã rút tỉa kinh nghiệm quí báu cộng thêm những suy nghĩ phản tỉnh về những gì sẽ phải làm cho đát nước một mai khi cô hội mới gọi mời.

Ngày xưa chúng ta còn trong quân ngũ, thời gian dành cho việc quân cơ, tiểu sự hoặc đại sự chiếm gần hết cuộc sống cá nhân. Cái sống, cái chết theo đuổi từng giờ. Chúng ta chiến đấu theo những lối mòn, trong những điều kiện chúng ta không kiểm soát được. Thế nhưng, tất cả đã theo đuổi cho đến ngày cuối cùng. Cùng với hơn một trăm ngàn chiến binh khác, anh em chúng ta vẫn còn tiếp tục cuộc chiến dưới một thể dạng khác. Lần này, cá nhân tác chiến là phương thức chính, vũ khí là niềm tin, ý chí, đối diện với bạo lực chính trị, hành hạ thể xác, cô lập tâm lý, khai thác tận cùng bản năng sinh tồn. Đã sống qua ngục tù cọng sản có nghĩa là đã đi hét tận cùng địa ngục. Chúng ta thương tiếc Quách Dược Thanh (4) bao nhiêu thì chúng ta càng tiếc thương tổn thất to lớn không thấy được trong lòng mỗi người bấy nhiêu.

Lý tưởng thuở thanh xuân vẫn còn đó, cuộc sinh tồn bận rộn hiện tại đãy, sự lựa chọn không phải là dễ dàng gì.

Mà nếu các bạn chúng ta không biết phải lấy cái nào, bỏ cái nào hoặc đã chọn một nhưng thấy trong lòng không thoải mái, thì cái tuổi gọi là “ Ngũ thập” đã cận kề rồi đó.

Bước vào tuổi này, người ta thường quay trở lại những kỷ niệm của tuổi hai mươi, ba mươi. Bắt chước Gunter Grass(5) nhà văn Đức sau Đệ Nhị Thế Chiến, chúng tôi khuyên bạn nên tìm một quán cốc, gọi chủ nhận dọn lên cho bạn một củ hành thật to, rõ to, một con cao tây và một tấm thớt nhỏ. Bạn cứ thư thả thái từng lát mỏng, càng mỏng càng tốt rối bạn sẽ thấy mình khóc rất dễ dàng, Khóc cho Quá Khứ nay không còn nữa, khóc cho bạn bè đã hy sinh và khóc cho thân phận ta không làm nên tích sự gì từ trước đến nay.

7-1992

(1) Khóa I Nguyễn Trãi, Trường Đại Học Chiến tranh Chính trị Đà lạt. Đại tá Trang Văn Chính, Tổng Cục Phó TC/CTCT/QLVNCH đã nói với chúng tôi “Có người không muốn CTCT có nhiều quyền lực như Chế độ chính ủy Cọng sản” trên bàn Chủ tọa trong đêm Liên hoan sau Hội nghị Khóa I Nguyễn Trãi tại TĐ50CTCT (1970).

(2) Khóa Nguyễn Trãi I được bổ nhiệm về Sư đoàn 5 Bô binh đông hơn cả, gồm 39 Sĩ quan , trong khi đó các Sư đoàn khác chỉ được tối đa 13 sĩ quan CTCT.

(3) Cuốn tiểu thuyết, tên Việt ngữ là CUỐN THEO CHIỀU GIÓ, Nguyễn Hiến Lê dịch , NXB Lá Bối, Sài Gòn.(1969). Nhơn vật chính là Scarlett O'Hara.môt phụ nữ quyền biến, Miền Nam Hoa Kỳ, vừa yêu Ashley nhưng vì thời cuộc phải lấy Rhett Butler trong Nội chiến Hoa Kỳ (1861-1865). Tara là đồn điền trồng bông vải mà người cha của Scarlett bảo con gái mình phải giữ gìn không chuyển nhượng cho ai cả, ví "Land is the only thing in the world that amounts to anything, for 'tis the only thing in the world that lasts , and don't you be forgetting it." Và "This is the only thing worth working for, worth fighting for – worth dying for."(GONE WITH THE WIND, Margaret Mitchell. The Macmillan Company, New York, 1936, p 36)'Trong suốt cuốn truyện, trong mọi hòan cảnh, lúc nào Scarlett cũng nghĩ tới mảnh đất này.

(4) Quách Dược Thanh (1942-1979) người Kiên Giang, Khóa Nguyễn Trãi I (1969), tài hoa, rất được mọi người ái mộ, hiểu biết khá nhiều về chủ nghĩa Cọng sản ( Marxisme -Leninisme) bị Bắc Việt sát hại trong trại tù.

(5) Gunther Grass (1927- 2015) Giải Nobel Văn chương năm 1999, tác giả cuốn THE TIN DRUM (1959), trong dó có chương 42 “Tại Quán Củ hành”.

# Lá Thư không gởi

# từ Trại Tỵ nạn PFAC, Porto Princesa, Palawan.

# The Philippines

H. thân,

Đến đây chưa được mười ngày, có người mời ra họp tác trong công đồng và Hội Ái hữu Cựu Quân nhân

QL.VNCH tôi hơi e ngại, cú trả lời để rồi xem đã. Thật ra một số anh em đã quen biết nhau khi còn ở Việt nam nhẹ nhàng nhắc nhở nên cẩn thận vì tình hình cộng đồng ở Palawan(1) hơi phúc tạp ý kiến các nhóm có những chỗ bất đồng, Sư ngăn ngừa này, lúc đó tôi không thấy là đáng để tâm suy nghĩ. Nhưng trải qua hơn bốn tháng làm việc, nhất là khi tôi đứng vào hàng ngũ những người gọi là cựu quân nhân Quân Lực VNCH, mang chút ít thiện chí bị bỏ phế khi có mặt trong thế giới "ưu việt" vào sinh hoạt ái hữu, thì mới thấy đau đáu vì những gì bạn bè nơi đây nói với mình trước kia.

Xã hội tỵ nạn ở P.F.A.C(2) gồm nhiều thành phần khác nhau với những ưu tư, lo lắng, vui buồn, hy vọng và tuyệt vọng khác nhau. Những người có quyền được hy vọng đi định cư là các cựu quân nhân với vợ con hay vợ cựu quân nhân một mình đã sang đây trước với con và các cựu quân nhân không biết mình đã có tên trong danh sách ODP (Các cựu quân nhân khi ở Việt Nam đã lén lút gởi hồ sơ sang Thái lan-- không nên cho JVA (3) biết chuyện này.Nếu JVA biết, rắc rối to! ) Nhóm này sẽ chắc ăn hơn khi họ có trong tay đầy đủ giấy tờ căn bản đã được JVA chấp nhận lời khai.Nhóm đồng bào thứ hai gồm đa số là những người dân thuyền chài, các tay anh chị ở Việt nam sau 1975, các gia đình(rất ít) người Ex-China (4) cư ngụ ở Bắc Việt Nam và ra đi cũng từ Bắc VN, bị Chính phủ

Philippines coi như người nhập cảnh bất hợp pháp,không có số PA (5) Nhóm này có thể chia thành hai nhóm: Người dân "đánh cá" sau 13 năm miền Nam rơi vào tay Cọng sản, đã có những người cùng làng nay có mặt khắp nơi trên thế giới, đặc biệt tại một số nước Bắc Âu như Na Uy, Thụy Điển... có thể nói mà không sợ sai lầm, họ có một đời sống khá là sung túc ở trại tỵ nạn, một là nhờ số vàng họ mang theo khi ra khơi, hai là do thân nhân ra đi trước họ nay đã an cư lạc nghiệp nơi nước thứ ba gởi tiền cho. Đây là một nhóm nhỏ nhưng gây nhiều tai tiếng cho người Việt. Vì thiếu trình độ văn hóa, nghề nghiệp, lại không có thân nhân trực hệ ở các nước thứ ba, không rõ trong tương lai cuộc đời của họ ra sao khi Việt Cọng làm việc với chính phủ Phi nhằm giải quyết vấn nạn boat people. Nhóm nhỏ thứ hai là những người Ex-China như vừa kể trên và những thư dân thường làm anh chị, các trường hợp linh tinh khác. Giữ hai nhóm nhỏ này đã hình thành một mối liên hệ vô hình. Những diễn biến trong thời gian qua khi Trại Tỵ nạn tổ chức cuộc bầu cử lựa chọn người vào Hội Động Đại diện người tỵ nạn, cuộc tranh chấp quyết liệt giữa một bên là những người không muốn cộng đồng này bị người ngoại quốc khinh thường va liên minh " ma quỉ" gồm những người ở lâu (long stayers)(6). Cả hai phía đếu muốn có tiếng nói quyết định trong việc điều hành xã hội bé nhỏ, tạm

thời và nhiều biến động này.Mối tự hào dân tộc của nhóm thứ nhất xem ra cũng không đến nỗi nào. Họ là những cựu giáo chức trước hoặc sau ngày miền Nam sụp đổ, những cựu quân nhân mọi cấp đã hoặc ở tù "cải tạo"từ một vài tháng đến sáu bảy năm, những nhà tu hành, một ít là những thanh niên vừa đúng 18 tuổi khi Cọng sản vào. Như trong các trại tỵ nạn khác tại Đông Nam Á, Trại P.F.A.C cũng có những chuyện vô lý của nó nhưng điếu đáng nói ở đây là Trại do người Việt chúng ta trưc tiếp quản lý vế mặt tổ chức nội bộ. Chính quyền Philippines phụ trách an ninh đối với bên ngoài. Những người khách không mời được quyền tự trị nhờ sự can thiệp của Giáo hội Công giáo Phi. Người có công vận động, thúc đẩy và thuyết phục tấm lòng nhân ái của người dân ngoan đạo Phi chính là một nữ tu dòng Bác ái người việt nam. Ra đi cách đây 16 năm, người nữ tu này đã trở nên một đại diện không chính thức của người Việt theo nghĩa đẹp nhất của tên gọi. Nói theo từ ngữ chính trị học, chúng ta đã có một Lịch-sơ-liêu (7) có nét Á Đông vừa là người mẹ hiền lo cho sự an sinh của những người có mặt tại Philippines.Bao nhiêu chuyện lớn, nhỏ xảy ra cách Manilla hàng mấy trăm dặm dặm bà điều hay biết. Bà tự hào về sự bén nhạy, tự chủ và ý chí của mình. Dù trước mặt bà là người chôn chân tại đảo này lâu năm hay người mới tới, nếu cần phân xử

tranh chấp không bao giờ bà nghiêng theo một bên nào mà không có sự sắp xếp trước.Trước con mắt mọi người, bà là con người chính trị đúng nghĩa.

Lặn ngụp trong vùng "Xôi đậu" này tôi không khỏi cảm thấy mình như bị lôi kéo đến chỗ lựa chọn môt lối đi mình cho là thích đáng hoặc là cứ im lặng trùm chăn như ở đây người ta hay nói hoặc cương quyết dấn thân mang chút hiểu biết và nhiệt tình thử làm một chuyện đổi thay từng bước một. Con người chúng mình xem vậy mà khá dại khờ, dễ tin và duy ý chí. Ai trong chúng ta cũng biết chính trị sẽ bắt đầu khi thực sự có hai người cùng sinh hoạt với nhau với những xung đột nho nhỏ về ý thức, quyền lợi và tình cảm.Biết là một lẽ mà thực hiện hiểu biết đó trong cuộc sống lại là một lẽ khác. Cái nghịch lý này là muôn thuở. Chẳng qua giữa tri thức và hành động lúc nào cũng lảng vảng sự cấm chỉ của mặc cảm gọi là *mains sales* (8)

Cuối cùng, sau cuộc bầu cử, nhóm không mặc cảm chứng tỏ họ có những hoạt động hữu hiệu nên đã chiến thắng.Dùng sự tính toán số học, những bộ óc đơn giản đó đã thao túng cuộc bầu cử còn những sai thừa thông minh nhưng ngai vấy tay đứng trời trồng như Từ Hải.

Thảm thương cho thân phận người có chút thức tại Palawan!

Vận mệnh một trại tỵ nạn gần 5000 con người đang nằm trong tay một đám dân dã không cần học hành nhiều, không biết nói thứ tiếng ngoại quốc nào nhưng lại có thể điều khiễn một đạo quân ngầm qua sự chia sẻ thân phận rất ư là Lương Sơn Bạc. Trong những dãy nhà tối tăm, mối liên kết ấy vừa bí mật vừa công khai.Khai thác ssự lạnh nhạt của đám dông, đánh mạnh vào thị hiếu thấp kém, và có khi cả sự đe dọa trắng trợn, chúng đã làm chủ từng Khu. Người bi quan thì cho tình hình như vậy là có hoạt động theo kiểu mafia; người đa nghi thì cho đó là hoạt động có tổ chức của Việt Cọng. Nhưng nói chung chúng đã gây ung thối trong cộng đồng, tạo cảm giác khó chịu cho các cơ quan thiện nguyện quốc tế, và qua đó lật bảng hiệu cầu chứng của người Việt tỵ nạn như một nhóm bỏ xứ đi tìm miếng cơm.

Thế thì Cao ủy Tỵ nạn và Giáo hội Công giáo Philippines có biết như thế không?

Chắc là biết nhưng vì lẽ này cớ nọ cả hai không muốn can thiệp vào. Vị đại diện cao Ủy Tỵ nạn Liên Hiệp quốc (UNHCR) ở đây là Mr. Jan Top Christensen. Ông này là người Đan Mạch, trẻ, thông minh và rất khôn ngoan. Người ta cho rằng ông là một free thinker nên không thể làm khác được.Với Ông, người tỵ nạn dưới sự quan tâm của LHQ đều được bảo vệ như nhau không phân biệt

giới tính, tôn giáo, lập trường chính trị, hay các tiêu chuẩn đặc thù nào khác. Anh Việt cọng nào vượt biên tới Trại cũng được ông bảo vệ. Thực tế đã có chuyện như thế và nhóm các cựu quân nhân có người cũng thấy uất ức lấy làm nhưng biết làm sao đây?

Còn Giáo hội Philippines mà người trực tiếp có mặt thường xuyên trại là người nữ tu nói trên có thái độ gì? Với lòng công chính của một nhà tu, với tư cách một cơ quan từ thiện, bà cũng như Mr Jan Top, không biểu lộ một thiên hướng nào. Chính điều này đã làm cho cuộc tranh cử nói riêng và cuộc xung đột giữa chánh tà vô vọng của anh em tự hào mình là người Việt Nam trở thành một trận chiến cuối cùng của cuộc chiến cuối cùng sau khi miền Nam thất thủ.

Thật là buồn quá phải không, bạn ta?

(1)Palawan, tên một hòn đảo lớn, rộng khoảng 15 ngàn cây số vuông ,nằm Đông bắc quần đảoTrường sa, trong Biển Đông, là một tỉnh của Philippines, thủ phủ hiện nay là Porto Princesa.

(2)P.F.A.C là chữ tắt của Phlippine First Asylum Center.

(3)Joint Volunteer Agency: Đoàn thiện nguyện xem xét hồi sơ xin tỵ nạn của Hoa kỳ tại các trại tụ nạn ở ĐNA.

(4)Gốc người Trung hoa. Nhóm người này đông khoảng 2, 3 gia dình, xuất phát từ Thành phố Hải Phòng. Người lớn tuổi nhất cho tôi một số tin tức về cuộc chạy trốn gian truân của họ sau khi ra khỏi Việt Nam. Vị này tự xưng là một sĩ quan Hải quân Quốc gia VN đã trở về Bắc Việt sau khi Hiệp định Geneva được ký kết . Thuyền chở các gia đình đã tấp vào Hương Cảng, họ gọi là Hongkong. Lúc bấy giờ boat people chưa có nên Chính quyền sở tại không nhận nên đã tiếp tê dầu và chỉ đường đi tới Dài Loan. Đài Loan chưa có chính sách tỵ nạn , xem họ như người nhập cảnh trái phép. Sau cùng, họ , một lần nữa, đươc cấp nhiên liệu đi tiếp tới quần đảo Philippines. Nhóm người vô tổ quốc này không được tiếp đón như các người thuyền nhân 1975. Sau hai lẩn nhập cư trái phép, lần thứ ba, số phận họ vẫn y như lúc ban đầu. Từ đó, với lòng nhân đạo Thiên Chúa giáo, người Phi đã dung chứa họ. Điều kỳ lạ không giải thích được là tại sao họ là người Việt, nói thông thạo tiếng Việt mà vẫn bị gọi là Ex- Chinese mà họ không hề phủ nhận.

Những vụ lùm xùm xẩy ra tại Transit/ Manila hay tại đảo Palawan thời gian 1976-1990 , đêu dính líu nhóm này. Theo chỗ chúng ta biết, khi các trại ở Philippines đóng cửa, một số Ex-China này đã định cư tại Canada.

(5)PA: Phlippine Asylum.Phải có số PA này người tỵ nạn mới được các phái đoàn các nước nhận tỵ nạn phỏng vấn để đi định cư.

(6)Long stayers: những người không được quốc gia nào chấp nhận cho định cư vì thiếu tư cách tỵ nạn , có thành tích bất hảo khi ở trại tỵ nạn... hoặc, tự mình từ chối đi định cư do nơi đến không hợp ý muốn của đương sự.

(7)Hồng Y Richelieu được người ta xem như là Tể tướng của triều đình. Ông tìm mọi cách củng cố uy quyền hòang gia bằng cách đập tan mọi phe phái trong nước. Qua sự kềm chế` quyền lực của giới quí tộc, ông biến nước Pháp thành một quốc gia tập quyền hùng mạnh. Mục tiếu chính cũa chính sách ngoại giao ông chủ trương là khống chế triều đại dòng họ Hapsburg Áo-Tây ban nha và làm cho nước Pháp phải giữ vai trò thống lĩnh trong trong cuộc chiến gọi là Chiến tranh 30 năm lúc đó đang bao trùm cả Âu châu.Dù là một Hồng y Thiên chúa giáo, Ông sẵn sàng thỏa hiệp cới các vua chúa theo đạo Tin lành để đ5t cho kỳ được các mục tiêu của mình.( xin xem WIKIPEDIA)

(8)Les Mains sales, tên một vở kịch của Jean Paul Sartre.nhà văn trường phái Hiện sinh Pháp.

# MỘT PHÚT LÀM NÊN LỊCH SỬ

“...Trời gần về sáng,trận chiến vẫn diễn ra dai dẳng. vá ác liệt.Phía cọng quân bỉ (chúng tôi) bắn rát, bị cầm chân tại chỗ không tiến lên được. Phe ta cầm cự kiên cường, chặn đứng mọi cuộc tấn công của địch.Thấy tình hình càng lúc càng xấu nên cọng quân có dấu hiệu cho thấy chúng muốn rut lui. Đúng lúc này Trung Đoàn 44BB thuộc Sư đoàn 23BB đã đưa quân đến tăng viện quân ta. Họ chia làm hai cánh: một cánh đi tới Trường ĐHCTCT, một cánh tiến về bìa Ấp Mỹ Lộc. Cánh quân tiếp viện vào Trường vừa đến sau vọng Huỳnh Mai thì một người lính đã trúng đạn VC, bị thương ở chân và được tản thương ngay sau đó.”

. “...quân tiếp viện Trung Đoàn 53(?) từ Trường ĐHCTCT và bìa Ấp Lỹ Lộc cùng phối hợp bắt đầu tiến quân vào Ấp tạo thành gọng kềm để truy kích tàn quân địch đang bôn tẩu.Từ tuyến phòng thủ chúng tôi đã được chứng kiến như đang được xem

1 phim hành động: những tên VC chạy trối chết tứ nhà này qua nhà khác, phía sau là những người lính VNCH truy đuổi ráo riết…”(1)

Tiếng súng tạm yên ắng nhưng chiến tranh vẫn còn đâu đây.

Đoạn trích dẫn trên là do một cựu SVSQ Trường Đại học Chiến Tranh Chính Trị, một xạ thủ súng trung liên Ba , 50 năm sau kể lại. Với số ít thông tin anh có được trong thời gian đó, làm sao anh biết rõ từ đâu, đơn vị nào đã đến cứu viện. Khí thì anh nói lính Trung đoàn 44BB thuộc Sư đoàn 23BB, một lúc sau anh lại nói là Trung đoàn 53BB (? ) đến cứu viện. Thật ra ngày từ trước Tết, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 44 BB đã được tăng phái giải tỏa áp lực của địch ở hai tỉnh Lâm Đồng và Tuyên Đức,

Ấn trượng rất tốt ngày hôm đó người có mặt tại chỗ như chúng tôi không thế nào quân được. Đó là cảnh các anh lính Tiểu đoàn 2 giàn hàng ngang chầm chậm bước tiến lên ngọn đồi cỏ xanh nằm sau Đồi 4648, ví trị tọa lạc Trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị.

Đẹp như đang thao diễn trên quân trường!

Gió chúng ta hãy nghe người trong cuộc kể lại.

“Tại Thị xã Đà lạt, cuối tháng 5 năm 1968, cọng quân tấn công Trường Chiến Tranh Chính Trị. Tiểu

đoàn được lệnh (đi) giải tỏa áp lực. Đại đội 2 của Trung úy Nguyễn Xuân Hướng được chỉ định làm mũi tấn công chính đánh vào cọng quân. Sau hai giờ giao tranh, ác liệt, Đại đội đã kết thúc cuộc giao chiến. loại được 12 tên giặc cọng, tích thu một số vũ khí các loại."(3)

Tháng 5 năm 1969, nghĩa là đúng một năm sau, duyên đưa đẩy, một trong số 13 tân thiếu úy, cựu SVSQ Trường ĐHCTCT về trình diện Tiểu đoàn đang hành quân ở mạn Bắc tỉnh Bình Thuận. Và được chỉ định làm Đại đội phó Chiến tranh Chính trị tại Đại đội 2 năm xưa!

Nguyễn Xuân Hướng lúc đó mang lon Trung úy, một anh Trung úy "già" hiền lành và hay đùa nghịch.

Anh sinh năm 1939 tại Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Người có nước da trắng, trông như một học trò, tiếng nói thanh, âm vưc khá cao, tính tình vui vẻ, dáng đi không oai dũng nhưng chững chạc. Anh đã học Khóa Phụ tá hành chánh ngay trước khi ra Trường Bộ Binh Thủ Đức (Tháng 3 năm 1964) . Vì thế anh được Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH bổ nhiệm về làm Phụ tá cho Quận trưởng Quận Thiện Giáo, nằm trong khu địch hoạt động lâu năm thuộc Tỉnh Bình Thuận. Ở đó chừng một năm, anh xin thuyên chuyển về Sư Đoàn 23BB và được chỉ định về Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 44BB

đang đóng tại Sông Mao, quân Hải Ninh, tỉnh Bình Thuận. Làm Trung đội trưởng được sáu tháng, anh được thăng cấp lên Thiếu úy, chức vụ Đại đội Phó.

Khi Tiểu đoàn 2/44 được tăng phái cho Lâm Đồng-Tuyên Đức, anh là Trung úy Đại đội trưởng (Tháng 12 năm 1967). Như vậy hoạn lộ của anh xem như rất bình thường. Có thể một phần do chiến tranh tại khu vực trách nhiệm của Trung đoàn 44BB lúc bấy giờ chưa phải là quá ác liệt, hoạt động của địch qui mô không lớn, áp lực không nặng như những tháng năm sau đó. Đầu năm 1970, có tin sẽ mở các chiến dịch đánh qua Campuchea, các Chiến dịch Bình Tây (?) không khí trong đơn vị nổi rộ hẳn lên. Đơn vị sau chiến dịch Chân Trời Mới (4) đã có nhiều thay đổi về mặt tổ chức.

Từ tháng 7 năm 1970, khi Trung đoàn 44BB do Trung tá Điều Ngọc Chánh chỉ huy, hai TĐ 3 và 4 đã được điều động đi giải cứu TĐ11 Nhảy Dù tại Căn cứ 6 tại Kontum.

Tiểu Đoàn 2 được giao lại cho Đại úy Nguyễn Xuân Phán. Đến 12 năm 1970, Nguyễn Xuân Hướng thăng cấp Đại úy, giữ chức vụ Tiểu đoàn Phó Tiểu đoàn này.

Tháng 11/ 1971, địch dùng đặc công đánh hai Pháo đội 105 và 155 ly đáng đóng tại An Khê, Bộ Tư Lệnh Quân đoàn II liền cho thành lập Chiến

Đoàn 44 gồm 2 Tiểu Đoàn do Thiếu tá Ngô Văn Xuân chỉ huy cấp tốc đến bảo vệ căn cứ này.

Do tình hình khu vực An Khê đang bị địch quân áp lực mạnh cho nên trước Tết Tướng Ngô Dzu đã ra lệnh Trung Đoàn 44 phải di chuyển toàn bộ đơn vị ra An Khê.

***

Như vậy kể từ đây,Trung đoàn 44BB mở rộng hoạt động ra miền An Khê vốn là khu vực trách nhiệm của Sư đoàn 22 BB.

Tứ khi về nước, tôi được bổ nhiệm về BTL Sư Đoàn. Nơi Khối CTCT. hàng ngày, tin tức từ An Khê được Phòng TLC đua vào Bàn Tin 4 trang, in rô-nê-ô rất sơ sài. Tôi biết Trung Đoàn cũ của tôi nay mang danh hiệu tự mình đặt cho mình là Hải Âu hay Hải Ưng gì đó, – xem như Hải Âu/ Hải Ưng là con chim dẫn đường. Tôi nói đùa với các bạn cùng Khối:” các cánh chim hải âu đang bay lượn trên các ngọn đồi An Khê”.

Ngoài trọng trách giữ gìn an ninh lãnh thổ, Trung Đoàn lúc này là bảo đảm lưu thông một đoạn Quốc lộ 19 từ Qui nhơn đến Plei-ku, quãng đường từ Đèo Mang (An Khê) tới quá bên kia Đèo Mang Yang. Các Tiểu Đoàn chia nhau giữ các Căn Cứ 95, 96 và 97 rải dài từ hai con Đèo nổi tiếng từ thời Chiến tranh Đông Dương lần thứ I. Năm 1954, Liên Đoàn

Cơ động 100 (GM100), còn được gọi một cách văn hoa là Quân Thứ Lưu động, vốn là đơn vị lê-dương từng tham chiến tại Cao ly –sau này đội tên thành Đại Hàn- đã bị phục kích và tan nát tại đây.

Trong thời gian đầu năm 1972, Bắc Việt đang tập trung các Sư Đoàn 2, 10, 320B cúng chiến xa đang chuẩn bị tấn công Kontum, Chiến Đoàn Đăc nhiệm 44 hàng ngày vân thường xuyên mở các cuộc tảo thanh chung quanh khu vực trách nhiệm . Đến mờ sáng một ngày đầu tháng 4 năm 1972, nghe nhiếu tiềng súng nổ ở phía Đông ...

“.. Gần đến nơi mới biết cọng quân đã phục kích lực lượng mở đường gồm Chi đoàn Thiết Quân vận và đại đội tùng thiết ở cầu 18 trên QL 19... Hai bên còn đang bắn nhau nhưng hệ thống vô tuyến thì hoàn toàn không liên lạc được. vì khi chiếc M113 đi đầu vừa lên cầu chưa được 10 mét, thì bị bắn nhưng (xe) không cháy, tài xế cho xe lùi lại,, nhưng hệ thống truyền tin bị hư, làm mất liên lạc truyền tin của tất cả các máy khác....

“...Cuộc phản phục kích của Trung Đoàn bắt đầu. Tiểu Đoàn 2/44 và đại đội 44 trinh sát di chuyển nhanh theo QL 19 đi vế hướng Đông., khi đến đầu Ấp An Thượng I thì chia ra hai cánh:

Cánh I là Tiểu đoàn 2/44 đi vòng sau Ấp An Thượng 1 (và) tiến theo hướng Đông-Đông Bắc, khi vượt qua phía sau Ấp An Thương 2 thì tấn công

(phía) sau lưng địch (đang) ở khu rừng thưa phía Bắc cầu 18.

Cánh 2 là đại đội 44 Trinh Sát tiến sâu xuống (phía) sau Ấp An Thượng 3 (nằm) bên kia Quốc lộ (và tiếp tục) đi theo hướng Đông qua Ấp An Thượng 4, đến quả đồi nằm sát hướng Đông Nam cầu 18 thì dàn quân tấn công ngay.”(5 )

Trận này, Trung đoàn thắng lớn. Thương vong phía ta gần như không đáng kể, địch bỏ lại 50 xác chết, súng ống, máy móc truyền tin. Đặc biệt ta tịch thu nhiều B40, B41 sau này có dịp chúng ta sẽ dùng tới.

Đến tháng 4 năm 1972, tình hình địch ở Cao nguyên ngày càng nguy hiểm: chiến xa, các cuộc tập trung quân lới các đại đơn vị cấp sư đoàn của địch và nhất là mục tiêu tấn công của địch gần như ta biết khá chính xác, nhất là sau khi dịch tấn công và đánh chiếm BTL Sư đoàn 22 bộ binh thì Quân đoàn II liến tức tốc mang Sư đòan 23 bộ binh vào chiến trận. Sư đoàn dàn trận hai Trung đoàn đang hành quân trên Cao nguyên là Trung đoàn 45 và 53 vào vị trí phòng thủ Kontum trước. Trung đoàn 44 Bộ binh được không vận lên phi trường Cù Hanh (Plei-Ku) ngày mồng 8 tháng 5 năm 1972.

Mất 4 đêm cả Trung đoàn mới hoàn tất cuộc không vận vào chiến trường Kontum.

Sau khi chiếm Tân cảnh, địch bị tổn thất khá nặng; hơn nữa tiếp vận đi theo đoàn quân không kịp, nên đich phải ngưng tấn công để chỉnh đốn hàng ngũ . Nay ta biết lực lượng địch tại mặt trận này gồm:

-3 Sư đoàn (-)

4 Trung đoàn biệt lập

-4 Tiều đoàn Đăc công

-2 Trung đoàn pháo binh gồm 76 đại bác

-1 Tiểu đoàn chiến xa T54, T59

-6 Tiểu đoàn phòng không gồm 72 súng

-2 Trung đoàn công binh

-1 Đai đội PT76.(6)

"…Trung Đoàn 44 đến thay chỗ cho Liên Đoàn 2 BĐQ gồm các TĐ 11, TĐ22 và TĐ72 BĐQ đóng tại Căn cứ hỏa lực Non nước (November) nằm cách Kontum chừng 4 cây số vế hướng Bắc. CCHL Non nước chặn đường tiến quân của quân Bắc Viêt khi chúng sử dụng QL 14…. Cuôc thay quân bắt đầu trước đây hai ngảy khi các đơn vị thuộc Trung Đoàn đến…

" Giữa vị trí phòmg thủ của Trung Đoàn 44 và lực lượng hùng hậu của quân Bắc Việt đang ngày càng tiến gần, không có thêm một lực lượng bạn nào cả. Xa hơn về phía Bắc, gằn biên giới Căm Bốt, các tiền đồn kiên cường như Ben hét, Đắc pét và Plei

Mrong vẫn còn đứng vững. Thế nhưng khoảng không gian nằm giữa họ và chúng tôi là ” Xứ Mọi Da Đỏ”.”(7)

Tuyến phòng thủ được dàn ra như sau: Từ Đông sang Tây theo thứ tự là TĐ 1/44, tiếp theo là TĐ 2/44 và sau cùng giáp với tuyến của Quân Kontum là TĐ3/44.

Vì buổi chiều ngày 13 tháng 4, địch đã bắn sụp hầm chỉ huy Trung Đoàn, nên BCH đã bí mật dời về phía sau, trên QL14, cách tuyến chừng nửa cây số. Đó là Đồi Tròn hay là CCHL Non nước trên bản đồ hành quân.

Chiều ngày 13 tháng 5, tình báo kỷ thuật bắt được công điện của địch ra lệnh toàn mặt trận mở cuộc tấn công đúng 4 giờ sáng ngày hôm sau. Lúc đó chúng ta không biết địch dùng đồng hồ tính theo giờ Đông dương, tức giờ quen gọi là giờ Hà nội.

Lúc 22 giờ 30, binh sĩ tiền đồn của Trung đoàn báo cáo trông thấy ánh đèn xe địch đang di chuyển về hường quân ta. Đây có thể là chiến xa địch đang tiến vào ví trí tấn công. “ Không có kinh nghiệm điều động chiến xa ban đêm, đich có lẽ quyết định điều quan trọng là di chuyển trong ánh đèn để khởi công đúng giờ định trước. và đúng mục tiêu còn hơn là tắt hết đèn, dấu tông tích và thất lạc trong bóng đêm.”(8)

Lúc 4 giờ sáng ngày 14 tháng 5, quân trú phòng tinh thần căng thẳng, chờ địch. Chờ một lúc, vẫn chưa thấy động tĩnh gì. Hóa ra, địch vì lý do gì đó không ai đoán được đã dởi giờ nổ súng : 4 giờ 30! Và theo giờ Hà nội! Điều này có nghĩa là sớm hơn giờ Sài gòn một giờ.

Chiến xa T-54 tại Kontum 5/ 1972. Ảnh do Nguyễn văn Khương, TĐ 1/44 cung cấp.

4 giở 30 sáng, địch bắn xối xả vào CCHL Non nước. Cứ cách 5 tới 10 giây, đạn đại bác và hỏa tiễn rơi khăp nơi trên ngọn đồi rộng không tới vài trăm thước vuông. Một tiếng đồng hồ sau, quân VNCH đã đẩy lui được đợt xung phong đầu tiên của địch . Pháo binh SĐ bắn tập trung vào đội hình của quân Bắc Việt, khiến bộ binh tùng thiết phải tản ra, tránh pháo. Đây là cơ hội ngàn vàng cho các tổ diệt tăng lừa thế bắn cháy tăng T-54, T-59.

“… nhưng sự việc một chiến sĩ bò ra khỏi nơi trú ẩn , nả một quả đạn M-72 là loại súng hỏa tiên mang trên vai đẻ hạ một con quái vật bằng gang thép, quả là một khúc quanh mới đã được mở ra. Hiệu quả tâm lý của của chiến thắng đấu (tiên) này không phải là chỉ diệt một chiếc, nó còn chứng minh cho các chiến binh khác—có thể cả quân địch nữa—là môt chiến binh một thân một mình có khả năng diệt được chiến xa.(9)

“ Đến 5 giờ sáng,TĐ 2/44 nghe được tiếng chiến xa di chuyển đến trươc tuyến phòng thủ. Đ/u Nguyễn Xuân Phán , Tiểu đòan trưởng, liên lạc báo cáo cho BCH Trung Đoàn tình hình. Đ/u Nguyễn Xuân Hướng, Tiểu đoàn Phò, đi vòng quanh kiểm tra, động viên anh em, bình tĩnh đối phó và chỉ cho (phép) nổ súng khi xe tăng còn cách (tuyến) 20 mét. Các loại súng chống chiến xa đã chuẩn bị để đối phó.

“ Đúng như dự đoán, đoàn xe tăng của Bắc Việt ( dàn) hàng ngang xông vào như (đang) đi vào chỗ không người. Xe tăng, bộ binh đich vừa lọt vào tầm ngắm, binh lính đồng loạt nổ súng.” (10)Trên không pháo binh SĐ bắn từng loạt vào làn sóng người, xe tăng, bụi mù tung tóe trong sương mai, và trong cơn hoang loạn như vậy, môt chiếc tăng T-59 địch một mình tiến sát BCH Tiểu Đoàn. Khối sắt nặng nề bò tới, giữa tiếng gầm rú đinh tai của cổ máy mạnh tới 120 mã lực, gần hơn và nguy cấp hơn. “Đ/u Hướng nhanh chóng chụp lấy khẩu B-40 anh lính dứng bên cạnh. Đoành! môt phát, chiếc bi trúng đạn và dừng lại trên khòang cách chừng 10 mét.

“TĐT Nguyễn Xuân Phán liền báo báo ngay cho BCH Trung Đoàn. Tin tức được phát ra làm các đơn vị hết sức vui mừng vì (ta) đã diệt được xe tăng một cách nhẹ nhàng. Tinh thần binh sĩ rất

phấn chấn. Trong xe tăng, ba tên cán binh nhảy ra, thì một tên bị bắn hạ tại chỗ, hai tên còn lại đều bị quân ta bắt sống.”(11)

Khai thác cung từ, tù binh cho chúng ta biết tình báo địch đã nhầm lẫn, nghĩ rằng chỉ có một tiểu đội phòng thủ trên tuyến, cho nên quân Bắc Việt sáng hôm đó đã lọt vào ổ kiến lửa của ta.

Như vậy trong lần tấn công mở màn chiến trận Kontum 1972, tính đến 7 giờ 5 phút, tức là lúc “cơn thủy triều (12) đã bị chặn lại, SĐ 23BB đã tiêu diệt được 10 chiếc chiến xa thuộc TĐ297 Thiết giáp Bắc Việt, tức gần một nửa tiểu đòan.

Chiến tích của Đ/u Nguyễn Xuân Hướng tôi được nghe lần đầu tại Căn Cứ Eo Gió, tỉnh Kontum giữa năm 1973, khi tôi ghé thăm Trung tá Ngô Văn Xuân.lúc đó đang chỉ huy Trung đoàn 44BB. Anh Đại đôi trưởng năm nào của tôi nay thật anh hùng.

Lần thứ hai, chỉ mới gần đây thôi, khi Đ/Tá Trần Quang Tiến, nguyên Trung Đoàn trưởng Trung Đoàn 44BB năm 1972 qua đời. Vị Đại tá này đã viết một cuốn Hồi ký tên gọi là “Theo Bước chân Sư đoàn”, tự mình thu thập tài liệu (khá chính xác) rồi tự mình xuất bản. Đây là một tập hồi ức tương đối đầy đủ về sự hình thành tử Sư Đoàn Khinh chiến 15 sau trở thành Sư Đoàn 23 Bộ binh và cuộc đời quân ngũ của tác giả, viết một cách chân

tình, không khoe khoang như thường gặp ở những chỗ khác.

“Sau hai mươi phút dưới mưa pháo, các tuyến phòng thủ đột nhiên bừng sáng, tiếng pháo của địch quân không còn và các tiếng súng nhỏ nổ ran cả chiên tuyến.

“ Báo cáo từ tiểu đoàn 2/44: đã bắn cháy chiếc chiến xa T54 đầu tiên của địch quân. Xạ thủ là đại úy Nguyễn Xuân Hướng tiểu đoàn phò. Tiếp theo là nhựng chiến xa địch bị bắn cháy. Có chiếc bị bắn bằng những khẩu B40 và B41 do trung đoàn tịch thu được trong trận phản phục kích ở An Khê tháng 4/1972.”(13)

***

Chiến tranh Việt Nam dứt chấm dứt hơn 47 năm, Trận Kontum xẩy ra, tính đến nay vừa đúng nửa thế kỷ. Nếu không có biến cố tháng 4 năm 1975, chắc chắn năm này chúng ta sẽ làm một đại lễ kỷ niệm bao người đã hy sinh trng chiến trận bi hùng đó và những người từng trải qua chiền trận, từng làm những hành động khác thường sẽ sống lại cài giây phút lịch sử-- dù rất là cá nhân-- cái giây phút mình bỗng trở nên rất anh hùng, và rất bảnh tẻn!

3/ 2022

(1) Trích "Việt Cọng tấn công Trường", Vương Trọng Thiện – Đặc san Kỷ Niệm 50 Năm ngày Khóa Nguyễn Trãi I Ra Trường, trang 25, 27. Westminster , California , 2019.

(2) B.A.R , Browning Automatic Rifle.

(3) Trích thơ ngày 15 tháng 11 năm 2021 của NXH kể lại sư việc.

(4) Chiến dịch Chân Trời Mới, Kế hoạch kiện toàn tổ chức, cải thiện sinh hoạt các đơn vị toàn quân về mặt chính trị, xã hội , nhằm nâng cao trình độ chính trị, mức sống gia đình quân nhân…Khóa Nguyễn Trãi I của Trường Đai học CTCT Đà Lạt làm nỗ lực chính. Đa số 169 Thiếu úy Hiện dịch đã được phân phối vế các dại đơn vị đảm nhiệm chức vụ Đại đội phó Chiến Tranh Chính trị. (trừ hai Sư soàn Tổng trừ bị Nhảy Dù và Thủy Quân Lục chiến) Chiến dịch kết thúc tháng 5 năm 1970 (?).

(5) Theo "Bước chân Sư Đoàn-- Hồi Ức của một người lính Sư đoàn 23 Bộ binh Quân Lực Việt Nam Cộng hòa", Trần Quang Tiến, California, Hoa kỳ, Tác giả tự xuất bản, Không ghi năm ấn hành , tr 173.

(6) Sđd t.167

(7)" Kontum , Cuộc Chiến đấu cứu Miến Nam Việt Nam", Thomas P. McKenna, Bản Việt ngữ, Nguễn

Tư-Cao dịch, Kauthara xuất bản, Minneapolis, Minnesota, USA, 2012, tt 215-216.

(8) Sđd t. 219.

(9) Chiến xa T-54 ( Nga sô viết chế tạo), T-59 (Trung cọng sao chép lại) là môt khối thép nặng 36 tấn“ to lớn dềnh dàng đã làm khiếp đảm quân trú phòng..”

(10) Trích thơ NXH đd.

(11)Thư đd.

(12) Tiếng của Trung tá Thomas McKenna dùng trong cuốn sách của ông trích dẫn bên trên.

(13) Theo “Bước Chân Sư Đoàn, “Trần Quang Tiến, t. 193.

# NGƯỜI ÔM NHÂN LOẠI TRONG MÌNH...

1

Hơn một ngàn năm trăm tù nhân lê thê, lếch thếch di chuyển trên đường rừng từ Đức Cơ ra đồng bằng --tuy vẫn còn trên cao nguyên: Thanh Bình, Thanh An, tỉnh Pleiku cũ. Đến nơi đông đủ, không thiếu một người!

Đó là một ngọn đồi, đất pha sét, màu nâu xỉn, rất khác với đất Ban Mê Thuột, đi lại không bết dính vào chân.

Trời cuối hè, đầu thu nên có vẻ mát mẻ, dễ chịu. Quen ở trong rừng, chúng tôi , tù binh, hàng binh và một số binh biến... thuộc một sô quân , binh chủng nay thấy như săp sửa nghỉ dưỡng … để được “phóng thích”. Trung đám đông “ nạn nhân chiến tranh” (1) này, đặc sắc nhất là năm quan Nhảy dù “ lâm nạn” . Họ bị bắt tù binh trong trận Khánh Dương (2). Bốn đai úy, một Trung tá. Tôi không nhớ lần đâu thấy họ là tại đâu: Ea Súp, tỉnh Đắc lắc hay từ trên trời rơi xuống như trước đây họ thường làm? Nhưng chuyện này không quan trọng bằng thái độ “xăng phú” của họ. Mấy quan đại úy tuổi xấp xỉ như nhau, 25, 28 gì đó. Họ vẫn cười đùa, trêu chọc nhau, kêu thằng này, gọi thằng kia, vẫn nói to như không hề có chuyện ai thắng, ai thua. Nếu ngày mai cho họ có cơ hội cầm quân đánh lại một lần nữa, họ cũng không lấy đó làm chuyện lạ lùng khó hiểu.

Viên Trung tá có lớn tuổi và nghiêm trang hơn được chọn làm tù chị huy. Ông có giọng hô của kẻ quen chị huy. Nó vừa to, vừa sâu. Là quân Nhảy dù nhưng ông hiền khô! Bốn quan Dù coi bộ kính nể ông lắm. Về sau, khoảng 7, 8 năm ra tù, chúng tôi có thấy nhau một lần trong trại tỵ nạn ở Philippines. Lúc đó ông đi với một phụ nữ, tôi chắc không phải là vợ cũ của ông,

Đòan quân giữ chúng tôi , tôi đồ chừng thuộc Sư đoàn 968 (?) từ bên Hạ Lào xâm nhập một vài tháng trước tháng 3 năm 1975. Họ chịu trách nhiệm trân giữ mặt tây Thị xã Pleiku. Cung cách khá chính quy!

Chính đoàn quân này đã có cú gạt ngoạn mục khiến một vị tướng QLVNCH phải thân bại danh liệt: Họ pháo kích, cho xe tăng chạy tung bụi mù trời làm như sẽ tấn công BCH Quân đoàn II nay mai! Tường quân sợ mất thành nên trước sau cố sức lấy cả một sư đoàn , không cho rục rịch đi đâu hết để bảo vệ “diện” mà bỏ “điểm” : BTL Sư đoàn tại nơi cách đó gần 200 cây số về phía Nam.

Địch đánh vào “điểm” và tan vở bắt đầu từ đó!

Viên Chinh ủy cứ theo nói với đám tù này là các anh chặng có tội gì cả. Các anh chỉ là “nạn nhân”, nạn nhân chiến tranh mà thôi. Họ cấm chúng tôi không được xài chữ “tù nhân” Muốn đi tắm suối sau trại, chúng tôi phải trình anh lính canh ngồi

trên chòi cao rằng “Nạn nhân chiến tranh tên…. xin dẫn 3 người đi tắm. “ Nói khác đi, lính canh làm bộ không nghe!

Chiền tranh mời thật sự chấm dứt cách đây không lâu, phe ta và người canh giữ không thấy ác cảm mà chỉ thấy sự tò mò lẫn nhau. Lấn đầu tiên, một vài anh miền Nam mới thấy cách sinh hoạt, đi đứng của đối phương mà lâu nay anh chỉ biết qua tấm bia 100 trên bãi bắn tập (3). Có chăng, thảng hoặc đó là những xác người mới bị giết tối hôm qua hay những ngày trước đó. Anh miền Bắc, nay tận mắt trông thấy những người được chính trị viên mô tả như bọn tay sai giết người không gớm tay. “Trông các anh hiền quá…” có người nói như vậy – dĩ nhiên là trong chỗ riêng tư!

Đã bảo là lính thì ở đâu cũng có kẻ hiền, người dữ nhưng nói chung, cái tính hiếu chiến, hiếu sát chỉ có rèn luyện lâu ngày hay như “kỷ thuật” đặc biệt của các lực lượng còm- măng- đô mới tạo ra được. Đó là cách quỷ-sứ - hóa kẻ thù của mình để người lính cứ thấy đối phương là chực giết bỏ ngay đi thôi!

Riệng đối với chúng tôi, nay đã nằm trong tay phe chiến thắng, họ nói sao mà chẳng đặng. Trước mặt nhiều người, họ nói nhân nghĩa nhân đạo, “cứ học tập tốt (ngoan ngoản vâng lời ) thì các anh sẽ sớm về vời gia đình, vợ con…” ai lại không biết phía sau

lưng, họ nói với dân , họ nói với lính của họ , họ gọi chúng tôi là thế này, thế kia và có cớ để giam cầm, cô lập chúng tôi khỏi dân chúng.

Cho nên chúng tôi giả bộ nghe họ nói, họ giả bộ thông cảm hoàn cảnh chúng tôi để giúp họ yên ổn hoàn thành nhiệm vụ!

Có lúc họ bắt chúng tôi học 10 bài : lên lớp nghe giảng, về láng thảo luận rồi thu hoạch … suốt hai, ba tuẩn liền. Trình độ không đồng đều nhưng người lên lớp nói thao thao cho đến khi có ai cắc cớ hỏi, ví dụ lạm phát phi mã là gì thì họ bảo sẽ nghiên cứu và trả lời sau.

Một chục năm sau, tù Năm Căn, Cà Mau hỏi tù Tiên Lãnh, Quảng Ngãi đều đã từng nghe chung một đề tài, những câu khoa đại y như nhau. Điều nay nói lên một chi tiết mà giới làm chiến tranh chính trị không mấy để ý. Học cũng quan trọng nhưng hiệu quả của học là các đêm ngồi thảo luận tổ. Có ngu cách mấy cũng không thể không nhớ các câu thuôc lòng, ai cũng sợ nói sai, hiểu sai lời giảng thuyết, lặp đi lặp tại (cũng y chang như bài giảng) bên tiếng vo ve của muỗi mòng. .. Lính VNCH và lính Bắc Việt đã đối đáp như thế nào sau ngày ngưng bắn chắc ai cũng đã từng biết. Phe ta ăn nói kém lắm.

Những người lính nông dân của chúng ta không được học nhiều, những lời hoa mỹ, chính nghĩa

này, lý tưởng nọ, họ nghe không lọt tai. Kẻ được học hành thì muốn chính nghĩa phải to lớn, phải thuyết phục ngay chính mình. Có ai biết chính “Che” Guevara cũng như Fidel Castro từng nói : “ cứ cho tôi một nhúm người chúng tôi sẽ đốt cháy cả một châu lục.” Nhúm người đó lá ai? Đó là những người cõ như lính Băc Việt, học một bài, lặp đi lặp lại trong những đêm gọi là thảo luận tổ!

2

Sau khi học xong “10 bài “ tú chúng tôi bắt đầu nghe ngóng. Có người phỏng đoán rất có thể sẽ co có “phóng thích” những người ít tội nhân ngày Tết âm lịch, lại có tin đồn ở bên Mỹ có bà Khúc Minh Thơ nào đó đang ráo riết “tranh đấu” với chính phủ Huê kỳ can thiệp cho “tụi mình” về và “bốc” sang Mỹ trong những ngày sắp tới !

Đúng là “nước sông công tù, và tù nói, tội nghe”

Các người thân tới thăm nuôi ngày càng đông, khác với cách đây 4, 5 tháng, khi tù còn bị dấu trong rừng, các cuộc thăm tù là một điều may rủi. Đa số tù chúng tôi là hoặc tù binh, hoặc hàng binh,

tức là có mặt tại nhiệm sở khi địch tấn chiếm, vợ con ở một nơi, không ai biết sự việc gì xảy ra cho người thân. Bắt hay giam ở đâu có lúc vẫn là điều bí mật. Cuộc truy tìm khiến bao người phải vất vả ngươc xuôi thật thương tâm !

Bốn ông quan Nhảy dù lần đầu tiên được vơ tới thăm. Mấy bà mang theo đủ thứ : nào thịt kho, thuốc lá thơm, bánh kẹo và cả một quả bưởi Biên Hòa nữa! Chúng tôi nghe tin bên ngoài dân đang trải qua nạn đói. Mà đói toàn quốc mới ghê gớm. “ La famine est générale” có ai nói bên tai tôi như thế.

Thế nhưng, chúng tôi ngày vẫn có hai bữa cơm, chưa ai đổ bệnh, da dẻ chưa xanh, đi đứng chưa đến nỗi nào. Nếu có ai hỏi chắc chúng tôi cũng phải nói thật là mình không biết chỗ khác ra sao chớ ở đây, chúng tôi là tù nhưng không được gọi là tù . Mà là Nạn nhân chiến tranh!

Khi còn bị dấu trong rừng, cơ hội tìm lại bạn bè cùng đơn vị, phòng , ban trong Bộ tham mưu thật không dễ dàng. Một thời gian ngắn sau khi tời đây, con số tổng quát dần dần hiện rõ. Từ Quảng Đức tới Phú Bổn, từ Ban Mê thuột tới Kontum, toàn là sĩ quan, Kinh và Thương. Trại không còn là ba, bốn lán nhà tranh cột bằng dây leo rất ư là hoang dã. Hàng dãy nhà mái tôn xếp thành hàng theo hướng bắc-nam -- theo thông tục Thượng -- chiếm hết cả

khu đất cao, đứng từ đây người ta có thể thấy bao quát ngôi làng ẩn nấp dưới tàng cãy mít xanh dưới chân đồi.

Còn nhớ, đấu tháng năm tới Ea Súp lúc quá nửa đêm, chúng tôi được lệnh tắp vào đâu ngủ cũng được cả, tảng sáng dậy, mắt nhìn thấy người ôi là người, áo quàn lính có, rằn ri BDQ có và lạ nhất là một vài người mặc thứ áo quần lạ hoắc: áo quần có vằn xanh, thứ áo tù phát cho tù hình sự ngoài Bắc.

Sáng hôm ấy tôi đã nói câu đâu tiên nay vẫn còn thấy thích thú: “ Mày cũng ở đây nữa à?” Bởi vì, mươi, mười lăm năm trước, chúng tôi học chung với nhau ở Nha Trang. Sau trung học, tôi dạy học , nó vô Sài Gòn học làm bác sĩ. Rất lâu không liên lạc vì khác ngành, khác nghề. Tôi chọn đi lính, nay là tù binh. Nò làm bác sĩ, nay cũng là tù binh, bảo sao tôi không ngạc nhiên một cách thích thú!

Tôi với nó đã đi suốt bảy ngày trong đoàn tù binh di chuyển trên đường mòn HCM (?). Viên chính ủy tên là Nhiên, y nói y là “giáo viên” đại học cứ theo bên nó nói chuyện, tìm hiểu đủ mọi thứ về miền đất vừa bị giải phóng. Tôi từng thấy nhiều người gọi là chính trị viên, chính ủy nhưng tên anh này, tôi không thể nào quên được. Anh ta đang đọc Kinh Thánh!

“ Muối không mặn thì ai mặn cho”(4) anh đã dẫn câu này trong khi nói gì đó với anh bác sĩ quân y của tôi. Dưới mắt tôi, đây quả là cặp kỳ phùng.

Anh bác sĩ vốn là con thứ một Trưởng ty Công chánh, gốc Huế. Chơi với nhau suốt thời gian trung học, anh ta không hề nói về nhà nó. Chị em nó, ai cũng xinh, mắt to, lông mi dài và ông cụ bà cụ rất đẹp người. Nhất là bà cụ. Nghe nói đâu là hoa khôi xứ Thần kinh! Học giỏi, ham đọc sách và tính tự cao một cách kín đáo. Tôi hỏi tại sao nó bị bắt. Nó cười nói tại tao ham mớ sách y học “rất quý” bao năm thuổng được trong các thư viện và tiếc của, tao không chịu bay theo ..nên mới bị bắt cùng chiếc xe jeep chất đầy sách thuốc!

-Nay mày làm ở tổ nào? Tôi hỏi anh bác sĩ

-Tụi nó cho tao làm ở bệnh xá. Mày có ai lên thăm chưa?

-Còn mày?

Nó cho biết, tới nay, nó chưa vơ, chưa con gì cả. Nó ra trường được bổ nhiệm về TK Phú Bổn từ đó đến nay. Tôi không hỏi nó quan mấy nhưng nhìn cái ve áo chống cháy của phi công trực thăng vẫn còn huy hiệu con rắn bọc quanh trụ thuốc, tôi biết nó cao lắm là trung úy bác sĩ quân y.

So với mấy ông quan nhảy dù, anh bạn tôi đây còn ngang tàng hơn. Ý chừng muốn nói: mày giỏi thì cứ giam ông đi.

Tôi còn gặp thêm một số người trước kia ở Phòng 2, Phòng 4 Sư đoàn chúng tôi. Đây là những người bị bắt trong trận Ban Mê thuột. Một số đàn em các Khóa Nguyễn Trãi nhận nhau từ những ngày đầu ở Ea Súp, Đắc Lắc nay ra đây vẫn đông đủ. Cuộc "di dạo trên đường mòn" đươc anh em chúng tôi chuẩn bị khá chu đáo. Tôi đã may tay ba, bốn đôi giày moccasin da đỏ (5) bằng bao tải chứa gạo "Mỹ quốc viện trợ" cho mầy đứa em tôi. Gạo chúng tôi chứa trong hai ống quần lính vắt ngang vai, đủng đỉnh như mấy anh ngố trong phiên chợ làng quê. Đến chỗ nghỉ trưa hay chiều, chúng tôi đứa chạy múc nước suối, đứa kiếm củi vầy lò, đời tù chưa định hình, thành nếp nên … như người ta thường nói:" Chưa thấy quan tài, chưa đổ lệ."

Một bữa kia, bất ngờ tôi nhân được một lá thư tay. Lá thư viết bằng mực tím, nét chữ tròn trịa, nhìn thấy biết ngay người viết có sự nắn nót, trang trọng nhưng có hơi ngập ngừng. Tôi nhớ người đưa thư là người yêu của cô em gái người viết lá thư này, nên tôi biết và đoán được phía sau những dòng chữ này cón có một ý nghĩa , ý muốn nào khác không.

# 3

Thông thường, người ta nghĩ báo lính như tờ Biên Trấn của Sư Đoàn phải là tờ báo văn nghệ mới là báo hay, thu hút người đọc. Nhiều thơ, nhiều bài văn… nhiều mục tâm tình em gái hậu phương nói với người nơi tiền tuyến v.v… Nghĩ như vậy vô tình người ta xem thường giá trị chính trị của một loai hình hành động chính trị. Trong chiến tranh, cảnh “ trăng treo đầu súng” là cách nói lấy được. Mà viết thơ, văn như kiểu “phừng phừng sát khi, hô hoán lập công giết giặc” như đối phương của chúng ta, thì không ai làm đươc vì thấy chúng gương ép , coi kỳ kỳ như thế nào ấy!

Vậy mà, xét cho cùng, đó lại là hình thức “điều kiện hóa” người lính trong các quân trường Đông cũng như Tây.

Trải qua một thất bại não nề, chưa chắc người ta mới đạt được sự thông tuệ, Đó là cái mà đạo Phật gọi là ngộ, là giác ngộ. Sau 1975, chúng ta bỗng thấy dường như chỉ có một bộ phận rất nhỏ người phía Nam – những ai không may buộc phải cầm súng lúc kẻ địch tấn công—bị bắt và bị đi tù như chúng tôi. Chúng ta không tiếc vì nỗi khổ ải phải gánh chịu. Chúng ta thật sự tiếc nuối vì đã không sao biến cơ hội thành vận hội : Chính nghĩa không là gì khác ngoài sự vận động toàn dân dám nói

KHÔNG với lòng ích kỷ khốn nạn, lòng hèn nhát trước hy sinh và ù lỳ trước nỗi nhục chung. Với một xã hội địch ta tròng tréo như miền Nam trước 1975, chúng ta đã không xoay chuyển nổi , không làm sao biến ù lỳ thành hoạt náo, biến thờ ơ thành cơn sóng trào dâng.

Lá thư mới nhận từ người con gái xứ Buồn Muôn Thuở gợi lại tromg òng tôi, những ngày yên bình ảo tưởng trước cơn bão tố. Cũng như mọi người, chúng tôi sống trong một thế giới cách biệt. Sáng đi vào Khối, trưa chạy về nhà ăn cơm, tối khi ứng trực khi đựoc ngủ nhà . Có "đi hành quân" tuần lễ hay nửa tháng, thì đó cũng chi là lên xuống Kontum hay Pleiku. Chuyện này chỉ hay xảy ra từ khi nổ ra cái gọi là Mùa hè đỏ lửa năm 1972. Có đâu đi biền biệt như khi còn ở Tiểu đoàn.

Cô gái bảo có thấy tôi khi cùng em gái đi thăm người quen nhưng không muốn hay dám gặp tôi. Không nêu lý do gì nhưng tôi đoán cô này muốn làm cớ để có bức thư hôm nay. Trong ba cô gái hay lui tới Phòng báo chí chúng tôi chỉ có cô này là ít nói nhất. Cô là gái Bắc, hay đi lễ nhà thờ. Cô là cô giáo hay không tôi không hỏi nhưng nghe cô nói, đọc bài văn cô viết, người ta có cảm tưởng như nghe lời tâm sự một kẻ buồn hay hận đời. Mà ai làm , ai gây ra thứ tâm tình đen tối này ở cô gái mới đôi mươi? Ở tuổi tôi lúc bấy giờ, tôi ít tin ở

những lời ủy mị, than mây, khóc gió. Riêng với cô này, tôi chỉ thấy chút chút thương hải.

Chỉ có vậy thôi.

Thế nhưng tại sao tôi lại nhắc câu chuyện ở đây? Và để làm gì?

Đó là vì những lời của một bài hát. Bài hát mà đến lúc đò, tôi không thể hát như mình từng hát những khúc nhạc của Phạm Duy. Trong hàng trăm bản tình ca, tục ca hay đạo ca tại sao cố gái có thể lực ra được một ca khúc có lời ca chẳng những thích hợp cho hoàn cảnh người lính chúng tôi và cả tâm tình của người con gái sau chiến trận nữa. Thât tuyệt vời. Người ta phải có một tâm hồn thật đẹp, thật bao la, trong sáng như mùa xuân muôn thuở chớ không phải cô gái nhỏ của tôi, một cô giáo tỉnh nhỏ, rất đơn sơ, rất khép kín.

Không biết điệu ca (mélodie) như thế nào nên lúc đọc thư, tôi chưa cảm nhận hết cái thần diệu của lời ca. Nay, hơn năm mươi năm sau, tôi cho ca khúc này là tuyệt tác (dĩ nhiên là đối với tôi) là vì trong một đêm mùa xuân, trong cảnh tịch mich, ngoài trời sương mù dày dặc, chúng tôi , những người lính tù bình ngồi quanh bếp lửa hồng, nghe một người tù khác hát lại bản nhạc buồn này.

# 4

Sở Trà Bầu cạn năm 1976.

Đôi tù chúng tôi đón Tết 1976 tại một đồn điền cũ của người Pháp. Khoảng những năm 1920, người Pháp bắt đầu khai phá vùng đất cao nguyên Việt Nam, trong đó có Kontum, Pleiku , Darlac và Langbian. Kontum và Pleiku thuộc vùng bắc cao nguyên có hai tập đoàn mở đồn điền trồng cà phê và trà. Đồn điền chúng tôi đang tới để dọn cỏ có tên CATECKA (6) . Tù chúng tôi đọc là Ca- tê- ka, người dân tại chỗ gọi là Sở Trà Bầu cạn. Với diện tích ban sơ là 600 mẫu tây, công ty đã sản xuất liên tục loại trà đen người ăng-lê thường uống lúc 5 giờ chiều. Trà các nơi khác như Langbian hay Darlac, là loại trà xanh, xuất cảng sang các nước thuộc địa ở Bắc Phi châu.

Bỏ hoang chưa tới 5 tháng, các đồi chân trà cỏ đã mọc cao , các lối đi giữa các vuông trà vẫn còn những khúc ngắn đất bị đào xới với những hầm, ụ súng, vương vải những bao cát mục nát vở toang. Đây xưa nay vẫn là chiến trường, thời Pháp trước năm 1954, Chiến đoàn lưu động 100 (G,M 100) đã từng có mặt sau khi từ chiến tranh Triều Tiên về. Về sau, G.M 100 đã bị phục kích tại đoan đèo phía tây An Khê tháng 6 năm 1954. Pháo binh Hoa kỳ yểm trơ chiến trân Pleime năm 1965 cũng đặt tại

đây và gần nhất BĐQ đã đánh trận cuối cùng trên cao nguyên trước khi rút bỏ theo đường số 7 định mệnh tháng 3 năm 1975.

Nghiệp lính và số tù như hai mặt của chiếc mề- đai thưởng công. “*Grandeur et servitude*” Thời Alfred de Vigny người ta ít nói tới chuyện tù binh chiến tranh cho nên cái servitude là cái sư nô lệ của người sĩ quan nói riêng và nghiệp lính nói chung. Chúng tôi chưa thấy hoặc ít thấy cái vinh quang mà nay chỉ chịu cái ô nhục của kiếp người thất thế. Chúng tôi bị điểm danh hàng ngày, bị sai khiến làm cái việc gọi là “lao động vinh quang” trong một khoảng đất đo đi đo lại mỗi bề 2 mét , dài 50 mét . May là thời tiết cuối năm, miệt này không khí khá ẩm mà lại hay mưa.Người Tây họ cho trồng trà và cà phê là phải.

Sáng vác cuốc ra đồi trà. Không khí mát rười rượi, chiều về cơm nước có người nấu sẵn, tối thoát khỏi cái nạn họp hành, kiểm thảo bên ánh đèn lù mù ngọp khói. Ai cũng có ảo tưởng mình sống những ngày tháng cuối cùng và chỉ cần cố gắng thêm một chút nữa thì... allê -húp, ta về!

Mà không thật sao được khi chúng tôi ngày càng quen dần với những người canh giữ mình. Và ngược lại, sau mấy tháng quan sát, nghe ngóng, rình mò, họ kết luận chúng tôi rất khác họ. Tù binh của họ không phải như chúng tôi. Họ tranh

đấu quyết liệt với người canh giữ họ. đòi cho được nhưng điều chi bộ bi mật của họ cho là lý cớ đáng chịu chết để bảo vệ. Họ muốn ai cũng có thể trở thành anh hùng, liệt sĩ!

Họ không bao giờ mắng chúng tôi là chiến sĩ hèn. Các bạn biết tại sao không? Họ có thể thoải mái mắng kẻ thù một thời của họ là tay sai, bán nước này nọ nhưng trừ.. . nói các anh là những người lính hèn.

Tại sao vậy?

Bởi vì khi nói như chửi vào mặt chúng tôi, cuộc quản lý của họ sẽ trở nên một trận chiến không biết ai sẽ thắng ai. Họ sẽ mất nhiều công sức, trí tuệ và binh lính và lớn hơn có khi ngoa ngôn, sự nghiệp lừa gạt cái đám truyền thông đây định kiến khắp năm châu suốt 20 năm chiến tranh sẽ lập tức sụp đổ.

[Mà như một kẻ lưu manh, chắc chắn họ sẽ chửi lại ngay như họ đã mắng Joan Baez, người từng ca ngợi “ chính nghĩa” của họ khi cô ca sĩ này chê trách họ nhân vụ thuyền nhân sau năm 1975.]

Nhớ một ngày chủ nhật nọ, tôi và một anh bạn tù, một vị đại úy ĐPQ vui tính, có bộ ria trông rất dễ ghét, được một anh lính cảnh vệ lén dẫn theo ngõ tắt về thăm gia đình trong thị xã Pleiku. Chuyến đi thông suốt , còn dễ hơn khi còn là SVSQ, đêm trốn

ra phố Đà Lạt. Phố xá ngày cuối năm , sau tháng 3 năm 1975 không khác nhiếu ngày xưa. Tôi đứng nhìn, cố tìm sự thay đổi như hồn tôi đã thay đổi nhưng khốn thay, mọi sự đều chẳng đổi thay. Cái mũ phớt màu nâu đội ngay ngắn trên đầu, bộ áo quần tù binh Mỹ ai đó đã nhuộm đen-- đây là những thứ bà nhà tôi cho tôi ở Thanh Bình trước khi chúng tôi đi công tác ở Sở trà-- chân đi dép râu, đó ai biết tôi là tù trốn trại ra phố. Tôi còn nhớ, tôi chỉ đứng lặng nhìn kẻ qua người lại, rồi đi về: Tôi mất nhiều thứ quá và cái mất to lờn hơn cả là mất tự do.

Mùa hè năm 1972, tôi đã tới đây mấy lần. Đồi Đức Mẹ ở phía bắc thị xã là tiền trạm của Sư Đoàn. Tôi đã nghe bài hát vế cái "Phố núi cao..." lần đầu tiên trong một quán Cà phê cũng tại phố này. Tôi còn nhớ như mới ngày hôm qua tôi cùng mấy cô nữ quân nhân Phòng Xã hội rủ nhau đi nghe nhạc. Chúng tôi là láng giềng trong Khối CTCT Sư đoàn. Nay, những người phụ nữ này ở phương nào?

Rồi tôi bỗng nhớ tới lá thư. Lá thư không bao giớ có hồi âm.

Lá thư viết:

> *"Tình xuân chớm nở đêm qua ...*
> *khi mùa chinh chiến đã lui ra ra ngoài đời...*
> *Ngày xuân con én đưa thoi, ...*
> *có người nhớ tới những lời yêu mến nhau...*

*“Xa xa có tiếng kinh cầu..*
*Chiều trên dương thế mang sầu mênh mông....*

Rồi:

*“ Người đi giữa độ xuân nồng..*
*nhìn nhau bỡ ngỡ rưng rưng lòng nhớ thương..*

Ngày mồng một Tết âm lịch, tù chúng tôi được nghỉ lao động.

Khung cảnh thôn dã diu hiu, không khí im ắng tháng tận năm cùng làm mọi người có muốn vui cũng chẳng thể nào vui được. Chúng tôi kẻ nằm người ngồi bên đống lửa nhúm ngay giữa láng, râm ran nói chuyện trước kia. Gô trà, lá chưa kịp khô hái hôm 30 đang sủi tăm trên bếp, không có tiếng pháo chúng tôi có tiếng hát, theo ngón đàn, giọng trầm buồn càng về khuya càng tha thiệt về một quá khứ chưa xưa nhưng rất là cổ. Vào lúc đó tôi đã hỏi có ai biết bài hát Xuân Thì không. Người đang cầm đàn nay tôi không còn nhớ tên – mà nhớ làm sao được khi chúng ta đã gặp biết bao người như thế trong 6, 7 năm tù—vội hát ngay bài ca ấy.

*“ .. . Tình thương nhân thế bao la*
*Yêu người năm trước khiến cho ta giận hờn*
*Và thương cây súng cô đơn*
*Hoa đào đã nở trên vết mòn chiến xa*

Giọng ca đã hay, lời ca càng nghe càng thấy thấm thía cái nghĩa tình của mơ ước không bao giờ đạt được. Tôi thấy lòng mình như thổn thức, muốn gào to những không hình thành nỗi tiếng kêu than, tiếc thương một số phận người con gái bé nhỏ giữa tang thương; cuộc chiến mang lại những đổ nát, vật chất lẫn tinh thần, rồi những tàn phai, phiêu bạt… mà vẫn vững tin, vẫn đi tìm một thứ hạnh phúc, có thể không bao giờ có tiếng vọng hồi đáp.

Tôi bỗng có ý nghĩ -- ước gì mình có phép mầu, một sáng mùa xuân, giữa chốn hoang dã thoang thoảng hương trà mới trổ hoa, thứ hoa trắng trinh nguyên của ngày đầu trong vũ trụ trong Kinh Thánh. Rồi tôi sẽ đi khắp thế gian, hát vang lời sau cùng:

*Người ôm nhân loại trong mình*
*Cười tuôn nước mắt cho Xuân tình dấy men.*

Tháng Giêng 2023

(1)Danh xưng buôc chúng tôi phải dùng khi nói chuyện hay tiếp xúc với lính canh hay “quản giáo” khi chúng tôi tới Trại Thanh Bình, thuộc QK 5.

(2) Trận Khánh Dương, tháng 3 +4 năm 1975.

"... Ngày 20/3/1975 Trung Tá Lê Văn Phát ra lệnh cho BCH/LĐ3ND,TĐ2ND,TĐ3PBND, ĐĐ3TSND theo đường bộ kéo lên Dục-Mỷ, Ninh Hoà. TĐ5ND và TĐ6ND rải quân bố trí từ núi Chu Kroa (3100m) dọc theo QL21 dài khoảng 30 cây số về Khánh Dương. Phiá Nam cuả LĐ3ND có một TĐ Điạ Phương Quân trấn giử. Tại đèo Cả trên QL1 có TĐ34BĐQ trách nhiệm trấn giữ.

Sáng ngày 21/3 tất cả đơn vị thuộc LĐ3ND đều sẳn sàng tại vị trí chiến đấu của mình. Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù do Trung Tá Bùi Quyền làm TĐT trấn ngự tại phía Nam Thị trấn Khánh Dương cạnh QL21; Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù do Trung Tá Nguyễn Văn Thành làm TĐT trấn ngự tại cao điểm 957m Buôn Ea Thi. Và Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù trấn ngự ngay tại chân đèo Phượng Hoàng. BCH Lữ Đoàn , TĐ3 Pháo Binh và Đại Đội 3 Trinh Sát đóng tại Dục Mỹ.

Vào lúc 12 giờ 15 ngày 21/3/1975, phi trường Khánh Dương bị pháo kích. Một đơn vị CQ di chuyển về vị trí cách phi trường Khánh Dương khoảng 1 km về hướng Nam. Tin tức tình báo cho biết 2 Sư Đoàn cộng sản F10 và 320 từ Ban Mê Thuột sẽ tiến đánh Khánh Dương bứng nút chặn LĐ3ND để dọn đường tiến thẳng về Sài Gòn.

Sau khi quan sát trận địa, Trung Tá LĐT yêu cầu Quân Đoàn tăng viện ít nhất một Sư Đoàn Bộ Binh

hậu thuẩn để cho Lữ-Đoàn 3 Nhảy Dù có thể xung kích ngăn chận đà tiến quân của địch quân. Quân đoàn đã trả lời không còn quân để tăng viện.

17 giờ 45, Một Trung Đoàn của SĐF10 CSBV tấn công vào TĐ2/40/22BB tại 10km phía Tây Khánh Dương (cây số 62).Gần 100 Công quân bỏ xác tại trận và 2 tù binh. Đây chỉ là trận đánh dò dẫm của Công quân.

Ngày 23/3/1975 Tại mặt trận Khánh Dương , Cộng quân đã gia tăng áp lực tại tuyến phòng ngự của Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù. Lữ Đoàn Trưởng LĐ3ND yêu cầu phi pháo oanh kích đoàn chiến xa CSBV khoảng 20 chiếc trên đường kéo lên đèo M’Drak và xin tăng cường lực lượng Thiết Kỵ cũng như trang bị hỏa tiển TOW chống chiến xa.

Sau đó các đơn vị tiền sát cuả LĐ3ND bắt đầu chạm địch, với thế tấn công ào ạt cuả CSBV trên QL21, nhưng gập sức kháng cự dũng mảnh cuả các chiến sỉ Nhảy Dù với những trận cận chiến ngoạn mục địch quân đã bị tổn thất nặng ngay trận đầu với 5 chiến xa T54 bị hạ tại trận và hằng trăm xác công quân bỏ lại chiến điạ.

Với kinh nghiệm già dặn chiến trường đoán chắc cộng quân sẽ tập kích sau đó, LĐT/LĐ3ND cho ĐĐ3TSND của Đ/U Nguyễn Viết Hoạch bung rộng ra dọc hai bên sườn quốc lộ 21 sẳn sàng nghinh chiến.

.....

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 25/3/1975, đúng như dự đoán của Lữ Đoàn Trưởng LĐ3ND, trong ngày này, Sư đoàn F-10 CSBV mở cuộc tấn công toàn diện vào phòng tuyến của Lữ đoàn 3 Nhảy Dù với quân số gấp 6 lần. Các chiến sỉ Nhảy Dù không hề nao núng chống trả mảnh liệt đôi khi phải dùng thế cận chiến để đối đầu với cộng quân.tại Khánh Dương, sau cùng lực lượng Nhảy Dù đã đánh bật cộng quân ra khỏi phòng tuyến sau những trận kịch chiến.

Ngày 28/3/1975 một đoàn xe tiếp tế thực phẩm và đạn dược cho LĐ3ND đã bị cộng quân phục kích đánh tan trên Quốc lộ 21 dưới chân đèo Phượng Hoàng. TĐ5ND được lịnh lui quân về vị trí TĐ6ND và TĐ2ND trở thành đơn vị cơ động ứng chiến và được lịnh giải tỏa QL21 từ đèo Phượng Hoàng đến Dục Mỹ để an ninh lộ trình tiếp tế.

Ngày 29/3/1975 vào lúc 3.00 giờ sáng, Pháo binh cộng sản đủ loại dập lên tuyến phòng thủ của Tiểu Đoàn 5 và 6 Nhảy Dù sau đó cộng quân tập trung toàn lực lượng biển người với các Sư Đoàn 316, 320 và F10 quyết dứt điểm LĐ3ND từ 3 phía. LĐT/LĐ3ND ra lệnh cho các đơn vị trực thuộc lập “phòng tuyến thép” không lui. Cho đến 21.00 giờ đêm 4 chiếc Thiết Vận Xa M113 tự ý rời khỏi vị trí được chỉ định liền bị bắn cháy ngay tức khắc. Đó là

kỷ luật thép của “Đoàn Quân Mũ Đỏ” khi lâm chiến.

Tuyến đầu tiên là TĐ5ND và TĐ6ND bị địch bao vây tứ bề. Địch quân đông như kiến cùng quân phòng thủ đánh cận chiến “xáp lá cà” suốt đêm đến 7.00 giờ sáng mà tuyến phòng thủ vẫn còn giữ vững. Sáng ngày hôm sau 30/3/1975, trên 20 phi tuần A37 bay lên yểm trợ làm giảm bớt áp lực của địch quân. Quân Dù gấp rút tổ chức lại hệ thống phòng thủ.

Sáng ngày 1/4/1975, nhiều vị trí phòng thủ của các đơn vị Quân Lực VNCH tại Khánh Hòa bị tấn công. Tại Khánh Dương, Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù do Trung Tá Lê Văn Phát chỉ huy đã kịch chiến với 4 trung đoàn CSBV (thuộc hai sư đoàn khác nhau). Lực lượng của Lữ Đoàn 3 Nhảy Dù gồm có một tiểu đoàn Pháo Binh và 3 Tiểu Đoàn bộ-chiến Dù đã giao tranh quyết liệt với các đơn vị thuộc Sư Đoàn F-10 và SĐ 320 Bắc Việt. Các Tiểu Đoàn Nhảy Dù đã chống trả dữ dội bất chấp đạn pháo binh của Cộng quân bắn khá chính xác. Nhiều vị trí mất rồi được chiếm lại, rồi lại bị mất, nhiều lần như vậy nhưng các Tiểu Đoàn thuộc Lữ Đoàn 3 Dù vẫn cố giữ vững vị trí chiến đấu.

Trung Đoàn 25/SĐ10CSBV đồng loạt tấn công vào vị trí cuả TĐ6ND do Trung Tá Nguyển Hủu Thành làm TĐT, Thiếu Tá Trần Tấn Hoà làm TĐP. Tuyến

phòng thủ cuả TĐ6ND bị tràn ngập sau đó. Trung Tá Thành, Đ/Úy Triết,cùng một số quân nhân ND bị bắt tại trận. "

Trích" Mặt Trận Khánh Dương: Từ 19/3/1975 đến 2/4/1975" Đại Úy Võ Trung Tín, Tiểu Đoàn Truyền Tin SĐND và Đại Úy Nguyễn Hữu Viên,Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù. Báo QUỐC DÂN online 9 /4/ 2021

(3) Bia 100: Đây là loại bia tập tác xạ súng trường Garant hay Carbine vẽ hình VC răng đen, to, đội mũ cối có gắn ngôi sao, bắn khoảng cách 100 mét.

(4) " Muối không mặn…" trích "You are the salt of the earth, but if the salt has lost its taste, how shall its saltiness be restored? It is no longer good for anything except to be thrown out and trampled under people's feet." Matthew 5:13

(5) Moccasin, loại giày làm bằng hai mảng da hưu mềm, ghép lại phía trên bằng chỉ hay dây da.

(6) CATECKA ; Chữ viết tắt của Compagnie Agricole des Thés et des Cafés du Kontum, Annam (Công ty nông nghiệp trồng Trà và Cà Phê Kontum, Trung kỳ.) Thành lập năm 1925 tại làng Ya Puch, nay là Bàu Cạn, cao nguyên Pleiku.

Lại nghe nói hàng ba tháng , chủ Catecka phải đóng cho địch 80.000 đô la gọi là tiền "bảo vệ" cho công việc làm ăn xuôi lọt.

Địch quân đã lợi dụng khu vực bất khả xâm phạm của đồn điền vì giá trị kinh tế của sản xuất trà xuất cảng thu ngoại tệ nên đã từ điểm này xuất phát nhiều cuộc tấn công quân đội VNCH và Đồng minh trong cuộc chiến tranh mà không cách nào tuần tiểu hay tác xạ quấy rối và ngăn chặn được.

# **XÍNH XIẾNG, HỒNG TÌ (TÙY)** (1)

1

Cuối tháng 5 năm 1969, tôi đáo nhậm đơn vị, nằm phía cực Nam của Quân Khu II.

Có thể đó là đầu mùa hè, thời tiết khô và hanh. Đã qua tuần lễ nghỉ phép mãn khóa tại Nha trang, lòng cũng đã buồn và cũng có vui trong nỗi niềm riêng tư cho nên gặp phải cái nắng hanh ở đây, giữa môt không gian trong vắt như thủy tinh, núi ngòai xa thì màu tím lam, trời lại xanh không một vờn mây trắng, tôi có cảm giác như vừa rũ sạch được một cái gì đó để khoắc lên vai một công việc chính tôi, tôi không rõ là mình sẽ phải làm gì, và làm ra làm sao trong thời gian trước mặt.

Người bạn cùng Khóa và tôi lưu lại BCH Trung đoàn khoảng vài ba bữa cơm có cá nục chiên ăn với mắm dằm ớt, để làm thủ thục rồi sau đó theo xe tiếp tế xuống trình diện Tiểu đoàn. Chúng tôi sẽ là các ĐĐP chiến tranh chính trị, một chức danh rất mới trong quân đội quan trọng hay không quan trọng thì chưa biết nhưng Quân Lực đã mất hơn hai năm mới nhào nặn ra được con người để mang chúc danh này.

Tiểu đoàn chúng tôi đang giữ an ninh khu cực Đông Bắc quận Hải Ninh, thuộc tỉnh Bình Thuận, chạy dài từ Hoa Đa xuống Phan Rí Cửa rồi bọc lên hướng Bắc qua Ngã Ba Duồng ra tới tận Long Hương. Bộ chỉ huy Tiểu đoàn treo võng trong môt ngôi đình, cây cao bóng mát.

Khóa chúng tôi có 13 anh đã chọn về Trung đoàn và tôi là anh thứ 13 ! Trung đoàn 44 bộ binh là một

lựa chọn thứ hai của tôi sau khi tôi hoán đổi phút chót trước 12 giờ trưa ngày mồng 4 tháng 5 năm 1969 với một anh bạn có mẹ già, mình là con trai độc nhất. Do đó tôi không biết Trung đoàn 44 nằm ở đâu và cũng không biết nơi tôi đến thuộc tỉnh nào của QKII. Sau hỏi đâu đó, tôi mới biết, Trung đoàn 44 BB thuộc Sư đoàn 23 Bộ binh, bản doanh đóng tại Sông Mao, lại một địa danh ít ai biết tới tại Phan Thiết (?)

Sau buổi gặp gỡ ngắn ngủi, vị Đại úy Tiểu đoàn trưởng cử bạn tôi về Đai đội 3 đang dưỡng quân (?) ở Long Hương , còn tôi thì xuống Đại đội 2 đang giữ an ninh ở Ngã Ba Duồng.

Ngày hôm đó, tôi không gặp được anh Đại đội trưởng, tên là Ch. Nghe một anh lính nói ông ta đi dâu đó xuông Duồng, cách đó mấy cây số về hướng biển. Ngó quanh chỉ thấy một anh mang máy PRC-25 đang ngồi hút thuốc một mình, còn ngòai ra, trong căn lều không còn ai khác ngoài hai anh thiếu úy mới toanh và cái chuồng heo với một con heo ốm tong đang kêu ủn ỉn.

Khoảng 11 giờ, một đoàn xe tiếp liệu từ hướng Phan Rang chạy tới. Đoàn xe chạy như ma đuổi, bụi trắng tung mù trời. Chúng tôi ngồi trong lều tranh nhìn ra đường, mắt dõi theo những chiếc xe mười bánh, mình phủ bạt bon bon chạy trên con lộ cát trắng. Bỗng có một loạt súng nhỏ nổ vang rối

tiếp liền theo sau mấy tiếng súng cối! Ngọn đồi cát chạy dài song song với Quốc lộ , cây cỏ lúp xúp trước mặt rung rinh như gặp phải cơn gió mạnh. Phục kích! Phục kích! vang vang trong đầu khiến tôi rất lúng túng. Mà lúng túng thật vì sáng giờ, có ai bảo tôi phải làm gì đâu. Viên ĐĐT ra đi, không chờ để gặp tôi hoặc nói vài câu hoặc ra lệnh phải làm gì trong khi anh ta đi vắng. Mấy lần tôi định gọi máy báo cáo tình hình nhưng nghĩ lại, gọi làm sao mà danh hiệu các giới chức thì tôi nào có biết ? Tội ngiệp cho anh bạn của tôi! Anh này lúc đó trẻ lắm, khoảng 21, 22 tuổi gì đó, mặt mày khọng còn một giọt máu, đôi kính cận dày cộm như muốn rớt ra đôi tai. Anh chạy tới, chạy lui cố tìm chỗ núp tránh đạn. Một lúc sau quay lại thì đã thấy anh ngồi thụp trong chuồng heo rồi.

Mãi rất lâu sau, viên ĐĐT mới về tới. Anh này mang lon trung úy, Võ bị khóa nào không rõ nhưng là người Nha Trang, ít nói cho nên khuôn mặt xương xương, dáng cao nhưng gầy, nước da mét trắng của anh càng làm cho người ta không mấy thiện cảm khi gặp anh lần đầu. Anh đang hành quân, dù là hành quân giữ an ninh Quôc lộ I – thế nhưng anh vẫn mang người vợ theo bên mình.

Đây là sự việc rất mới đối với tôi lúc đó.

Cũng rất mới nữa là giữa khung cảnh thanh bình, trời thì rất trong, xanh biếc, gió thổi hiu hiu từ

khơi xa về, cây cỏ xanh tươi, bỗng nổi lên những loạt súng nổ, con người như bị ai đó thúc giục, múa máy loạn xạ, la hét ôm xồm, rồi núp, rồi chui, bò lăn bò càn...Phải tận mắt nhìn một quả đạn pháo nô tung trên không, phát ra ánh sáng vàng nhạt, tia thuốc nổ màu xám văng tứ phía, ta mới cảm nhận hết cái khủng khiếp của súng đạn.

Dịch toan phá rối đoàn xe tiếp liệu nhưng không thành vì ta phòng thủ kỹ. Chúng ta rươt chúng chạy vào trong các đụn cát thật xa vế hướng Bắc. Chúng ta đây là Chi đoàn M113 của anh Hàng phong C., Phòng Ngủ Phụng Hoàng ( Hotel Terminus cũ thời Pháp) cũng người Nha Trang của tôi chỉ huy.

Trước sau, tôi làm ĐĐP cho ba anh ĐĐT trong năm đầu tiên tại Tiểu đoàn. Với anh ĐĐT thứ nhất, tôi chỉ còn nhớ tên và hình ảnh người vợ của anh ta chiều chiều đi bên anh tìm chỗ ngủ qua đêm giữa chốn làng quê mà ngó đâu cũng thấy trắng toát màu cát. Hình như chưa bao giờ anh cho phép tôi gặp gỡ và nói chuyện với lính của Đại đội! Tôi cư như đi chơi ngoài đồng cho hết giờ.

Anh ĐĐT thứ hai cũng là người Nha Trang. Anh này thi vui hơn. Anh hay nói cà tửng nhưng điều quân thì đâu ra đó. Và lạ hay không lạ là anh này cũng dẫn vợ theo khi hành quân trong làng như anh kia. Cảnh y như buổi chiều tà trên sa mạc

Sahara, các camp followers (2) trong phim Morocco (1930), trong đó vai chính là anh lính lê-dương do Gary Cooper thủ vai có người tình do Marlene Dietrich đóng, lẽo đẽo đi theo sau đoàn quân, mặc dù trong phim cô đã bị người tình ruồng bỏ! Về sau, năm 1972, anh nổi tiếng trong trận Kontum, khi anh hạ một chiếc T-54 ngay trước hâm chi huy của Tiểu đoàn. Lúc đó anh đâ mang lon Đại úy được mấy năm rồi và mãi cho đến ngày mất nước, anh vẫn dậm chân tại chỗ. Cũng vì tính ngay thẳng của anh mà ra cả!

Còn anh ĐĐT thứ ba của tôi thì càng độc đáo hơn. Anh nhất định không cho tôi làm công việc của tôi gỉ ráo trọi. Suốt thời gian làm phó cho anh này, tôi – nói theo giọng đường phố-- cứ ca nhõng chống xâm lăng.Anh này tính tình bất thường, ăn nói đốp chát,rất ngang tàng. Anh ta nói nhà anh ta ở Nha Trang, học các lớp trung học ở các trường tư thục này nọ gì đó tôi không nhớ. Anh thích nhạc Trịnh Công sơn và lại hay hút thuốc lá thơm. Người cao khoảng môt thước sáu, thân gầy mặt cũng xương xương , da mét trắng như anh ĐĐT thứ nhất của tôi. Nói giọng Bắc, anh hay “hứ, hứ” sau mỗi câu nói. Tính anh hay gắt gỏng, cử chỉ lại đột ngột, lạnh lùng nên lính tráng rất sợ.Tuy chúng tôi đi đâu cũng cùng di nhưng qua cách nói chuyện, sự xa cách giữa hai tính cách khó mà kéo lại được gần. Anh này không bao giờ quan tâm đến công

việc tôi phải làm trong Đại đội. Đại đội phó CTCT đối với anh chẳng có nghĩa gì cả! Anh không muốn chia sẻ trách nhiệm với ai cả.

2

Khoảng giữa năm 1970, tôi được rút về Tiểu đoàn. Chức vụ mới là Trưởng ban 5. Sinh hoạt tại BCH Tiểu đoàn tác chiến, nhìn chung chắc không khác với các tiểu đoàn chuyên môn mấy nếu chúng ta không chứng kiến những buổi tập họp khẩn cấp vào bất cứ giờ giấc nào, các tiểu đội lãnh đạn, thực phẩm, ba lô lên vai, súng đạn lách cách leo lên xe, hoặc nghe những những tiếng khóc của vợ con lính mỗi khi đơn vị hành quân về.

Nếu có thể lựa chọn, chắc chắn không một ai muốn về các đơn vị tác chiến. Vậy tai sao chúng ta vẫn có hơn 10 sư doàn tác chiến trên bốn vùng chiến thuật? Binh lính của chúng ta, hàng ngũ sĩ quan các cấp chúng ta đều là những người khác thường chăng? Họ chẳng hiểu rõ nỗi gian truân, khổ ải của một anh lính dầm sương giải nắng nơi chiền trường chăng? Họ không sợ chết hay họ mơ ước làm khanh tướng, mong được chết trong cảnh da ngựa bọc thây?

Cuộc chiến kéo dài hàng chục năm nay mang lại bao nhiêu tang tóc cho từng gia đình Việt nam. Nhiều dến nỗi, người ta buộc phải tin vào mạng số từng người. Trời kêu ai, người ấy dạ. Mà thử hỏi nếu không thế thì ai cũng chết hết sao? Người lính nào sẽ vào đội hình di chuyển hỏa lực? Người lính nào sẽ xung phong khi người chuẩn úy trung đội trưởng phát lệnh xung phong? Trong những đơn vị tổng trừ bị, ngoài niềm tin nói trên còn có tình đồng đội.

*Legio patria nostra* (3).

Trong trận đánh của Nhảy dù tại vòng ngoài của An Lộc, mùa hè 1972, vào giờ phút quyết liệt nhất một sống một chết với quân địch, người ta thấy có một đơn vị đồng loạt đôi lên đầu chiếc bê-rê đỏ truyền thống để vinh quang đi vào chiến sử !

Làm sao giải thích được? (4)

Vậy mà tôi đã cố gắng làm chuyện này trong một buổi nói chuyện duy nhất với một số tân binh Trung đoàn mới bổ sung cho chúng tôi. Nhìn các khuôn mặt rám nắng, chịu đựng, cái hùng biện, cái líu lo hàng ngày của tôi vút biến đi đấu mất. Ai cũng nói có chính nghĩa là có sức mạnh. Sách vở Tây, Tàu đều nói thế. Những người lính nông dân này của chúng ta có hiểu được những lời hoa mỹ của chúng ta chăng? Tôi nghĩ rằng Không.

Ông Mao từng phán rằng: Chính nghĩa sinh ra từ họng súng! Cụ Nguyễn Trãi của chúng tôi thì viết: Dụng nhân nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Địch vận dụng ý thức mới như vừa nói để thao túng tinh thần cán binh của chúng nhưng cung cách đánh nhau thì lại theo cách rất cũ. Còn ta thì lại lấy nhân nghĩa ngàn xưa để làm phương châm nhưng đánh đấm lại theo cách hôm nay. Chúng ta xung phong qua máy âm thoại, chúng ta đoạn chiến cũng bằng âm thoại! Bạn có bao giờ nghe thấy địch thổi kèn khi giữa đêm xung phong chưa? Nghe như thời Xuân thu, thời Tam quốc vậy.

Sau phần giáo đầu thông thường như hỏi thăm sức khỏe, gia cảnh từng người, đi đường ăn uống ra sao, tôi liền đi thẳng vào công chuyện. Không vòng vo, không dấu diếm, tôi bảo anh em nên cẩn thận khi ra trận, cố giữ đội hình, nghe lệnh cấp chỉ huy, không bỏ chạy khi thất thế. Và cố bảo vệ bạn mình và mạng sống của chính mình để có ngày về với vợ con.

Chỉ có bao nhiêu đó thôi.

Doanh trại Tiểu đoàn chỉ nhộn nhịp mấy giờ sau một cuộc hành quân về. Còn ngoài ra, vắng lặng là thường tình. Muốn giải trí hay giải tỏa ẩn ức, người ra chạy ra “phố”. Đó là một thị trấn nhỏ, đường phố chính là một con lộ đất cát, hai bên có nhà gỗ

đen tối, mái lợp tôn, thỉnh thoảng có nhà mái ngói, hàng rào cây lá dày, nhỏ, xanh thẫm cắt xén vuông vắn. Nều bạn muốn đọc sách, bạn phải tìm rất lâu mới thấy một tiệm hú họa có cuốn sách mình thích. Tôi nhớ có mua một cuốn tên Một thời để yêu, một thời để chết (1954) (5) đề làm quà cưới cho người bạn đi cùng chuyến tàu (thủy) xuôi Nam tháng 12 năm 1966. Anh bạn cùng Trung đoàn này vắn số, có thể anh đã đọc hay chưa đọc xong cuốn sách trước khi anh mất một cách lãng nhách ở Phan rí.

Lính chơi theo lính, quan chơi theo quan. Cũng giống cảnh trong bài thơ và bài hát, Đi dăm phút đã về chốn cũ, Sông Mao sẽ mãi mãi là thị trấn buồn hiu nếu không có chuyện sau đây xẩy ra.

Một ngày chủ nhật nào đó, tôi được giới thiệu một gia đình ở Chợ Lầu. Đây là gia đình một công chức VNCH rất ít thấy giữa vùng quê này. Phải gọi là công chức thanh bần vì tôi không thấy trong nhà có cái gì gọi là quí giá. Bốn mươi năm sau, mỗi khi nhớ lại, hình ảnh vẫn là một ngôi nhà gạch li tô đúc màu xám nhạt, mấy cái chuồng gà công nghiệp lơ-go hay gay go gì đó.Một điều lạ hơn nữa là người thân mẫu các em trong nhà lại là người Huế, mẫu người Huế một trăm phần trăm! Là người từng có lúc theo các bước chân các cô gái Huế trường Đồng khánh/Quốc Học những năm 60

thế kỷ trước, tôi thấy mình như sững sờ, không tin vào mắt mình khi mới gặp bà.

Chúng tôi xin phép bà đưa các em đi chơi biển. Giờ đây tôi không còn nhớ là bờ biền nào, Phan Rí Cửa hay Duồng? Tôi nhớ là cùng các em, chúng tôi đã đi ngang bên hông môt ngôi chùa cổ kính, có các chậu hoa kiểng lá xanh và giữa tiếng cười vui thật là vui của cô em gái lớn. Trời trong xanh, gió hiu hiu, và những tiếng cười tươi vui này vẫn theo tôi từ bấy đến nay. Tôi chưa hề nói cho ai biết rằng trước đây hơn một phần tư thế kỷ, tôi đã từng có tuổi thơ vô tư lự trên bờ biển này. Phan Rí Cửa những năm 1940 , những ngày người Pháp cưỡi con ngựa cao lớn xuống ruồng bố, những buổi trưa nắng đi trên cồn cát phía sau lưng nhà Thương chánh... hay những đêm mưa bão, thân hình ốm o , run lẩy bẩy trên chiếc giường tre vì cơn sốt rét trên vùng Hà Rớ, phía bên kia sông (?) .

Lần trở lại này, tôi bị ám ảnh không nguôi rằng mình sẽ gặp định mệnh tại đây không chừng. Mà nếu như vậy thì đúng là full circle! (6)

Mặc dù có chủ trương mỗi đại đơn vị trong Sư đòan được giao chịu trách nhiệm truy lùng một đơn vị đối phương, Săn diệt trực đối, cuộc chiến, theo thiển ý, chưa đến độ khốc liệt như sau này tại Kontum, hay An khê, tiểu đoàn chúng tôi thường xuyên dược điều động hành quân nhiều nơi trong

tỉnh Bình Thuận. Có lúc chúng tôi vào tận vùng địch đặt tên là Mật khu Lê hồng Phong, chạy từ phía nam Phan Rí Cửa cho dến bắc Phan Thiết, đất có chỗ toàn màu đỏ, có chỗ toàn là đụn cát trắng pha .Trời nắng nóng, trong và xanh, tưởng chừng đụng tới cành cây, cành cây cũng rụng, đồi cát tiếp nối đồi cát, đoàn quân đi miết cho tới xế chiều thì dừng chân phòng thủ qua đêm. Suốt ngày không chạm địch cho nên lúc này tứ lính tới quan ai cũng thấy thoải mái như đi cắm trại thuở còn là học trò.

“Trời xanh, đất đỏ, đêm nay không biết ngủ phương nào, A Chí nói tiếng Quảng Đông như thế nào?” Anh lính người tàu Chợ lớn liếng thoáng dịch: “Xính chiếng hùng tuỳ, ùm sứt cấm mạn phanh cao pín tù.” Vậy còn câu: “Ngày mai, trở lại Sông Mao, đi uống bia, tới nhà thổ?” Thín dựt, phán Sông Mao, dẩm pé chỉu, táo xính lòu”.

Những buổi chiều như thế làm tối nhớ tới đoạn văn mở đầu trong cuốn Les Centurions (1960) của Jean Lartéguy: những buổi chiều mùa đông, trên sa mạc Sahara mênh mông ở Bắc Phi, những người légion La mã ngồi bên bếp lửa hồng, lòng nhớ về quê hương xa xôi bên kia biển Đia Trung hải... Chúng tôi là những người lính nhỏ bé, vô danh đêm hôm ấy chắc cũng có người có những tức tối, những uất hờn với những người làm chính trị tại

Sài Gòn, tại Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH như các légionnaires thời cổ:

“Người ta nói với chúng tôi, khi chúng tôi rời xa đất mẹ rằng đông đảo đồng bào đang định cư tại hải ngoại giao cho chúng tôi công việc bảo vệ quyền lợi thiêng liêng của họ, bao nhiêu năm có sự hiện diện của chúng tôi và bao nhiêu lợi ích chúng tôi mang dến cho các cư dân đang cần sự giúp đỡ và văn minh của chúng tôi.

“Chúng tôi đã xác minh điều này là sự thật, và vì chính sự thật này mà chúng tôi chẳng ngần ngại đóng góp phần xương màu của mình, hy sinh cả tuổi trẻ cùng các ước vọng của chúng tôi. Chúng tôi chẳng hề tiếc nuối, nhưng còn hơn thế nữa ngay cả khi ở hải ngoại, chúng tôi vẫn còn thấy cảm kích trong tâm thức như thế. Người ta nói với tôi rằng ở thủ đô Rome các phe phái này nọ cũng như các cuộc âm mưu xẩy ra như cơm bữa. Người ta còn nói rằng sự tráo trở đang tràn lan, và rằng nhiều người u mê và mờ tối sẵn sàng nghe theo những lời dụ dỗ dẫn đến chuyện chối từ và chê bai các hoạt động chúng tôi đang làm ở ngoài này.

“Tôi không tin những gì tôi nghe là sự thật, thế nhưng các chiến trận vừa qua đã chứng tỏ các luận điệu này quả là hiểm độc, và sẽ đưa chúng ta tới đâu rồi.

“Nên tôi xin anh nhanh chóng nói cho tôi an lòng là đồng bào ở bên nhà thấu hiểu để ủng hộ và bảo vệ chúng tôi cũng như chúng đang ra sức bảo vệ uy danh của đế quốc này.

“Nhược bằng không được như thế, mà chúng tôi buộc phải phơi mớ xương khô của mình trên những động cát nơi sa mạc đây một cách vô ích như thế này thì họ hãy coi chừng cơn thịnh nộ của các binh đoàn Legion (7) "

Tuy cũng là những chiến binh, cùng hoàn cảnh: người thời xưa thì cầm gươm, vác giáo, kẻ thời nay thì súng đạn, ba lô, cũng cùng một nhiệm vụ bảo quốc an dân, nhưng quốc của chúng tôi là mảnh đất tổ tiên bao đời để lại, dân của chúng tôi là những người hiền hòa , yêu gia đình, yêu xóm làng. Chúng tôi cũng phải có cơn thịnh nộ như ai đấy chứ !

3

Cuối năm 1970, tôi đột ngột rời Sông Mao, về trình diện Tổng Cục CTCT tại Sài gòn. Trong những ngày đầu bận rộn nơi ăn chốn ở, những trục trặc về lương phạn tôi như quên mất miền đất khô cằn nhưng nhiều kỷ niệm ấy. Cho đến một ngày kia, tôi tình cờ gặp lại cô gái Chợ Lầu ngay giữa

chốn đô hội này. Tha hương ngộ cố trí mà! Cô ấy có dẫn tôi về nhà trọ nằm trong một xóm đông người nay tôi không nhớ là chốn nào. Cô mến tôi vì tôi là khóa đàn anh của người cô yêu đang học trên Dalat. Là con một gia đình lễ giáo, cô giáo tương lai này ăn nói khôn khéo và tỏ ra rất chừng mực trong biểu lộ tình cảm của mình. Cô không hỏi về đời tư của tôi, và tôi cũng chưa bao giờ nói tới mối tình của cô với người đang trải qua mấy tháng cuối cùng của cuộc đời sinh viên trên xứ hoa anh đào. Chúng tôi đến với nhau cũng vui mà chia tay nhau sau đó cũng chẳng có gì phải ưu phiền.

Thế nhưng bốn người năm sau, nghĩa là nước tôi đã mất, nhà tôi đã tan, thân tôi thì tù tội với bao nhiêu người bạn khác; rồi tạm được tha, được về lao động tay chân nuôi thân và vợ con, rồi vượt biển , gia đình hai năm cầm bị gậy với UNHCR --- tôi lại nối liên lạc được với cô. Và lần này thì …ôi! bao nhiêu là phiền muộn !

Cô ấy qua Hoa Kỳ năm nào, bằng ghe thuyền hay bằng tàu bay, tôi không biết, nhưng nghe tiếng cô qua điện thoại xuyên bang, tôi mừng quá đỗi. Tôi hỏi cô tới tấp khiến đường dây như rối lên. Câu chuyện bắt đầu nó lộn xộn lắm, nó chẳng có đầu, có đuôi gì cả vì tôi có thói xấu là khi phân khích tôi hay cắt ngang người đang nói. Hỏi sao cô biết tôi ở đây mà gọi và cô đang ở đâu? Cô đã lấy chồng và

người chồng là anh khóa đàn em của tôi? Được bao nhiêu cháu? Rồi chẳng ai muốn cả, hai anh em chúng tôi đi lần tới giai đoạn bi thảm của cả miền Nam: những tháng ngày u ám sau 30 tháng tư năm 1975. Chồng cô ấy bạo bệnh trong tù, người ta đưa về Nhà thương ở Phan Thiết và anh ta qua đời mấy tháng sau dó. Cô gom góp chút tài sản và đắt mấy đứa con chạy vô Sài Gòn. Cô bán thuốc tây, cô chạy hàng chuyến, cô sống chui rúc trên một khoảnh đất không quá mười thước vuông.Cái khổ của cô lá cái khổ tiêu biểu của phụ nữ có chồng là quân nhân đang bị địch giam cầm: qua giọng nói, tôi biết cô rất kiêu hãnh vì những gian khổ, thách đô cuộc đời mang lại.

Có điều lạ lùng là cố ấy kê chuyện mình mà như kể chuyện của một người náo đó, như khi ta nói về một người bạn khác hiên đang vắng mặt, một cách rất bình thản, không một lần uất nghẹn!

Rồi cô nhắc tới người bạn chung lần cuối cùng ghé thăm nhà cô ở Chợ Lầu trong ngày người ta ùn ùn kéo nhau chạy vào miền Nam. Cô thương tiếc người cô cho là rất dễ thương này mà nay không còn nữa. Cô kể lại những lần chúng tôi dẫn các chị em đi chơi đó dây, cô bảo mấy em nhỏ trong nhà bây giờ chắc cũng còn nhớ chúng tôi --- có nghĩa là hơn 40 năm sau, “dân không quên lính mà lính lại chẳng bao giờ nhớ tới dân!!”

Người ta nói: “Không ai bạc như dân, không ai vô ân như lính” như vậy có đúng hay là sai?

Chừng hai tháng sau, vợ chồng tôi đi dự Đại hội tổ chức tại Wesminster, California. Buổi dạ tiệc toàn trường, cô ấy nhờ một người bạn cùng Khóa với chồng mình đi tìm tôi. Quên bẵng lời thách đố xem ai nhận ra ai trước, tôi vội đúng lên và được dẫn tới bàn tiệc nằm trong góc xa. Như vậy là cô đã giữ một nửa lời hẹn và nửa lời hẹn này quả thật là tuyệt vời đêm hôm ấy. Trước mắt tôi, cô em gái năm xưa, qua bao nhiêu biến đổi của thời thế, nay đã trờ thành sương phụ đứng tuổi, duyên dáng, tự tin nhưng nhìn kỹ, ta vẫn bắt gặp vài nét u buồn trên lời nói và nụ cười.Vì đã được tôi kể chi tiết về cô, vợ tôi và cô ấy làm thân rất nhanh. Nhìn hai người đàn bà nói cười vui vẻ với nhau, lòng tôi bỗng chùng xuống. Tôi nhớ lại những ngày đóng quân bên kia sông Phan Rí, những buổi sáng ghe lưới đánh cá về, bến sông nhộn nhịp, những buổi trưa nắng như đổ lửa, nằm một mình trong gian nhà nơi doanh trại trống huếch, nghĩ về một tương lai … Và tương lai ngày ấy nay đã trở thành môt chuỗi những quá khứ: quá khứ của tôi là những hạnh phúc rất khiêm tốn, những thành đạt rất ư là nhỏ nhoi. Còn người bạn nhõ của tôi thì sao? Cô ấy đã đi qua bao nhiêu là đau khổ. Mà đau khổ lớn nhất là phải chịu cảnh cô dơn, một mình mưu sinh,

nuôi bốn đứa con trong khi tuổi vẫn còn rất xanh mơ. Nỗi bất hạnh con người có chừa ai đâu?

Ở cái tuổi thất thập này, chúng tôi không còn có thể nói chuyện tương lai được nữa. Cô ấy đã tìm ra tôi, và bản thân tôi cũng tìm thấy cái quá khứ khi chúng tôi còn rất trẻ. Khi tôi chưa lấy vợ và cô ấy chưa có chồng. Chúng tôi là những người lính Sư đoàn 23 bộ binh, Trung đoàn 44 Bộ binh đóng ở thị trấn Sông Mao, Phan Thiết. Chúng tôi là những cô gái ở Phú Nhang, Phú Điền, Hàm Thuận, những thiếu nữ đã từng đánh máy bài vở giúp tôi hoàn thành tờ báo tiểu đoàn, những người em đã cho chúng tôi những giây phút hoan hỉ cực kỳ hiếm hoi.

Trong buổi Hội Ngộ Trung Đoàn tổ chức tháng 7 năm 2018 tại Wesminster,California anh em chúng tôi đã có cơ hội gặp lại nhau sau hơn 40 năm biệt xứ. Ban đầu những người tổ chức không nghĩ anh em sẽ đến quá con số mươi, mười lăm người. Không ngờ số người ghi tên tham giá khá đông, ban tổ chức phải mượn nguyên một gian phòng có thể chứa hơn 50, 60 khách. Buổi Hôi ngộ tự nhiên trở thành một buổi lễ rất là trang trọng. Có chào cờ, có mặc niệm và cảm dộng nhất là bài văn tế trận vong tử sĩ. Vị Trung đoàn trưởng cuối cùng của chúng tôi xúc động nhắc lại chiến công oanh liệt tại Kontum năm 1972, những mất mát những

tiểu đoàn trưởng can trường, những gian khổ hy sinh trong khắp hàng quân.

Đối với những người lính già như chúng tôi sáng hôm ấy, những gới nhớ, những địa danh trải dài từ Bình Thuận ra An khê cho tới Kontum: những Tân Phú, nhửng Eo gió, những Ma Lâm… Trung tá Trung đòan trường của chúng tôi đã làm một cuộc điểm danh cuối cùng sao mà hào hùng và bi tráng đến thế !

Bao nhiêu năm mong mỏi, nay chúng tôi đã thục hiện được ý nguyện.

Vì lẽ này mà tôi đã báo cho ban tổ chức tôi đã mời được người "em gái" hậu phương. Chắc chắn các người sẽ ngạc nhiên. "Em sẽ mang một chút Sông Mao về đây cho các anh, được không!" tôi đã nói với cô như vậy.

Cô ấy đã nghe lời mời của tôi và đã có mặt. Có đã nghe và thấy tất cả.

Cũng tại đây, như một vòng tròn vừa khép kín, tôi lại tái ngộ đôi uyên ương năm xưa khi tôi còn là một thiều úy tò te; cứ mỗi buổi chiều, tôi đã lẽo đẽo theo họ đi tìm một chỗ đóng quân để nghỉ qua đêm -- ở một vùng đất rất đỏ và trời rất xanh.

11.14.2018

(1) Tiếng Quảng Đông : Trời xanh, đất đỏ.

(2) Những người vợ, người yêu chưa cưới hỏi của lính , lính đi tới chỗ nào, họ cũng lần mò tìm tới. như bóng với hình.

(3*) Legio patria nostra*: Tổ quốc của chúng ta là Lê dương, tức binh chủng đặc biệt của Pháp được thành lập năm 1831. “ gồm những quân nhân thuộc nhiều chủng tộc,quốc tịch, nghề nghiệp, tôn giáo,tình cảm khác nhau, mà ban đầu , nó chỉ là một phần của Quân đội Pháp. Qua bao năm tháng, đơn vì này trở thành gần như một huyền thoại do những chiến thắng cũng như chiến bại rất can trường….” cf. Wikipedia mục Légion Étrangère.

(4)“Thế nhưng cuối cùng, chúng tôi chỉ còn nhớ duy khuôn mặt chịu đựng, kiên cường của anh Binh Nhỉ Nhảy dù ra sức tiến lên khi chạm địch. Chúng tôi không thể nào quên được dức tính tự tin, lòng độ lương và sự can trường của nhựng nười lính nhảy dù dáng vóc thấp bé này….” ("Angels in Red Hats" General Barry R. McCaffrey)

(5) Erich Remarque (1898-1970), tác giả của A l’Ouest, rien de nouveau (1929).

(6) Nghĩa là điểm bắt đầu gặp điểm kết thúc như một vòng tròn.

(7) Trích lá thư của Marcus Flavinius, Centurion La mã thuộc Đệ Nhị Binh đoàn , Quân đoàn Augusta, gởi cho người anh họ tên Turtullus đang ở Thủ đô Rome,Italia . cf. Davis L. Noble, Forgotten Warriors, Combat Art from Vietnam—Praeger, Westport, Connecticut, London, 1992

# Người Tù Binh

Sau mấy phát súng chỉ thiên vang vọng, nhóm bốn người chúng tôi chạy tản ra, lẫn vào khu vườn cà phê bỏ hoang.

Buổi trưa tháng ba, nắng và tĩnh lặng. Có thể nghe tiếng chim hót đâu đó. Nhìn quanh quất chỉ thấy một màu xanh của lá. Thử làm một tiếng cú kêu-chẳng nghe tiếng đáp lại. Làm một lần nữa rồi hồi hộp đợi chờ. Lại cũng không.

Vậy là xong.

Từ buổi chiều ngày thứ Hai, 11 tháng 3 năm 1975, nhóm bốn người chúng tôi, sau mấy tiếng đồng hồ lẩn quẩn dưới khu Suối Đốc Học, Ban Mê Thuột, lần mò tìm đường ra khỏi vòng vây. Lên đến con dốc Trường Trung học Bồ Đề thì trời sập tối. Ngay ở đầu dốc chiếc T-54 cûa địch án ngữ lối ra. Lù lù và đen ngòm. Giờ phút này, ngày thường, vùng này không im lặng như vậy. L., anh HSQ làm tại Văn phòng Khối CTCT/SĐ, vốn là một cầu thủ đá banh giỏi cûa đội banh Thành Diên Khánh, gợi ý chúng

tôi nên ghé tạt qua nhà anh ta xem tình hình. Nửa giờ sau, nhóm chúng tôi bước vào nhà, giữa một cảnh giường, chiếu vất bừa bãi, ngọn đèn dầu nhỏ trên chiếc bàn kê sát tường vẫn còn cháy sáng, cái thứ ánh sáng lung linh cûa các đêm cầu hồn hay đêm hôm trước ngày đưa người thân ra nghïa địa để an táng.Vợ con L. đã chạy nạn nơi đâu?

L. có vẻ xúc động dữ dội. Anh ta viết mấy chữ vội vàng trên một mänh giấy nhỏ: ‘’Tụi anh đang trên đường chạy về Nha Trang.’’

Ra khỏi căn nhà mái tôn nhỏ nằm sâu trong xóm, chúng tôi hướng ra ngoại ô. Thành phố im lâng, không một bóng người qua lại. Chiến tranh đã về đến đây được hơn 18 tiếng đồng hồ, rất sạch sẽ và chính xác: không thấy nhà cửa cháy, cũng không thấy người chết. Chỉ thấy một cảnh lặng ngắt và im như tờ. Kẻ tấn công không nghĩ mình đã thắng cuộc, người bị tấn công, vẫn chưa hoàn hồn!

Về Sư Đoàn bốn năm nay, đây là lần đầu tiên tôi đi qua vùng này. Cảm giác đang lao mình vào một nơi chốn không thực lần lần tràn ngập lòng tôi. Tuần lể trước, tôi bị cảm lạnh nhưng vẫn phải vào Khối CTCT/SĐ và được lệnh đi làm tin chiến thắng Chu M’Ga, Quảng Nhiêu, để gởi về các báo ở Sài gòn. Tướng Tư Lệnh nói, “Ở các chỗ khác, lấy được một cây súng AK, người ta cũng thấy báo chí loan tin tùm lum, kể cả báo Tàu Chợ Lớn, còn mình đây,

thằng báo chí không thấy nó đâu cả!'' Nghe nói vậy, tôi thấy hơi nhột. Phục kích mìn cơ giới trong đêm đã phát nổ, sát hại một toán tiền sát của địch. Duy chỉ còn một tên sống sót và bị một đơn vị Trung Đoàn 53 bắt giữ. Khi tôi đến nơi thì anh ta đã được trực thăng đưa về Quân Đoàn II để khai thác thêm. Theo lời khai của tù binh, chúng tôi biết nhiệm vụ của toán tiền sát là kiếm một địa điểm để đặt đài quan sát pháo binh, chuẩn bị cho chiến dịch lớn sắp tới. Chiến dịch nào? Anh ta bảo anh ta không biết.

Tình hình chung ở Cao nguyên khá căng thẳng. Sư Đoàn 23BB đang hành quân dài ngày và không biết chừng nào mới trở lại Ban Mê Thuột. Bộ Tư Lệnh SĐ chia làm hai phần. Bộ Tư Lệnh nặng đặt tại Căn cứ Hàm Rồng, Pleiku. Ba Trung Đoàn 44, 45 và 53 chưa khi nào trở về Hậu cứ một ngày kể từ khi nổ ra cái được báo chí đặt tên là "Mùa Hè đỏ lửa 1972". Không phải chỉ có lính mà cả các sĩ quan các đơn vị cũng mong muốn có một ngày được sống yên tĩnh, không phäi lo trực gác, nhất là được khoắc chiếc áo dân sự nhẹ nhàng và hú hí với vợ con. Bộ Tư Lệnh nhẹ nằm tại Ban Mê Thuột do Đại tá Vũ Thế Quang trông coi. Việc phòng thủ Ban mê Thuột không phải là vấn đề được người ta quan tâm đúng mức. Phía Bắc Thị xã đã có Trung Tâm Huấn Luyện Sư Đoàn; phía Nam là Bộ Tư Lệnh SĐ23BB; phía đông là Chi Khu Ban Mê Thuột

và "phía Tây, vùng nguy hiểm nhất có hậu cứ của Thiết Đoàn 3(sic) Thiết Giáp và Kho đạn Mai Hắc Đế’’ (1)Như vậy, chủ lực phòng thủ không phải là quân chính qui mà là đủ các thứ quân mà đa phần là binh sĩ hậu cứ cùng một số Tiểu đoàn Địa phương quân, Nghĩa quân. Trung Đoàn 53 cũa Đại tá Võ Ân hiện diện trong khu vực hành quân chỉ có một BCH/TRĐ và một Tiểu đoàn Bộ binh phòng thủ hậu cứ của Trung Đoàn, nằm kế cận phi trường Phụng Dực. Theo lệnh của Sư Đoàn, đơn vị này gởi một Tiểu đoàn khác ra phòng thủ phía Tây Nam, trên trục lộ 14, ở một vị trí có tên gọi là Núi Lửa, tỉnh Quảng Đức cùng với một Chi đoàn thiết giáp M41 của Thiếu tá Nguyễn văn Đ., Thiết Đoàn trưởng Thiết Đoàn 8. Trong khi đó, các Trung Đoàn 45 và 44 bị hoặc lưu giữ gần BTL/QĐII để làm lực lượng trừ bị hoặc được điều động xuống vùng Buôn Pleck trên QL 14 để truy tìm dấu vết các đại đơn vị của địch. Quân Đoàn II tin rằng các Tiểu đoàn ĐPQ đóng chung quanh thị xã, có thể vừa là tai mắt, vừa là trợ thủ cho các Tiểu đoàn chính quy cầm chân địch được một thời gian, chờ viện binh đến tiếp cứu. Đại tá Nguyễn Trọng Luật, một sĩ quan thiết giáp từng tham dự trận Hạ Lào năm 1971, giữ chức Tỉnh trưởng kiêm Tiểu Khu trưởng, chỉ huy lực lượng bổ túc này. Khả năng địch tấn công thị xã là điều ít ai nghĩ tới. Tôi là một trong số những người này.

Thu thập được một số dữ kiện cần thiết, tôi liền viết một bài báo dài gởi gấp về Sài Gòn cho kịp đăng vào thứ Hai mồng 10 tháng 3. Tôi chỉ còn nhớ ý một đoạn lúc bấy giờ tôi cho là 'hùng tráng' nhất, là nếu quân địch đánh vào Ban Mê Thuột thì chắc chắn chúng sẽ gánh lấy thất bải mà thôi vì quân dân ta lúc nào cũng sẵn sàng đón chờ chúng!

Sáng Chủ Nhật mồng 9 tháng 3 năm 1975, tiếng kêu cứu của Quận trưởng Đức lập nghe oang oang trong máy. Căn Cứ Núi Lửa bị địch tấn công mạnh. Lúc 11 giờ sáng, Tướng Phú đến Ban Mê Thuột, ghé lại BTL/ SĐ /Hậu cứ. Sau khi nghe thuyết trình tình hình chiến sự tại Đắc Lắc, Tướng Phú hỏi Đại tá Tư Lệnh Phó có cần điều gì nữa không? Đại tá Quang trả lởi ngắn gọn: "Thưa Thiếu tướng, Không". Các đơn vị thống thuộc như TĐ23 Quân Y, TĐ23 Tiếp vận, TĐ 23 Truyền Tin nằm dọc theo con đường chạy từ bồn cỏ trước Dinh Bảo Đại cũ vào trong sâu đến Kho Đạn Mai Hắc Đế sẽ tạo thành một quần thể 'có thể dựa lưng nhau mà chiến đấu'--ngôn ngữ của Đại tá TLP thưa cùng Tướng Phú. Khối CTCT/SĐ nằm bên ngoài vòng rào của Bộ Tư Lệnh. Liên lạc với Phòng 3/Hậu cứ chỉ qua đường dây điện thoại như ngày thường. Không có máy vô tuyến theo cấp số. Khi địch pháo kích mở màn lúc 2 giờ sáng ngày 10 tháng 3, chúng tôi như ở trong bóng tối, chẳng hay, chẳng thấy gì cả (2).Chúng tôi rủ nhau chạy xuống chiếc

hầm duy nhất trước Văn phòng Trưởng Khối. Tôi với tay lấy chiếc máy hình Leica chạy theo. Một hỏa tiễn 122 ly rơi chạm ngọn cây muồng gần văn phòng Khối, vỏ hỏa tiễn không hiểu sao rơi xuống đất nguyên vẹn. Suốt từ đó cho đến sáng-khi địch ngừng pháo kích- chúng tôi lên xuống hầm không biết bao nhiêu lần. Đúng 6 giờ (3), địch ngừng pháo kích. Chúng tôi lần lượt chui ra khỏi hầm. Trời sáng hẳn. Ngoài đường nhỏ một vài người trong khu gia binh Trinh sát SĐ đi lại như những kẻ mộng du. Một lúc sau, môt đoàn người, đa số là đàn bà và trẻ con lũ lượt theo sau một tu sĩ Phật giáo. Vị này đội lên đầu một lá cờ Phật giáo khổ lớn để hai bên, ta và địch, khỏi bắn nhầm. Một quân nhân tình nguyện chạy sang Bộ Tư lệnh, tìm hiểu tình hình. Anh này đi rất lâu và sẽ không bao giờ trở lại. Những người khác gồm các quân nhân các Phòng Chính Huấn, Tâm Lý chiến và Phòng An Ninh, một số anh em cầm vũ khí chẩy ra các hố chiến đấu cạn, cỏ xanh mọc lơ thơ đào dọc theo hàng rào của Khối. Từ Quân Đoàn II, phóng viên Trường Sơn tường trình ‘trực tiếp từ mặt trận’ cho biết trong vụ tấn công từ quá khuya hôm qua cho đến giờ này, ta đã hạ được hơn 15 chiến xa T54 của quân CSBV...chung quanh thị xã Ban Mê Thuột. Nghe vậy chúng tôi ai nấy đều lấy làm thich chí lắm.

Phòng không của địch nả lên trời đạn đi dày dặc, toàn là đạn đại liên 30 ly. Phi cơ A37 lượn qua lượn lại rất cao. Một quả bom rơi lạc vào doanh trại ĐĐ Trinh Sát SĐ. Có mấy loạt súng nổ ở phía Cổng chính của Bộ Tư lệnh. Như vậy là địch sắp tràn vào đây rồi!

Đang khi tinh thần căng thẳng như vậy chúng tôi lại được tin địch đang tiến về phía chúng tôi, từ Khu Quân Sản Tạo Tác, ngay sau lưng Khối CTCT! Chỉ còn một con đường duy nhất là mọi người rút qua bên kia đường, tá túc với quân nhân cơ hữu của Tiểu Đoàn 23 Tiếp vận. Cảnh tượng ở đây thật vắng vẻ chỉ thấy một số binh sĩ tay cầm súng nhỏ đang lấp ló bên bờ vườn trồng cây ăn trái của dân. Họ đang chờ xe tăng địch đến! Một người chạy đi rồi một lúc sau quay trở lại với khẩu M72. Hình như trong chúng tôi không có ai từng sử dụng loại vũ khí này. Tôi có thấy người ta bắn thử một đôi lần khi Tiểu Đoàn chúng tôi hành quân tại Phú Nhang, Phú Điền, Phan Thiết những năm 1960. Vả lại, cách đây không lâu đã có lệnh thu hồi lô súng M72 trở ngại tác xả từ các đơn vị về. Mấy cây súng này thuộc lô nào? Mới hay phế loại? Tuy nhiên chúng tôi cũng nhận một khẩu và nếu tăng địch có tới, trúng trật chúng tôi cũng phải nện một quả. Chờ giờ này sang giờ kia, xe tăng không thấy đến. Nản lòng, chúng tôi rút xuống Suối Đốc Học. Hai bên con đường dốc, trên các bụi cây thấp, súng

đạn, áo trận xanh rêu vứt bừa bãi. Mắt tôi bỗng cay sè. Chợt thấy một sợi dây centuron có bi-đông nhựa ai vứt bên đường tôi bèn lượm lên mang vào mình, lòng mong thầm mình có cái gì để khỏi chết khát dọc đường.

Hình ảnh của con con đường gọi là Đại lộ Kinh hoàng ở Quảng Trị năm 1972 phút chốc tái hiện trong đầu tôi. Thê thảm đến vậy sao? Trong nhưng ngôi nhà giờ vắng tanh, rương, tủ bị lục tung tóe. Người đến đây trước đã lục lọi và lấy hết áo quân dân sự đàn ông. Chỉ còn toàn là áo và quân đen của đàn bà. Lẩn quẩn như vậy một hồi lâu, chúng tôi theo một Trung sĩ Quân cảnh từ đâu không biết đến bảo có người muốn gặp tôi. Tôi liền đi theo anh ta. Hóa ra đó là Thiếu tá T. thuộc Bộ Chỉ Huy Pháo binh Sư Đoàn.Cạnh ông còn có một viên Thiếu úy đang cầm ống liên hợp máy PRC-25, nét mặt buồn so. Ông Pháo binh cho chúng tôi biết là Đại tá TLP đã rời bỏ BTL/SĐ và đang di chuyển ve hướng Tây nam.(4) Ông bảo bằng mọi giá phải ra khỏi vòng vây và hướng về Trung Tâm Huấn luyện SĐ cách đây khoảng 6, 7 cây số.

Chiều xuống dần. Suối Đốc Học nằm thọt dưới lũng sâu nên trời tối rất nhanh. Không môt tiếng súng nổ, không một tiếng chân bước. Chúng tôi như rơi tõm vào chốn nào đó ngoài không gian. Tôi lặng lẽ tháo cấp hiệu ngụy trang trên ve áo và vứt

vào hàng rào dâm bụt. Đây là lần thứ hai tôi dọn mình để đi vào vùng đất trong đó tôi biết tôi sẽ mất hết tự do. Đầu óc tôi nghĩ rất nhanh đến những gì cần phải làm nếu không may tôi sa vào tay địch. Chiều Chủ Nhật, trước khi lên xe vào Sư Đoàn, tôi linh cảm sẽ xẩy ra biến cố trọng đại trong đêm hoặc trong tuần lễ sắp tới. Cho nên tôi đã giao gia đình gồm một vợ và ba đứa bé cho người bạn thân đang dạy học tại trường Trung học Tổng hợp Ban Mê Thuột trông coi giùm. Tôi cũng dặn dò vợ tôi nếu địch có pháo kích tất cả phải chui xuống chiếc hầm đào dưới giường nằm để tránh đạn.

Đúng lúc mấy anh em trong Khối CTCT/SĐ xuất hiện. Đó là Đại úy D. , sĩ quan An ninh, Thiếu úy B., Sĩ quan Ban Thông Tin Báo Chí, họa sĩ tài hoa của báo Biên Trấn, Sư Đoàn 23 BB và Trung sĩ I L., Văn phòng Khối. Cũng như tôi, họ cũng muốn tìm đường ra khỏi vòng vây, hy vọng sau đó sẽ có ngày trở về giải phóng thành phố, gặp lại vợ con.

(1) Xem *Nhìn lải trận đánh Ban Mê Thuột năm 1975,* Nguyễn Trọng Luật, trong KBC số 21, Garden Grove, California (Không đề năm xuất bản). Thiết Đoàn 8 chứ không phải là Thiết Đoàn 3 như lỗi cũa ấn công.

(2) Trong thực tế, TRĐ53, Kho Đạn Mai Hắc Đế và phi trường L19

(3) Trong *‘’Our Great Spring Victory*”, Monthly Review Press, New York, 1977 Văn Tiên Dũng bảo pháo kích ngừng lúc 6giờ 30 sáng ngày 10 tháng 3. và phào kích trở lại lúc 7 giờ 15 cùng ngày.

(4) Thực ra mãi đến trưa ngày11 tháng 3 năm 1975, sau khi TTHQ/SĐ bị trúng bom sự việc này mới xẩy ra.

# Phần II :

# Tháng 3, 1975 : Sa vào tay địch

Phát lên tiếng cú rúc cuối cùng và không nghe thấy tiếng đáp lại, tôi biết tôi sẽ phải đi ra khỏi vùng hiểm nguy này ngay. Lúc ấy chắc khoảng hai hay ba giờ chiều và như vậy thì toán chúng tôi ra khỏi thị xã ít nhất cũng đã năm ngày bốn đêm rồi.

Lách mình giữa các hàng cây cà phê tôi đi lần ra phía quốc lộ. Không có bàn đồ, không có địa bàn và chỉ có một mình giữa vùng đất xa lạ! Phía xa xa, các ngọn đồi nối tiếp nhau, cỏ cháy xém, các thân cây đứng trơ trọi. Có tiếng máy bay vút qua và một tiếng bom nổ sau lùm cây xa. Súng phòng không địch bắn rượt theo. Đụng độ hướng đó chăng? Một

số đồng bào Rha-đê bồng bế con chảy ngang qua lùm chuối tôi đang núp bên trong. Thấy ruột cồn cào, bi-đông lại hết cạn nước, tôi dùng cái văng vít (1) chặt một đoạn thân chuối rồi đưa lên miệng hút để kiếm chút nước. Tôi nhớ dường như trong sách Mưu Sinh Thoát Hiểm có nói thân cây chuối cho một thứ nước có thể uống được. Cây chuối nào không biết chứ chuối này thì vị quá đắng, nuốt không nổi. Nhìn trước nhìn sau quan sát thấy không có ai, nhanh như chớp, tôi chạy tới một lõm đất thấp gần lùm cây khá um tùm, hy vọng kiếm được chút nước. Rất may lõm đất có mấy vũng nước mưa nâu sẫm. Mực nước quá thấp nên tôi phải lấy vỏ bao C-ration màu nâu ai đó xé bỏ trước đó, cố gạn lấy mấy nhúm nước quí giá rót vô bi-đông. Lúc đầu tôi không để ý đến nhưng mấy lần sau, cứ khi nào tôi cúi xuống gạn chút nước, tai tôi lại bắt gặp tiếng sột soạt phát ra từ phía sau lùm cây. Mấy lần tôi ngẫng đầu lên quan sát thì cũng mấy lần tiếng tiếng động ấy im bặt. Linh cảm có kẻ nào đó đang muốn áp sát, tôi phóng nhanh lên cuộc đất cao, mặt cỏ cháy sém, cách chỗ lấy nước khoảng mười bước, ẩn mình sau một thân cây bị mảnh bom phạt đứt ngang, thân nhỏ bằng cổ tay. Cái field jacket màu cỏ úa tôi đang khoắc trên mình và cái tranh tối tranh sáng của buổi hoàng hôn đã buộc tên địch phải dùng thủ đoạn áp đảo tinh thần kẻ nào yếu bóng vía. Ngay sau tiếng

quát:"Anh dân tộc nào đó giờ này còn đi lang thang. Đứng lại!" một loạt súng AK nổ chỉ thiên. Trong đầu tôi vụt nẩy ra ý nghĩ: mình cứ ngồi yên, không chạy đi đâu cả. Nếu nó đã thấy mình, cần gì nó phải hô hoán và nổ súng như vậy? Tôi ngồi yên như vậy đâu hơn nửa tiếng đồng hồ, hai tai lắng nghe từng tiếng động của núi rừng về đêm. Sau đó, tin chắc nguy hiểm đã đi qua, tôi từ từ bò qua cây cầu làm bằng thân cây khô nối hai bờ khe suối nhỏ. Và tôi tiếp tục nhắm hướng đông tiến bước.

Bầu trời mùa Hè cao nguyên thật trong và đẹp lạ thường. Bên trái tôi, chòm sao Đại Hùng Tinh nhấp nháy như đang giao lưu tin tức với Chòm sao Nam Thập Tự lung linh mời gọi. Nhờ mấy giọt dầu xanh ‘Con Ó’ của Đại úy D. bệnh cảm khiến lúc nào tôi cũng thấy cổ họng ngưa ngứa, chực muốn ho, nay đã biến mất lúc nào chẳng hay. Lòng tôi nhẹ nhỏm, trí tôi bay cao lên tận mấy vì sao. Lần đầu tiên tôi thấy đời tôi sao mà vô nghĩa đến nổi không sao giải thích được. Quá khứ, hiện tại khác xa nhau. Mới tuần lể trước, sáng sáng tôi còn lái xe Bridgestone vào Sư Đoàn làm việc, trưa trở về nhà ăn cơm. Nay, chỉ qua một đêm, mọi sự quen thuộc thay đổi hết cả. Tôi không còn được trở về mái nhà thân yêu 61 Nguyễn Công Trứ, Ban Mê Thuột nữa. Vợ con tôi và mấy đứa cháu đang chạy lạc nơi đâu ?

Tôi đi như thế gần hết nửa đêm và cố lấy quốc lộ 21, cách tôi rất xa bên phía tay phải làm điểm mốc. Càng về khuya, xe cộ lưu thông trên quốc lộ càng nhặt hơn. Chết cha rồi! địch đã tiến xuống đây rồi chăng? Sau cùng, tôi chui vào một vườn cà phê, chọn lấy một chỗ khuất nhất, cố chợp mắt mấy tiếng đồng hồ trước khi trời sáng. Chiếc mùng dã chiến nhặt được trong bụi chuối ngày hôm trước chỉ che đủ một phần thân trên. Đôi giày cổ cao, sau một đêm bì bõm trong ruộng lầy phía Nam Buôn Hô, nay đế giày đã há miệng, rất khó bước. Đường về Nha Trang còn hơn trăm cây số, không có chúng làm cách nào đi đến nơi được. Cho nên tôi rút sợi dây thun vải từ áo field-jacket ra làm dây cột, buộc túm lải, coi cũng gọn gàng. Hai bàn chân tê và lạnh.

Khoảng khắc sau, tai tôi nghe có tiếng chân người bước gần. Từ dưới đám tàn lá tôi nhìn thấy bóng chân một người nào đó sàn sạt bước ngang qua. Chỉ có một người. Vậy là ai? Nhóm Nguyễn Ngọc D. hay Trần B., mấy người bạn thất lạc chiều hôm qua? Tôi suýt lên tiếng hỏi thì linh tính ngăn lại. Vùng này là đất lạ, vô ý là chết ngay.

Trời dần dần sáng. Cảnh vật xanh tươi, cây lá còn ướt đẩm sương sớm. Lắng tai nghe không thấy một tiếng động nào khác thường, tôi chui ra khỏi chỗ nghỉ qua đêm. Tôi vượt qua một vùng cỏ xanh

trống trải, đến sát một hàng cây thấp, gọn và nhanh như khi còn ở bãi tập di chuyển tác xạ. Đang quan sát phía trước mặt, tai tôi nghe thấy tiếng sột soạt lạ phía bên trái. Tôi quay lại nhìn thì tiếng động ngừng bặt. Tôi thử làm bộ nhìn hướng khác và bất thần quay lại khi nghe tiếng này thì sự việc diễn ra như cũ. Nếu con vật nào đang gặm cỏ thì hành động quay nhìn lại cũa tôi với hành động bứt cỏ của nó là hai loại hoạt động không có liên hệ nhân quả gì ráo trọi. Đàng này cứ mỗi lần tôi quay cổ lại là mỗi lần tiếng sột soạt lại im. Đúng là có người đang cố tới bắt sống mình đây.Tôi liền bước nhanh vào rừng cây lúp xúp trước mặt. Chưa đi được ba, bốn bước, tôi gặp một vùng trũng toàn là nước, rải rác trong đó là những gò đất nhỏ, cỏ cây mọc lưa thưa. Muốn bước mỗi bước ta phải nhảy từ gò này sang gò kế cận, hụt chân thì lún xuống bùn dễ như chơi. Nhảy mãi tôi vẫn không ra khỏi vùng sình lầy. Hơn mấy giờ đồng hồ quanh quẩn như vậy tôi mới thấy được bờ đất liến và nhảy một lần cuối cùng. Từ chỗ đang đứng tới gò kế tiếp trông khá xa. Trên gò ấy một thân cây khô, ngọn đã cụt, nằm chênh vênh, sẽ là điểm bám tốt. Tôi liền lấy hết sức phóng mình qua và tõm! tôi chụp không tới, mặt va vào thân cây, đánh bình một tiếng. Đôi kính cận sút ra khỏi tròng, rơi xuống nước. May mà tôi mang kính loại Nylor nên kính không hề hấn gì. Tôi nghĩ bụng: Thế là hết chăng?

Mình tựa vào thân cây khô, tôi đưa tay vuốt lải vạt áo field-jacket. Thế là hết. Nếu tin chiếc đồng hồ Movado mang trên tay thì hôm nay là ngày Chủ Nhật. Trời nắng, Ấm và không khí thật trong lành. Không bỏ được thói quen ghi chép, tôi rút cuốn sổ tay trong túi ra, cầm cây bút Parker hằng ngày tôi vẫn dùng để viết bài, ghi vội mấy điều cần nhớ, Định bụng sau này sẽ viết một cuốn sách kể lại chuyến du hành dã ngoại ly kỳ chẳng thua cuốn sách Cục Tâm Lý Chiến đã in năm 1973.

Tôi đã ra đi hơn một tuần lể. Nơi đây cách xa Ban Mê Thuột bao nhiêu cây số, tôi không thể biết được. Nhưng có chắc chắn là tôi đã ra khỏi chiến trận. Bằng chứng là hai ngày nay tôi không hề nghe thấy tiếng đại bác, tiêng súng nhỏ cũng như tiếng phi cơ trên không. Địch có nhanh thì cũng không thể nhanh bằng tôi. Vả lại, mục tiêu của họ há không phải là Thị xã nơi có Bộ Tư Lệnh SĐ đóng sao?

Lý luận của tôi thật là sai lầm!

Đứng bên bãi đất đầy những đống phân người, ngay bở nước, có mù tôi cũng biết là kế cận đâu đây địch đang đóng quân. Nếu xem số lượng các đống phân còn rất tươi, đơn vị có người phóng uế này chắc có quân số chừng một trung đội. Thế là nguy to rồi!

Phía trên cao là bờ đất bao quanh vùng đầm lầy tôi vừa mới vượt qua. Tôi leo lên bờ, định vẩch bức tường cây gai mắc cỡ cao, dày, chạy suốt dọc con đường mòn, để tiếp tục cuộc hành trình. Thử đôi lần, tôi không tài nào lách mình qua được nên tôi lui xuống bờ đầm, định tìm cách khác. Kinh nghiệm cho thấy di chuyển trong vùng có địch ta nên tránh các con đường mòn. Tôi lại nhớ tới cách di chuyển cûa người da đỏ trong sách ‘Tên Mọi Da đỏ cuối cùng’ của Fenimore Cooper. Trong túi jacket còn lại một nhúm nhỏ khoai lang khô. Mấy hôm trước, nhân đi ngang qua một cái rẫy cûa người Thượng tôi đã hốt môt nhúm, nay có vẻ như đã gần cạn. Phải nhanh chóng thôi. Lần thứ ba, leo lên bờ, chưa bước lên đường mòn tôi thấy ngay một đường dây điện thoại dã chiến nằm chình ình. Hai lần trước tôi nào thấy có nó! Điều này càng bảo đảm cho tôi rằng vượt ngang qua bức tường cỏ gai rậm rảp này là một cách giải quyết hợp lý nhất. Đang loay hoay như vậy tôi nghe tiếng quát sau lưng:

-“Ê! Đi đâu đấy?” Người mặc quân phục không trang bị súng ống gì cả đang gánh đôi thùng nhỏ hình hộp trên vai, có khuôn mặt non choẹt, khoảng 18, 19 tuổi đứng nhìn tôi, mắt không chớp.

-“Tôi về Buôn. Tôi về Buôn…’’ Tôi cố giả giọng lơ lớ như một người Thượng thật sự.

Không tin, anh ta bảo:

-“Không về Buôn làng gì cả. Cởi giày ra!’’

Thấy không gạt anh này được tôi bèn khai thật:

-“Tôi là Đại úy Báo chí. Tôi thua các anh rồi. Cho tôi gặp sĩ quan cao cấp chỉ huy của các anh.”

Dường như có sự chuẩn bị trước, anh ta giục một lần nữa;

-“Không sĩ quan cao cấp gì cả. Mày cởi giày ra, đưa dây giày đây.” Tôi đứng tần ngần, không muốn cởi giày, cố nài xin giữ chúng lại vì rằng từ nhỏ đến lớn chưa có lúc nào quen đi chân không. Điều này tôi nói dối hoàn toàn.

-“ Mày từ Bờ -lây -cu đến phãi không? Điện đài đâu?” Anh nhỏ làm điệu như người lớn, nét mặt cố làm ra vẻ nghiêm trang. Tôi bảo tôi từ Ban Mê Thuột chạy ra đây, không có máy móc gì cả.

-“Thế mấy ngày nay, mày ăn cái gì để sống? Mày ăn cướp của nhân dân à?” Anh ta nói một tràng dài như đã học thuộc lòng.

-“ Không! Tôi ăn theo lối mưu sinh thoát hiểm” tôi bính tĩnh trả lời. Anh nhỏ lại giục một lần nữa. Tôi xin chừa lại đôi bít tất. Một người khác, lớn tuổi hơn, xen vào bảo anh ta cứ cho tôi giữ bít tất lại, không sao đâu. Anh ta giật lấy dây giày tôi vừa mới tháo ra, cột rút hai cánh khuỷu tôi lại.

Thấy hai cái túi áo có gì cồm cộm, anh lính nhỏ thò tay móc hết ra. Những lát khoai khô vụn rơi lả tả xuống mặt đất cỏ xanh.

Tôi được anh lính lớn tuổi đưa tới ngồi xuống trên bờ đất cao nhìn xuống một vùng đất thấp trải dài ra phía xa. Thấy anh chàng có vẻ hiền lành tôi liền bắt đầu phàn nàn:

-"Ngày trước, khi chúng tôi bắt được các anh, không khi nào chúng tôi gọi các anh bằng mày. Tại sao người lính kia nhỏ tuổi hơn tôi lại đi gọi tôi bằng mày?"

-"Đó là qui luật chiến trường. Trên quan điểm giai cấp, anh là kẻ thù của chúng tôi." Anh chàng ôn tồn đáp. Anh nói tiếp: "Thế thì quê anh ở đâu?"

- "Tôi quê ở Nha Trang. Vậy còn anh? Anh không trả lời thẳng câu hỏi của tôi nhưng một cách gián tiếp anh bảo anh cùng quê với 'Phó Tổng Thống của anh ấy'.Tôi xin anh nới lỏng dây trói một chút. Anh làm theo nhưng dây vẫn còn xiết chặt lắm. Thấy thế, tôi không nài nỉ thêm. Khung cảnh thật thanh bình. Gió trưa thổi nhè nhẹ. Chiến tranh dường như là một vở kịch nay đã hạ màn, Đào kép đã rửa hết lớp son phấn. Có gì khác giữa một sĩ quan QLVNCH với một anh lính Bắc Việt cùng trang lứa nhỉ? Quan điểm giai cấp đã che mắt cả một nửa nước Việt Nam.

Giờ đã khá trưa. Tôi được dẫn xuống"phẫu" để ăn cơm.. Phẫu (2) là gì nhỉ? Hóa ra đó là nhà bếp dã chiến lập dưới vòm tre già. Người ta dọn cho tôi một chén nước gì đen đen giống nước xì dầu thường thấy trong các tiệm hủ tiếu Tàu và một chén cơm nóng. Tôi lặng lẻ ngồi nhai và thấy miệng ăn khá ngon. Đã bảy, tám ngày nay tôi chẳng ăn được một chén cơm đàng hoàng nào. Ăn đến chén thứ ba, tôi vẫn thấy bụng còn đói nhưng một phần vì thể diện, lại một phần sợ bội thực, nên thôi không ăn nữa. Sau khi xin anh lính bếp đổ đầy cho tôi một bi-đông nước nóng, tôi được đưa ra ngồi tập trung cùng các người khác dưới bóng râm.

Lướt nhìn mấy quân nhân đang ngồi bó gối, nét mặt của họ như muốn nói họ là những kẻ bị người ta bắt nhầm, không thấy ai là người quen biết, tôi tự nhủ mình là người ‘có giá’ nhất trong đám này.

(1) Thứ rựa có cán dài bằng thân mây, đầu cũ uốn cong có gắn một lưỡi dao vuông.

(2) Có thể đây là trạm giải phẩu dã chiến; bên cạnh có một nhà bếp cũng tạm thời cho chiến dịch (?)





# Phần III :
# Quận Phước An, Darlac.
# Tháng 3, 1975: Ngừng Bắn Da Beo

Quả thật, tôi không phải chờ lâu vì liền đó tôi được một anh lính dẫn đến nơi có một người lính khác, vai mang một chiếc túi hình vuông bằng loại nhựa giả màu đỏ, đang đứng tựa vào một thân cây khô. Có một số người lính khác vai cũng mang cái túi hình vuông tương tự đứng lảng vảng như chờ một cái gì. Tôi được anh vai mang túi đỏ chỉ chỗ cho ngồi xuống đất. Tôi ngồi xuống, một chân cao, một chân bằng, rất thoải mái. Anh ta có đôi mắt không thẳng hàng, mắt trái nhìn tôi còn mắt phải dường như nhìn đâu xa xa.

-“Giấy tờ anh đâu? ”

-“Thưa, tôi đã giao cho toán... ” Tôi chưa kịp nói dứt câu anh ta đã cắt ngang;

-“Anh dám bảo chúng tôi là toán cướp hả? ”

-“Tôi giao cho một tổ...’’Tôi lanh miệng sửa lại.

-“Anh thấy anh sống chưa? Bọn Biệt Động từ đầm lầy đi lên đã bị chúng tôi diệt gọn hôm qua. Thế là

anh sống rồi đấy.’’ Anh ta nói với giọng cûa kẻ ban ơn. Tôi chưa kịp trả lời thì anh phán tiếp một câu, làm như chính nghïa đang nằm trong tay mình:

-“Theo anh, ai vi phạm Hiệp nghị Pa-ri? Các anh hay chúng tôi? ”

Không cần suy nghĩ lâu, tôi có ngay câu trả lời:

-“Các anh cũng có mà chúng tôi cũng có. ”

Từ bên ngoài, có tiếng nhao nhao nói chen vào:’’Sao ăn nói hàng hai thế nhỉ!’’ Tôi bắt đầu nói như giảng thuyết. Hiệp định Pa-ri tạo ra một cuộc ngừng bắn tại chỗ. Quân bên nào đứng yên tại chỗ bên đó khi lệnh ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực. Tình hình này là gì nếu không phäi là ngừng bắn da beo? Tôi nói tiếp: “Khi quân các anh di chuyển ngang qua chỗ chúng tôi đóng quân hay khi quân chúng tôi đi ngang qua vị trí các anh, súng bỗng nổ, ai bắn trước, ai bắn sau, làm sao biết được? ”

-“Anh nói sai. Anh chưa đọc bản văn chính Hiệp nghị Pa-ri.’’Anh ta nói với giọng đắc thắng.

-“Có. Tôi đọc cả hai bản, tiếng Anh và tiếng Việt luôn. ”

Anh ta liền đổi giọng xẵng, nói như ra lệnh:

-“Này anh kia , anh ngồi nghiêm túc lại. Nên nhớ anh là tù binh đấy nhé!’’

Tôi thả chân phải xuống, sửa bộ thành kiểu ngồi như nhập định tham thiền.

Im lặng một lúc, anh sĩ quan Ban 2 đi vào điểm chính của buổi khai thác.

-“Anh có biết tên đại tá nào chì huy Trung Đoàn 44 trong huyện Phước An không?’’ Tôi nói dối rằng tôi không biết. Thực ra, mấy tháng trước đây tôi đã từng có dịp ghé thăm Trung Đoàn này khi nó đóng tại phía Tây Kontum. Tôi đã nói chuyện với Trung tá X., Trung Đoàn trưởng. Tôi còn nhớ đã nhìn thấy trên cái bàn nhỏ dã chiến đóng bằng thùng pháo binh có một chai rượu mạnh dấu trong bao giấy ‘âm-ba-la’ nữa kia. Ông X. là người chỉ huy đầu tiên khi tôi trình diện Trung Đoàn 44 tại Sông Mao, Phan Thiết. Tôi được bổ nhiệm về TĐ2/44 mà Ông là Tiểu Đoàn trưởng. Ông được người ta mô tả là một cấp chỉ huy rất ‘sê-ri-ưa’. Quê Ông ở Hải Phòng. Ông vượt biên khi chúng ta chưa có động từ này trong Tự điển tiếng Việt. Năm 1955, gia đình Ông sắm ghe bầu chạy vào Nam. Ghe chạy đến vùng Quảng Bình, gia đình tưởng nhầm là đã đến bến bờ Tự do nên cập bến để bị bắt lại tất cả. Một năm sau, chuyến vượt biển lần thứ hai mới thành công. Học xong lớp Đệ Nhất, Ông thi vào Trường Võ Bị Quốc Gia Đà lạt. Bị người làm An ninh nghi là người địch gài vào quân đội theo thế chiến lược, Ông suýt nữa đeo lon cánh gà. Chuyện

này Ông kể cho tôi nghe khi chúng tôi nằm trên đỉnh Galang, Phan Rí, trong một buổi chiều mù sương tôi còn nhớ là rất lạnh. Ông thích văn chương, triết học. Lại có khiếu viết văn, Ông thỉnh thoảng gởi bài cho chúng tôi để in lên tờ Biên Trấn của SĐ23BB. Ông viết gọn gàng, không thiếu cũng không thừa. Giọng văn Ông như có thần khí. Ông có học, có tài, đường thăng quan tiến chức của Ông bắt buộc phải dài nếu chúng ta vượt qua được biến cố hôm nay.

-“Thế anh có biết huyện Phước An cũ không? Huyện Phước An mới?’’ Anh Ban 2 hỏi tiếp. Tôi vẫn trả lời tôi không biết. Anh bảo:’’Sĩ quan báo chí gì mà không biết gì cả. ”

- “ .. tôi không thường đến đây nên không biết.’’Tôi đáp nho nhỏ như cố không chọc giận anh ta.

-“Thế anh có đọc được bản đồ hay không? ”

-“Tôi không đọc được vì ra trường lâu rồi, không có dịp xử dụng bản đồ. ”

Thấy chẳng khai thác gì được anh ta cho tôi đi về nhập vào nhóm tù binh ngồi thành nhóm nhỏ dưới bóng râm mấy hàng cây.

Đêm nhiệt đới xuống chầm chậm. Mấy người tù binh ngồi ăn cơm rải rác trên bãi cỏ trống. Mấy người lính canh đứng nhìn từ đàng xa. Chúng tôi, hai người, được phát một hộp thịt heo QTV và hai

bịch gạo xấy quân đội, loại 125 g ăn buổi sáng. Đang nghĩ không biết phải ăn bằng cách nào vì chung quanh không tìm đâu ra nước thì có anh lính vai mang AK47 đến đứng giữa bãi cỏ rộng gọi to hỏi cấp bậc và chức vụ của tôi. Tôi đáp ‘có’ và đi theo anh ta.

Chúng tôi đi băng qua một vài trảng tranh, lá nhọn và sắc. Lính Bắc Việt từ mặt trận Phước An ra, di chuyển ngược hướng đi của chúng tôi. Họ đi theo đội hình hàng dọc, chân bước không có gì là vội vàng lắm. Không thấy có ai bị thương. Sầch sẽ như mới đi thao dượt về. Phía bên phải, sau khu rừng cây, thỉnh thoảng có mấy loạt súng nổ, tiếng súng nhỏ xen lẫn tiếng súng lớn. Hai bên đang đánh nhau đây.

Bỗng có tiếng hỏi với từ hàng quân di chuyển bên phía trái:”Ê! Quê ở đâu đấy? ” Tôi thấy họ muốn hỏi tôi nên tôi đáp: ‘Tôi quê ở Nha trang!”Tôi đáp lại, chân vẫn bước nhanh theo anh lính dẫn đường. Lại một câu hỏi khác tương tự, tôi cũng trả lời tương tự.Kỳ lạ thật! Sao họ lại tò mò muốn biết mình quê quán ở đâu vậy kìa? Đến lần hỏi thứ ba, tôi không trả lời nữa vì cảm thấy điều đó không có nghĩa lý gì cả. Một anh lính trẻ bỏ hàng quân, mặt hầm hầm chạy tới bên tôi, hất hàm hỏi:

”Ê! Bộ khinh người đấy hả? Sao hỏi không trả lời?" Nói chưa dứt lời, sẵn tay cầm thanh rựa lưỡi dài,

loại rựa phát quang khi phải qua một truông rừng rậm rạp, anh trở mặt bằng đánh mạnh vào vai trái của tôi. Anh dẫn đường lôi tay, kéo tôi ra xa, tiếp tục đi, chân bước nhanh hơn. Anh nói như bào chữa:’’Bọn chúng mới có bạn bè chết nên dễ nổi nóng và làm bậy. Đi nhanh nhanh lên! ”

## Phần IV :

## Quận Phước An, Darlac.

## Tháng 3, 1975: ‘Nam Bình, Bắc phạt, Cao nguyên trấn.’

Chúng tôi bắt đầu vào khu rừng cao su cây trồng thành hàng ngay ngắn. Một vài cây bị đẵn cụt gần tới mặt đất. Một vài người lính ngồi trên nóc hầm hút thuốc sau khi dùng cơm chiều. Thấy chúng tôi đi ngang họ đưa mắt nhìn, không có vẻ gì là thù nghịch. Tôi nghĩ đây có thể là Bộ Chỉ huy của địch. Đến một khoảng đất trống, cỏ mọc xanh um, tôi được một người mặc quân phục bằng vải kaki Nam Định đang ngồi một mình hút thuốc gọi lại. Phía trước mặt anh ta, tôi nhớ, có một gốc cây cao su

cụt đầu, thấp ngang bằng mặt bàn. Tôi chưa kịp bước ngang qua để đến ngồi đối diện cùng anh thì anh ta đã khoắc tay, ngầm ý bảo phải đi vòng, bọc sau gốc cây. Tôi làm theo và đến trước mặt anh. Tôi có ý chần chờ xem anh ta muốn tôi làm gì. Anh bảo tôi ngồi xuống và đưa gói thuốc, bao giấy vàng xỉn mời tôi hút. Tôi bảo tôi không hút thuốc lá. Anh ta nhìn tôi có vẻ kinh ngạc. Tôi là người hút thuốc. Capstan QTV là thuốc tôi thích vì giá nó rẻ, vừa túi tiền. Hương vị, dĩ nhiên làm sao bằng thuốc Capstan thương mãi. Đã lâu không hút rõ ràng tôi rất muốn cầm lấy gói thuốc, rút một điếu hút cho bõ thèm. Thế nhưng tôi không.

-“Trông anh là người hay hút thuốc đấy chứ? ” Tôi trả lời tôi hút thuốc nhưng nay đã bỏ. Anh mặc áo kaki nâu lấy điếu thuốc khỏi môi và nói chậm rãi vừa đủ cho hai người nghe:

-“Anh thế mà khá đấy! Tôi muốn bỏ nhưng bỏ không được.”

Trời về chiều nắng đã chếch. Những mảng màu vàng như còn lưu luyến với thảm cỏ xanh dày êm như nhung. Ước gì mình được ai đó cho phép ngã lưng một vài khoảnh khắc thì cũng đủ lãng quên đời!

Trở lại giọng nghiêm chỉnh anh nói:

-“Anh sống rồi đấy, anh biết không?’’Nghe lần thứ hai câu hỏi này, tôi lấy làm khó chịu, muốn bày tỏ điều gì đó cho những người bắt được tôi thấy rằng họ không nên đùa giỡn với tương lai của một người tù binh.

-“Thưa anh, tôi bị bắt mới có ba, bốn tiếng đồng hồ nay nên tôi không thể trả lời là tôi sẽ sống hay sẽ chết. Biết đâu sau này tôi không còn sống khi ở tù trong rừng thì sao?”

-“Anh là người Bắc?” Chợt nhiên anh kaki nâu hỏi.

- “Dạ không. Tôi là người Nha Trang.” Tôi miễn cưỡng trả lời. Anh ta không tin, cứ lập đi lập lại rằng thì tiếng nói, ngôn từ tôi dùng chứng tỏ tôi là người Bắc di cư. Anh ta muốn dọn sẵn phiên tòa để buộc tội tôi chăng? Thế rồi dần dà giọng anh trở nên kẻ cả, anh hỏi:

-“Cách mạng chú trương nhân đạo đối với các anh.” Không chờ anh ta nói hết lời, tôi trưng ngay bằng chứng, rất nóng và rất cụ thể: tôi vừa bị một anh lính 'cách mạng' dùng dao đánh vào vai khi đi qua gặp anh chiều nay. Anh nổi nóng đáp lại ngay:

-“Nhưng mà anh là tù binh!” Đúng rồi, tôi là tù binh chứ còn là gì nữa? Câu chuyện sau đó đi vào nề nếp. Anh khoe trận này phe anh đã chuẩn bị, nghiên cứu tình hình miền Nam rất là kỹ lưỡng. Bất thần anh ra câu đố:

- “Anh có biết miền Nam các anh có bao nhiêu đảng phái chính trị không?’’ Tưởng hỏi gì chứ hỏi bao nhiêu đảng thì cần gì phải suy nghĩ: “Khoảng mươi, mười lăm đảng.”Anh ta bảo không đúng. “Ba mươi lăm đảng.” Con số này có vẻ khôi hài cho nên tôi nói nếu kể mọi đảng chỉ có hai người thì con số còn lớn hơn thế nữa. Nhưng ly kỳ nhất là khi anh ta hỏi Mỹ đã cút và tôi hãy kể ra xem Mỹ để lại cho miền Nam những thứ gì. Tôi say sưa kể ra nào là xa lộ, phi trường, hải cảng…nhưng thứ thuộc cơ sở hạ tầng kinh tế ai cũng có thể thấy được.

-“Chỉ có ba thứ thôi, tôi đố anh kể ra cho được? ” Anh ta nói như thách thức.

-“Tôi đã kể hết rồi! ”

-“Này nhé! Chúng nó để lại túi ny lông mà đi đâu anh cũng gặp, dây kẽm gai thì chỗ nào cũng có và mái tôn. Đâu đâu cũng thấy các thứ này.”(1)Anh chàng này quả thật có óc khôi hài đen! Biết bao nhiêu thứ đã được Mỹ mang tới miền Nam thế mà anh chỉ rút ra được ba thứ mà về mặt giá trị cũng như thẩm mỹ, chúng chẳng có nghĩa lý gì tất cả. Thật khôi hài.

Anh lại khoe trong trận Mang Đen, Kontum, đơn vị anh bắt được một tài liệu mật của địch trong một nhà thờ. Tôi nghĩ ngay đến cha Trần Hữu Thanh trong Phong Trào Chống Tham Nhũng. Tài liệu

mật trong nhà thờ thì chỉ có các Cáo trạng mà thôi. Tôi đoán đúng. Tôi làm bộ tò mò hỏi:

-“ … tài liệu mật nào ạ? ”

-“Cáo trạng tố cáo Nguyễn Văn Thiệu buôn thuốc phiện… ” Tôi ‘’A’’ lên một tiếng và nói cho anh ta biết chuyện này chẳng có gì là bí mật đối với sĩ quan miền Nam.

-“Chúng tôi đã biết hết cả. Chúng tôi còn kêu tên ông ta ra mà thóa mạ nữa kia. ”

-“Thế à? ” Anh kaki nâu chưa hết ngạc nhiên. Mặt anh ta dài, da trắng xanh vì thiếu ánh nắng, trông từa tựa khuôn mặt Mai Thảo do Ngọc Dũng vẽ, in trên tờ Sáng Tạo những năm 1960. Cách hỏi cũa anh kaki nâu rất dễ cho người bị thẩm vấn trả lời. Anh đặt vấn đề nhưng không mất thì giờ khai thác tường tận vấn đề. Bảo rằng đây là cuộc đấu lý thì không hẳn như vậy nhưng bảo đây là cuộc truyện trò tìm hiểu thì lại càng sai.

-“Anh là sĩ quan tâm lý chiến, thế anh dạy cho lính anh học những gì? ”

-“… năm nay, QLVNCH chú trọng ba mục tiêu trong toàn quân.”Tôi thao thao nói, "Chống Tham nhũng trong toàn quân, Tự Lực Tự Cường và Nông Mục Quân đội. ”

-“Thế anh không nói xấu Cọng sản à?” bất ngờ anh ta cắt ngang.

-“…., chuyện này Ông Diệm đã làm lâu rồi, chúng tôi không cần phải dạy họ nữa. Ai cũng biết hết rồi”. Sự thật quả đúng như thế. Năm 1973, 1974 Cục Chính Huấn không còn in ấn các tài liệu nói về chủ nghĩa Cọng sản hay tội ác do chúng gây ra nữa.

-“Anh là báo chí Sư Đoàn? Thế anh có nói dối không?” Tôi trả lời tôi có nói dối. Anh bảo tôi cho ví dụ, tôi đáp ngay:

-“Ví dụ Đơn vị X trong một cuộc chạm súng đã tịch thu được 6 khẩu súng, chúng tôi viết và tăng lên là 16 khẩu súng nhằm động viên tinh thần chiến sĩ chúng tôi.”

-“Sư Phó cũa anh là người thế nào? ”

-“Thưa anh, ông là người tốt, rất giỏi.”

Anh kaki cắt ngang bằng một lời phê gay gắt: “Giỏi gì mà giả dạng làm ông lão. Chúng tôi đã bắt được nó trong vườn cà phê.”

-“Còn Sư trưởng? ”Anh ta gạn hỏi thêm.

-“Ông là người rất thương lính. Ông thường ăn chay.” Các câu trää lời trên tôi thốt ra rất nhanh, không cần suy nghĩ tính toán gì cả. Trong Sư Đoàn, tuy là Sĩ quan Báo Chí, có khi nào các ông này nói chuyện với tôi đâu. Tôi thì lại không thích những cảnh vào trình ra thưa cho nên suốt năm 1974 tôi không có cái may được trình diện các vị

chỉ huy của Sư Đoàn. Chuẩn tướng Lê Trung Tường là vị Tư Lệnh thứ tư tôi được vinh dự phục vụ dưới quyền. Khi Ông về nhậm chức, Sư Đòan đã qua tay các tướng tiền nhiệm như Tướng Võ Văn Cảnh, Lý Tòng Bá và Trần Văn Cẩm. Sư Đoàn đã nổi danh dưới thời Đại tá, rồi Chuẩn Tướng Lý Tòng Bá trong Mùa hè 1972 tại Kon Tum. Chuyện Sư Đoàn 23 Bộ binh giữ được Kon Tum có thể viết được cả một cuốn sách dày với nhiều tình tiết ly kỳ. Nhiều người bạn của tôi đã ra đi trong chiến thắng này. Sau cuộc đụng độ lịch sử tại thị trấn biên viễn, ta và địch đều 'rạt gáo'--xin dùng tiếng quen thuộc của Tướng Tư Lệnh--Sư Đoàn 23 BB canh chừng vùng Bắc-Tây Bắc cao nguyên cho đến ngày Ngưng bắn. Một bữa nọ tôi được Thiếu tá Trưởng Khối CTCT/SĐ phái đi tìm mua cho bằng hết các số báo trong đó bọn nhà báo ở Sài Gòn ám chỉ Tư Lệnh chúng tôi là Tướng Bùa Ngãi. Tôi chạy xe mô-tô suốt buổi nhưng kiếm không ra tờ nào cả. Vì không đọc nên tôi không nhớ nội dung bài phiếm và cũng như tên tờ báo. Thời bấy giờ ở Pleiku có một bốc sư nổi tiếng. Các quan chức trong Quân Đoàn II hay kín đáo đến nhờ thày gieo quẻ. Tư Lệnh chúng tôi đã phái trực thăng rước Thày về xem phong thủy cho Bộ Tư Lệnh tại Ban Mê Thuột.Nghe người ta nói nhỏ Thày bảo nơi thiết trí văn phòng Tư Lệnh chứa nhiều tà khí nên Thày không dám bước vào. Thày dạy phải dời Văn

phòng xuống ngôi nhà xưa nay dùng làm Văn phòng của Tham Mưu trưởng và nên sơn lại toàn bằng màu vàng, chớ sơn màu nâu đen xui xẻo lắm, có thể thân bại danh liệt nữa đó. Tư Lệnh định bụng (2) sẽ sai Phòng Tư làm y lời Thày dạy. Thiếu tá Trưởng Khối của chúng tôi cũng bắt chước mời thày quá bộ sang xem vị trí của bàn giấy mình. Thiếu tá Đ. vừa mới nhận chức nên mong muốn may mắn sẽ luôn luôn đến. Một thời gian sau, phi cơ trực thăng chở một số sĩ quan cấp tá đáo nhậm hành quân từ Ban Mê Thuột lên Pleiku rớt và Thiếu tá chúng tôi chết một cách thê thảm.Thời chinh chiến, cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ địch đầy mưu ma chước quỉ không cho phép chúng ta quá tin vào những lời tiên tri bói toán. Cũng như Mỹ đã từng dùng những ông thày bói và sửa chữa một số lời sấm Trạng Trình trong vụ Trưng Cầu Dân Ý phế bỏ Bảo Đại, địch--tại sao lại không nhỉ? -- đã sai Bốc Sư nổi tiếng nhờ đoán đâu trúng đó kín đáo sai khiến các vị chỉ huy cũa chúng ta phải ăn chay, niệm Phật, phải tránh xuất quân vào giờ này canh nọ... thì thử hỏi họ còn đánh đấm thế nào được nữa?

-“Chúng tôi bắn nó bị thương rồi!” Lời anh kaki thốt ra như một cú chém, gọn và khéo. Tôi nghe nhưng thấy khó tin. “Tại sao Ban Mê Thuột là nơi các anh đặt chỉ huy sở, các anh lại phòng thủ sơ hở thế? Chưa lúc nào Trung Đòan chúng tôi lại tiến

nhanh như thế này. Trong vòng không tới bốn ngày chúng tôi đã giải phóng một dãi đất rộng từ Buôn Ma Thuột đến đây.”

Khói thuốc sao mà thơm thế! Hút điếu này anh ta châm điếu khác. Tự nhiên tôi thấy mình phải làm một cái gì đó để tước hết những bông hoa chiến thắng anh ta đang tự mang lên đầu mình.

-“Các anh đã đánh vào hậu cứ Bộ Tư Lệnh và hậu cứ các đơn vị. Họ chỉ là những người lính làm việc văn phòng.”Tôi nói như có ý phân bua (3), lòng đau sót vì chúng ta đã bị đối phương cho vào xiếc. Tôi nói to trong đầu: Chúng tôi chưa chịu thua các anh đâu!

Một người đàn ông khác, mặc quân phục màu xanh ô-liu lặng lẽ ghé ngồi theo dõi cuộc trao đổi. Anh không phải người có cấp bậc lớn hơn người đang hỏi tôi từ lúc nãy tới giờ. Anh chỉ ngồi im, khuôn mặt bầu bĩnh làm cho không khí giữa chúng tôi bớt căng thẳng. Thấy tôi đối đáp có vẻ hồn nhiên quá, anh ta mới xen vô giới thiệu người đối thoại cûa tôi:

-“Giới thiệu anh, đây là Thượng tá... ” A ha, nãy giờ mình đang ngồi trước mặt một ông kẹ (cọp) mà mình không biết. Tôi không lấy thế làm lúng túng. Biết đâu bọn này nói gạt mình như chúng đã thường làm trong các cuộc đấu lý giữa hai bên ngay sau ngày ngừng bắn thì sao?

-“Anh định chẩy đi dâu? ” Anh kaki nâu tiếp tục hỏi, không muốn hay nói cho rõ hơn, không hiểu ý mỉa mai cûa câu trả lời vừa rồi cûa tôi. Tôi nói theo lối xưng hô nhà binh quốc tế là “Thưa Thượng tá...” thì bị ngăn không cho thưa trình theo kiểu đó. Anh kaki bảo cứ gọi là anh cũng được rồi.

-“Thưa anh, tôi định chạy về Nha Trang. Gia đình tôi ở đó”

-“Chúng tôi sẽ tiến chiếm Nha Trang nay mai. Có chạy thì nên chạy về Sài Gòn.” Anh nhấn mạnh chữ 'tiến chiếm' làm như sợ tôi không nghe kịp. Tôi ngồi yên để cho anh ta mặc sức thưởng thức men rượu chiến thắng do anh tự chế lấy. Làm sao họ có thể chiếm một thị xã có biết bao nhiêu căn cứ quân sự lớn, lại nằm sát ngay bờ biển, phương tiện tiếp ứng đầy dẫy như là Nha Trang?

Anh kaki nâu có thể là Chính ủy Trung Đoàn 28. Trung Đoàn này năm 1972 có mặt ở Kontum, đã chạm trán với Sư Đoàn chúng tôi. Cái phù hiệu ngụy trang Con ó đen hai chân gắp thanh kiếm bạc vẫn còn bên vai trái của tôi. Anh ta thừa biết tôi thuộc đơn vị này nhưng anh không rõ năm 1972 tôi có mặt ở mặt trận Kontum hay không. Anh hỏi:

-“Anh biết năm 1972, Sư Đoàn 23 làm gì ở Kontum không?”

Sao tôi lại không biết. Năm đó vào giữa tháng Năm, chúng ta đã biết địch quân sẽ mở trận tấn công vào lúc 4 giờ sáng. Sư Đoàn 23 BB liền bố trí cả 3 Trung Đoàn theo hình vòng cung: Trung Đoàn 45 giữ mặt Tây nằm phía bên trái QL14.Trung Đoàn 44 được phân công giữ mặt chính Bắc nằm bên phải quốc lộ. Còn vùng Đông Bắc gần phi trường được giao choTrung Đoàn 53. Từ hướng Bắc địch dùng Trung Đoàn 28 độc lập tùng thiết với một đại đội xe tăng T54 làm mũi dùi chính. Nhờ biết trước nên pháo binh VNCH đã tập pháo dọc theo quốc lộ khiến Trung Đoàn 28 bị thương vong vô số. Bộ binh địch hoặc chạy dạt hoặc chết banh thây dưới cơn bão lửa. Nhị thức bộ binh+ xe tăng đã bị bẻ gẫy. Xe tăng T54 một mình tả xung hữu đột nhanh chóng trở thành mồi ngon cho các toán diệt tăng của SĐ23BB. (4) Trận đánh kéo dài cho đến khuya. Địch lợi dụng bóng đêm ném quân vào liên ranh hai Trung Đoàn 44 và 53 BB. Nguy cơ bị địch chọc thủng phòng tuyến bỗng xuất hiện. Chỉ còn một cách để cứu vãn tình thế đó là dùng B52 rải bom trải thảm lên đầu địch quân. Một giờ trước khi B52 bay đến các Trung Đoàn được lệnh rút lui về hướng thị xã trong khi pháo binh cường tập ngay sau lưng, khiến địch không thể bám theo. Sáng hôm sau, chung quanh BCH Trung Đoàn 44 người ta đếm được hơn 200 xác, Trung Đoàn 53, 189 xác và 7 xác xe tăng. Trong bao nhiêu chuyện

nay đã trở thành huyền thoại về một giai đoạn chiến chinh giữ nước, tôi nhớ nhất chuyện Đại úy Nguyễn Xuân H., Tiểu Đoàn Phó TĐ2/44 đã can trường đứng dưới hầm chỉ huy phóng một quả B41 vào chiếc T54, giết chết người tài xế khi chiếc xe này càn tới hầm BCH của Tiểu Đoàn. Điều lý thú là khẩu B41 này chúng ta lấy được của địch trước đó không lâu.

Trực giác cho tôi biết câu hỏi này dễ mang lại nguy hại cho mình. Biết đâu ân oán cũ không trở lại làm sấm làm sét trên sinh mệnh mỏng manh của tôi? Tôi nói như một cái máy:

-"Thưa anh tôi không biết nhưng Sư Đoàn chúng tôi có câu: NAM BÌNH, BẮC PHẠT, CAO NGUYÊN TRẤN.'' (5) Rõ ràng câu trả lời chẳng ăn nhập gì với câu hỏi nhưng vừa nói xong, tôi thấy lòng mình như đanh lại. Đanh lại vì lòng tôi vững tin sẽ có ngày chúng ta xoay lại cuộc cờ và cuộc đời tù binh của tôi chắc chắn không phải là vô hạn. Anh kaki và anh thuộc hạ không hỏi câu ấy có nghĩa gì và tại sao tôi lại dẫn nó ra. Khuôn mặt hai người, nhất là anh Thượng tá, không để lộ chút giận hờn hay thắc mắc tò mò. Họ cho gọi người áp giải và bảo anh này dẫn tôi đi.

(1)Đây là nhận xét của Vương Trí Nhàn, một người viết văn Bắc việt trong "Nhật Ký chiến tranh" ở Kỳ

3 nói về Quảng Trị năm 1972.Chúng tôi không nghĩ anh Kaki có thể đọc đoạn này vì chưng lúc bấy giờ, VTN chưa cho phổ biến Nhật ký. Như vậy, có hai giả thuyết: hoặc đây là idée-cliché của phe địch hoặc là cái nhìn độc đáo của cá nhân anh Kaki.

"....14/6

3 thứ nhiều nhất ở Quảng Trị:

1. dây thép gai, dây thép rào cả trong nhà rào cả mả tổ

2. ni lông

3. mái tôn (cả đất đai Quảng Trị như một trại lính lớn)

..."

(trích NKCT, Vương Trí Nhàn. (http://vanviet.info/category/van/)

(2) Để cho chính xác lịch sử, lần này chúng xin thêm vào mấy chữ "đinh bụng sẽ sai.." Các lần trước không có chữ này.

(3) Bắc Việt đã tung hơn ba Sư Đoàn chính qui cùng với một số đơn vị biệt lập để bao vây, theo dự tính, thị xã Ban Mê Thuột trong vòng một(?) tháng.

(4) Xem thêm '*Trial By Fire, The 1972 Easter Offensive, America's Last Vietnam battle*'', Dale

Andrade, Hippocrene Books, New York 1995, pp.314-322

(5) *Motto* này được ghi trên quân kỳ Sư Đoàn 23BB. Năm 1955, Sư Đoàn tham dự chiến dịch Hoàng Diệu ở miền Nam, nên bảo là NAM BÌNH, Việc tiễu phạt miền Bắc, Sư Đoàn chưa có dịp làm nhưng Giữ Cao nguyên thì Sư Đoàn đã liên tục TRẤN từ khi được thành lập cho đến tháng 3 năm 1975.



# Phần V :

# Khu Rừng Tre, phía bắc Ban Mê thuột

# Tháng 3, 1975 : "Hàng cau trước cửa, bui chuối sau hè..."

Người lính áp giải tôi trở lại khu vực tập trung tù binh. Chiều đã bắt đấu xuống. Hơi sương mở mờ bao tỏa khắp núi rừng.

Chúng tôi bị buộc thành từng xâu khoảng năm người một. Họ dẫn chúng tôi ra đường quốc lộ, đi về hướng thị xã. Cuộc di hành có áp tãi võ trang dần dần trở thành một hình thức trừng trị đôi bàn

chân không giày của các tù binh. Xích sắt xe tăng T54 đã cày nát mặt đường, các mảnh vụn sắc của dầu hắc châm vào lòng bàn chân đau không thể tả được. Lại cái anh chàng đi đầu xâu cậy mình chân mang dép mủ, hùng hục bước tới khiến mấy người đi sau như tôi cứ mỗi một bước là mỗi một hít hà đau đớn. Trong bóng nhá nhem, chúng tôi thấy lố nhố trong các vườn cà phê bên phải đường những người mặc áo quần xanh treo võng nằm. Phải chi còn các phi vụ B52 nhỉ?

Đồn điền La Scala nằm bên trái đường. Chúng tôi đứng tập trung ngòai sân, trước một dãy nhà nhỏ cao cẳng. Có thì giờ nhìn kỹ, tôi thấy có một vài người Thượng mặt mũi khá sáng sủa, có lẽ họ là các sĩ quan Địa Phương quân. Chúng tôi được yêu cầu giao nộp --họ gọi là đăng ký-- các tư trang như đồng hồ, vòng vàng...cho cách mạng giữ để sau này sẽ trả lại ‘không mất đâu mà sợ’. Tôi cởi chiếc đồng hồ Movado mạ vàng giao cho anh cầm cái rỗ mây. Còn cây viết mực Parker màu xám, nắp xi trắng, tôi có ý bẻ gẫy rồi vứt đi nhưng còn chần chờ. Tôi mua cây viết này trong thời gian theo học tại Special Warfare School and Center ở Fort Bragg, North Carolina, Hoa kỳ. Nó là vật thân thiết, là cánh tay nối lải với quá khứ mỏng manh trong đó tôi đã có những gì tôi muốn có, những mơ ước tôi đang ấp ủ. Cuối cùng, tôi quyết định giao nốt cho họ.

Trước khi móc ổ khóa vào khoen cửa, người lính già tay ôm một mớ còng số 8 trịnh trọng nói:’’Tôi tuyên bố còng các anh lại’’ Cái tiếng ‘lại’ này được nói thành ‘nại’ nghe rất đặc biệt. Chúng tôi hai người bị còng chân lại với nhau, chân trái anh này dính với chân phải anh kia. Anh bạn còng của tôi là một người Thượng, miệng anh hôi mùi thuốc lá, loại thuốc tự trồng lấy trên khoảnh đất trước nhà. Nó có vẻ tươi, tinh ròng và mùi ngai ngái.

Suối ngày đã ngồi rồi đứng, mệt quá, tôi rơi vào giấc ngủ lúc nào tôi cũng chẳng hay.

Không đủ người hay chưa xin được xe, không rõ cái nào là lý do khiến chúng tôi bị giữ lại đây gần bốn, năm ngày. Sau cùng, một buổi sáng, chúng tôi được đưa lên xe Molotova, tay trói cánh khuỷu thành từng dây. Xe chạy về hướng Thị xã. Mùi dầu xăng nghe rất lạ. Nó hăng hăng, không giống xăng Mỹ như chúng ta đã biết. Đồng ruộng hai bên đường vắng vẻ, thỉnh thoảng có một thây người chết, ăn mặc như đi dạo phố, nằm sấp, mặt úp xuống luống cày làm như đang mải mê tìm kiếm vật gì trong lòng đất. Trên đường, xe cộ chỉ thấy có mấy chiếc xe máy dầu chạy cùng chiều với xe chúng tôi. Chợt nhận ra người hàng xóm, một anh Hạ sĩ Quân Y, đang lái xe máy dầu chạy ngay sau lưng xe Molotova, tôi kín đáo ra dấu nhờ nói lại

cho vợ tôi chuyện gặp gỡ sáng nay để vợ tôi tôi đỡ lo lắng.

Xe quẹo vào một đường đất phía bên phải Bến Xe Ban Mê Thuột thì ngừng lại. Chúng tôi vụng về leo xuống khỏi xe. Hai anh lính áp giải dẫn nhóm tù binh đi thành hàng dọc, theo con đường đất đỏ bụi ngập đến mắt cá chân. Bít tất tôi mang nay đã tơi tã không giảm nhẹ mũi chích của mấy viên đá nhỏ quái ác. Anh Thượng đứng đầu 'xâu' bương tới, lôi theo cả dây kẻ rên người la không ngớt miệng. Về sau tôi biết anh chàng này là một Thiếu tá của Tiểu Khu Đắc Lắc. Có một nơi, rải rác quanh gốc cây me gai, vô số máy điện thoại dã chiến bị vứt bỏ, dây nhợ tháo rời, màu xanh màu đỏ, trông thật tương phản với màu nâu vàng của ruộng rẫy chung quanh.

Dưới rừng tre, lá phủ bụi đất trắng, chạy dài hơn trăm thước là vùng tãm giữ những người bị bắt từ các nơi chung quanh Ban Mê Thuột. Không thấy có mái tranh hay mái chòi nào. Chỉ có người là người. Trong gió thoang thoảng mùi mồ hôi, mùi bụi đất và mùi phân người. Một số người tới trước đứng phía sau hàng tre nhìn chúng tôi đi vào. Không thấy ai quen. Người Sư Đoàn đi đâu hết nhỉ, tôi tự hỏi. Đây là trại thanh lọc nên có đủ mọi thành phần và cấp bậc. Không ai muốn người bên cảnh biết mình tên gì, làm gì và ở đơn vị nào. Bát nháo

nên mớ bòng bong này cần phải có thời gian mới tháo gỡ ra hết. Riêng tôi, chỉ một hai ngày sau tôi bị gọi lên ‘làm việc’. Đó là một buổi chiều, sau khi ăn hết một bữa cơm với muối, tôi và một Chuẩn úy Địa Phương Quân còn rất trẻ đang nằm ngửa trên nền đất có rải một ít lá tre khô làm chiếu, chờ giấc ngủ. Anh sĩ quan trẻ tuổi này đang nấu trong tưởng tượng một món canh chua cá lóc cho tôi thưởng thức--cũng trong tưởng tượng luôn-- Đây là món thứ n anh làm cho riêng tôi mấy đêm nay.

Một người lính, tay cầm khẩu AK47, đứng giữa khoảng trống cây thấp, người nằm kẻ ngồi ngổn ngang, gọi to, hỏi ai là Đại úy Báo Chí. Không ai trả lời, anh quay về hướng tôi nằm, hỏi một lần nữa. Tôi lên tiếng: “Tôi đây.”

-“Theo tôi!”Anh lính nói lớn. Anh bạn tù trẻ của tôi im lặng không nói được tiếng nào. Đêm hôm giữa rừng có người cầm súng bảo ‘theo tôi’, ai lại không ái ngại? Chúng tôi bước len lõi giữa các chỗ ngồi nằm của các người cùng cảnh ngộ. Họ đang chuẩn bị chỗ nằm bên các bụi cây lá lưa thưa hay dọc theo một khe nước nhỏ chảy ngang giữa “trại”. Khe nước này nay đã cạn kiệt chỉ còn một vài vũng nhỏ ăn thông với nhau. Người ta truyền tai nhau về chuyện một anh hồi chánh lên cơn sốt rét đã bị những người bộ đội sỉ vả và xô xuống khe nước rồi anh này tắt thở luôn. Càng lúc chúng tôi càng đi xa

ra ngoài. Mùi phân người nghe thoang thoảng. Lên một bờ dốc thoai thoải, chúng tôi tiến gần đến một vòm cây giờ đã chìm trong bóng tối. Có đóm lửa lập loè và một mùi thơm giống như ai đang hút thuốc Cotab. Từ trong bóng tối mờ mờ có giọng nói phát ra:"Anh ngồi xuống đây!" Giọng miền Nam nghe quen thuộc làm tôi yên lòng. Như vậy tôi sẽ không bị làm tình làm tội gì đâu. Thú thật kể từ khi tôi bị bắt đến nay, chưa có lần nào tôi có ý nghĩ về mình, về những gì sẽ xẩy ra cho mình như giết chóc, tra khảo, nhục mạ. Như bao người khác, ai bảo sao tôi làm vậy, không cãi lại cũng như không chống đối. Duy có điều khác là tôi thẳng thắn trä lời những gì người ta muốn hỏi tôi, chẳng có gì phải dấu diếm ngoại trừ những câu hỏi quân sự có tính chất chiến thuật hay phản bội người tôi biết.

Tôi ngồi xuống trước mặt anh hút thuốc. Im lặng một hồi không ai nói với ai một lời. Tôi bỗng nẩy ra ý mong chờ. Phải chi anh bạn này mời mình hút một điếu thuốc thơm thì hay biết mấy?

Đêm tháng Ba, rừng Bắc Ban Mê Thuột trở lại trạng thái hoang sơ nguyên thủy: gió nhẹ thổi qua các vòm cây lá u tối, côn trùng, muông thú trổi lên bản giao hưởng thiên thu.

-"Anh người ở đâu? "

-"Thưa, tôi người Nha Trang. " Tôi nói vào bóng đêm. Không hiểu tại sao người nào cũng muốn biết

quê quán của đối phương. Mà hỏi để làm gì, để nhận người thân, để gây cảm tình? Tôi là một người lính làm thân tù binh -- môt thứ vô danh như bao nhiêu người đang nằm sau hàng cây trơ trụi kia có chi là quan trọng đến nổi phải tốn thì giờ hỏi thăm quê quán.

-“Chắc nhà anh phải là con giàu nên mới đi sĩ quan? ” Anh người Nam ôn tồn hỏi. Tôi tự nhiên thấy hứng chí nên đáp lại ngay rằng mình là con một ông thợ “cúp” (1) nghèo thôi. Còn đi lính thì ở miền Nam này ai cũng phải đi, trừ những anh đui, què, mẻ, sứt.

-“Thế anh hiểu thế nào về ‘độc lập’? ” À hả! Lại muốn gài mình vào cái thế làm tay sai cho ngoại bang.Tri óc tôi nghĩ rất nhanh đến ý niệm liên lập (2) đọc ở đâu đó rất lâu.

-“Trên thế giới này làm gì có chuyện độc lập.” Tôi trả lời một cách xác tín. “Chỉ có liên lập mà thôi.” Tôi ngừng lại, chờ phản ứng của người đối thoại.

-“Đối với anh, Mỹ là người như thế nào? ”

-“Mỹ là đồng minh của chúng tôi. Chúng tôi cùng một lý tưởng: họ chống CS còn chúng tôi chống CS để bảo vê miền Nam.” Tôi nói một cách tỉnh bơ. Tôi chờ những lời chửi rủa, nhục mạ của anh người Nam nhưng không có chuyện đó xảy ra. Trái lại, anh tự giới thiệu chức vụ (dõm chăng?) và mục

đích nhân đạo của cuộc trò chuyện đêm nay. Tôi được cho biêt mình có cái vinh dự gặp người Tổng trại trưởng Tổng Trại 1 Tù binh Tây Nguyên.Anh yêu cầu tôi nói thật dể ‘Cách mạng có phương cách giáo dục để ‘các anh sớm về đoàn tụ với gia đình’.

Nghe tới đó tôi đăm hoảng.Từ đầu đến giờ anh ta hỏi đến đâu, tôi nhanh nhẹn trả lời đến đó. Thế thì bỏ mẹ rồi! Cái kiểu này thì mấy ai trong số những người nằm trong kia sớm trở về với vợ con? Nghĩ đến các lớp học chính trị hàng tuần, tổ chức cho sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ Bộ Tham mưu SĐ, và lúc nào cũng chỉ có mấy anh hạ sĩ quan đến còn các vị sĩ quan ai cũng có lý do để vắng mặt, tôi bỗng thấy trách nhiệm của mình lúc này đây, tại chiến trường Cao nguyên này đây sao mà to lớn nhường ấy! Liệu tôi có thể nào thuyết phục anh Trưởng trại bỏ ý định giáo hóa cho đúng mức đám sĩ quan miến Nam ‘nhiễm độc' quá nhiều như tôi đây không?

-“Tôi sẽ trả lời chân thật theo mức hiểu biết của tôi mọi câu hỏi anh hỏi, nhưng xin anh một điều: anh không nên căn cứ trên những câu trả lời của tôi mà bắt họ học tập lâu dài mà tội nghiệp cho họ. Tôi là người có cơ hội đọc sách, tìm hiểu nhiều, nên hiểu biết của tôi khác với hiểu biết hay không

hiểu biết của họ…Họ không biết gì về CS và cũng không mấy quan tâm đến …”

-“Không, anh cứ nói để ‘cách mạng’ tìm cách gột rửa nọc độc đế quốc Mỹ gieo vào đầu các anh. ”

Tôi chưa nói dứt câu, anh người Nam vội cắt ngang. Anh nhào thẳng vô vấn đề không cần rào trước đón sau. “Tại sao các anh sợ Cọng sản?” Giọng nói có một chút gì lạnh như thép nguội.

-“Chúng tôi sợ CS vì các anh không có tình cảm, ‘không gia đình, không tổ quốc, không tôn giáo’.”Câu trả lời thốt ra như tràn đền từ một nơi nào xa thật xa trong ký ức tập thể. Đó là một buổi sáng, trên bờ biển nước trong xanh, gió mát từ khơi lộng thổi về, hàng dừa cao tàng lá đong đưa… chúng tôi, những đứa bé, những thằng cu đen, cu xí, cu anh, cu em của xóm Cây Bàng, xóm Đàng Luồng, đã làm xong thủ tục trong ngày: tắm biển, lòng thảnh thơi như đàn chim sẻ trong nắng mới…

-“Tại sao anh dám nói chúng tôi không có tình cảm? Tôi đây nè, tôi là dân Sài gòn. Tôi đi học bằng xe hơi chớ không phải bằng xe đạp như anh đâu…Thế nhưng tôi rời bỏ gia đình đã hai mươi năm nay, để đi theo ‘cách mạng’, nay tôi mới trở về. Tôi đặt tình cảm đối với tổ quốc lên trên tình cảm gia đình. Nhưng lúc nào – anh Trại trưởng Tổng trại 1 Tây Nguyên nhấn mạnh như đang đứng trên sân khấu (3)—lúc nào tôi cũng nhớ

‘hàng cau trước cửa, bụi chuối sau hè.’Tại sao anh nói chúng tôi không có tình cảm?”

Tôi nói ngay: “Các anh thắng chúng tôi là vì thế. Với chúng tôi, trước hết là gia đình, vợ con, kế đó đến làng xóm và xa hơn mới nghĩ tới tổ quốc.” Mà quả thật như vậy. Từ buổi sáng bị bắt làm tù binh đến nay có bao giờ tôi nghĩ đến tổ quốc của tôi đâu?

Tôi chỉ nghĩ đến thân phận người tôi, gia đình vợ con tôi thôi. Tôi nghĩ đến tương lai tối tăm của mình nhiều hơn nghĩ tới một VNCH sẽ vĩnh viên đi vào nơi yên nghỉ của cái gọi là Lịch sử. (4)

Tôi thấy tôi sao mà tội nghiệp một cách thảm hại!

(1) Thợ hớt tóc còn gọi là thợ cúp tóc, do chữ Pháp ‘couper’ nói gọn lại

(2) Cụ Hồ Hữu Tường (1910-1980) quan niệm trên thế giới những năm 1960, không thể nói chuyện các quôc gia có thể tìm kiếm thứ độc lập hiểu theo nghĩa cổ điển là đứng một mình, không lệ thuộc ai cả trong tờ tuần báo “*Hòa đồng*” của cụ.

(3) Anh cán bộ nói giọng Nam, nên mới nói câu này như thể là một kép hát cải lương đang đứng trên sân khấu.

(4) Chính tại Khu Rừng Tre này, ngày 30 tháng 4 năm 1975, khi chúng tôi được lính dẫn ra ngoài vòng rào (tưởng tượng chớ thực tế chẳng có hàng rào gì ráo) để tìm lại trong đống lộn xộn những cái đồng hồ đeo tay bị địch "tạm " tịch thu trước đây , cái đông hồ của mình. Đang loay hoay không biết cái nào là cài của mình , bỗng phía bên trong ( vóng rào) môt chuỗi tiếng vỗ tay vang lên như sấm. Sài gòn đã bị giải phóng. Vậy là mất hết tất cả, kể luôn chiếc Movado của tôi.

# Câu Chuyện Lá Cờ ở Saint Paul, Minnesota
# và LM Hoàng văn Tiệm

Sự việc đã xẩy ra trong tích tắc nhưng đã mang lại những hậu quả vô cùng bi thảm. Bi thảm cho người quyết định để sự việc đáng-lẽ-không-nên quyết định đơn phương mà nên hỏi ý kiến của người/nhiều người có mặt để thảm hại không mang một tầm vóc to lớn như thế.

Ngày 17 tháng 12 năm 2003, những người gốc Bùi Chu đang định cư (và đã trở thành công dân Hoa kỳ từ lâu!) tại Minnesota được vinh dự đón tiếp một người đồng hương khác đến thăm. Đó là Linh Mục Hoàng văn Tiệm, nghe đâu là giám mục giáo phận Bùi Chu. Linh mục sang Hoa kỳ, theo diện du khách hay công vụ, điều này không thấy thông báo chính thức.

Một cách chính thức, Ngài được người ta mời đến gặp gỡ thân mật một số người gốc Bùi Chu để có dịp thăm hỏi về tình hình sinh hoạt hiện nay tại Hoa kỳ và tại quê hương.

Cái thói quen của người Việt ta khắp nơi là hễ có hội họp là có ăn uống. Chuyện này cũng xẩy ra trong vụ này. Lúc đầu, cuộc gặp gỡ dự định sẽ tổ chức tại Nhà hàng Mai Village, trong thương xá International Plaza, Saint Paul. Nhưng vì số lượng thực khách không đủ theo điều kiện thực khách tối thiểu của Nhà hàng, nên cuộc Họp-Kèm- Ăn Trưa bất thành. Người ta bèn đưa cuộc Họp-Kèm-Ăn Trưa về một nơi quen thuộc với mọi người:Trung tâm Việt Nam, số 1159 University Avenue, Saint Paul.

Trung Tâm Việt Nam là một cơ sở đã gây ra nhiều tranh luận ngay từ những ngày đầu xây dựng. Nó là kết quả của không biết bao nhiêu nỗ lực, từ nhiều phía và cũng từ nhiều người thành tâm thiện chí. Người Việt đến định cư tại Minnesota đã lâu, trước khi Miền Nam mất vào tay Cộng sản. Sau năm 1975, số người càng gia tăng, và đến nay đã lên đến con số hàng hai chục ngàn người thuộc đủ mọi thành phần và mọi địa phương của Việt Nam. Người Pháp, cách đây gần một thế kỷ, khi họ còn cai trị Đông Dương, có nhận xét về người chúng ta như sau: Trong mỗi người An Nam đều có một ông quan. Họ muốn nói dân Việt người nào cũng có ước vọng học để ra làm quan hay là mỗi người Việt là một ông quan, luôn có ý mục hạ vô nhân. Một cộng đồng hàng xóm khá thành công là cộng đồng Hmong luôn luôn được mang ra so sánh để thấy sự

yếu kém của những người Việt, tự hào mình khá hơn các dân tộc Đông Dương khác ! Người Lào, người Hmomg đã có những cơ sở, văn phòng hoạt động từ nhiều năm nay. Người Việt tại Song thành (Twin cities) trong những năm 90 cũng tỏ ra lúng túng lắm. Và cuối cùng cũng dựng nên được một nơi và gọi là Trung tâm Việt Nam. Tại sao gọi là Trung tâm Việt Nam ? Có lẽ một số người nhớ tới những foyer Đông dương ngày trước ở Paris chăng ? Không có câu trả lời chính xác cho câu hỏi này. Việc tạo mãi cơ sở là một thắng lợi của nhóm này nhưng cũng lại là thử thách lớn lao cho nhóm người Việt khác. Nhóm sau này gây ra một số sự việc ngoạn mục càng khiến cho người Việt tại Minnesota thở dài, chán ngán. Vấn đề cũ/mới, kẻ ở lại/người ra đi khi miền Nam sụp đổ bỗng mang một nét mới hơn. Những người từng là sĩ quan, từng chịu nhiều cay đắng, thiếu thốn nhất có cảm tưởng cuộc đời mình đã là raté (bỏ đi). Trong một chừng mực nào đó, "người đi trước" đã tìm cách tiếp tay cho "người đến sau". Nhưng thảm nỗi, ở Hoa kỳ này, mấy ai có thì giờ nhiều. Cho nên sự giúp tay có vẻ như chẳng giúp gì cả, mà nói không làm gì cho "người mới đến", thì cũng không đúng hẳn. Thế là nổi lên cảnh người lời qua, kẻ tiếng lại. Thơ rơi, những bài báo trích dẫn điều luật này nọ để buộc tội người nọ người kia rằng "ăn cắp tiền đóng góp của cộng đồng" v.v... xuất hiện nhiều

nơi. Ồn ào đến nỗi có người phải “cáo lão hồi hưu”, trong khi họ vẫn còn khả năng làm nhiều việc ích lợi khác cho cộng đồng.

Cuối năm 1999, Trung tâm Việt Nam ra đời. Buổi lễ khánh thành đã diễn ra một cách thật long trọng. Diễn văn đọc trong buổi lễ đó có nói kể từ nay trong thành phố Saint Paul, thủ đô của TB Minnesota, lá cờ quốc gia màu vàng ba sọc đỏ đã được chính thức hiện diện hằng ngày trên thông lộ chính. Có người đe sẽ mang “quân” tới làm cho ra lẽ nhưng lâu lắm vẫn chưa thấy chuyện gì xẩy ra.

Thật đáng mừng !

Ba năm nay, Trung tâm mặc nhiên trở thành nơi lui tới của một số người trong cộng đồng người Việt hay các cộng đồng bạn. Họ dùng nơi này để làm nơi hội họp, ra mắt, giới thiệu các công trình nghệ thuật hay văn học. Có vẻ như những người có trách nhiệm quản trị tòa nhà đường University muốn nói cho người Việt nói chung và những người “bạo mồm, bạo miệng” nói riêng rằng Vietnam Center có tính chất công ích, không của riêng ai, không phải chỉ cho riêng cộng đồng Việt Nam tại Minnesota. Nhưng một số đông vẫn không hiểu sự liên hệ nhân quả của số tiền quyên góp nhân danh Cộng đồng và cơ sở Vietnam Center. Và họ sẽ mãi mãi không bao giờ hiểu được.

Trong khung cảnh ấy đã xẩy ra sự kiện ngày 17 tháng 12 năm 2003 !

Buổi họp mặt thân hữu của Hội Bùi Chu dự định mở màn trước giờ ngọ nhưng mọi người chờ mãi mà vẫn không thấy LM Hoàng Văn Tiệm đến như đã hứa. Rồi trong lúc tranh tối tranh sáng như thế, bỗng có người báo Linh mục đã đến nhưng phải chờ ngồi bãi đậu xe vì… cơ sở có treo cờ ngụy nên không thể vào được! Làm sao bây giờ? Ông Phạm văn Y., Giám đốc Điều hành Cơ Quan Xã Hội Việt nam tại Minnesota, là người sống rất lâu tại Song Thành và là người có cơ quan bất vụ lợi thuê một số tiện nghi phòng ốc tại Trung tâm Việt Nam. Ông này hỏi ý kiến ông Phạm văn V., Giám đốc TTVN. Làm sao bây giờ? Chắc vị này cũng đã tự hỏi như thế nhưng chưa kịp có câu trả lời thì sự việc xẩy ra thật chớp nhoáng: Ông Phạm văn Y. nhờ một hai người nào đó là nhân viên của Ông phá cửa lên nóc nhà, hạ cờ xuống! Và LM Tiệm ung dung bước vào phòng họp.

Những người đang ngồi chờ trong phòng họp có thể không hay biết việc gì xẩy ra cho đến lúc có người nào đó quá uất đã báo cho cử tọa biết sự việc. Một số người đã khóc và lặng lẽ bỏ phòng họp ra về. Số người còn lại, tội nghiệp cho họ, đã tự tìm đủ mọi lý do để tự bào chữa có việc cứ ngồi ì ra đó để dùng cho hết buổi ăn trưa (1). Số người

này là những ai? Tại sao họ không bày tỏ một thái độ tí ti liêm sỉ nào cả ?

Đây không phải là lần thứ nhất chuyện du khách từ Việt Nam sang, tránh né không muốn bước vào nơi nào có treo/cắm cờ vàng ba sọc đỏ. Mấy năm trước, ở đây cũng có một vị tu sĩ Phật giáo từ quê nhà sang thăm các chùa tại California, nhân tiện, muốn ghé thăm một ngôi Chùa ở Roseville. Ngài có lên Minnesota, đã gặp một số người muốn nghe ngài thuyết pháp nhưng… tại một địa điểm ngoài Chùa. Vị tu sĩ này, nghe người ta nói, không muốn đến những nơi có trưng cờ vàng ba sọc đỏ. Ngài được đưa đến một nơi khác, không có cờ “ có nơi nào người Việt ta làm việc công cộng mà không treo cờ nhỉ?” để gặp những người muốn nghe ngài nói chuyện đạo. Cách giải quyết như vậy xem ra thật là cách giải quyết hợp tình hợp lý. Xứ sở này là xứ sở của quyền tự do được tôn trọng tối đa. Ai muốn đến nghe thì cứ đến nghe thuyết giảng. Không đồng ý chuyện gì thì báo chí đó, đài phát thanh đó, và thậm chí cả thư rơi nữa, chúng ta đều có thể sử dụng, miễn là những gì bày tỏ đều có bằng chứng trình bày Tòa án chấp nhận được. Trước khi cấp hộ chiếu đi Hoa Kỳ lẽ nào nhà đương quyền Cộng sản không “dặn” người thụ hưởng ân huệ của Nhà Nước ban cho một đôi điều “Do và don’t” khi giao tiếp với khúc ruột ngàn dặm ?

Những người đứng ra tổ chức buổi họp nói trên đã không tiên liệu hay là đã không biết những chuyện xẩy ra khi đón tiếp khách mang tính chất V.I.P? Như TT Thích Thanh Tứ hay LM Hoàng Văn Tiệm từ một nước CS sang? Một số người không nén được cơn phẫn nộ đã gọi đến CQXHVN suốt nhiều ngày sau đó, hỏi thăm tình trạng sức khỏe tinh thần của người ra lệnh “hạ kỳ” kỳ lạ nọ. Từ Minnesota, một người nào đó báo cái tin động trời này về bờ biển phía Tây Hoa Kỳ, nơi cờ vàng ba sọc đỏ được người Việt cắm/treo nhiều nhất trên Bắc Mỹ này. Và bản tin được “fax” ngược lên nơi xẩy ra sự việc với hàng chữ dẫn đầu thật gọn và sắc như một nhát dao chém vào tâm hồn mỗi người chúng ta: “Cơ Quan Xã Hội VN tại Minnesota Tự Ý hạ Cờ Vàng”. Như bất cứ một dạng Bản tin/Truyền đơn nào, bản văn toát lên một giọng căm phẫn cùng cực, dẫn ra những suy đoán táo bạo về những dây liên hệ giữa một loạt những hành động quốc ngoại của Thứ trường Ngoại giao CS Nguyễn Đình Bin tại ĐH John Hopkins (14-6-2003) và sự việc hạ cờ tại Vietnam Center.

Tính cách bi thảm của sự việc 17 tháng 12 không thể trở thành một biến cố lớn nếu không có việc đón tiếp một chức sắc tôn giáo từ Việt Nam sang và việc ngày 28 tháng 5 năm 2003, Hội Đồng Thành phố Saint Paul thông qua Nghị Quyết “long trọng công nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ là lá cờ

chính thức của Cộng Đồng người Mỹ gốc Việt". Nước Mỹ này bao la, người Việt ta ở khắp các tiểu bang, và trong một tiểu bang, chúng ta cũng sống rải rác chớ nào có tập trung gần gũi nhiều đâu ? Cờ vàng chỉ xuất hiện khi người Việt tập trung đông và sinh hoạt trong đoàn thể. Người ta tự hỏi, tại sao phải mang cuộc họp đến một nơi ai cũng biết hàng ngày 24/24 cờ VNCH bay phất phới ? Tại sao chúng ta không thẳng thắn bảo nhau, dù cho người trước mặt chúng ta là một V.I.P đồng hương, rằng thì là nơi nào trên đất Mỹ này, cờ vàng ba sọc đỏ mà CS sấc xược gọi là "cờ ba que" đều được người ta treo tại các nơi người Việt đến sinh hoạt như một hội đoàn, một cơ quan, hay một văn phòng… Nếu quí vị không thích hay sợ bị làm khó dễ khi trở lại Việt Nam thì xin đừng bước đến. Thẳng thắn như vậy sẽ tránh cho chúng ta nhiều rắc rối và cho người khác đỡ phải thấy tức giận. Tại sao một vị cựu sĩ quan QLVNCH, một Ex-Chủ tịch Cộng Đồng VN tại Minnesota, một Ex-chủ tịch Hội Cựu Chiến Sĩ lại hành động nông nổi như thế ?

Theo truyền thống người Á Đông, một quân nhân không thể mang một mối nhục do mình tạo ra cho mình và cho cộng đồng suốt đời.

Trước năm 1975, sau Hiệp-Định Paris, quân ta và địch thường đóng quân theo dạng da beo. Hàng ngày sĩ quan ta và địch thỉnh thoảng, vì công vụ,

có dịp gặp nhau. Đa số là để đấu lý đấu lẽ với địch. Một ngày nọ, một vị Đại úy ta tiếp xúc với một tên được giới thiệu là Trung tá “cách mạng”. Đang khi tranh luận đến hồi gây cấn, đột nhiên tay gọi là Trung tá địch sừng sộ và lên lớp viên Đại úy VNCH như cấp chỉ huy trực tiếp của anh này. Không đề phòng trước, viên Đại úy không phản ứng gì được, chỉ cứ đứng ỳ ra đó. Kể từ ngày đó, anh Đại úy khốn khổ của chúng ta sống cuộc sống như một cái bóng mờ. Đó là chuyện thời chiến.

Còn hôm nay, lưu vong hơn một phần tư thế kỷ nơi này nơi kia khắp thế giới, người Việt chúng ta đã tìm ra căn cước của mình. Lá cờ dần dần trở nên một cái gì hơn là một biểu tượng thông thường như màu đỏ, màu xanh. Nó là tình cảm, là danh dự đã mất nay tìm lại được. Ngày đầu tiên đi dự lễ chào cờ vàng ba sọc đỏ tại trại tỵ nạn, có người cựu quân nhân không cầm được nước mắt. Họ khóc vì đã tìm lại được lá cờ thân yêu, trông nó tung bay theo gió trong tự do, trong một nỗi tự hào thật bi tráng.

Vất bỏ niềm tự hào để làm vừa lòng một chức sắc đồng hương là một việc làm thiếu tính toán mà chỉ một người bất bình thường mới có gan làm.

Chỉ có một cách giải quyết tốt đẹp cho cả đôi đường, bản thân và đồng hương, đó là nhận lỗi và từ nhiệm. Nếu còn đôi chút sĩ khí.

(NGƯỜI DÂN Số 163, Tháng 3 năm 2004, trg 12,13,14. )

(1) Hoảng sợ, một số người đã vội vàng kéo cờ lên liền ngay sau đó

Cuộc Diễn hành quốc tế do LHQ tổ chức hàng năm tại New York nắm 2008.

# Con Người hiếm có.

*Tưởng nhớ Bác sĩ Phùng Văn Hạnh*

PFAC, Palawan, Philippines

Khi chúng tôi tới đảo, hay rộng hơn, bât cứ người nào mới 'tắp' đảo những năm 1980 của thế kỷ trước, người đầu tiên chúng tôi tiếp xúc tại ba-rắc bất buộc phải là người này.

Ông người tầm thước, có dáng vẻ con nhà nông, da ngăm đen, khuôn mặt vừa phải, cằm không râu, môi dầy đặn, tóc đen phía trước hơi uốn lượn—lúc nào cũng mặc sơ-mi và quần sọt màu trắng, nhìn ông ta có cảm tưởng như đang đứng trước một nhân viên y tế và chúng tôi là những thổ dân da đen thuộc một xứ Phi châu nào đó – hình thường thấy trên các bức ảnh bạc màu, thứ màu sê-pi-a (1) khi nhiếp ảnh mới bắt đầu!

-"Các anh, các chị có mắc các chứng bệnh sài sầy, uốn ván (?) , ho gà…" Ông nói rất nhanh, giọng Quảng nhè nhẹ chớ không nặng như những người cùng xứ khác. Người nghe, lớn, nhỏ, trẻ già đều dóng tai, không ai có sức đâu mà cười hoặc đùa nghịch. Giữa ba-rắc bẩn thỉu, hôi hám, chung quanh rào dây kẽm gai, phía ngoài hàng rào, người tò mò đang nghễnh cổ nhòm vào, dù có ba mươi năm hay năm mươi năm sau, khó có ai quên đươc phút giây lạ lẫm và hạnh phúc này: Chúng tôi đã chạm mặt Tự do! "… các anh, các chị cứ giong tay

để chúng tôi ghi tên... chúc mừng cá anh, cá chị đã đến bến bờ tự do!”

Ôi! Hai chữ Tự do sao mà ngọt ngào quá!

Khoảng một tuần lễ sau, tại hội sở Hội Cựu Quân nhân VNCH, nằm cách chùa Phật giáo bằng một con hẽm rộng vừa đủ cho hai người đi lại tránh nhau, chúng tôi lại có dịp gặp lại nhau. Đây là nơi liên lạc giữa người đến lâu và những người mới tới. Phòng hẹp, mỗi bề chừng 5mét, dài chừng 7 mét, trong đặt một chiếc bàn dài, môt bàn giấy nhỏ nằm trong góc xa. Ngày thường chỉ có một thương phế binh đến trực, trông thật buồn tẻ. Hỏi Hội có bao nhiêu hội viên, chắc không ai có câu trả lời chính xác. Đến lúc các cuộc phỏng vấn của Hoa kỳ ngày càng khó khăn, người cho rằng mình là cựu quân nhân không có cơ may đạt được tiêu chuẩn ty nạn vốn được định nghĩa một cách khá gắt gao, người bỉ đá văng như sung rụng, Là một tổ chức tự phát, tính cách pháp nhân không có. Và lại, sau ngày Miền Nam rơi vào tay Bắc Việt, có tổ chức nào mà còn, nói chi đến chuyện anh em giúp đỡ, bảo vệ lẫn nhau. Cho nên, có Hội này, mọi người đến sau nên biết ơn những người đến trước. Ít nhiều, chúng tôi cũng đã hưởng được những phúc lợi mà trước mắt là hiện có một nơi để gặp gỡ, nghe những lởi hướng dẫn hữu ích và nhất là thấylại, tìm lại được môt chút tin yêu nơi người

đồng cảnh ngộ: người tỵ nạn! Họ sinh hoạt tương đối đều đặn, nghĩa là mỗi tháng anh em họp một lần, khi thì mượn tạm các lớp học của trường dạy nghề, khi thì phòng sinh hoạt của Hội Phụ nữ. Đa số thuộc các đơn vị ĐPQ, Nghĩa quân, Yễm trợ, một số nhỏ là các sĩ quan Không quân, Bộ binh tác chiến hoặc Nhảy dù, Biệt Động quân. Do sự đa dạng của các đơn vị, phong cách hành xử chuyên môn, không chuyên môn, mức gắn kết chặc hay lỏng lẽo, được trui rèn trong lửa đạn hay suốt ngày ‘cà nhỏng, chống xăm lăng" hay mạo danh cựu quân nhân để đi dịnh cư tại nước thú ba, nhất là Hoa kỳ, các cựu quân nhân mạnh ai nấy lo, bơ vơ như đã từng bơ vơ như khi còn ở tại quê nhà. Ngoại trừ một số ít đếm được trên đầu ngón tay là những người đã ở tù cọng sản ít là một năm rưỡi, còn nhiều là trên sáu năm, số còn lại, hoặc là bị học tập năm, ba ngày hoặc là không có ngày nào thì cơ may được Hoa kỳ chấp nhận diện tỵ nạn hầu như không có, hoặc có thì có rất thấp.

Lúc bấy giờ, Hội Cựu Quân nhân có một vị nữ quân nhân. Cô này trước đây là một đại úy, Trưởng Phòng Xã hội SĐ23 Bộ binh, Bộ Tư Lệnh đóng tại Ban Mê Thuột. Cô ấy bèn giới thiệu tôi cho người mặc bộ quần áo trắng rằng tôi là thế này thế kia. Thế là chúng tôi quen nhau.

Ông là bác sĩ Quân Y, tên ông rất dễ thương: Hạnh, tên đầy đủ là Phùng văn Hạnh. Tôi không có thói quen tìm hỏi trước đây ông làm ở đâu, cấp bậc, chức vụ gì.

Ông, ngược lại, cũng không hỏi han tôi thêm chuyện gì để tôi--- được dịp khoe!

Chúng tôi rất đơn sơ như vậy cho mãi đến sau này.

Kịp đến khi ông trở thành Hội trưởng, tôi được anh em bầu làm Hội phó, tôi có dịp làm việc cùng ông. Ông đi suốt ngày, rất ít khi ghé lại Hội quán. Nghe đâu ông làm việc thiện nguyện tại bệnh xá cùng các y tá, bác sĩ người Phi.Tiếng Anh của ông rất lưu loát, không có ắc-xăng lơ lớ như người Phi mặc dù Phi luật Tân từng là thuộc địa của Hoa Kỳ từ năm 1898 tới năm 1947 (?). Sau này, tôi còn được biết, ông từng là học trò các Frères dòng Lasalle, chắc tiếng Pháp cũng giỏi chớ không phải petit nègre (2) đâu. Ông được ông Jan Top, Trưởng Đại diện Văn phòng Cao ủy LHQ Tỵ nạn. người sau này trở thành người con rể của ông, rất mực kính trọng.

Ông làm Hội trưởng được các anh em thương mến nhưng lại không được thành phần long-stayers (3) vốn làm mưa làm gió lâu nay trong trại tỵ nạn ưa thích cho lắm. Khi đọc hồi ức của ông, tôi lại không thấy ông tỏ ra cay đắng đối với những người từng làm khó ông. Ông không ghét ai lâu, ngoại

trừ bọn cọng sản. Chúng giam ông tới mười ba năm, tích thu nhà cửa, Bệnh viện do ông làm chủ ở Đà nẵng. Có lẽ ông nghĩ bọn nhỏ -- tức những người đang "hành hạ" ông -- đáng vào đâu mà phải ghét dơ! Chỉ tức một điều, sau lưng bọn này là những người gọi là chiến hữu của ông, những sĩ quan có hoa-lá-cành đàng đoàng đang muốn phá ông cho bỏ ghét vì tính ngay thẳng của người trung chính.

Họ lập cái gọi là ban Điều tra "vụ" tham nhũng khi ông xin phái đoàn người Đức thăm trại một món tiền nho nhỏ để mua các thùng đựng rác cho các nê-bờ-húc (4) Ban này không tìm ra được bằng chùng nào. Có khi bọn nhỏ trong đêm đến nhà mời ông ra quán để nói chuyện và tên chúa đảng làm bộ để rơi con gao găm cho ông thấy. Khi kể lại chuyện này, ông vừa nói vừa cười một cách thật thản nhiên như không có gì đáng phải lo ngại.

Trong một cuộc bầu cử Ban Đại Diện Trại PFAC năm 1989, không khí chính trị bỗng trở nên cực kỷ sôi động. Những người có tâm huyết muốn làm một cái gì để cộng đồng không xáo trộn một cách không cần thiết, hạn chế tới mức nào hay mức đó các hoạt động bê bối của những đầu nậu bất hảo, các người có thiện chí đươc khuyến khích tham gia ứng cử. Me-xừ Jan Top mời anh em chúng tôi ra

ngôi nhà nhỏ xinh xắn của ông ta ngoài phô Porto Princesa ăn cơm chiều.

Trong buôi cơm, nhiều chuyện đã dược nhắc tới. Me-xừ Jan Top tỏ ra tin tưởng chúng tôi vì ông nghĩ ít ra chúng tôi là những người từng làm việc liên quan đến tổ chúc và con người. Hơn nữa cộng đồng tỵ nạn bao nhiêu năm qua chưa từng có biến động to lớn nào xẩy ra khiến Văn phòng Cao ủy Tỵ Nạn LHQ phải nhở quân đội Phi luật tân ở Westcom (5) can thiệp. Đôi với Văn Phòng Đại Diện CU/TN/LHQ, họ sơ nhất là tình trạng vô chính phủ, đến mưc quân đội Phi toàn là lính TQLC can thiệp thì tránh sao được cảnh thương vong cho người tỵ nạn?

Cũng may, năm đó cộng đồng bầu ra được một Ban Đại diện tương đối tốt. Thế nhưng không lâu sau đó, trong khi có lệnh đóng cửa không tiếp nhận thêm người tỵ nạn, làn sóng người vượt biển vẫn tiếp tục ra đi và hàng một hai tuần, *ba-rắc* vẫn đầy người, Đó là những người sau được gọi là Pi -ếch (6)Nhân số của Trại Ty nạn tăng gấp đôi, nhà cửa không chứa hết người nên phải cất thêm mấy khu vực nữa. Môt điều khá lạ là trong các đợt này, thanh thiếu niên lại chiếm đá số. *“Vietnam now exports all its children ...”* (7) có lúc *Me-xừ* Jan Top nói đùa với tôi như thế. Mà thật vậy, những em bé này là con các cựu quân nhân VNCH, lớn lên trong

chế độ cọng sản, đã đi học dưới mát trường sơn màu đỏ của chúng. Đứa lớn nhất ít ra phải trên 18 tuổi, đứa nhỏ nhất cũng phải 12 tuổi. Chúng nó lên đảo lâu nhưng mặt mũi vẫn còn ngơ ngác lắm.

Qua một hai kỳ thanh lọc, gặp mấy anh luật sư do LHQ mướn thì làm sao biện luận thuyết phục họ được. Hơn nữa được hỏi lý do tại sao họ bỏ chế độ cọng sản thì đến như chúng tôi, những người từng ở tù nhiều năm, từng bị làm nhục nhiều bận còn không có nổi câu trả lời thỏa đáng huống hồ các cháu mới nứt mặt đã thấy cọng sản nằm chình ình trước cửa nhà! Vì vậy chúng tôi phải phác họa các dàn bài sơ lược về chính trị cho các cháu học. Chuyện này chúng tôi nhờ một vị còn rất trẻ tốt nghiệp Trường Quốc gia hành chánh soạn thành bài bản rôi giao cho một vị trước đây là đảng viên một đảng không cọng sản dạy Chúng tôi còn đoàn ngũ hóa các em cho tiện việc học tập. Rất tiếc vì quá thương các em nên một sô anh em người hướng dẫn đã đi quá đà khiến cho tình hình giữa Hội CQN với các người ở lâu ngày càng căng thẳng.

Gấn giữa năm 1989, gia đình ông Hội trưởng đi định cư. Quốc gia ông đến là Canada. Đây là một lựa chọn sau này ông sẽ hối tiếc, như có lần ông tâm sự với tôi sau khi an cư lạc nghiệp gần 30 năm ở xứ sở băng giá nay. Ông đi để lại một cơ ngơi khá

là thuận lợi cho sinh hoạt của Hội. Chúng tôi có một Hội trường khang trang. ở đó chúng tôi hôi họp, vui chơi, xem vi-đẽ-ô … Chúng tôi chiếu phim gây quỹ cho Hội. Chắc ông không bao giờ ngờ là những người ông tin tưởng nhất lại là những người hay làm bậy nhất trong Hội trường đó.

Ông có viết cho tôi một lá thư ngắn, báo biết không có điều kiện gởi quà cho tôi – như thông thường kẻ đi trước gởi cái gì đó cho người ở lại. Tôi không hề trách ông chuyện này nhưng tôi tiếc là không có ông bên cạnh trong những ngày sóng gió nhất của tôi. Tôi chắc chắn tin rằng ông sẽ không bỏ tôi như những anh em khác đã bỏ tôi. Tôi không làm điều gì sai cả. Các cháu con cựu quân nhân còn mắc nạn tại quê nhà đã không làm điều gì sai cả. Chúng nó, qua bài phát thanh của một em nguyên là giáo viên trẻ đọc trên làn sóng phát thanh hàng tuần của Trại, bày tỏ quan niệm về một vấn đề được coi như đáng quan tâm. Một phát biểu vô thưởng vô phạt về trách nhiệm của thanh thiều niên tỵ nạn lả phải bảo tồn văn hóa Việt, phải giữ gìn thuần phong mỹ tục. v.v. Vậy mà chuyện lùm xùm đã xẩy ra ngay trên gác phát thanh chính của Trại. Một anh thanh niên người Hải Phòng gốc Tàu đã xông vào núm cổ người đọc bài lớn tiếng dọa nạt và hành hung và những người trong Ban Đại Diện không dám can thiệp bảo vệ nạn nhân!

Tiếp theo đó nội trong buổi chiều, bao nhiêu sự kiện đáng tiếc đã nối tiếp diễn ra. Ban An ninh đã đồng lõa hay không đồng lõa với hung thủ, điều này chỉ có Trời mới biết. Cơn thịnh nộ lên cao, người lớn cũng khó bề ngăn trở. Cả Trại trở nên vô chính phủ: tùng nhóm “hảo hớn” kéo nhau đi tìm kẻ gây ra “đổ máu” từ nhà này sang khu kia. Chúng đến trước nhà gọi thằng này, thằng kia ra trả nợ máu phải trả bằng nước màu (sic)

Tối hôm ấy, anh Trưởng Ban Đại Diện trại cho người bảo tôi lên Văn Phòng Đại Diện tỵ nạn lần thứ hai (8). Tôi nằm ngủ một đêm không mùng mền ngay trên bàn làm việc.

Tình trạng này kéo dài đền suốt mấy hôm. Không ai dám động tĩnh gì, kể cả Văn Phòng Cao Ủy. Nói cho có lý, hình như lúc đó Me-xừ Jan Top không có ở Trại. Anh em ai nấy đêu lo sợ cho thân mạng mình. Đã sang đến đây rồi họ không muốn mất cơ hội định cư khi dính líu vào chuyện bọn con nít! Một ít người khuyên tôi nên lên đài phat thanh của Trại xin lỗi đồng bào, người khác bảo tôi viết đơn xin IOM (9) bảo vệ.

Không ai con gan dạ nào cùng nhau ngồi lại, dùng sức mạnh của một tập thể được tổ chức hẳn hoi để tăng sức đề kháng.

Ai đã từng xem phim HIGH NOON (1952) do Gary Cooper thủ vai anh marshal (10) Will Kane cô đơn,

vợ mới cưới bỏ vi tôn giáo không cho bạo hành, người tình bỏ vì đang yêu một người khác, mọi người trong thị trấn nhỏ đó cũng không khuyến khích chống lại cái ác, trước 12 giờ đúng ngọ -- chờ bọn kẻ cướp đang tiến đến báo thù, thì sẽ hiểu tâm trạng của tôi lúc đó nó thất vọng như thế nào. Y như khi ra trận, hô “xung phong” nhưng nhìn lại chẳng thấy binh lính của mình ở đâu cả!

Chuyên này dạy cho tôi một bài học không bao giờ có thể quên được: Chúng ta mất nước vì chúng ta không tin vào sức mạnh của khối đoàn kết, nên không dám hy sinh cho nhau để bảo vệ lẻ phải, bảo vệ tự do.

Và sau cùng, tôi phải tuyên bố từ chức Hội trưởng.

Không còn cơ hội gần gủi anh em chúng tôi lấy làm tiếc nhưng cái đáng tiếc nhất là tôi mất hẳn l òng tin vào cái gọi là tình đồng đội, tình chiến hữu như người ta từng ca ngợi.

***

Tôi đã dò hõi một số người về ông bác sĩ đáng yêu này nhưng ở Minnesota ít có người đồng hương xứ Quảng của ông. Cho đến một hôm, trong một cơ hội không ngờ tôi có dịp nói chuyện với một vị cựu đại úy gốc Đà Nẵng. Anh này cho tôi một số thông

tin quí giá về ông bác sĩ của tôi. Tin thì vui nhưng lòng tôi cảm thấy muộn phiền lắm lắm. Ông bác sĩ của tôi giỏi giang như vậy mà lại gặp toàn chuyện không hay.

Như một số không ít các bác sĩ người Việt tỵ nạn, họ không được trở lại nghề nghiệp cũ của mình.

Ông là người cha rất thương các con. Ông biết mình đi sang Canada ông sẽ không thể trở lại nghề cũ mà vẫn ký giấy xin đi chỉ vì muốn gia đình sớm đoàn tụ. Ông là một trung tá Bác sĩ đàng hoàng – chuyện này tôi chỉ mới biết sau này thôi—ông từng đứng mổ không biết bao nhiêu ca khó khăn trong chiến tranh. Thật là lãng phí một tài năng!

Nói tóm lại ông bác sĩ của tôi rât thật thà và có một tấm lòng thật là đôn hậu.

Tôi trong đời được quen ba ông bác sĩ. Một ông vốn bạn học thởi học trung học, bị đi tù, gặp nhau trong trại bên bở sông Ya Súp, tỉnh Đắc Lắc tháng 4 năm 1975. Anh này qua Hoa kỳ, không chịu đi học, ở nhà vợ là dược sĩ nuôi cơm. Anh thứ hai tôi quen qua người vợ ngày xưa rất trẻ, quen với bà nhà tôi khi hai người cùng đi thăm nuôi chúng tôi trong các trại tù ở Phú Yên. Vị này cố gắng rất nhiêu nhưng bốn năm dùi mài sách vở (Tiếng Anh) mà vẫn không thành công.

Mãi đến mấy năm gần đây, chính xác là năm 2018, tình cờ trên mạng tôi nhìn thấy hình một cụ già tóc sói, mặt dường như tôi có gặp trong Trại Tỵ nạn. Hay là ông bác sĩ Phùng Văn Hạnh năm nào. Tôi hỏi và ông bác sĩ của tôi đã trả lời.

Trên điện thoại, ông nói rất nhanh, giọng Quảng mà nói nhanh thì thú thật rất khó nghe cho thông suốt. Đại khái tôi đoán ông muốn biết tôi đã viết hồi ký chưa; đã còn viết lách gì nữa không? Dường như ông không hề hỏi tôi ở tiểu bang nào, làm nghề nghiệp chi để sống; ông chỉ quan tâm tới vợ và các con tôi nay làm ăn ra răng thôi.

Một tuần lễ sau, như đã hứa trước, ông gởi cho tôi một cái carte Noel viết mấy chữ chúc mừng và mong giữ liên lạc trên email và một cái dĩa CD trong đó chứa tập Hồi ức về cuộc đời của ông cùng Khánh Giao, Tuyển Tập Truyện Ngắn và Thơ, sáng tác văn học duy nhất (?) của mình.

Ông có tài xuất khẩu thanh thi. Hồi ức của ông được viết rất sống động, bao nhiêu năm sau mà trí ông vẫn còn nhớ nhiều chi tiết về những năm tù ngục cay đắng của mình, chen vào lại còn có những ý thơ cực kỳ lạc quan yêu đời. Nhớ khi ông viết" Bác Hồ bác là người tài bộ. "(11) có một anh cũng là người Đà Nẵng dám bảo thơ của ông là Vè, chớ không phải là thơ thì ông tỏ ra tức tối lắm!

Trước ngày ông bác sĩ của tôi vĩnh viễn ra đi, tôi đã chúc ông, nhân thấy ngày sinh nhật con cháu gần xa chúc thọ 90, tôi đã ghi mấy chữ trên facebook của ông như sau:

“Kính mừng sinh nhật đại lão tiên sinh. Chỉ cần một thập niên nữa Tiên sinh có thể tuyên bố mính là Người của thế kỷ.”

Không biết ông có đọc thấy lời chúc thọ trăm tuổi này và nếu đã đọc tôi không biết ông có nở nụ cười khoan dung, độ lượng như ngày xưa ở Đảo không?

11/13/2021

(1) Màu nâu sậm.

(2) Thứ tiếng Pháp giản đơn, các động từ (verbes) cứ để nguyên dạng thường được ngươi bản xứ các cựu thuộc địa của Pháp xử dụng trong giao tiếp với người Pháp thực dân.

(3) Những người ở tại Trại tỵ nạn lâu vì không hội đủ lý do tỵ nạn theo định nghĩa của Cao ủy tỵ nan Liên Hiệp quốc.

(4) Neighborhood.

(5) Philippine Western Command, Bộ Tư Lệnh Miền Tây Philippines đóng ở cuối phi đạo Phi trường Porto Princesa, Palawan.

(6) P.S, viết tắt của Philippine Screening chỉ những người trốn thoát khỏi Việt nam sau ngày Lệnh Ngưng tiếp nhận người Tỵ nạn ĐNA có hiệu lực.Những người này sẽ bị thanh lọc theo các tiêu chuẩn qui định được chấp nhận như một người tỵ nạn.

(7) Nay Việt Nam xuất cảng toàn là con nít.

(8) Tỵ nạn lần thứ nhất là cuộc vượt biển thành công ngày 22 tháng 8 năm 1988 của chúng tôi.

(9) International Organization for Migration, Tổ chức liên chính phủ trong lãnh vực di trú, thành lập năm 1951, gồm 125 quốc gia thành viên .

(10) Trong phim (1952) marshal là người được cư dân một công đồng thị trân nhỏ bầu ra, có chức quyền giữ gìn an ninh, trật tự trong một vùng nhất định, không lớn và rộng như sheriff.

(11) Tài bộ, nói lái lại là tồi bại.

# NHA TRANG:
# Cái nhìn hoài cổ.

*Mến tặng Nguyễn Đức Hanh, Australia và*

*Những Người Bạn nhỏ Bá Ninh (1962-66)*

Có những thành phố, khi nhắc đến tên người ta nghĩ ngay đến nét đặc biệt của nó. Ví dụ, khi nói đến Sài gòn, ta nghĩ ngay đến hoặc chợ Bến Thành hoặc Nhà Thờ Đức Bà. Người nào có máu văn nghệ chút chút thì nghĩ ngay đến bài hát một thời như

“Ghé bên Sài gòn” của Văn Phụng, hay những câu hát vọng cổ ai oán, não lòng.

Với Nha Trang, biển xanh sẽ hiện ra ngay sau âm vang vừa dứt.

Tuy không phài là tụ điểm của mọi sinh hoạt người dân địa phương, biển là một sự hiện diện tàng ẩn, liên lủy, cuốn hút trong lòng người Nha Trang.

Trước thế kỷ XX, Nha Trang là một làng đánh cá nhỏ. Làng này nằm trên tả ngạn sông Cái, lưng dựa vào dãy đồi chạy theo hướng Đông Tây ra dến biển. Bãi biển hình vòng cung dài trên năm cây số chạy từ cửa sông Cái đến Cầu Đá còn hoang vu, chưa có những villa quét vôi màu vàng nhạt như ta còn thấy trong những năm 50 của thế kỷ trước. Phủ lỵ nằm ở Thành cách đó mười cây số ở hướng Tây Nam. Đó là thành Diên Khánh trong sử sách. Theo sách Đại Nam Nhất Thống chí, cư dân cả tỉnh Khánh hòa gồm khoảng 9 ngàn dân đinh, đa số làm ruộng sống gần chân núi, số nhỏ còn lại chuyên nghề đánh cá ở ven bờ biển.(1)

Năm 1885, Pháp đánh chiếm Kinh đô Huế. Cũng năm này, Pháp đổ quân lên bờ biển Nha Trang và bắt đầu công cuộc chinh phục. Nghĩa quân của các ông Trịnh Phong, Trần Đường không chống cự nổi hỏa lực chính xác và hữu hiệu của địch quân nên sau cùng phải tan rã.(2)

Sau đó người Pháp thiết lập bộ máy hành chánh gồm có Chánh sứ Phó sứ và Giám binh đóng tại Nha Trang bên cạnh hệ thống cai trị sẵn có của triều đình Việt Nam hiện diện trong thành Diên Khánh " Nhân dân gọi cơ quan chỉ huy của Pháp là Tòa, cơ quan Nam triều là Tỉnh. Và Nha Trang từ ấy trở thành tỉnh lỵ tỉnh Khánh Hòa và lần lần mở mang thành thị trấn."(3)

Gabrielle –M.Vassal, một người đàn bà Ang Lê, có dịp theo chồng làm việc tại Nha Trang vào những năm đầu Thé kỷ XX miêu tả nó như sau: " Nha Trang (tiếng An Nam là Nhà Trắng (?) là một làng chài lưới khoảng ba ngàn dân. Đây là thủ phủ của người Âu ở tỉnh Khánh Hòa., mặc dù cư dân da trắng không quá hai, ba mươi người. Gồm ông Sứ, mấy viên chức làm việc trong tỉnh, Viện Pasteur, một vài người bỏ đất Pháp sang làm ăn ở đây, đó là tất cả. Cứ hai tuần một lần, chiếc tàu thơ liên tỉnh chạy đường Sài gòn - Hải phòng ghé lại, thả xuống những người Âu đáo nhậm, những viên chức của Nhà Đoan hay Sở Lục lộ. Du khách khó kiếm cho ra một chỗ nghỉ đêm cho dù hiện nay có một Phòng ngủ kèm Hàng ăn do một người Tàu làm chủ mà chỉ có tấm bảng hiệu là nét hấp dẫn nhất thôi.''(4)

Người Âu—ta quen gọi họ là ông Tây hay bà đầm— sống trong các ngôi nhà ''xây bằng gạch, vách tô

xi-măng kiểu stucco màu trắng. Mái lợp ngói nâu". (5) nằm dọc theo bờ biển. Ba nhà lầu duy nhất lúc bấy giờ là Viện Pasteur, Nhà Giây Thép (Bưu Điện) và nhà của bác sĩ Yersin ! Tất cả đều quay mặt ra biển.

Bên trong, phía sau các ngôi nhà kiểu thuộc địa này là khoảng không gian hoang sơ, đất cát khô cằn, rải rác những bụi hoa bồn bồn, bông giếng và ma dương đầy gai nhọn.

Con sông Cái khởi nguồn từ trong các dãy núi phía trong sâu sau khi qua các ghềnh thác đã lững lờ chảy qua Phú Lộc, Đại Điền, Ngọc Hội ...đổ vào biển Đông. Người ta cho rằng hàng triệu năm trước, con sông này đã ra biển qua ngõ Thủy Triều nhưng sau đó nó đã đổi giòng, chảy về phía Bắc. Lúc đó sông chia làm ba nhánh, một nhánh chạy dọc theo núi Cầu Hin( Cầu Hùm), ra ngõ Cửa Bé, Phường Vĩnh Nguyên, nay không còn dấu vết; hai nhánh kia mang tên sông Nha Trang , ôm bọc Ngọc Hội, Lư Cấm và nhập làm một tạo ra một vủng lớn (lagune) trước khi ra biển .

Tên Nha Trang từ đâu mà có?

Người theo Tây học, quen đọc sách do người Pháp viết, cho rằng Nha Trang do chữ Nhà Trắng, viết theo cách Tây không có dấu. Người Pháp hay ngoại quốc như truòng hợp bà-đầm Gabrielle –M. Vassal dẫn trên thì lại cho rằng Nha Trang theo

nghĩa tiếng “An Nam” là căn nhà màu trắng. Tại sao màu trắng mà không phải màu nâu hay màu vàng vì nhà người dân sở tại cách đây một trăm năm đều là nhà nhỏ, thấp mái lợp tranh? Vì nhìn từ ngoài khơi, dọc theo bãi biển, hoặc là Lầu Yersin hoặc là các villa quét vôi vàng sáng lên dưới ánh mặt trời vùng nhiệt đới!

Người Pháp có công thành lập và phát triễn nhưng địa danh đã có rất lâu trước khi người Pháp đến. Tỉnh Khánh Hòa trong đó có vùng đất tên gọi là Nha Trang hiện nay, trước thế kỷ XVI là đất Chiêm Thành, có tên là Kaut-Hara. Đây là địa đầu của đất Chiêm chạy dài từ núi Thạch Bi (Đèo Cả) cho đến Chân Lạp. Năm 1675, thời Chúa Nguyễn Phúc Tần, người Chiêm quấy phá biên giới, bị cai cơ Hùng Lộc Hầu đánh thua nên phài nhượng vùng đất từ sông Phan Rang trở ra. (6) Lưu dân Việt đến lập nghiệp, khai khẩn đất dọc theo hai bên sông và tình trạng vẫn y như vậy cho đến khi người Pháp tới. Người xưa nói Ea Trang hay là Jya Trang (còn viết là Yja Tran) có nghĩa là Sông cỏ lau (vi lô)(7) hay Sông Tre lùm (8) . Nhưng người có chữ Nho thì gọi nó là sông Cù. Chúng tôi trộm nghĩ tên Cù này mới thật sự miêu tả sự gắn bó của nó với di sản của người Chàm/Chiêm. Chúng ta có nào làng Cù Lao, xóm Cầu Đá, Cửa Tiểu/Đại Cù Huân, núi Cầu Hin/Hùm… Cũng như trường hợp thành phố Qui Nhơn, vốn là tên Phủ Qui Nhơn, người Pháp

lấy tên con sông đặt thành tên thành phố, gọi nó là Nha Trang.

Dân cư sống bên bờ phải sông Cái và hai bên doi đất ngay cửa sông làm thành xóm Cù lao và xóm Cồn. Người làm ghề chài lưới, người làm ruộng trao đổi cá tươi, mắm thơm ngon lấy hạt gạo trắng ngần trên một khoảnh đất nằm cạnh cái đầm nước lớn về sau khoảng những năm 1900 người ta xây nên một cái Chợ khang trang có tên là Chợ Đầm. Người Tây và ta sống cách xa nhau. Khu người Tây bắt đầu từ Lầu Ông Tư (tức Bác sĩ Yersin) ở xóm Cồn chạy tít đến tận Chutt-Cầu Đá. Đó là những ngôi nhà biệt lập, mang những tên thật mỹ miều, ví dụ như Villa Colette, phía dưới Đường Biệt Thự cũ. Khu người Việt, tập trung phía trước Đồi Tháp Bà, tức xóm Bóng ngày nay.(9)

Tháp Poh Nagar là một trong những ngọn tháp đẹp nhất của kiến trúc Chàm, sau quần thể cổ tháp ở Mỹ Sơn (Quảng Nam). Thât ra, trên ngọn đồi cao ba mơi thước này có tất cả 2 ngọn tháp lớn. Tháp chính nằm phía tay trái có chiều dài hai mươi thước và rộng mười mốn thước, đỉnh cao tới mười tám thước, dành thờ nữ thần Uma, vợ của thần SCiva. Lòng tháp rất chật, chỉ vừa chỗ cho năm, sáu người đứng thôi. Chính giữa có đặt tượng nữ thần Poh Nagar rất đẹp. “Pho tượng lớn hơn người thật, có mười cánh tay, ngồi theo kiểu Ấn độ (Kiết

già), trên một cái bệ thờ bằng đá. Ngực để trần và căng phồng một cách thái quá, chừng tỏ đã từng cho con bú. Mười cánh tay đều có mang vòng khuyên, năm cánh tay bên dưới thì đặt úp lên hai đầu gối, bàn tay mở rộng, lòng bàn tay quay ra phía trước. Các cánh tay bên phải có bàn nắm lại. Các cánh tay giữa và trên đều cầm các thứ binh khí khác nhau như quả chùy, thanh gươm, cái pla-tô, lưỡi thương và quả cầu. Đầu nữ thần đội vương miện, mình choàng một tấm sarong. Cũng trong ngôi tháp này còn có một pho tượmg khác tạc hình một phụ nữ đang ngồi, vóc dáng nhỏ hơn, chạm khắc không đẹp bằng tương thần Poh Nagar và có vẻ như cùng một thời đại với nữ thần này. Theo dòng chữ chạm khắc bằng tiếng Chàm phía sau lưng tượng, ta biết đây là tượng “Tiểu thần nữ”(10) . Ngôi tháp bên phải dài chỉ mười mét và rộng mười ba thước. Bên trong người ta thờ linga(11) đeo mấy xâu chuỗi chạm khắc hình ngọc trai, đặt trên một bệ đá màu nâu nhạt. “Đây là ngôi tháp đươc gìn giữ tốt hơn hết và hình dáng cân đối hài hòa.”(12) Kế cận còn có một số điện thờ hoặc là linga hoặc là các pho tượng nhỏ. Từ không biết bao giờ, Thần Poh Nagar đã được người người ta thờ như bà Chúa Xứ. Xuân thu nhị kỳ, dân chúng đều làm vía kỵ vào tháng Hai và tháng Tám âm lịch.Trong những ngày như thế người ta bày ra các

màn múa gọi là múa bóng giữa tiếng nhạc bát âm khoan nhặt trang nghiêm.

Đứng từ điểm nhìn này, du khách có thể thấy những lùm dừa xanh thẩm mạn Ngọc Hội, Chợ Mới, về phía tay phải và gặp buổi trời quang mây tạnh, họ còn nhìn ra chiếc thuyền nan nhỏ trên có một ngư ông đang ngôì ôm câu.

Phía tay trái, các ngọn đồi chạy từ Hốc Đá Chẻ ra tận biển. Trên các đỉnh đồi này mãi về sau người ta mới thiết lập nên những cơ sở tu tập dành cho hai nhà dòng lớn, đó là Dòng Phăng-xi-cô và Dòng La-San.

Mặt biển nước trong xanh với dãi sóng trắng vỗ nhẹ vào bãi cát hình cánh cung như long lánh dưới ánh nắng trưa hè. Cơn gió nhẹ mang mùi ngai ngái của trăm thứ hải tảo từ khơi xa thổi về đưa hồn khách nhàn du về một cõi xa mơ. “Vào buổi hoàng hôn, toàn thể cảnh vật độc đáo này như khoắc lên mình một tấm áo choàng tráng lệ. Trên những bực cấp bước lên tháp, nơi mà bao nhiêu thế kỷ qua hàng đoàn người đã tới thờ phượng và cầu kinh, tôi như thấy lại những cảnh rước kiệu huy hoàng và những lễ nghi lộng lẫy nay không còn nữa.”(13)

Khi chưa có cây cầu nối liền hai bờ sông Cái, người ta qua lại bằng một bến đò ngang nằm ngay cửa sông. Khách sang đò ngang đa số là những người đàn bà buổi sáng gánh hai thúng cá tươi hoặc gạo

thóc ra chợ cách đó khoảng vài lần dừng chân và chiều xế kẻ trước người sau nối đuôi, gánh hai thúng không về, vừa đi vừa chuyện trò thật là vui.

Đến khi người Pháp bắt tay thực hiện đoạn đường sắt cuối cùng của đường xe lửa Xuyên Đông Dương, nối liền Sài Gòn với Huế và phân đoạn chót từ Sài Gòn ra Nha Trang hoàn thành (circa 1913) thì công cuộc phát triễn Nha Trang mới thật sự bắt đầu.

Nha Trang được thế giới biết đến trước tiên nhờ các cơ sở nghiên cứu khoa học như Viện Pasteur nằm ngay trên bờ biển, xây dựng lớn lao như ta thấy ngay nay năm 1904, Sở Nghiên cứu hải dương học phục vụ nghề đánh cá (Service océanographique des pêches)(14) năm 1922 và đến năm 1930 đổi thành Hải học viện (Institut Océanographique)

Chọn làm địa điểm xây đựng là vì vùng biển Nha Trang và các vùng lân cận rất phong phú về sinh tầng và vị trí thì kín gió và lại nằm gần trung tuyến của Biển Đông. Các nhà khoa học nhiều nước thường đến nghiên cứu nên Viện đã xây dựng năm biệt thự cao tầng trên ngọn đồi sau Viện. Một trong số đó đã được dành riêng cho vua Bảo Đại làm hành cung, tục gọi là Lầu Bảo Đại, hoặc tắt gọn là Biệt Điện. Để cho dễ phân biệt người ta lấy các loại hoa đặt tên cho mỗi biệt thự. Prancipanier

(Hoa Sứ) là tên của biệt điện. Bốn cái còn lại thì một dùng làm tư thất Giám đốc và ba cái kia làm cư xá vãng lai. Năm 1952, Viện được chuyển giao cho Bộ Quốc gia Giáo dục Việt nam. Giám đốc người Việt đầu tiên là TS Ngô Bá Thành.

Du khách thường đến thăm Hồ Cá phía tầng dưới của phòng thí nghiệm. Đây là nơi trưng bày các loài cá đẹp một cách kỳ lạ và những tái tạo các bãi san hô muõn màu muôn sắc. Ít ai ngờ rằng họ đang đứng trong một nhà bảo tàng nho nhỏ rất được các nhà nghiên cứu trân trọng. Theo ghi nhận của Viện, có tất cả 40 ngàn mẫu sinh vật biển đã được ghi chép tỉ mỉ và trong số này có gần 10 ngàn mẫu có gốc ở Biển Đông. (15)

Trên bản đồ, Nha trang từ hướng Đông lan dần sang Tây. Việc thiết lập đoạn đường sắt nối liền Nha Trang tới Tourane (Đà Nẵng) đưa lại một đợt người mới tới. Họ là những viên chức có giọng nói “trọ trẹ” từ kinh đô Huế làm việc trong các ty, sở Tòa Sứ Pháp, những thương nhân người Hoa kiều mấy đời buôn bán ở các làng chung quanh huyện Vĩnh Xương, những người phiêu bạt từ các vùng quê như Ninh Hòa, Tu Bông, Vạn Giã..Việc bán buôn ngày càng phát đạt, nhất là sau khi mấy cây cầu được bắc ngang qua sông Cái như cầu Xóm Bóng, cầu Hà Ra và Con Đường cái Quan chạy xuyên qua thành phố.

Lúc bấy giờ có một người Pháp gốc Bỉ, ông Van Breuseghem, đã cống hiến cho thành phố non trẻ hai công trình kiến trúc thật đẹp. Đó là Rạp chiếu bóng Alhambra, nôm na gọi là Rạp Bà Mên vì bà vợ ông là người xứ Chùa Tháp và quần thể kiến trúc tọa lạc ngay sát bờ biển, Hôtel Beau Rivage. Tuy sau này Nha Trang có những khách sạn qui mô nhỏ hơn như Grand Hôtel, Hôtel La Frégate ở đường đầu Lê Lợi gần Nhà Giây Thép, Club Nautique góc đường Yersin và Duy Tân nhìn sang Khu Công Chánh trước 1975, Hôtel Beau Rivage vẫn giữ địa vị dẫn đầu trong ngành du lịch toàn cõi Đông Dương thời trước.

Công cuộc thiết kế đô thị được thực hiện theo tính toán của Công sứ Pháp lúc đó là ông Henri Bréda. Ông cho san bằng các ao hồ, gò nỗng, di chuyển các ngôi nhà tranh nằm không hàng không lối, tìm chỗ mới cho nghĩa địa người bản xứ rồi trên khoảng đất toàn là cát đó ông cho đắp một số thông lộ chật hẹp khiến sau này nhiều người phải kêu ca. Một trong những bất tiện đó là tình trạng một số đoạn đường thường bị ngập nước trong mùa mưa vì hệ thống thoát nước kém cõi của NhaTrang.Người ta nói rằng Công sứ Bréda chắc bẫm nền cát dưới chân thành phố dư sức hút khô các trận mưa tháng Chín, tháng Mười hàng năm. Nhưng ông không ngờ có lúc sự việc đi ngược lại ý nghĩ của ông.

Cũng trong thời gian này, nhằm khuyến khích việc phát triển cho nhanh hơn, nhà đương quyền cho phép mọi người được “cấm cọc” làm nhà thoải mái trên con đường sau này trở thành thông lộ chính của thị xã, rồi thành phố Nha Trang. Cụ Mai Văn Diệm, tục gọi là Thày Bảy Diệm, là một trong những người đáp lời mời gọi ấy. Cụ chiếm một vạt đất khá dài, chạy đụng ranh Rạp Alhambra. Đất nhiều, tiền ít chỉ đủ xây cất nên một căn phố nhỏ đặt làmTiệm Thuốc Bắc có tên gọi Nam Sanh Đường, chuyên chữa trị bệnh thời khí cho dân miệt Xóm Côn. Phần đất dư đành phải bán lại cho người khác. Nhờ vậy, hai bên đường các hàng phố mở cửa buôn bán ngày càng đông. Đa số do người Hoa kiều làm chủ vì những “các chú” vừa có tiền vừa chịu khó làm ăn và tinh khôn hơn người Việt ta. Có người nói hai phần ba “các chú” chủ tiệm trước đây cư ngụ trên Chợ Mới, cách Nha Trang không tới hai cây số về phía Tây.

Chung quanh hai ngọn đồi nhỏ có tên Núi Một, các ngôi nhà bằng vật liệu chắc chắn bắt đầu xuất hiện. Cha Vallet cai quản khu họ đạo Ngọc Hội, lâu nay tìm kiếm một địa điểm đắc thế để xây một cảnh nhà thờ xứng đáng với thành phố mới phát triển. Địa điểm đầu tiên Cha chọn là ngọn núi nằm bên bờ một nhánh của sông Cái chạy bọc ngang Chợ Mới cách nhà thờ Ngọc Hội không xa, trên có một ngôi chùa cổ trước đây đã được Vua sắc

phong. Liệu bề không xong, Cha Vallet liền chiếu cố đến vùng khác cũng khá đẹp: Núi Một. Đây là một ngọn đồi thấp, cao không tới năm mươi thước, đầu phía Tây cao hơn phía Đông.(16) Tại đầu cao này, ngôi nhà thờ được xây lên, hoàn toàn bằng đá xám, hình hộp. Tháp chuông cao, vuông khối, bốn phía gắn bốn mặt đồng hồ, đứng xa một cây số người ta có thể đọc biết thời khắc trong ngày nếu mắt họ còn tinh. Kiểu thức nhà thờ Nha Trang này xem ra trước sau có một mà không có hai. Người ta nói Nhà Thờ đẹp nhất miền Trung chắc điều ấy cũng chẳng có gì sai.

Chợ Nha Trang, vì họp kế cận một cái đầm rộng, nên người ta gọi là Chợ Đầm. Người có óc tưởng tượng không chịu cách giải thích "thô tục "này. Họ lý luận Đầm là bà đầm, vợ các quan Tây "tay xách bóp, tay dẫn chó" đi chợ mỗi buổi sang, sau lưng có anh bồi xách giỏ lon ton đi theo. Cho nên Chợ Đầm là chợ các bà này. So với Chợ Bến Thành ở Sài Gòn, Chợ Nha Trang kiến trúc khá đơn giàn. Chợ có hình chữ nhật, chạy theo hướng Bắc Nam, một đầu hướng về khu Đình Xương Huân và đầu nhìn ra bùng binh "Trụ đèn bốn ngọn". Mái lợp ngói đỏ lâu ngày trở thành xanh đen. Muốn lên Chợ người ta phải đi hơn năm bậc cấp xi măng. Các tiệm bán hàng ở đây người ta gọi là sạp, ví dụ như sạp vải, sạp bán đồ khô... Mỗi hàng/sạp rộng không quá năm thước vuông, nhóm theo từng khu.

Khách mua sắm đi lại dễ dàng trong các lối đi vừa đủ rộng cho hai, ba người tránh nhau. Ánh sáng không đủ cho nên chợ trông có vẻ chật chội. Nhất là vào mùa mưa. Khu hàng thịt được tổ chức khác hơn. Người bán món này đứng phía sau ghuýt-xê, còn khách hàng tiếp xúc người bán qua vách chắn làm bằng nẹp gỗ xếp theo hình quả trám, sơn màu xanh. Con đường Graffeuil chạy ngang hông trước lúc nào cũng nhộn nhịp người qua kẻ lại. Từ lề đường vào đến chợ là khoảng sân rộng trải dầu hắc. Hàng xén, hàng đồ gốm, cá mắm… bày bán dưới bóng mát các cây bàng trồng rải rác đó đây. Sau lưng chợ, dọc theo bờ đầm nước và suốt đến cổng Đình, các hàng bán cua sống, gà vịt, cá đồng ngồi kín không có lối đi.

Xa hơn, về phía trái, dãy nhà lợp tôn lúp xúp chen nhau đứng thành một nhóm riêng là nơi bán cơm, nước đá chanh, xin xâm…

Năm 1924, vua Khải Định ra Đạo dụ thành lập Thị trấn Nha Trang gồm có bốn làng: Xương Huân, Phương Câu, Phương Sài và Vạn Thạnh. Đến tháng 3 năm 1944, vua Bảo Đại lấy phần đất làng Phước Hải vốn thuộc huyện Vĩnh Xương, nhập vào thị trấn Nha Trang. Lúc đó, đơn vị làng trước đây được đổi thành phường và thị trấn được nâng lên thành thị xã. Thị xã Nha Trang như vậy có 5 phường : Phường đệ nhất (Xương Huân), Phường

đệ nhị (Phương Câu), Phường đệ tam (Vạn Thạnh), Phường đệ tứ (Phương Sài) và Phường đệ ngũ (Phước Hải).

Xe cộ không nhiều nên đường xá không cần phải rộng và dài. Nhìn từ trên không, hệ thống đường phố như một mạng nhện căng dài, một đầu hẹp máng vào vách đá Mả Vòng ở phía Tây và đầu kia tỏa ra như năm ngón tay chạm bờ biển cát trắng. Nhưng khổ một nỗi các mắt nhện này quá nhặt, nghĩa là các ngã tư rất nhiều, lái xe trong đó không phải là chuyện dễ dàng gì.

Thế nhưng, nghĩ cho kỹ, tính cách đặc biệt này làm cho thành phố có vẻ như gần gũi, ấm áp và thân mật hơn. Nha Trang không thể và khó có thể trở thành một đô thị hiện đại đươc.

(1) Xem Quốc Sử Quán Triều Nguyễn « *Đai nam Nhất Thống Chí* » , q.XI, , bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Nhà Xuất bản Thuận Hóa, Huế 1997, tr.87-123

(2) Xem Quách Tấn, “*Xứ Trầm Hương*”, Lá Bối, Sài Gòn 1969, Bản in tại Hoa kỳ(?) không thấy đề năm tài bản, tr. 22-23.

(3) Sđd.

(4) Xem Gabrielle M- Vassal, “*Mes Trois Ans d’Annam*”, Librairie Hachette, 3è Edition, Paris 1911, tr . 29.

(5 ) sđd,

(6) *Đại Nam Nhất Thống chí*, tr. 88.

(7) Quách Tấn, sđd, tr.106.

(8) Cung Giũ Nguyên "*Plage du Vietnam, Nhatrang*",Tạp chí INDOCHINE, Sud-Est Asiatique, số 24, Décembre 1953, tr.51.

(9) Cung Giũ Nguyên, bđd

(10) Gabrielle-M.Vassal, sđd.

(11) Sinh thực khí của đàn ông. Cái của đàn bà gọi là Yoni

(12 ) sđd

(13) sđd

(14) Nhiệm vụ của Viện là thiết lập bản tổng kê các loài sinh-thực vật vùng vịnh Bắc kỳ cho tới tận vịnh Thái lan và nghiên cứu phương cách thực dụng tạo sự lên men của nước mắm, dầu cá và bột cá

(15) Xem "*Quatre-Vingt ans d'histoire de l'Institut océanographique de Nhatrang* (Vietnam)" tại

http://www.vista.gov.vn/Vist.../VistaWeb/caccoquan/vhdhe.htm

(16) Chi tiết này do cụ Trần Đình Hảo, nguyên bí thư Tòa Hành Chánh tỉnh Khánh Hòa, định cư tại

Thành phố Tulsa , tiểu bang Oklahoma, Hoa Kỳ cung cấp, năm 2012. Nay cụ Hảo cỡi hạc qui tiên.

# Art Buchwald,
# Richard Nixon và Henry Kissinger

"......Chiến tranh chấm dứt đã hơn .......năm, nhưng trên đỉnh môt ngọn núi trong tỉnh Quảng Nam vẫn còn một G.I. đang cầm súng, tiếp tục cuộc chiến đấu bị bỏ dỡ...."

Đó là câu khởi đấu của một bài báo tôi đọc cách đây hơn 44 năm.

Tháng 3 năm 1973, hai tháng sau ngày chính thức im tiếng súng trong cuộc chiến Nam Bắc ở Việt Nam. Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh đóng tại Thị

xã Ban Mê thuột và tôi là sĩ quan CTCT , thuộc Khối CTCT Sư Đoàn. Không khí chiến tranh , công việc hàng ngày của một Sư Đoàn tác chiến vẫn "đều đều" không có nét gì thay đổi : Bộ Tham mưu Sư Đoàn, các Trung đoàn chưa rút về hậu cứ, tiếp tục có mặt tại Tân Phú, Eo Gió, , Hàm Rồng...

Quân đội Hoa Kỳ tiếp tục rút quân. theo Hiệp định Pa-ri. Lực lượng địch vẫn đóng quân tại chỗ như trước ngày Ngưng bắn và "lấn đất ".

Với tựa đề " NAM VIỆT NAM: Những trận đánh sau cùng và cuôc vây hãm mời." tuần báo TIME số đề ngày Thứ hai , mồng 5 tháng Hai năm 1973, viết:

...."Sài gòn treo cờ vàng ba sọc đỏ khắp mọi nơi, các biểu ngữ mang hàng chữ MIỀN NAM TẤT THĂNG như một lời tuyên cáo hoặc mạnh mẽ hơn nữa là câu" TOÀN DÂN ĐÓN CHÀO NGƯNG BẮN". Song, vẫn không thấy ai tỏ ra hân hoan , hoặc thở phào nhẹ nhỏm. Sáng Chủ nhật này, dù có hay không có ngừng bắn, Tổng thống Nguyễn văn Thiệu đã ra lệnh toàn thể đồng bào của ông ta cứ sinh hoạt như thường ngày. Ý muốn nói chẳng có chuyện gì phải ăn mừng vì mọi sự có gì mới mẻ đâu--chỗ này ông đã nói đi nói lại nhiều lần trong bài nói chuyện nẩy lửa trên Truyền hình quốc gia. Ông nói" Vẫn chửa có một nền hòa bình. Đây chỉ là một cuôc ngừng bắn tại chỗ. Nếu bọn Cọng sản vi

phạm nhỏ chúng ta sẽ đáp trả nhỏ. Nều chúng đánh lớn, chúng ta sẽ đáp trả tướng ứng."

...."Ngay cả trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực, nhửng chỉ dấu lệnh ày đã xuất hiện ở phi trường Tân Sơn Nhứt Sài Gòn. Trong số những người Hoa kỳ đầu tiên lên phi cơ có 110 nhân viên dân chính trước đây từng huấn luyện Cảnh sát Việt, và không lâu sau đó toàn thể nhân viên quốc phòng dân chính cũng sẽ rút theo, để lại một số lượng giảm sút liên tục gồm 1800 nhân viên dân chính phục vụ với tư cách là những cố vấn trong nhành giáo dục và cải cah điền địa hoặc những nhân viện hợp đồng trong các lãnh vưc công hay tư. Các quân đội đồng minh của VNCH đều đã sẵn sàng rút lui trong vòng 60 ngày theo qui định của lệnh Ngưng bắn. Đôi quân Đại hàn chừng 35 ngàn người đang chờ lệnh. Đợt rút quân đầu tiên khá lớn gồm 23,700 quân nhân Hoa kỳ sẽ xẩy ra trong tuần này. Tại Bô Tư lệnh MACV, người ta dán trên Bảng thông tin một câu lưu ý cũ nhưng rất thich thời: AI RA SAU CÙNG, XIN TẮT HẾT ĐÈN."

Lúc bấy giờ tại thị xã Ban Mê thuột, chỉ có một hay hai tiệm bán báo chí bằng tiếng Việt, như Nhà sách Văn Hóa trên đường .........gần rạp chiếu bóng.. Quân nhân chúng tôi không mấy ai có tiền hoặc có giờ mua và đọc các tờ báo này. Ai thích thì

cứ mua các tạp chí như Bách Khoa, Văn, Mã Thượng...; ít có ai mua thẳng từ Sài Gòn.

Tháng 3 năm 1973, tức là một vài tháng sau ngày Ngưng Bắn. tôi nhận được một tờ tuần báo, nay không còn nhớ rõ là TIME hay NEWSWEEK, trong đó có bài văn mà câu mở đầu tôi ghi phía trên.

Xin cho tôi nói thêm một chút về hai tờ tuân báo nổi danh này.

TIME do Henry Luce xuất bản năm 1923, bìa khung màu đỏ , giấy mỏng gọi là giấy Thánh kinh.. Bài vở có vẻ bảo thủ, nhưng lương thông tin rất cao. nên đọc rất thích.

NEWSWEEK do Thomas J.C Martin xuất bản năm 1933. mang chét hình chữ nhật nằm ngang phía trên đầu trang bìa, in một màu xanh, luc, đỏ v.v..giấy dày hơn giấy in báo Time, bài vở không bảo thủ, có thiên hướng điều tra, sắc sảo và hay gây tranh luận.

Chiến tranh ngày càng dữ dội, trước khi Ngưng bắn, cũng giống tình trạng các báo, tạp chí Việt ngữ khác, chính phủ VNCH cũng có lúc kiểm duyệt kín đáo các tờ báo, tuần báo của Hoa kỳ. Bằng chúng là nhiều tuần, chúng ta không tháy Time hay Newsweek gởi về nhà cho độc giả mua dài hạn . Tôi đặt mua tuần báo TIME hay NEWSWEEK , mỗi năm đâu khoảng 150 đồng Việt nam. Măng đa

đề tên Bookstore tại Passage Eden, Sài Gòn. Tôi đã mua báo TIME hay NEWSWEEK lúc đó ? Như sau đây các bạn sẽ thấy, tôi không chắc chắn là thứ nào.

Ừ thì cứ cho là tờ Time đi vì trong ký ức , lúc nào tôi cũng ngửi thấy mùi thơm thơm của giấy và mong manh của tờ Time cả.

Tuấn có, tuần không, tờ tuần báo là niềm vui nho nhỏ, mang chút không khí phương xa đến chốn xa xôi. Tôi có thói quen đọc Time từ lúc còn dạy học ở Nha trang. Đến khi vào Trường Đại Học CTCT, tôi vẫn có dịp đọc theo dõi hàng tuần công cuộc tìm bắt "Che" Guevara khắp thế giới và sau cùng chộp được hắn ở Bolivia, Nam Mỹ.

Tuần lễ đó, đi làm về tôi nhận được tuần báo, rất mừng là không bị mất ở đâu đó. Các bạn nên nhớ nhé, lúc đó, tuy đã có lệnh ngưng bắn, Sư Đoàn chúng tôi vẫn còn đóng quân mạn Bắc Quân Khu II, chiến tranh chưa ra khỏi tâm trí mỗi người.

"......Chiến tranh chấm dứt đã hơn .......năm, nhưng trên đỉnh môt ngọn núi trong tỉnh Quảng Nam vẫn còn một GI đang cầm súng, tiếp tục cuộc chiến đấu bị bỏ dỡ...."

Đọc câu chuyện bắt đầu như trên, in trên một trang khổ 73/4 x 101/2 về một anh lính Mỹ một mình tiếp tục chiến đấu trên núi cao, sau khi đồng

đội đã rút vế nước-- nhiều năm rồi và chiến tranh cũng đã chấm dứt từ lâu rồi-- nghe thật là bi hài.

Chính nét bi hài này làm câu chuyện--nếu gọi được như thế!-- cứ theo tôi tứ bấy đến nay, kể cả những ngày trong trại tù . Có một điểm khác làm tôi lưu ý: Art Buchwald, ông này là ai? và loại văn này vừa khôi hài vừa thời sự ta gọi là gì?

Art Buchwald (1925-2007), tác giả bài viết, là một người giữ mục "Paris After Dark" cho nhật báo New York Herald Tribune (1949) và mục "Mostly About People"(1951) là hai cột mục rất ăn khách các độc giả đôi bờ Đại Tây dương. Năm 1962, Buchwald trở về Hoa kỳ, viết cho tô The Washington Post và các bài viết của ông đã ký bán cho hơn 550 tờ báo lớn nhỏ khắp nước.Buchwald có tài đặc biệt viết châm biếm chính trị, dùng lời lẽ châm chọc nhiều lớp chính trị gia, những quan sát "không giống ai" của ông , making Buchwald an icon to millions of readers Hai nhơn vật sau này Buchwald hay nhắc đến là Richard Nixon và Henry Kissinger. Nói vế R. Nixon, Buchwald viết: " Tôi tôn thờ cả khoảnh đất lún dưới bước chân của ông ta." Cho nên trong lời nói cuối cùng của một Tổng thống, Nixon nói: " Từ này tôi không còn là quả bóng ai muốn đá đi đâu thì đá nữa..."

Còn nhơn vật thứ hai; Henry Kissinger , Buchwald không xem thương nhưng cũng không kính trọng.

Xem các bài viết vê ông này, chúng ta thấy Buchwald không bỏ lỡ cơ hôi dề mô tả mọi tính cách , thói quen hay ngôn ngữ của Kissinger. Kể cả chuyện tình ái ... hào nhoáng của nhơn vật này.

Dưới con mắt của người Việt--"nạn nhân"của nhà ngoại giao lừng lẫy thời chiến tranh--Kissinger là người chuyên xài bá đạo; miệng không bao giờ nói chuyện nhân nghĩa hão như tự do cho những dân tộc muốn dân chủ, bảo vệ người nghèo, chống xăm lược.... Ai không nhớ câu nói bất hủ năm 1975, khi miền Nam Việt nam sắp rơi vào tay Bắc Việt: "Sao chúng không chết di cho rồi!"

Xin nói qua một chút về cái ta thường gọi là cột mục (column) trong một tờ báo hàng ngày. Báo ngày khổ lớn thường được chia ra nhiếu nhất là 6 cột. Báo ngày hoăc tuần khổ bằng nửa báo ngày (tabloid) mang khoảng 4 cột là nhiều nhất. Một cột báo được viết theo hai hướng chính: hoặc chuyên về một lãnh vưc đặc việt chuyên môn như thời trang, canh nông, sưu tấm tem ....và hướng khác là sinh hoạt hằng ngày: hôi hè, đình đám, chính trường, các sự kiện mọi người đang nói tới.... Với hướng thứ nhất, người phụ trách không cần một tài năng đặc biệt gì miễn viết đúng văn phạm, kiến thức liên quan được trình bày rõ ràng, dễ hiểu, có một chút dí dỏm thì càng tốt. Hướng thứ hai thì khác. Vì là chuyện đời hàng ngày nên người viết

khó viết cho thực "ăn khách" nếu không có kiến thức rộng rãi, không quen biết nhiều người--đăc biệt là những người nổi danh tốt hoặc xấu (famous hay notorious)--và nhất là phải có cách nhìn , cánh đánh giá, cách suy luận không-giống-ai . Ngày xưa, ở miền Nam Việt Nam, chúng ta từng đọc các mục "Ao thả vịt", "Tư Trời biển", "Nói hay đừng".... Cho đến nay, những bài báo nho nhỏ ấy không thấy ai thu thập và in lại thành tác phẩm, và cũng không có ai nổi danh chuyên viết "loại " văn châm biếm này.

Ở Hoa kỳ này thì khác.

Mà nổi tiếng nhất là hai người : Art Buchwald và Erma Bombeck.

Tôi chưa từng đọc Erma Bombeck, nhưng tôi đọc và mua rất nhiều sách của Buchwald.

Có gì lạ đâu!

Chả là nhớ lại chuyện xưa cũ, những gì tôi đã sống qua, vui buồn trong đời thường cũng như đời quân ngũ, lúc ở quê nhà, lúc ở trại tỵ nạn; những bài báo, những cuốn sách từng đọc; những khuôn mặc không thể nào quên. Cũng như các bạn của chúng tôi, tôi mất rất nhiều thứ khi chiến tranh chấm dứt!

Sang quê hương mới, tự nhiên tôi rơi vào hoàn cảnh " à la recherche du temps perdu."

Bạn cũ, có người tôi tìm và liên lạc được; sách vở tôi từng có trong tay, lại cũng có khi may mắn kiếm được.

Không ở đâu sách vở viết bằng tiếng Anh --loại sách cũ, đã có người đọc rồi , theo tôi,-- rẻ như ở Hoa kỳ này! Ví dụ trong thời gian ngắn, tôi cần sách của Art Buchwald, tôi đã mua hơn chục cuốn qua internet!

Mua làm gì mà nhiều vậy, có thể các bạn của tôi sẽ hỏi thế.

Xin thưa: Mua để tìm cho được bài báo năm xưa có câu chuyện người G.I tôi kể phía trên đây.

Sau khi tìm mà không thấy, tôi bèn đến thư viện thành phố. Thư viện Anoka nằm bên kia sông Mississippi, tiểu bang Minnesota, có môt số microfilm chụp đầy đủ các số báo Time và Newsweek những năm 1973, 1974,...Tôi đã cố ý tập trung vào năm 1973, tháng 3, 4 và tháng 5

Hai, ba lần đến đếu mang lại thất vọng: Time và Newsweek hàng tuần trước đây và có thể cả bây giờ, phát hành toàn thế giới bằng 3 hoặc 4 ấn bản, mỗi ấn bản in tại mỗi khu vưc như Á châu, Âu châu , Phi châu (?) Thởi chiến tranh ở Việt Nam, ấn bản Time hoặc Newsweek được in tại nhà máy in (?) Toppan, đặt ở Hongkong.

Do đó , có thể nội dung mỗi ấn bản có khi khác nhau , tôi không tìm ra bài tôi muốn tìm. Chuyện xem ra có lý nhưng cũng không có lý vì đề tài đâu phải là không thích hợp cho độc giả Hoa kỳ?

Tôi lại thử tìm trong Hồ sơ lưu trữ (Archives Vault) các số báo Time từ năm 1923 trên internet. Từng tuần một, tôi đều đọc lướt qua.

Vẫn không thấy.

Cuối cùng, tôi kết luận: Nó phải được đăng trên tờ Newsweek mà thôi! Thực ra, nhớ lại, tôi đã order tờ Newsweek khi còn ở Ban mê thuột.

Tôi lại thu hẹp cuộc truy tìm. Tôi lại suy luận, tôi lại , tôi lại...

Các bạn sẽ tự hỏi: Thằng cha này khùng hay sao mà lại đi tìm một bài báo nhỏ mọn , chẳng ai chú ý và xưa đến hơn 40 năm?

Câu chuyện nó như thế này:

"Chiến tranh chấm dứt đã hơn.... ..năm, nhưng trên ngọn núi... ..trong tỉnh Quảng Nam vẫn còn một G.I. đang cầm súng, tiếp tục cuộc chiến đấu bị bỏ dỡ. Chính phủ Việt Nam mới tìm mọi cách đế nói với anh G.I. ngoan cố rắng thì là chiến tranh chúng mày đã thua rồi, hãy bò súng xuống và cút về nước đi. Anh G.I. vẫn không chịu buông súng và hễ "địch " tiến lên anh đều bắn không sót một tên nào.

Thấy vậy, Việt nam mới liên lạc và mời người mẹ của anh G.I. đến thuyết phục hầu dẫn con về xứ. Người ta đưa người mẹ lên găp con. Hai mẹ con đối đáp như sau:

--Thôi con à! Chiến tranh đã chấm dứt mấy mươi năm nay rôi. Con hãy về với mẹ đi con!

--Không được đâu mẹ à! Người con nói, con phải chống bọn cọng sản để bảo vệ nước Hoa kỳ của con...

--Con không bảo vệ được đâu! Người mẹ nói nhanh.

--Vậy thì còn chiến đấu để bảo vệ bờ biển của chúng ta,

--Cũng không được đâu con-- vì chúng chiếm các bờ biển của chúng ta rồi.

-- Con chiến đấu để giữ các trường đại học...

--Cũng không được đâu con. Chúng đã đến đó rối!

-- Để giữ các sân dã cầu...

--Chúng cũng đến những chỗ đó rối! Người mẹ chán nản trả lời.

Nghe đến đây, người G.I. cuối cùng bật khóc và thỏ thẻ với người mẹ thân yêu:

--Đã vậy rồi, mẹ con mình đi về thôi!

--Ấy! Đâu có được con!

Anh G.I. thắc mắc hỏi:

--Tại sao vậy mẹ?

Người mẹ ôn tồn trả lời :

--Chúng ta phải bay ra Hà nội để dự lể khánh thành pho tượng Kissinger!!"

Một câu chuyện như thế này chắc chắn phải do Art Buchwald viết. Có điều đến nay, tôi vẫm không cách nào tìm ra được nguyên bản nên chỉ kể lại theo trí nhớ .

Nhưng chắc chắn nó phải có thật, đã in trên báo, tại Á châu, trong chiến tranh , năm 1973, sau Ngừng bắn.

Chỉ có vậy thôi mà cũng ồn ào!

3/2017

# Các Vị Đại tá của tôi.

*Tưởng nhớ cựu Đại tá Vũ Quang.*

Năm 1992, mấy tháng trước khi tốt nghiệp, tối đã được giới thiệu gặp người có thể giúp tôi một số kinh nghiệm để ghi vào resume xin việc. Lúc bấy giờ tuần báo tiếng Việt tại tiểu bang Minnesota là tờ báo 8 trang, phát hành hàng tuần, măng xét luôn in màu đỏ: NGÀY NAY MINNESOTA. Cựu ĐT Quang làm chủ nhiệm.

Buổi sơ ngộ diễn ra tại một ngôi nhà nhỏ, nằm trên đường Red Fox, thành phố Maple Grove, tiểu bang Minnesota. Trước đây, tôi chỉ nghe chớ chưa bao giờ gặp và tôi không nghĩ mình sẽ được gặp trên

xứ xa lạ này những người đã từng làm công tác giống như mình nhưng ở cấp độ chỉ huy cao nhất trong quân ngũ ngày xưa.

Ông có vóc người cao lớn, khuôn mặt chữ điền, hiền lành, tóc đã hói một chút nhưng tiếng nói, giọng Bắc vẫn còn rất khúc chiết và đầm ấm. Từng câu, từng chữ thật cẩn thận làm như ông đang viết một trang sách và viết để lại cho người sau đọc. Tôi không dám hỏi nhiều nhưng không thể không hỏi về một người, tôi nghĩ chắc chắn ông phải biết. Đại tá của tôi: Hoàng Đạo Thế Kiệt. Tôi thầm mong ông nói đôi điều về vị này. Chẳng hạn như ĐT Kiệt thế này, thế kia...Thế nhưng ông chỉ trả lời ông có biết và hết. Tôi thì kể rằng ĐT Kiệt lúc trước từng là Tham Mưu trưởng trường tôi học, sau về làm Cục trưởng Cục Chính Huấn QL.VNCH cho đến ngày mất nước..Tôi đinh kể thêm nhiêu chuyện tôi có dịp tương tác với ông Đại tá của tôi.

Kết thúc *interview,* ông bảo tình cảnh anh em mới sang đây ông muốn giúp nhiều nhưng không biết làm sao mà giúp . Câu nói chí tình này, sau này, mỗi lần nhớ tới ông, không làm sao tôi quên được. Chỉ một câu rất ngắn. Và thường chỉ như vậy thôi.

Công việc của tôi hàng tuần tại "tòa báo" đơn thuần là cắt dán các mẫu giấy in sẵn:tin tức, quảng cáo ...theo hướng dẫn của anh S. một người được người ta biết như một họa sĩ. Không ai biết

tôi, trong quân đội, có biết rất nhiều về cách làm một tờ báo, tạp chí tuy khi đó tôi chỉ in khoảng 2 tới 300 tập, dạng tạp chí, dày hơn trăm trang và tiêu thụ trong nội bộ Sư Đoàn.

Khi kiếm được việc làm, tôi thôi không đến với tờ báo nữa. Lý do, Ông Chủ nhiệm , trước khi đi họp ở Ca-li, đặn tôi ra Thư viện kiếm tên và địa chỉ những người Việt cư ngụ trong Minnesota và các tiểu bang lân cận như Wisconsin, North và South Dakota để giới thiệu báo Ngày Nay . Tôi có ra các Thư viện nhưng tìm mãi không lấy được thông tin nào.

Vậy mà sau này mỗi khi có dịp gặp, ông không một lời nhắc tới chuyện đó.

Tôi từng nghe có môt số vị sĩ quan cao cấp đang đinh cư tại tiểu bang này. Nói chung các vị này rất ẩn dật. Không ai ra ngoài chốn công cộng khoe khoang rằng thì là tôi trước đây thế này, thế kia. Có thể các vị này không muốn ai biết sự mất mát to lớn của quốc gia, dân tộc trong đó có sự nghiệp riêng tây của mình. Dường như chỉ có cấp thấp chúng tôi là thỉnh thoảng nhiều chuyện. Nhưng rất mừng tình trạng đó không phải là phổ biến.

Trên tờ *Ngày Nay*, độc giả khó tìm thấy cái gì khác ngoài các tin tức và các bài viết. Không có xã luận. Cho dù có chuyện gì "ùm xùm" có liên quan đến người Việt tại Minnesota. Không biết trước năm

1990, tờ *Ngày Nay Minnesota* ra sao : có ôn hòa hay *militant* ? bảo thủ hay cấp tiến?

Tôi đồ chừng cung cách làm báo, làm tin của chủ nhiệm biểu lộ cá tính của ông. Đó là sự chững chạc (dĩ nhiên!), đường hoàng và nhất là sợ làm sai. Tờ báo là bản phúc trình hàng tuần, khúc chiết, mạch lạc và không có lời bình . Vui thì có vui, ví dụ các bài nho nhỏ của một vị cựu thẩm phán, lúc đó là Chủ tịch Cộng Đồng ; buồn thì có nhưng giận thì không. Ai cũng biết, buồn không làm người ta hành động tích cực.Giận sẽ làm. Vai trò truyền thống của báo chí là kín đáo hoặc lộ liễu kêu gọi sự hành động, ít ra là bày tỏ thái độ nào đó để chung quanh người khác biết.

Theo tôi, tờ *Ngày Nay* như một tờ báo sạch, cái sạch của bệnh viện.

Nay suy nghĩ lại, tình trạng trên cũng đúng thôi. Có tìm ra ai trong Ban Quản nhiệm là người ngoài giới quan trường ngày trước đâu?

Nhưng có thật như vậy không?

Năm 2008, có người cho số điện thoại, tôi biết vị đại tá tôi hằng mến mộ nay ở đâu đó. Tôi gọi và đã được gặp. Tôi xưng tên, họ và Khóa. Tội nghiệp! ông không nhận ra nên có vẻ lúng túng lắm. Cựu SVSQ một Quân trường lớn đi hỏi một vị cựu Tham Mưu trưởng có nhớ mình không quả là chuyện vô

lý. Chẳng qua tôi cứ nhớ là ông nói ông đã xin Trung tướng Trần văn Trung, TCT Tổng cục CTCT nhiều lần "lúc đầu ông Trung chịu nhưng sau, nghe ai nói đó ông Trung bảo để nó ở Đại đội tác chiến một thời gian hẵn "lôi" nó về." Chuyện này tôi được chính ĐT Kiệt nói khi tôi trình diện ông như một CSXS của Sư đoàn tại Cục Chính Huấn cuối năm 1973. Sự chiếu cố này liên quan tới bài viết đầu tiên của tôi khi còn là SVSQ về công tác CTCT tại nông thôn. Bài viết trên giấy 81/2 X 11, viết bằng bút chì đen. Ông đã đọc và HQ Đại tá CHT cũng đã đọc và rất tâm đắc. Nếu đã được cho in trong Đặc san Tốt nghiệp thì câu chuyện sẽ chấm hết tại đó. Đằng này Tổng Cục CTCT không chịu cho phổ biến. Thế là Ông đã họp Ban Biên tập SVSQ và "xì nẹt" Tổng Cục. Đại tá Kiệt là một sĩ quan năng nỗ, rất khó tính vì ông expect chẳng những sĩ quan thuộc cấp mà cả toàn quân quá nhiều. Bạn cùng khóa lên cấp, ông dẫm chân tại chỗ. Năm này qua năm kia.

Khổ người nhỏ, tóc húi cao, ông có khuôn mặt xương xương, môi lúc nào cũng mím chặt. Giọng nói to, rền và chắc như đinh đóng cột. Nếu tôi nhớ không lầm, ông thuyết trình rất hay, vừa hấp dẫn vừa có sức thuyết phục cao.

Cuối năm 1974, ông vẫn còn muốn tôi về làm việc cho ông tại Cục.

Trong Khóa trừ một số bạn ở Cục, không ai biết mối thâm tình Đại tá dành cho tôi. Khi sang đây năm 1990, tôi biết các Khóa có người đã làm cho ông phiền lòng. Cũng là do nhiệt tình đối với quốc gia, dân tộc của ông mà ra cả. Ông muốn các anh tốt nghiệp một quân trường chính trị phải làm chính trị." Thật quá uổng, các anh đã được huấn luyện kỹ càng mà lại không chịu dấn thấn..." Ông nói vậy với tôi qua cuộn nói chuyện trên điện thoại xa xăm kia.

Anh em có người nghĩ ông muốn "lợi dụng" các Khóa cho "mưu đồ" của ông.

Ông nản lòng và không muốn đến với các Khóa nữa.

Tôi sắp đi họp Khóa tại California cùng lúc Đai Hội hai năm một lần của toàn Trường cũng gần đó nên mở lời mời ông tham dự cùng chúng tôi và nếu ông đồng ý, tôi nhất định sẽ yêu cầu anh em mời cho được . Nhưng ông không chịu đi.

Và ông qua đời mấy tháng sau đó.

Tôi khoe với ông trên tôi có Đại tá Quang và lại hỏi ông có biết ông này không? Ông bảo có biết và mến phục."Anh ấy người rất đàng hoàng, có tâm huyết nhưng [.... ] không thích tôi."

Hai vị đại tá, hai tính cách khác nhau.

Nhưng cũng là hai vị Đại tá của tôi.

01-03-2015

# Bá Ninh và 60 năm.

*Kính tặng Frère Raymond Hinh.*

Lúc chúng tôi là những học sinh "trường dòng" cách đây 60 năm, Trường Benilde chỉ vỏn vẹn gồm Khu Nhà Bếp, Khu Phạn xá, và một vài phòng nhỏ có vẻ như là phòng học hay lớp học, nếu muốn nói cho lịch sự một chút. Nằm riêng ra về phía Đông của Phạn xá là Khu Nhà vệ sinh.

Các Frère của chúng tôi có thói quen xây dựng theo thông tục ủa người Pháp. Làm gì thì làm, nhà vễ sinh và nhà bếp và Phòng ăn (Phạn xá) phải được xây dựng trước "hết thảy"!. Thấy thì buồn cười thật đó nhưng mà ngẫm lại, cách làm nhu vậy thật là hữu lý.

Các bạn không tin, xin cứ ngồi im lặng hồi lâu , thì sẽ hiểu ra thôi.

Nhưng nếu việc xây dựng ngôi trường được tiếp tục theo lập –lăng , nào là phòng học nối dài như những phòng nhỏ vừa nói trên đây, thẳng góc với đường Duy Tân, song song với đường Nguyễn Tri Phương, cảnh quan sẽ đẹp hơn vì khu đất ấy rất đắc địa. Đằng này, xây cất giữa chừng, có tin đồn-- mà có thật-- người ta sẽ chia cắt Việt Nam từ vỹ tuyến thú 12, tức từ Nha Trang trở ra Bắc sẽ thuộc quyền kiểm soát của Việt Minh ! Nhà Dòng bèn xì - tốp và Wait and see.

Rất may, sau đó, con đường chia cắt đã dược dịch lên phía Bắc, xa hơn: vỹ tuyến thứ 17 !

Có hai lớp Đệ Thất, một lớp Đệ Lục và một lớp Cinquième (5 è). Hoàng Đức Nhà, Hàng

Trí Huê (Phòng ngủ Lan Đình) học lớp sau này. Đó là năm 1955.Các lớp Thất, Lục , trong giờ thể thao, không chơi chung với lớp *Cinquième* này. Trò chơi phổ biến nhât là *Ballon militaire*. Đây là trò chơi chủ yếu là chạy và ném ballon cho phe mình. Quả ballon phải vào “gôn” của đối phương thì mới gọi là bàn th ắng. Đơn giản và tốn rát nhiều mồ hôi và đôi khi còn xầy xát nữa. Sân chơi lúc đầu là bãi đất cát, nằm phía trước các lớp học. Về sau, khi quân đội trả lại khu doanh trại cũ kế bên Villa Sablon của các Frère , nằm kế Hotel Beau Rivage, chúng tôi chơi trên khoảng sân rộng mênh mông và tha hồ rượt đuổi nhau. Hình như học sinh được

các Frère cho chơi môn này vào ngày thứ Năm hàng tuần. Tôi còn nhớ cứ sau mấy trận Ballon militaire như vậy, chúng tôi rủ nhau đi tắm biển.

Cho đến khi chúng tôi thi Trung học (1958), Trường Bá Ninh đã thành một cơ sở giáo dục bình thường nhưng có phần vượt trôi hơn các trường tư thục hiện đang hoạt động tại Nha Trang.Các lớp và học sinh nhiêu hơn chứ không còn "tuyển chọn" như những năm đầu tiên. Trường đã có những dãy lớp rộng rãi,khang trang xây dựng từ đầu hồi nhà WC chạy ra hướng biển, có Preau chạy thẳng góc với đường Nguyễn Tri Phương(Cổng chính). Ngoài các sân bóng chuyền, hình như có thêm một sân Bóng rổ tráng xi măng cho những anh Lý Mậu, Phạm Thông ,Hàng Thông... thi tài.

Ba năm sau, tôi có dịp quay trở lại. Không phải một mình mà là cùng hai anh bạn cùng lớp, những người mà cách đó ba năm Frère Raymond đã hỏi tại sao chúng tôi , ba đứa, không tiếp tục học với mấy Frère mà lại đi học trường khác? Lúc bấy giờ chúng tôi đã 14, 15 tuổi rồi Đó là tuổi gì thì các bạn đọc phải đoán ra thôi, miễn trả lời. Nhưng dối với quý Frère, quý Frère làm sao đoán được và chúng tôi thì làm sao chúng tôi dám nói ra!

Chúng tôi bảo chúng tôi sẽ học Ban Văn Chương - Triết học (Ban C). "Trường mình không có Ban này, thưa Frère." Nghe nói thế, Frère Raymond, lúc đó

đã là Hiệu trưởng thay thế Frère Roger, liền nói ngay: “ Frère sẽ mở lớp Nhất C cho ba đứa mày học!.” Thế nhưng, sau đó, chúng tôi vẫn “bỏ” và đi học Trường Võ Tánh.

Frère Raymond người vẫn thế, nhưng chúng tôi, sau thời gian xa Trường, đã có nhiều đổi thay. Chúng tôi đã học , đã giao tiếp với “thế giới” bên ngoài. Chúng tôi, hai đưa từ cố đô Huế về, anh thứ ba tiếp tục học Võ Tánh cho đến năm cuối cùng-- mọi người đều chẳng có chi phải lo ngoài chuyện tiếp tục học Đại học hay đi kiếm một nghề chuyên môn nào đó. Chúng tôi đến thăm các Frère như những người học trò cũ trở về thăm lại trường xưa. Trong câu chuyện bỗng anh bạn nhỏ con, liếng thoáng nói: ‘Thằng này, nó tính đi Cảnh sát đó, Frère!” Nó nói đúng. Tôi đã nộp đơn xin thi vào Khóa I Biên Tập viên Cảnh Sát và sẽ đi thi tại Sài Gòn.

Không ngờ lời trêu chọc ấy đã là cái cớ cho tôi được gần gũi với các Frère thêm 6 năm nữa!

Tôi xin đảm nhận môn Việt văn vì đây là môn tôi thích nhất. Frère bảo để khi nào có chỗ trống chứ bây giờ, Trường có một chỗ dạy Sử Địa không có người phụ trách niên khóa tới . Tôi không thích dạy môn này mặc dù, trong thâm tâm, tôi rất thích lịch sử và địa lý. Nhớ khi còn ở lớp Đệ Thất BN, Frère Martin đã cho chúng tôi những giờ phút phiêu lưu

qua bao nhiêu lục địa. Chúng tôi biết cuộc du hành của Magellan, Vasco de Gama , cuộc vướt biển bằng bè gỗ Balsa mang tên Kon Tiki của Thor Hayerdahl.. từ Nam Mỹ sang đảo Phục Sinh (Pâques) ở Nam Thái Bình dương…Sách Địa lý lúc đó Nhà Dòng còn in ronéo, hình vẽ rất đẹp, bìa đóng lại bằng dinh sắt (agrafe). Sách do Frère Jêrôme Nguyễn văn Ba biên soạn. Về sau, học qua bao nhiều sách Địa lý, tôi chưa thấy cuốn nào soạn hay bằng.

Frère bảo tôi gỉỏi môn này mà.

Dường như về khoản này, tôi đã không làm Frẻre Raymond thất vong.

Nếu có ai “ vô cớ” hỏi các anh ngày xưa, cách đây nửa thế kỷ đã từng học tại Lasan Ba Ninh xem còn nhớ đến ông thày cao cao , mặt lúc nào cũng khắc khổ, già như một ông cụ non—chắc chắn anh em sẽ trả lời là biết, và biết ông ây như một ông thày dạy Sử Địa mà thôi !

# MỘT BUỔI SÁNG ẢM ĐẠM...

*Chu Pao ai oán hờn trong gió*
*Một tấc khăn tang, một tấc đường*

1

Chúng tôi nằm bên đường 14 chờ rất lâu mà vẫn chưa có lệnh di chuyển.

Bầu trời cao nguyên trong xanh, nắng nung khối đất ẩm qua trận mưa khuya hôm qua càng làm cho không khí càng khó thở hơn.

Chúng tôi chờ lệnh—mà lệnh từ đâu tới?

Khoảng xế trưa, có đoàn công voa Tiếp vận 5 chở đạn dược, tứ hướng Pleiku chạy đến. Từ đầu năm tơi nay, có thể đây là cuộc chuyển vận qui mô và cấp bách nhất; địch chắc chắn sẽ tấn công và địch thì đang vây và vòng càng ngày càng thắt chặt. Xe chạy qua mặt đoàn xe dài của chúng tôi đang đổ dọc bên đường.

Từ một ngày trước, đoàn vận chuyện Bộ Tư Lệnh Sư đoàn đã ra nằm chờ cách đây không xa. Các Phòng Ban , mỗi đơn vị hoặc đi chung với nhau trên một chiếc Dodge cát hoặc tự lái xe dzip như

tôi và anh sĩ quan Phòng Tâm Lý chiến. Nếu gọi đây là một cuộc hành quân thì không chính xác cho lắm vì sao? Những gì xãy ra sau đó sẽ tự chúng dẽ giải thích. Khôi CTCT chúng tôi chỉ mơ hồ biết mình đang đi Kontum. Còn đi ra sao, như thế nào và ai là chỉ huy tổng quát, ai chỉ huy phân bộ thì có trời mới biết -- không ai chính thức họp báo gì ráo trọi!

Bỗng giữa tiếng gấm rú, bụi mù của hàng trăm bánh xe, tiếng phần phật của các tấm bạt phủ chiếc thần dài ngoàng , ô dề, cục mịch chất cao nào concertina, nào đạn pháo binh.. người ta nghe tiếng rít của đải liên 12ly7 phòng không. Rồi ào ào đạn nổ đì dùng, lớn có nhỏ có khiến người nằm bên đường không biết chúng từ hướng nào vút tới.

Đó là tháng 4 năm 1972.

Trước mặt chúng tôi ngọn Chu Pao, cao hơn ngàn thước đứng sừng sũng. Phía sau chúng tôi cách khoảng hai cây số là núi Chu Thoi. Đường 14 chạy quanh co giữa hai cao điểm mà từ đó, địch có thể khống chế đến mức đe dọa sống còn của cả một tỉnh lớn cao nguyên. Dọc đoàn đèo dài bảy cây số này đã từng xảy ra những cuộc chạm trán đẫm máu. Hai bên đường, cây cỏ xác xơ.

Mùi tử khí , những mảnh vở của đạn phào, áo trận bạc màu vương vãi trong các nhóm cỏ xanh lưa thưa như đầu tóc người vừa mới khỏi cơn bệnh

ngặt nghèo. Thật vậy, khoảng khong gian này là tử địa. Cứ tưởng tượng, đứng trên đỉnh cao ngàn thước nhìn xuống cõi nhân gian như chỗ chúng tôi đang nằm tránh đạn đây, địch cứ từ tốn bắn tỉa từng 'con kiến' một mà không sơ ai bắn trả.

Chúng ta đang trong thế trận cưc kỳ nguy khốn. Đât cao nguyên mênh mông, rừng cây trung trùng điệp điệp. Hai Sư đoàn cơ hữu dàn trải không phủ lấp toàn lãnh thô. Căn cứ an toàn của địch nằm ngay sát biên giới, ta biết nhưng không cách nào tiêu diệt nó được. Đánh tràn qua bên Cambodge ư? Chuyện này không khó nhưng ai cho phép? Đạn dược, tiếp liệu lúc nào cũng chỉ được dự trữ không hơn sáu tháng. Ngay cả khi chúng ta có A-37 phản lực , bình xăng chỉ đủ cho một chuyến bay từ Đà Nẵng ra Hà Nội chứ không có xăng để bay trở vế (1). Một chuyến bay không tới 28 phút!

Một quốc gia nhỏ bé nhưng gánh vác một cuộc chiến quá lớn. Ai kham nổi nếu không có người nào đó “chống lưng”. Đối phương của VNCH cũng thê thôi. Người ta cho đó là thân phận các nước nhược tiểu. Nhưng khốn nạn thay, chính người mang cái khổ nạn lại không biết mà cứ ưỡn ngưc muốn đi làm anh hùng!

Chiến tranh xưa nay không có anh hùng mà chỉ có sự sống và cái chết.

Đó là thảm kịch.

Qúa giở Ngọ, chiếc xe 18 bánh cuối cùng chạy qua khỏi chỗ chùng tôi thì có ai đó la lớn, “VC chạy đen nghịt đàng kia!”Đàng kia là phía bên trái, bên kia đường, thật xa tit mù giữa hai chòm núi. Chúng tôi ai nấy hồi hộp , lòng mong mỏi chúng đừng tới chỗ mình: hầm hố, bao cát phòng thủ không có, trang bị chỉa có mấy khẩu súng lục , binh sĩ người thì lăm lăm trong tay khẩu M16 chưa chắc có ai từng bắn thử tại sân tác xạ TTHL Sư đoản, người thì nhớn nhác… chỉ chực có nguy khốn là bỏ chạy.

Cuộc di chuyển hòm nay không may lải trùng với đoàn xe tiếp vận 5 , ưu tiên , dĩ nhiên phải dành cho công việc khẫn cấp của họ,

Địch đã bị các đơn vị tác chiến của Trung đoàn 45 bộ binh canh chừng từ cả tuần qua. Vả lại, hai bên đường, cây cỏ lâu nay chúng ta khai quang khó có thể tổ chức phục kích hiệu quả. Cho nên địch chỉ còn cách bắn phá ngăn chặn từ đỉnh cao không có đường cho đối phương tiền sát , tiếp cận. Núi lại có nhiều hóc đá toàn đá hoa cương , tảng nào tảng nấy chồng lên nhau như một pháo đài kiên cố. Chỗ đất trống , chúng đào hầm kiểu Triều Tiên, bom trúng trực tiếp trên nóc mới sát hại người bên dưới.

Có tiếng ai hô: “Lên xe!” từ đầu xa vang lại.

Chúng tôi, không cần ai bảo ai, cắm đâu chạy tời các xe lớn, xe nhỏ đang bỏ bên đường sáng đến

giờ. Đại lên 12ly7 phòng không , súng 75 ly không giật từ đỉnh cao bắn xuống từng chập. Y như bắn bia di động ngoài sân tập! Không thấy ai trong số chúng tôi bắn lại phát nào, kể cả bắn khống vì có thấy địch đâu mà bảo.

Chiếc Jeep M151 A2-- quen gọi là dzip lùn-- chạy theo mọi người cố vượt càng xa chiền địa càng tốt. Anh sĩ quan Phòng TLC bình tĩnh cầm chặt tay lái, cứ nhắm con đường thẳng trước mặt mà phóng tới. Xe thưa thớt, đường trống trơn, đạn đại liên 12ly7 ai cũng biết viên đạn to đến cỡ nào… đến thiết giáp vỏ dầy 5,7 ly nó còn xuyên thủng huống hồ thân con người, thỉnh thoảng bắn đuổi theo.. Anh bạn tôi chắc cũng từng ở “tác chiến” về Bộ Tham mưu nên lúc đó tỏ ra khá là bình tĩnh. Thế nhưng cái quan trọng trong hoàn cảnh này không những phải sự tỉnh táo mà còn là phải là người lái quen. Mà ngặt một nổi là anh bạn tôi lại lái không quen, và xe loại này tuy thấp nhưng xe rất dễ lật bánh!

Xe không lật nhưng xe đảo qua lề đường. Nó sẵn trớn từ từ phóng qua con mương thoát nước rộng hơn một thước rối tắt máy.

Ngày 23 tháng 3 năm 1972, chúng tôi sinh đứa con đấu lòng tại Nha trang. Chúng tôi lấy nhau cuối năm 1970. Đám cưới rất đơn sơ : bên phía bà nhà tôi dù không đến nỗi nào nhưng có cái hay là không thích cái rườm rà thói thường—điều này quả thật là đúng ý tôi -- chỉ làm đủ các thủ tục cần thiết nhất cho đôi trẻ tác hợp ”lương duyên” và sẵn dịp có lệnh gọi vào Sài Gòn gấp để chuẩn bị “đi du học” chúng tôi bắt tàu bay một tuần lễ sau đi hưởng “tuần trăng mật” tại thủ đô.

Đúng một tháng sau, hay chính xác hơn , một tháng một ngày, tôi mắc nạn tại chốn hiểm nguy trong khi bà nhà đang ở Nha Trang, cách tôi hơn 500 cây số. Nếu nói theo suy nghĩ dị đoan, qui nạp kiểu dân gian, những người gần gũi súng đạn gươm giáo, những biến cố lớn về tinh cảm, phu thê, tử đệ đều nghĩ chúng quan hệ đến sinh mệnh con người mình. Giờ phút đối mặt với hiểm nguy, phản ứng tự nhiên có khi nó làm cho ta mất trí phán đoán, dễ có những hành động vụng về, khiến tình hình đã xấu, lại càng tệ hơn. Cuộc chiến tranh này đã kéo dài hơn hai mươi năm nay. Nó bắt đầu lúc chúng ta có người chưa ra đời, hay tuổi chưa tới đôi mươi. Bạn bè chúng ta kè bên phải hy sinh, bên trái mất tích tháng này qua năm kia. Ai cũng có số mạng, người xưa bảo thế. Nhưng cả một đại đội, một tiểu đoàn cùng bị vây hãm rôi bi tiêu vong thì phải nói nó là gì?

Nhìn quanh quất, vắng vẻ. Xe cộ không còn, tiếng súng nổ tắt lịm. Hai chúng tôi vội vàng bước xuống xe. Cái áo giáp đè nặng trên mình làm tôi mất cái lanh lẹ hàng ngày. Anh bạn tôi im lặng nhưng cứ chỉ lại lúng túng, ý chừng không biết phải xử trí ra sao. Tổi bảo cứ bỏ xe, chờ có xe nào đến, xin họ quá giang về Kontum. Không lẻ xe chúng tôi là chiếc cuối cùng trong đoàn xe BTL Sư đoàn ? Tôi không tin số xe đông đảo mà lại quay trở lại Pleiku khi không có lệnh.

Giờ này sang giờ kia, chúng tôi hồi hộp chở. Trên đường chạy về thwnh phố, thỉnh thoảng một đốm đen chạy bang qua còn ngoại giả, chẳng có tiếng động cơ xe hơi, phi cơ trưc thăng gì cả.

Im lặng nặng nề.

Cảnh vật như chuẩn bị vào đêm. Ngọn Chu Pao phô các tảng đá trắng vẫn sừng sững sau lưng chúng tôi. Đich trên đó giờ này có lẽ đang ăn cơm chiều ; quân chúng ta làm an ninh khu vực có lẽ cũng phòng thủ đâu đó, kẻ canh gác, người vóc miềng cơm nguội nấu buổi sớm trước khi vào vùng.

Cuộc hành quân hôm nay đã xảy ra như một như một hoạt động tuyệt vọng và đã thành công ngoài dự kiến. Như một phát pháo sáng, nó đã trở thành lịch sử : Không có ai tìm chúng tôi, không một cử chỉ rắng là hai sĩ quan mất tích trong cuộc hành

quân có một sinh mênh quí giá, ít ra là đối với vợ con họ. Họ khong hề biết tôi vừa có một đứa con trai nay chỉ mới có một tháng một ngày tuổi. Họ không hề quan tâm người bạn tôi đây là một người đản ông làm sĩ quan TLC mà suốt gần hai năm cùng làm chung một Khối đã cô đơn đến đỗi chúng tôi chưa từng trao đổi với nhau một lời nào, không biết trước kia đã từng làm gì, gia đình, quê hương bản quán nơi nao.

Chiến tranh làm con người gần gũi nhau nhưng cũng làm tính cách con người biến đổi. nhiều hay ít tùy theo hoàn cảnh chung quanh. Như chúng tôi đây, cúng tôi chỉ còn hai người, sống chết không thể không bảo vệ nhau mặc dù chúng tôi chưa từng là bạn của nhau. Tôi bảo chúng ta phải tìm chỗ ngủ qua đêm. Vô vọng và không thể ngồi chờ như thế này mãi. Địch trong đêm có thể xuống núi, bung quân bi truy tìm hai người chúng từng trông thấy khi xe của họ nằm bất động bên đường. Họ phải thấy chuyện đó. Và họ sẽ làm, đó là điều chắc chắn.

Chúng tôi đi ngược một đoạn ngắn về hướng Thành phố Pleiku và tìm thấy một lùm cây thấp lá rậm ngay trên mặt đưởng mương. Đây là chỗ kín đáo, cách xa và ở góc chết (blind spot) của chính diện ngọn núi. Anh bạn tôi xưa nay đã im lặng này càng im tiếng hơn. Tôi vẹt các cành lá bên trong

buội , trông chỗ cho hai người ngả lưng. Một cách rất quen tay, tôi tháo khỏi lưng cái túi nhỏ bằng vải bạt , một thứ ba-lô người ta mang trước bụng để chứa các thứ vặt vảnh, ngoài cái ba-lô lớn mang qua vai. Trong đó tôi đựng một cái ra-đi-ô cấm tay mua ở Ft Bragg rất gọn tay, da màu đen, môt số sách để đọc trong giờ rảnh rỗi và một số giấy tờ gì đó tôi không nhớ. Tôi lại lặng lẽ tháo chiếc nhẫn hột màu xanh ve chai là chiếc nhẫn kỷ niệm khi tôi học ở Trường Đại học CTCT. Tôi nhìn nò, lòng thấy dâng lên một nỗi buồn khó tả, rồi bò vào bi đông nước, định bụng nếu có bị bắt tù binh, địch sẽ không biết tôi là ai, ngoại trừ tên, họ, cấp bậc… . Đêm nay có thể là đêm cuối cùng tôi còn ở cõi trần này. Tôi tự nhủ tôi phải sống cho hết từng phút từng giờ của nó. Tôi không trách ai nếu tôi phải từ bỏ cuộc sống , tôi không ân hận, không nuối tiếc điều gì trừ chuyện chưa được thấy lại đứa con thơ. Tôi bỗng nhớ tới những buổi thánh lễ nơi trường xưa bên bờ biện xanh năm nào. Có vẻ như tôi đang dọn mình!

Mưa rơi lất phất từ chạng vạng đến giờ vẫn chưa ngưng. Tiếng bòm B-52 dội phía Bắc vang vọng về, Rất nhỏ.Tiếng nổ đều đặn như ai dang lăn thùng phuy trên đường đá lởm chởm. Trời càng về khuya, các tiếng động như cô đọng lại. Nó ri rỉ như tiếng dế kêu, khiến người giàu óc tưởng nghĩ mình sẽ bất an, hình dung kẻ dữ đang tới gần rồi như con

thú thời hoang sơ, tay chân, tim gan như tăng tốc độ, chúng quờ quạng chẳng đâu ra đâu cả.

Đang mơ mơ màng màng như thế , tôi nghe tiếng nói phía ngoài lùm cây tôi đang ẩn náu.

"Đi ngỏ này, chuẩn úy!” tiếp theo sau là những bước chân sột soạt và càng lúc càng xa dần. Rõ ràng đây là quân ta! Nhưng lúc đó, tôi không tin là tôi còn đủ minh mẫn nhưng tôi lại tin là do phản xạ rất tự nhiên là không nên lên tiếng vì trong thế trận ta vả địch cài răng lược như thế này, không có đủ thì giờ để xưng danh mà nếu có, không chắc quân ta sẽ nhận ra quân mình.

Như vậy là hai lần chúng tôi đã bỏ qua cơ hội thoát hiểm. Lần thứ nhứt , chỉ một lúc sau khi xe chúng tôi tắt máy, nằm gác ngang con mương, chúng tôi hy vọng một lát nữa sẽ có xe –số xe còn mắc kẹt vì địch bắn rát—chạy đến để cứu nạn nên khi một tóan chừng 7,8 quân nhân địa phương quân TK Kontum đang thong thả trở về sau phiên làm an ninh trong ngày, chúng tôi đã không đi theo. Tính toán này sau đó thật sai lầm. Và lần này, nghe tiếng nói nhưng không trông thấy mặt mũi thì cơ may có đến hay không? Chắc ăn nhất: cứ nằm im chờ đến sáng.

Khí lạnh núi rừng, những giọt mưa cứ thi nhau nhỏ xuồng , nước thấm từ từ, cái áo giáp ép nặng trên

thân thể cũng vừa đủ cho cơn ngủ ngồi từ đó cho đến sáng.

Chính trong cái đêm yên tĩnh như vậy, sau này chúng tôi biết, Tân Cảnh đã bị tấn công và đã lọt vào tay quân địch. Tôi nhớ suốt đêm, vùng trời yên tĩnh một cách khác thường. Quanh con đèo đich chiếm giữ đã trở thành cái gai nhọn khó gỡ từ đầu năm đến nay, trong khi Quân đoàn II đạt bản doanh cách đó chưa tới 50 cây số, vị tri địch ta biết quân số, vũ khí trang bị, đường tiến sát gần như chúng nằm trong lòng bàn tay , ... đã tổ chức nhiều đợt hành quân, cố chiếm lại đỉnh cao mù sương này. Vẫn không chiếm lại được!

3

Chúng tôi thức giấc từ sáng sớm. Trời vẫn còn mưa, không khí rất ẩm. Lạnh. Mình mẫy mỏi nhừ, bụng trống không... cả con người lúc nào cũng chực phản ứng với mọi thứ chung quanh. Người ta nói căng mắt, căng tai để diễn tả sự chờ đợi căng thẳng, dài lâu và rất nhiều hy vọng.

Gấn đến xế trưa, không còn hy vọng gì nữa, chúng tôi nghĩ cách vượt qua quốc lộ 14. Từ thời người Pháp bắt đầu khái thác vùng bắc cao nguyên, họ đã dùng người xê đăng, bà na.. làm phu đi đắp con

đường thuộc địa số 14 này. Trong số các thị trấn miền cao xứ Trung kỳ, Kontum là nơi người Pháp quan tâm từ rất sớm. Sớm hơn cả Ban mê thuột và Đà Lạt. Báo chí thuộc địa và cả các tờ báo lớn ở Pháp có nói tới câu chuyện lường gạt xuyên quốc gia và kể nhiều chi tiết thú vỉ về một nhơn vật tên De Mayréna (2). Người này tự xưng là Marie 1er “Vua Người Xê Đăng”. Lập nên một vương quốc, phát hành tem bưu chính để gây quỹ, ban phát mể đai, Bằng Tưởng lục cho những người thích danh vọng … hảo.. ở Hongkong, Paris..và sau cùng ông chết vì bị rắn độc cắn trên quần đảo Nam dương.

Trong thời kỳ người Hoa Kỳ tham chiền, họ đã nâng cấp và khai quang hai bên đường, giảm bớt nguy cơ địch đánh “độn thổ”(3) thường xảy ra trong chiến tranh Đông dương lần thứ nhứt (1946-1954). Sự trống trải này làm cho mọi di chuyển trên dường rất dễ trở thành cái chết thình lình, không biết đạn từ hướng nào bắn tời.

Tôi bò ra khỏi chỗ núp, lần theo đường mương, chúng tôi tiến đến chỗ trống, quan sát trước, sau, trước khi bước lên mặt lộ. Không được! Chiền trường tuy đã im tiêng súng từ khuya hòm qua nhưng kẻ địch vẫn còn đó. Họ đang canh chừng, khẩu Đại liên phòng không đang quay về con đường huyết mạch họ phải ngăn chặn lâu nay. Vả lại mặt đường lại rộng, trời thì sáng tỏ, chạy băng

qua có khác nào mình “di chuyện dưới hỏa lực” của địch. Hai chúng tôi ngần ngại khá lậu, người thì muốn nằm lại chỗ cũ chờ, người thì nôn nao muốn không phải thêm một đêm cực khổ nữa và không biết sẽ còn bao lâu .. May mắn thay, tôi phát hiện ra một cái ống cống lớn, đường kính có thể đến hai mét, cái culver bằng kẽm dầy thường được lắp ghép thay thế chiếc cầu hẹp bắc qua một giòng nước nhỏ. Ngặt một nỗi, nước lâu ngày lôi theo cát và nay cát đã chôn hơn hai phần ba miệng cống mà muốn chun qua, không chắc có lọt thân mình được hay không.

Tôi bò vào trước. Hai tay moi đất cát, bụng trườn khó khăn từng tấc về trước, nước thầm vào áo giáp , cát chèn vào ống tay, túi quần . Có lúc tôi tưởng mình chắc phải bỏ cuộc, tụt lại phía sau rồi có ra sao thì ra, mặc kệ nó!

Phù! Chùng tôi đã qua hết cống nước, mình mẩy bê bết đất cát, trông thật thê thảm. Phía trước mặt, khoảng đất buội cây lúp xúp, một nhóm chông tre nhọn nằm nghiêng ngả, một tấm bàn nhỏ bằng bìa cứng nước mưa uốn cong và một bàn tay vô danh nào đó vẽ lên một cái đầu lâu với hai ồng xương bắt chéo . Nét vẽ thật ngây ngô nhưng rất đe dọa: “Bãi Mìn!” Hai anh chàng M.I.A cứ vừa đi vừa ngước nhìn ngọn núi đá trắng hếu bên kia quốc lộ. Họ chờ nghe tiếng “tắc cù” lừng danh

trong chiên tranh để tránh đạn? Hay để đi qua bên kia sư sống?

Bỗng từ đàng xa, dưới bóng cây dầu cao có tiếng hô “Ai đó! Đứng lại!” Mặc dù chưa rõ người lính phát ra tiếng hô là phe nào, tôi vụt nghĩ: Thế là xong!

Anh lính tay không vũ khí, dẫn hai chúng tôi vào sâu trong khòm cây cao nơi đang đậu một chiếc M41 :Thiết Đàon 8 phe ta!.

Viên chuẩn úy trẻ bước tới cào hỏi , mặt tươi vui, Anh noi giọng Tuy hòa, khuôn mặt rất đặc biệt của lính chiến xa: vết da phỏng nay đã lành, loan lổ và xấu xí. Anh bảo chi đoàn được lênh làm an ninh trục lộ, đã có mặt tại vị trí từ buổi hừng đông. Nằm trên đầu gió—có lẽ thế- nên chúng tôi đã không hay biết gì cả. Họ tới đây tìm chỗ cây cối rầm rạp vừa có bóng mát vừa có che chắn tránh họng phào của địch cho hết phiên tuần. Hỏi có đánh đấm gì không anh đáp cả ngay có khi im như chẳng thể có chỗ nào im hơn nhưng thỉnh thoảng có màn trình diễn cho có qua có lại và nói đùa” cho phải lễ” Hễ nó bắn mình, mình phải bắn lại. Chỉ có vậy thôi.

Thực vậy, không lâu sua, khi chúng tôi ngốn hết bịch cơm xấy với đồ ăn mặn tôi không nhớ là cá khô hay mực khô gì đó thì địch bất thần nả một viên 75 xuống lùm cây nơi chúng tôi đang ngồi nói dóc. Đạn nổ đánh “ình”, cát bay tung tóe. Lính

tráng nhanh chân nhảy phóc lên xe, bỏ mặc chúng tôi là khách không mời ngơ ngác chẳng biệt chui vào đâu. Nhưng không sao cả. Anh đại úy TLC của tôi liền chui đầu vào bánh xích trong khi xe đã nổ máy toan di chuyển!

‘’Đừng!Đừng! Tôi vội vàng lôi anh ra và chỉ anh leo lên xe, tụt xuống cùng lính bên trong. Còn tôi? Làm anh hùng đứng canh chừng bên ngoài xe bọc thép!

Như đã mặc nhiên thỏa thuận, quân ta nả một phát cà nông đáp lễ và từ đó tới khi lui quân, mật trận miền … Chu Pao vẫn yên tĩnh.

Chuyện đấn đây tưởng chấm dứt nhưng nó không chịu chấm dứt. Tại sao vậy?

Nãy giờ tôi không chú ý chi đoàn này bố trí xe cộ ra sao chi đên khi họ chuẩn bị lên đường về Pleiku. Các chiếc M41 không nằm cách xa quá chiều dài sợi dây cáp câu bình điện. Chiếc xe chỉ huy có nhiệm vụ câu điện cho chiếc nằm gấn nó nhất, rồi tuần tự, chiếc này sạc điện cho chiếc kế nó, nếu thấy cần. Viên chuẩn úy phàn nàn: “Tình trạng xe cộ lâu nay nó là như thế.” Nên nhớ đây là năm 1972, chiến tranh đã tới giờ phút quyệt liệt nhất. Chúng ta chiến đấu cùng một anh nhà giàu từ đầu không muốn chúng ta đánh giặc theo kiểu nhà nghèo (4). Họ bắt chúng ta tổ chức theo kiểu giàu có của họ , không cho chúng ta có sáng kiến khác

cách đánh giặc của họ. Đến khi hỏa lực, cách tổ chức, chiến thuật, chiến lược của họ đều vô hiệu trước một đối phương thực tiễn hơn , chơi theo cái “jeu” khác hơn thì họ tìm cách rút lui –hay hoa mỹ hơn— tìm hòa bình trong danh dự.

Đâu đo xong xuôi, chi đoàn nối đuôi nhau nhắm hướng TP Pleiku trưc chỉ. Không có chỗ trong xe, tôi làm làm anh hùng một lần nữa. Tồi trên đầu pháo tháp bảnh chọe như một anh nài ngựa. Xe chạy bon bon trên con đướng tráng nhựa. Tôi nhìn rặng Chu Thoi ở hường đông sương đang giăng mờ. Tôi đang nghĩ mình về tới Đồi Đức Mẹ phải tắm một phát cho sách sẽ bụi trần rôi ngày mai ra Pleiku kiếm mua một bộ trây di mới. Tôi không hề nhớ là phải thưa trình với ai về biến cố hôm qua. Chúng tôi làm mất một chiếc xe dzip, một khẩu M16 và vắng mặt bất hợp pháp gần 24 tiếng!

Bỗng mắt tôi bắt găp một nhóm khói và liền sau đó là tiếng vọng từ phía núi xa chạy về hướng chiếc xe tôi đang cưỡi. Tầm xa gần hai cây số, tên xạ thủ không kinh nghiệm địch tính không đúng con số nên viên đại bác rơi trúng mặt đường nhựa, cách xe chúng tôi không quá mươi mười mét. Có một vật gì nhỏ thật nhỏ chạm mạnh vào cằm tôi. Tôi vôi đưa tay lên vuốt và thấy máu rin ra từ vết thương, Vết thương nhỏ thôi vì tôi nhớ tôi lấy móng tay cố

moi miếng đá nhỏ rối gọi xuống xin một miếng bang vải tạm thời cầm máu.

Tôi lấy làm ngạc nhiên sao mình không có gì hốt hoảng và nghĩ cái chết lúc đó nếu không may tôi gặp phải , nó chắc cũng không đên nỗi nào.

25 tháng Ba , 2023.

(1) Xem Wikipedia, mục A-37.

(2) De Mayréna cf. Bulletin des Amis du Vieux Hue, số 1+2, Janv-Juin 1927, Hue, Annam,

(3) Chiến thuật "Độn thổ" Cách phục kích có hầm hố, trên ngụy trang lá cỏ, tùy theo địa hình khó quan sát từ trên không. Thường được áp dụng trong chiền tranh trước 1954.

(4) Cf. *ĐỜI QUÂN NGŨ,* Ký Ức, Trần Ngọc Nhuận, Xuân Thu Xuất bản, California 1992 , tt 271, 273

# PALAWAN: Ánh sáng và Bóng tối.

Trong khi chúng ta đang tưng bừng mừng Xuân mới vói hương hoa, trà quả, áo quần đẹp đẽ, ấm áp trong không khí hoan lạc, đồng bào chúng ta ở một nơi rất xa nôi đây, trên đảo khơi mang tên Palawan không rõ còn được cơ hội  hưởng mùa Xuân mới như mọi năm chăng ?

Trước 1990, mỗi độ Xuân về, dưới  sự bảo trợ của cơ quan từ thiện Thiên chúa giáo Phi luật tân, thường gọi tắt là C.A.D.P, người Việt tỵ nạn tại Palawan thường tổ chức Hội chợ Tết  ngay trong trại để vui chơi trong ba ngày Xuân. Người ta trồng một cây nêu truyền thống cao, thật cao giữa sân cờ Trung tâm.Pháo tuy không được khuyến khích nhưng thỉnh thoảng một tiếng đí- đùng  đâu đó cũng đủ âm lượng đếm nhịp thời gian năm tận tháng cùng . Ẩm thực được tăng them vài gam, lâi còn có nếp, đường, đậu, thịt heo cho mỗi gia đình người tỵ nạn.

Lòng hiếu khách của dân tộc Phi, đức bác ái thiên chúa giáo cộng với tái khéo léo thích nghi của đồng bào tỵ nạn đã biến những ngày tháng dừng chân trên Đảo trở thành cơ hội làm quen, học hỏi và cuối cùng ,một kỷ niện khó quên.

Chính sự êm đềm, dễ chịu ầy là là yếu tố làm cho Trại Người Việt Tỵ nạn Phi này lu mờ trên Bản đồ Tỵ nạn Đông Nam Á. Có lúc người ta so sánh các Trại Tỵ nạn Hồng Kông với Trại Palawan và kết

luận Trại sau này dễ chịu hoặc tốt hơn... Mọi sự chú ý đều đồn đổ về hướng Hồng Kông nơi mà hang ngày đã xảy ra những thách đố nghiêm trọng cho lương tâm con người khắp thế giới. Palawan trong bối cảnh ấy nằm chờ định mệnh trong ánh hào quang rực rỡ của chốn địa đàng.

Đàu năm 1990, tức chin tháng sau ngày các Trại vùng ĐNA đóng cửa--Trại Hồng Kông đã đóng cửa sớm hơn--dường như mọi người quên hẳn có một nơi chốn mang tên Palawan, hoặc Trại Người Việt Tỵ Nạn tại Phi Luật tân, một Trại có gần 10 ngàn người. Trong số này có hơn hai phần ba là những người đến Đảo sau Ngày Đóng Cửa (17-3-1989).

Trong "mặt trận" Thanh lọc, sự tổn thất người tỵ nạn chịu ờ Hồng kông và Palawan có thể ngang ngửa nhau, nhưng chú ý mọi người vẫn nghiêng vế hướng Hồng Kông do một chuỗi các biến động có khi đẫm máu, có lúc thảm thương. Nghe nói tại Palawan, lúc tình hình gay cấn nhất, có một thuyền nhân đã toan tự sát nhưng người ta đã nhanh chóng cứu sống Người tại chỗ than thở: Tỵ nạn ở Palawan đã và đang bị bỏ quên. Người bên ngoài trả lời: Thế giới còn biết bao chuyện phải lo, nào chiến tranh, nào hòa bình, cấm vận, đàn áp, kinh tế suy thoái....các anh cần phải kiên nhãn chờ đợi đến lượt mình...bị đuổi về ...Việt Nam!!

Đã có những dấu hiệu xô đuổi người từ trước năm 1990. Đó là những làn cắt giảm tiêu chuẩn lương thực dành cho người tỵ nạn lấy cớ Quỹ Cứu trợ khẩn cấp không còn nữa vì con số người đến sau ngày đóng cửa tăng quá nhanh. Tiếp đó là những luồng áp lực tái chánh nhắm vào các hoạt động xã hội do các cơ quan thiện nguyện điều hành. Đặc biệt mới bước vào năm 1990, Đại điện Cao Ủy Tỵ nạn LHQ đề nghị C.A.D.P chấm dứt Chương trình Chăm sóc các Thiếu Nhi đơn hành (Unaccompanied Minors). Rõ ràng việc này sẽ làm các em cảm thấy bị bỏ rơi, không chốn nương tựa, thiếu tình thương các em sẽ buồn chán và các em sẽ tuyệt vọng khi thời gian nhàn rỗi kéo dài tháng này qua tháng khác. Các em sẽ không có lớp để học tiếng Anh, không có lớp huấn nghệ. Tương lai thì mờ mịt, hiện tại thì bơ vơ. Không còn lựa chọn nào khác, Cao Uỷ Tỵ Nạn tin chắc việc xin hồi hương của nhóm này không phải là  chuyện khó khăn chi.

Một thời gian sau, Cao ủy Tỵ Nạn LHQ chấm dứt tài trợ, Cơ quan C.A.D.P cũng càn dần nguồn tài trợ  đến từ các Cộng Đồng người Việt trên toàn thế giới. Trước tình hình như hiện nay, Sơ Pascale Lê Thị Tríu, một mặt cương quyết trả lời”không” đề nghị quái ác đó, mặt khác, Sơ tìm phương sách đối phó qua hai nguốn tài trợ chủ yếu: Giáo Hội

Công giáo Phi Luật Tân và Cộng đồng Người Việt hải ngoại.

Tưởng cũng nên nói đôi điều về cơ quan từ thiện khá nổi tiềng này.

Năm 1975, Miền Nam sụp đổ vào tay Cọng sản Bắc Việt. Một số lượng lớn người Việt đã đến đất Phi, lúc đầu khoảng 5,6 trăm người, đa số có quan hệ hôn phối với người Phi trước đây.

Họ là vợ, hoặc con cái một công dân Phi. Lúc bấy giờ chính phủ Phi phải đương đầu vời nạn thất nghiệp, nghèo khổ và chính trị bất ổn, lại thêm phải cưu mang hàng trăm gia đình mới với những bài toán mới cần giải quyết kịp thời. Tổ chức cơ quan từ thiện nửa Việt nửa Phi, gọi là Trung Tâm Cứu Trợ người di tản (Center for Assistance to Displaced Persons) hoặc gọi tắt là C.A.D.P ra đời. Trụ sở đặt tại s ố 210 Taft Avenue, Manila, Phi Luật Tân. Nhờ sự gi úp đỡ t ích cực của Giáo Hội Công Giáo Phi, thiện cảm của chính phủ Phi Luật Tân cộng với nhiệt tâm của Sœur Pascal, lúc đó đang tu học tại thủ đô xứ này, Cơ Quan đã góp nhiều công sức vào việc ồn định đời sống đồng bào Việt một cách nhanh chóng. Thời gian tiếp đó, thuyền nhân Việt bắt đầu cập bến.

Vấn đề tỵ nạn được đặt lại trên một bình diện rộng lớn hơn. Không còn là tránh nhiệm của Chính phủ Phi Luật Tân nữa, thuyền nhân Việt Nam dần

dần trở thành sự kiện quốc tế -- thuộc thẩm quyền của Cơ quan Cao Uỷ Tỵ Nạn LHQ.

Từ buổi đấu cho đến khi chính thức thành lập Trại (Người Việt) Tỵ Nạn ở Phi Luật Tân (Philippine First Asylum Camp) ở đảo Palawan, C,A,D.P đã giữ một vài trò ngày càng quan trọng trong việc cứu trợ người tỵ nạn.

Palawan là một hòn đảo gốc san hô, ngày xưa là nơi giam giữ những người tù khổ sai, nay đã là nơi nổi tiếng trong bản đồ du lịch toàn cầu, nằm nghiêng nghiêng theo hướng Đông Bắc-- Tây Nam, xa về phía Tãy các nhóm đảo chính Phi Luật Tân. Công tác cứu trợ bao gồm nhiều lại hình hoạt động. Có thể nói người tỵ nạn, nếu may mắn đến được bến bờ tự do, trong trường hợp này là các đảo Phi Luật Tân, họ sẽ được C.A.D.P giúp đỡ ngay từ những ngày đầu. Sự giúp đỡ này sẽ kéo dài cho đến khi họ được một quốc gia thứ Ba nhận cho định cư. Từ nồi, niêu, xoong, chảo cho đến các thứ nho nhỏ khác như xà bông, bàn chải răng, giấy, bút cho các lớp học Anh ngữ, Việt ngữ hoặc các lớp huấn nghệ cũng đều bắt nguồn từ cơ quan này. Hơn 15 năm qua, tất cả đều được cung cấp đều đặn như thế.Nghe đầu hơn hai mươi vạn thuyền nhân đã đi qua bàn tay nhân từ, bác ái của cơ quan này. Sự nghiệp cứu trợ ấy không phải là nhỏ. Biết bao người trong chúng ta, cho dù đến

nước th ứba bằng ngã nào, đều mang một món nợ, ít ra là đối với cơ quan trực tiếp này. Và món nợ chị được trả phấn nào khi chúng ta cùng tiếp tay giúp những người tỵ nạn đi nốt đoạn đường  còn lại trước thái độ  mỏi mệt của cộng đồng quốc tế.

Tháng 9 năm nay, Soeur pascale đã ghé ; ại San Jose chính thức gióng hối chuông báo nguy cho tình hình căng thẳng hiện nay ở Phi Luật tân. Qua chhươnh trình pháthình của dài nguồn Sống, San José, vị giám đốc CADP khẩn thiết kêu gọi mọi người Việt Nam hãy đóng góp trí tuệ và tài năng cúu giúp đồng bào không may còn đang “mắc kẹt” vì rớt Thanh lọc và bị viễn ảnh hồi hương đe dọa. Một tổ chức  cứu trợ mang tên Hội cứu Trợ Người Việt Tỵ nạn  ở Phi đã được thành lập.

Trong lá thơ gởi cho Hội đề ngày 21 tháng 9 năm 1991, Soeur Pascale đã viết:

*‘ …Sau 16 năm phục vụ cộng đồng người việt tỵ nạn tại các trại tạm cư ở Phi. Đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy khẩn cấp trong việc kêu gọi người Việt ờ hải ngoại, nhất là ở Mỹ quốc, tích cực tham gia để gửi đến thuyền nhân đang sống trong lo sợ hồi hương, những nghĩa cử đem lại cho họ sức lực vào lúc họ chán nản tuyệt vọng, nhất là khi vòng đai thanh lọc ngày càng tiêu diệt các hy vọng định cư mỏng manh. Mười mấy năm qua, thuyền nhân*

*đã hưởng những quy chế nhân đạo, đã được các cơ quan từ thiện quốc tế ra tay hành hiệp. Bây giờ những ân nhân dó đã mỏi mệt và đang hướng công tác từ thiện của họ đến các đối tượng khác. Đây là lúc người Việt chúng ta cần cố gắng hơn để thay thế họ và giảm đi những thất vọng nặng nề nơi huynh đệ của chúng ta. Tại các trại Tỵ nạn cởi mở nhất,  công quỹ cứu trợ cũng bị cắt giảm tối đa và nếu người việt hải ngoại không tương trợ , thuyền nhân sẽ đi đến tuyệt vọng và vong thân. Ngoài việc đối thoại và bàn thảo với chính quyền địa phương cũng như với Cao Ủy Tỵ nạn để* đảm bảo *việc thanh lọc công minh, hợp lý, để duy trì  hệ thống quản trị nhân đạo, Cơ Quan CADP đang cố gắng tối đa để cung cấp cho thuyền nhân những phương tiện xã hội, giáo dục, huấn nghệ khả dĩ giúp họ bảo vệ nhân phẩm, và phát triển tiềm năng, giúp tự cường, tự lập. Nếu được định cư Đệ tam quốc gia, họ có thể hội nhập ngay vào cộng đoàn người Việt sản xuất. Nếu quyết định hồi hương, họ sẽ là những học sinh xuất sắc, trở về quê  cũ với hành trang về kiến thức, ý htức và kỹ năng.*

*Chúng tôi trông chờ  NHỮNG GIÚP ĐỠ KHIÊM TỐN nhưng trường kỳ của  đồng hương, để có thể hoạch định ngân quỹ và đảm bảo việc thực hiện các chương trình khẩn yếu đó..”*

Có lẽ đoán biết được ý nghĩ của chúng ta bao,màn bi, hài kịch quyên tiền cứu trợ suốt mười mấy năm qua,  Soeur Pascale đã đề nghị một phươngthứcthực tiễn và hợp lý như  sau:

Tùy lòng hảo tâm, mỗi người chúng ta có thể hứ giúp lâu dài từ $2, $5, $10, $20/ mỗi tháng. Chi phiếu trực tiếp gửi về Sister Le Thi Triu, P.O. Box 3273 Manila, Philippines.

-Mọi đóng góp tài chánh như trên sẽ nhận được Phiếu Biên nhận chính thức của Cơ Quan CADP, bớt cho chúng ta những thắc mắc không biết tiền đã đi về đâu, đã được sử dụng như thế nào và ai đã đượchưởng?

-Và thuận tiện hơn, dối với những người tong chúng ta có thời gian tạm trú tại trại PFAC, có thể còn nhớ những anh em đồng cảnh ngộ này, đang trực tiếp hoạt động trong Hội Cứu trợ Người Viêt Tỵ nạn ở Phi Luật tân tại San José, cúg ta có thể gửi Chi Phiếu hàng tháng với số tiền khiêm tốn nhưng lâu dài về địa chỉ sau:

……………………

Cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Minnesota trong năm qua dã đón tiếp một số gia đình đến định cư thuộc các diện tỵ nạn nhân đạo từ các Trại và từ Việt Nam sang. Lẽ thường các hoạt động đón tiếp, lo nơi ăn, chốn ở chom người đồng hương, đa số đều do các cơ quan từ thiện Hoa Kỳ lo. Riêng với anh em tù nhân cải tạo thuộc Chương trình H.O, Hội Ái Hữu Chiến sĩ QLVNCH/MN đã dành nhiều quan tâm giúp đỡ bước đầu. Gần đây, tình hình ra đi của anh em H.O đang gặp một trở nại lớn các cơ quan từ thiện Hoa kỳ khó giải quyết nhanh chóng nên rất cần sự hợp tác của cộng đồng chúng ta. Với tư các một Cộng Đồng, chúng ta sẽ chịu trách nhiệm lo liệu nơi ăn, chốn ở và giúp đỡ người mới đến hoàn tất thủ tục định cư cần thiết. Làm được như vậy, các cơ quan thiện nguyện sẽ mạnh dạn nhận lãnh bảo trợ các gia đình H.O không có bà con , thân nhân tại Minnesota, chấm dứt sớm hơn thời gian chờ đợi tại Việt Nam.

Đã mười sáu năm qua chúng ta vẫn còn bàn cãi chuyện trách nhiệm thuộc về ai trong biến cố Việt Nam mất vào tay Cọng Sản. Ngày nay, cuộc mưu sinh nơi đất khách đã làm đa số trong chúng ta lãng quên niềm cay đắng thuở nào, hoặc giả chúng ta đã tìm ra câu giải đáp dễ dãi hoặc giả niềm oán hận đã được sự lạnh nhạt đến thay thế từ lâu và như những người dị chủng khác, chúng ta cảm thấy xa lạ trước những kêu gọi của tình hình

mới.Quấy động trở lại niềm trắc ẩn đối với người tỵ nạn không biết có phải là chuyện quay ngược kim đồng hồ, trở về ngày hôm qua, khi mà đa số chúng ta  bắt đầu lên đường bỏ nước ra đi, về một tương lai  vô định và đã gặp được sự  cưu mang hào hiệp của những người xa lạ.

Lẽ nào chúng ta không cưu mang nỗi những người anh em chúng ta trong cảnh hoạn nạn hiện nay hay sao?

1991

# Sông Cấm êm đềm…

Mến tặng Trung đoàn trưởng Ngô Văn X..

Và anh Phạm N.. , Sông Mao

*"…*

*Sau khi Chumakov ra đi, Gregor ở nán thêm một tuần nữa trong rừng rồi mới rục rịch lên đường.*

*" Về nhà hở?" một trong mấy anh lính đào ngũ cất tiếng hỏi.*

*Lần đầu tiên trong suốt thời gian trú ngụ trong gian hầm, Gregor mỉm người trả lời giọng yếu ớt: " Ừ, tao về nhà."*

*" Mày ráng đợi tới mùa xuân đi.. Bọn chúng sẽ ra lệnh ân xá trong dịp lễ Lao động, lúc đó chúng ta sẽ về nhà. "*

*"Không, tao không đợi được đâu." Gregor trả lởi rồi nói mấy lời từ giả.*

*Sáng hôm sau, anh ta về gần tới sông Dông, phía đối diện với xóm Tatarsk. Anh dừng chân mắt chăm chăm nhìn khu vườn thân yêu nơi chôn nhau cắt rún, lòng tràn ngập một niềm vui khôn tả . Lúc đó anh mới cởi súng ra khỏi vai mang, tay lấy đi mảnh vải thô và cái lọ nhỏ chứa dầu máy hàng ngày anh chùi súng và không hiểu sao, anh đếm xem mình còn bao viên đạn. Anh thấy còn 12 kíp và hai mươi sáu viên rời.*

*Phía dưới bờ đất ven sông, băng đã bắt đầu tan dần từ mép nước. Nước sông trong xanh màu rêu vổ nhẹ vào bờ, làm vở thêm lớp băng ít ỏi còn lại. Gregor ném khẩu súng trường và cây súng ngắn xuống sông Đông, tiếp theo anh đổ hết nhúm đạn, rồi kỷ lưỡng chà vào mép áo choàng ngoài cho kỳ sạch đôi bàn tay . (1)*

…”

Câu chuyện tôi được kể cách đây hơn năm mươi bốn năm thì có hơi khác một chút. Còn nhớ chiều hôm đó trên ngọn núi nào đó mang tên Cá Tăng mà trong một dịp nọ tôi gọi trêch ra là Galăng, nằm chếch hướng Tây-bắc Phan Rí, Bình thuận, Đại đội tôi được bố trí bảo vệ BCH Tiểu đoàn. Cơm chiều xong, chúng tôi quay quần nói chuyện chờ động tịnh của địch. Các con cái đã “bung “ ra chung quanh, lớp sĩ quan chúng tôi vài ba anh vừa hút thuốc vừa nói vài ba câu chuyền đời mình. Trong những giờ khắc thế này, tâm hồn người lính thường trở nên một chút ủy mị, dễ lộ ra chân tướng của mình. Bóng tối núi rừng, tiết lạnh sơn lâm, đây là bối cảnh thích hợp cho các tâm sự hàng ngày bị che khuất bởi công vụ, kỷ luật và phép lịch sự dù là cộc lốc rất nhà binh. Tôi được biết vị Tiểu đoàn trưởng của tôi không phải là người tầm thường. ông là người có tâm hồn – như người thường nói vậy—ông mang một nỗi niềm, một mơ ước mà nhìn kỹ ta mới biết : Ông bắt đầu sự quen biết của cá nhân tôi bằng câu chuyện , tuy có hơi khác ở một chi tiết nhỏ, rất nhỏ thôi.

Chi tiết này đã hằn rõ con người rất lãng mạn của ông. Nó là biểu tường của một nỗ lực vô ích như mọi nỗ lực khác của con người trong cuộc sống gian tuân trong chiến tranh. Ông nói Gregor, nhân

vật chính của cuốn trường thiên tiểu thuyết của Mikhail Sholokhov mang tên Tixii Don (tiếng Nga), The Quiet Don ( tiếng Anh) và Le Don Paisible (tiếng Pháp) sau khi chạy trốn lính Đỏ đã tìm cách quay lại làng quê bên con sông Don, để tìm mấy đứa con bỏ bê mấy năm nay. Trong niềm vui được thấy lại nơi mình ra đời, trái tim khô cằn của Gregor bỗng như bừng sống lại. Anh vừa mới mất người yêu thời niên thiếu, vừa phải trốn chạy cuộc cách mạng anh chẳng hề thiết tha, rồi thấy cái vô nghĩa của đời mình. Anh đã vứt súng, vứt đạn xuống sông. Thay vì mười hai kíp đạn và hai mươi sáu viên đạn rời, chúng trở thành một nhúm huy chương lớn , nhỏ... rơi một cái rào xuống dòng sông. Thât có cảnh nào lãng mạn hơn thế không! Sự thật trong sách không như thế nhưng ông muốn nó phải như thế. Và đây về sau chính là một lời tiên tri!

Trong quân ngũ, tôi không có duyên sống dưới quyền của nhiều cấp chỉ huy. Trước sau, chỉ có hai, ba vị tôi thực sự hâm mộ. Mức độ có nhiều thang bậc nhưng tựu chung, vẫn là cá tính và tư cách lãnh đạo của từng người. Có vị xấu ra mặt nhưng được một điểm là biết trọng người chân chính, biết phân biệt cái hay, cái dở của thuốc cấp và các cấp trên. Tôi không ưa những người tham vọng, lại mưu nhiều thủ đoạn. Tôi thích cái song phẳng, cái

franc jeu (2) và xa lánh cái xa xỉ của lòng ái quốc chung chung.

Trong Trung đoàn, vị Tiểu đoàn trưởng của tôi được tiếng là người đàng hoàng nhất trong bốn vị chị huy lúc bấy giờ. Ông có đáng vóc bệ vệ---nhưng ăn nói rất nhỏ nhẹ-- tướng đi chững chạc như đi diễn binh, nhưng đặc biệt nhất là đôi mắt. Ông không nhín ai lâu mà không có một thoáng tươi cười, không một lòi hỏi thăm. Lúc tình hình căng thẳng nhât lại là lúc đôi mắt ông linh hoạt nhất. Điều này chúng tỏ ông đã trải qua nhiều tình huống nguy cấp lớn lao trong binh nghiệp.

Khóa 17 Trường VBQG Việt Nam là chỗ ông xuất thân. Ông liên tiếp giữ các chức vụ từ Đại đội trưởng Trinh sát tới Tiểu đoàn trưởng các tiểu đoàn tác chiến. Có một nghịch lý ít ai nhận biết nơi ông. Ông cầm quân, cầm súng nhưng lại yêu chuộng hòa bình. Ông tình nguyện làm lính chuyên nghiệp nhưng lại mong chiến tranh sớm chấm dứt càng mau càng tốt! Ông mang cái nghịch lý này trong lòng suốt cuộc chiến. Do đó có lúc nhìn ông , người ta bắt phải nghĩ hình như ông đang ngó quanh ngó quất như đang cố tìm kiếm một cái gì.

Ông là người trực tính có kiềm chế. Ông đã đối đáp rất phải đạo với Tướng Tư lệnh Sư đoàn – một vị tướng nổi tiếng toàn quân là rất reglo (3) –” Tôi chẳng cướp cơm chim của ai cả. Lệnh đưa tôi về

đây thì tôi về…” Ông chỉ có độc nhất một nhươc điểm: Đó là ông quá thương nhóm đàn em đồng môn của ông. Mà nghĩ cho kỹ, ông không chỉ thương màu cờ, sắc áo; lòng thương của ông lan tỏa ra khắp mọi người. Rất kín đáo nhưng thật chí tình. Rõ ràng, trong trận thử lửa 1972 tại Kontum, “ cái giàn” – ngôn ngữ rất đặc biệt của VBQG Việt Nam—Tiểu đoàn trưởng 1,2,3,4 của Trung đoàn 44 BB đã giữ vững trận tuyến há không phải lả kết quả của tình đồng môn sao?

Sang tận Châu Mỹ, anh em vẫn lưu luyến ông. Tôi ở với ông không hơn hai năm, xa ông bao nhiêu năm, bao nhiêu ngàn cây số, vậy mà tôi vẫn nhớ ông, thỉnh thoảng hỏi thăm ai đó về ông. Sau chiến tranh, ai nấy đi tìm người quen. Đó chẳng có chi là lạ. Tôi mừng là ông vẫn còn sống. Ông cũng mừng là tôi vẫn còn đây. Ông nói một câu suốt đời tôi khó mà quên được: “ khi moa ở tù về, người đầu tiên moi nhắc lại đó là C.. không biết nó còn sống không?”

Khi ngồi viết lại đọan đời tù binh của mình—lúc đó tôi chưa có tin tức gì về ông—tôi đã ghi như sau:

“… Quê ông ở Hải Phòng. Ông vượt biển khi chúng ta chưa có động từ này trong Tự điển tiếng Việt. Năm 1955, gia đình ông sắm ghe bàu chạy vào Nam. Ghe chạy đến vùng Quảng Bình, gia đình tưởng nhầm là đã đấn bên bờ tự do nên cặp bến và

bị bắt lại tất cả. Một năm sau, chuyến vượt biển lần thứ hai mới thành công. Học xong lớp Đệ nhất, Ông thi vào Trường VBQG Đà lạt....

Ông thích văn chương, triêt học. Lại có khiếu viết văn, Ông thỉnh thoảng gởi bài cho chúng tôi để in lên tờ Biên Trấn. Ông viết gọn gàng, không thiếu cũng không thừa, Giọng văn Ông như có thần khí. Ông có học, lại có tài, đường thăng quan, tiến chức của Ông bắt buộc phải dài nếu chúng ta vượt qua được biến cố hôm nay…”(4)

Cũng như một số người tứng đứng đầu sóng, ngọn gió, ông tin vào bói toán. Ông từng khoe với tôi là Tử Vi coi vậy mà linh hiển lắm (?). Bằng chứng lá số tử vi của Ông (?) nói đứa thứ hai con ông sẽ là con trai, sẽ mang tật bẩm sinh ! Sinh đứa thứ hai, tất cả đều y như rằng! Tôi có nghe môt người nói khi đóng quân ở Phú Nhang, Phan Thiết. ngày đầu năm ra quân Ông rất cẩn thận đến từng giờ, từng hướng địa bàn. Thế nhưng khi tôi viết chê bai những quân nhân quá tin vào bốc số, ông đọc nhưng không hề có lòng giận tôi. Tôi đã lên gân: “… thời chinh chiến, cuộc chiến đầu một mất một còn với kẻ địch đầu mưu ma, chước quỉ, không cho phép chúng ta quá tin vào những lời tiên tri bói toán…” (5)

Ông thuộc dạng người tin vào điều thần bí.

Năm 20…, gặp lại Ông sau bao năm sống trên đất mới, tôi đã nhớ tới câu chuyện nghe trên núi xa lắc xa lơ năm xưa, tôi đã copy tuồng” Sông Dông êm đềm” thành bốn đĩa DVD mang xuống San Jose tặng Ông. Sông Đông là bản mới nhất Nga xô dựng lại cuốn tiểu thuyết nổi tiếng những năm 20 của thế kỷ trước. Chắc chắn Ông sẽ xem và nhớ về cuốn phim trắng đen được xem trước ngày ông vô Nam 1955.

Chuyện thật xa mà cũng thật gần gũi. Vì chiến tranh quôc gia-cọng sản đã ngã ngũ và chúng ta đã bỏ nước ra đi. Vị Trung tá Trung đoàn trưởng của tôi, của chúng ta, anh em Trung đoàn 44 hiện còn sống, sẽ nhận ra nỗi ám ảnh khôn phai về môt Gregor đứng bên sông quê hương.. không phải là sông Đông mà là sông Cầm êm đềm của Hải Phòng rồi thả trôi bao nhiều huy chương của một thời chinh chiến.

Mùa tựu trường 2023

(1) The Don Flows Home to the Sea, Stephen Garry dịch từ bản tiếng Nga của Mikhail Sholokhov, NXB Alfred A, Knopf, New York, 1940. p. 776.

(2) Franc jeu : chơi không gian lận. ; fair-play của người Ăng-lê.

(3) Reglo, nghiêm khắc, ưa kỷ luật cứng ngắc.

(4) (5) Người Tù binh, Nguyễn Tư-Cao NGƯỜI VIỆT Dallas-Fort Worth, Nhật báo các số tháng 7 năm 2019.

**Vài hàng giới thiệu về tên gọi:**

*Tháng 6 năm nay 2024, trên giuong bệnh , tôi bỗng nhớ tới những người tôi từng có duyên gặp gỡ trên đường đời vì tinh cách đặx săc của hô. Nhựng người như thế tôi ghép họ vào nho`m ngườii mà xưa rất xưa chúng ta có tên gọi là Đàng cựu. Cũng như ở Nha Trang, Khánh hòa chúng tôi, thỉnh thoàng đi ra đường chúng ta gặp những người rất là đặc biệt, Họ không giống bất cứ ai trong chúng ta. Họ có một nếp sống rất cổ xưa(?), Đó là tính khí khái, dân dã, tóm lại những nét đẹp xưa họ dường như đều co` cà.*

# NHỮNG NGƯỜI ĐÀNG CỰU

Tưởng nhớ Thầy Ngô Văn S…

Hôm qua, bỗng đâu trên Facwbook xuất hiện hình Ngô Văn S. Đó là cái avatar mang hình NVS nhìn en profile với lá cờ Hoa kỳ tung bay phía dưới.

Vẫn khuôn mặt không có nét thay đổi theo thời gian, dù là 50, hay 60 năm đã đi qua. Tôi không biết thày mất năm nào, ngày nào. Chỉ có lời đồn đãi, tại Hoa kỳ , và từ một người quen ở Nha Trang. Lúc Thày mất, đám tang có ai là học trò cũ của Thày đên viếng hay không? Trong cô đơn ở cái thành phố được người Việt ngoài nước coi như là” Thủ đô của người tỵ nạn” coi vậy mà vắng vẻ. Chỉ có tin đồn và tin đồn !

Một người em của tôi đi Cali về có thuật lại” Mấy đứa học trò cũ của Thày S. nói Thầy đã qua đời” , tôi hỏi thêm, anh này bảo hông biết.

Chúng tôi quen nhau, khi tôi mới vào dạy học tại Trường Tư thục La San Bá Ninh ở NHa Trang. Lúc

bấy gờ Trường Bà Ninh không có nhiều Thày dân sự. Và khong có cô giáo như những năm 70. Những thày trẻ, rất trẻ không quá con số bốn vị. Những thày "già" cũng đâu con số đó.

Thày dạy Tóan các lớp Đệ Thất, Lục Ngũ. Thày dạy hay và nổi tiếng rất "dữ" có nghĩa là Thày hay nổi "cọc" mà khi nổi nóng , mặt Thày đỏ bừng lên, mắt Thày nhìn thẳng vào đứa trẻ" sao mà ngu vậy". Năm chục năm sau, trong một buổi trò chuyện tại Thụ đo Washingotn, có em còn nhắc lại chuyện Thày ném cả cái Com-pa bằng gỗ nặng trỉnh trịch xuống một em học trò đang làm trò khỉ trong lớp.

Học trò không em nào không sợ Thày. Và chắc chắn không em nào không nhớ cách giảng bài " Già tỉ, gìa thử" của Thày. Tôi không phài là học trò của Thày mà tôi còn nhớ vậy thay. Ấy vậy mà Thày ăn nói rất "huê dạng". Lâu lâu, người ta nghe mấy tiếng chười thề khong đâu vào đâu nhưng nó bộc lộ mốt thứ cá tính rất là dân giả. Thầy là một típ người Nha Trang thứ thiệt. Bà nhà tôi rất thích và cười khoái chí khi nghe thầy dùng mấy chữ trong câu mô tả cái sực bắt chước lố lăng của con người.

"Thằng này đạp c..t của thằng kia"!

Người Nha Trang chúng tôi ngày nay ít ai dùng thành ngữ này. Chỉ có Ông Ngọai các con tôi , một người gốc làng Phương Sài, môt vị Thày thuốc rất

danh tiếng ỡ Nha Trang, nay nếu còn sống phải hơn 130 tuổi – mới dùng câu nói này mà thôi.

Trước năm 1966, thầy bị động viên vào Trường Bộ binh Thủ Đức. Sau này, khi gặp nhau trên đất mới, trong một dịp Hội ngộ do các cựu hoc sinh Lasan Bá ninh đứng ra tổ chức thật chu đáo và thành công mỹ mãn tại Washington D.C, năm 2012. Tôi nhớ là vì trong dịp này tôi đã tặng thầy cuốn sách Kontum, cuộc chiến đấu cứu Miền Nam Việt nam, vừa mới phát hành. Tôi đã đề tặng người bạn đồng nghiệp năm xưa “ Mến tặng Trung úy Ngô Văn Sung, Sĩ quan CTCT, Trường Pháo Binh Quân Lực VNCH .

Sau đó tôi còn biết thêm, thầy là pháo thủ của TĐ230 Pháo Binh, nghĩa là thầy và tôi cùng chung một đại đơn vị lừng danh là Sư Đòan Nam Bình, Bắc phạt, Cao nguyên trấn mà tôi nào có hay ! Có lẽ cho đến khi thầy mất, Thầy không biết trong số học trò của thày năm xưa có em theo bước chân của thầy, thành lính pháo thủ . Anh này gần đây – trong vòng thập niên trở lại đây—đã xuất bản cuốn sách” Chân trần bên gai lửa”(2015)

Sau 1975, chúng tôi lại gặp nhau trong trại tù A30 (Phú Yên). Thầy bị Công An đến nhà bắt đi tù vì tội trốn “cải tạo” thật là oan cho thầy vì thấy được biệt phái vế dạy học lại sau khi hết hạn cái gọi là nghĩa vụ quân sự. Học trò lớp sau biết Moi (tôi)là

vì moi dạy cho tới tháng 4 năm 1975. Trong tù Thầy không phải đi cuốc đất như tù chúng tôi. Thầy được làm văn nghệ, thầy làm Biên đạo múa. Các tối Văn nghệ nổi đình nổi đám là nhờ đám vũ công xinh đẹp do thầy huấn luyện.

Năm 1980, thầy được tạm tha về lại Nha Trang. Chúng tôi đứt hẵn liên lạc. Tôi khong biết thấy làm nghề gì để kiếm sống

Từ đó cho đến năm 1990,tôi bỗng nhận một lá thư viết tay báo thầy đã đến Hoa kỳ trong diện HO . Lá thư viết bằng nét chữ hoa mỹ, giọng thắm thiết làm tôi thật sự cảm động. Thầy cho biết thầy đã lập gia đình và sinh được một cháu trai. Như vậy là người bạn hào hoa phong nhã một thời Nhatrang, nay đã dừng chân.Rất tiếc tôi nay không tìm được lá thư viết trên khổ giấy semi carton màu vàng xỉn.

Sau hai lần gặp nhau tại Thủ đô Washington và Savannah, tiểu bang Georgia tôi còn có duyên gặp lại hai lần nữa tại Wesminster, California. Chính xác là tháng 5 năm 2018 khi chúng tôi đi dự Cuộc Hội Ngộ lần thứt của Trung đoàn 44. Tôi không nhớ thầy từng là pháo thủ thuộc Sư Đoàn chúng tôi. Tôi đã không mới thầy tham dự.

Thế nhưng năm 2019, nhân kỷ niệm 50 năm Khóa Nguyễn Trãi 1 chúng tôi ra trường, chúng tôi đã mời được thày đi chơi cùng gia đình chúng tôi thăm các bạn cùng khóa của tôi Cũng từ đó thày

có thêm bạn để sớm tôi ngồi ở các quan café và các bạn tôi rất khoái cách nói chuyện của thày.

Duy có một chi tiết làm tôi nghĩ lại thấy thật khó hểu. Môt người với một quá khứ parfait như vậy mà phải chịu một nỗi bất hãnh không đáng như thế!

Có thể thày thuộc dạng người khác thường chăng? Thế gian có lọai người mà một trăm hay một ngàn năm vẫn không thể nào thay đổi được họ.

Tôi thương thày là vì những bất biến ngoản mục như thê đó. Người Hoa kỳ có một từ rất hay để mô tả lọai người này. It’s a colorful character.”

October 2024

# NHỮNG NGƯỜI ĐÀNG CỰU

*Viết để tưởng nhớ Cựu Trung tá Bùi Ngô.*

Khi tôi gặp người Nha Trang trong tại Thanh Bình, Pleiku cuôi năm 1975. Đó là một viên Chuần úy Không quân bị bắt tù binh tại Phi trưồng L19 Ban Mê Thuột. rất trẻ mang cái tên khá đặc biệt, Bùi Chấn, Buổi sáng hôm ấy, khí trời lành lạnh, anh em tù co ro trong tám áo trận mỏng manh.

Tôi không hề biết viên Chuẩn úy này nhưng không hiểu sao anh lại biết khá rõ về tôi. “ Vợ ành là hoa khôi Trường Võ Tánh (?)” Tai sao anh ta biết vợ tôi và trong hoàn cảnh tù tội như thế này mà anh vẫn đùa cợt được hay sao? Tôi nói điều này là vì bà nhà tôi không bao giờ nất đi tính khiêm cung của bà.. Ai bảo bào hội nhọ đẹp lắm phải không? Bà chỉ đáp Mình cũng tàm tạm thôi vì ai tuổi nhõ lại không vậy. Nói bà là Hoa Khôi thì phải nhìn trước nhìn sau chớ không thì người ta cười cho.

Tôi nhắc đên chuyện này là vì có sự liên hệ thân tộc xa xôi gì đó. Và cũng là vi tôi muốn nhắc đến người mà tôi nghĩ đáng cho hậu thế phải biết đến như một tấm gương của một kiếp người dám sống

chết cho những điều mình cho là xứng đáng để phải chịu bao nỗi oan khiên.

Tôi chính thức biết ông khi tôi được một người họ Mai—tức là họ của bà nhà tôi. Sẵn dịp tôi có lý cớ để nhắc lại chuyện năm xưa. Hóa ra anh chuẩn uy Không quân tù binh rất trẻ năm 1975 là đứa em út của Ông. Ông có hai người em trai. Một người là Trung úy Hải quân. Những ngày tháng cuối cùng của VNCH, người em trai lớn này đã lặn lội từ Nhatrng vào tận Củ Chi để rũ ông anh cả bò nhiệm sở theo tàu Hải quân đang bỏ neo tại bến Bạch Đằng.Truyện trông thì dễ như cú trờ bàn tay nhưng ông anh là Trung tá Quận trường, vốn xuất thân KHóa 15 . Trường Võ bị Quốc gia Việt Nam bảo ông không làm được. Thế là hai anh em ở lại cùng di tù Cải tạo.Sau này nghe lại câu chuyện đau thương này, tôi cảm thấy uất ức vì nỗi đau khổng đáng của người em tên là Bùi Mạnh. Tôi không nén được nỗi bực dọc trong lúc có hơi men bịch rượu vang rẻ tiến, đêm tháng 5 năm 2023 nên đã nói một câu xúc phạm rất ngu xuẩn. Tôi nói đó là hành vi bất trí của ông anh! Rất may cho tôi là ông không có lời nào bào chưa hay la mắng tôi. Theo vai vế trong họ, tôi tuy nhỏ tuổi nhưng là vai anh vì bà nhà tôi là chị của ông. Ngày xưa Bà nội của ông hay xuống Nha Trang lầy bã rượu thuốc của lò nấu rưởu của bà ngoạii các cháu con tôi về

Phú Vinh bán kiềm tiền. Lúc mới cưới vợ tôi đã tứng nghe tên đến thuộc lòng.

Đó là Bà Tám Gừng.

Cũng đêm hôm đó, ông làm tôi vô cùng tức giận. Ông là một người lính nhà nghề, tôi cũng là một người lính nhà nghề. Tôi bảo tôi là lính tình nguyện, tôi vào 1inh là vì tôi thích bảo vệ đồng bào của tôi. Những người làm Chiến tranh chính trị dưới quyền ông là những người không ra gì. Ông dùng một chữ rất nặng để đổ trut cơn thịnh nộ dồn nén lâu nay sau 17 năm lao tù cọng sản ngoài Bắc Việt.

Rất may, bà nhà tôi và người vợ của ông đã khéo léo làm hòa. Nên chúng tôi đã không dọn đi nơi khác ngay trong đêm.

Càng về sau, riêng tôi, tôi càng hiểu ông nhiều hơn.Ông thuộc loai người xưa nay cực kỳ hiêm hoi. Tính ông ngay thẳng, ôn hòa, rất nghĩa tình, yêu quê hương và yêu thương đồng loại. Quân ông làm chủ quân là nơi nổi tiếng là chống chính quyền VNCH.

Ở đâu mà địch dào nhiều địa đạo hơn Cũ Chi bên hông Sài Gòn?

Ông mua một tòa Mobile Home tọa lạc trên đường Bolsa. Chung quanh, ông trồng nhiều loại cây ăn trái, nhiều nhất là trái Hồng (Pimsimmons) và

Thanh long. Hàng năm chúng tôi cứ vào tháng 5 là nhận được hộp quà nặng hàng 7, 8 pound qua đường Bưu điện. Có năm chúng tôi biết ông không đươc khỏe vì tuổi cao nhưng ông vẫn ra Bưu điện gởi cho chúng tôi món quà hàng năm.

Ông là người Nha Trang thứ thiệt. Từ giọng nói, từ tiết điệu cho tới cách dùng chữ, cái "ề", "à" rất Phú Vinh của ông làm lòng tôi thật tình cảm mến con người xứ tôi.

Lần cuôi cùng, chúng tôi dẫn người em gái của bà nha tôi cùng một cô em gái Sông mao đến thăm ông. Ông lái xe đưa mấy chie em đãi một bữa Bánh xèo tại Nha Hàng một người bà con của ông và của bà nhà tôi. Ông giành cho được đãi khách phương xa.

Muốn biết một vị sĩ quan cấp tá VNCH xưa và nay có cuộc sống bình dị, đơn giản như thế nào, xin hãy nhìn vào Ông hiện tại sống ra sao và sông như thế nào trên đất Hoa Kỳ này.

Đúng như cái *Motto* của Trướng Võ bi Quốc gia Việt Nam:

TỰ THẮNG ĐÊ CHỈ HUY

Mùa Thu 2024

# NHỮNG NGƯỜI ĐÀNG CỰU




*Tưởng nhớ Cựu Đại úy Nguyên Văn Duyến*

*Hoa lưu động khẩu ưng trường tại;*
*Thủy đáo nhân gian định bất hồi.(1)*

*“….*

Rất buồn xin thông báo cùng Quý Niên Trưởng và anh em :

- Tình huống của NT Duyến không rõ sống chết ra sao . Xin kết luận : "THẤT TUNG "

- Kể từ hôm nay , ngưng việc tìm kiếm .

Trong niềm tin Tôn Giáo , xin Qúy NT và anh em cầu nguyện cho NT Duyến !

NT2 HUỲNH KHÁNH DƯ .

....” (2)

**L’Homme de nulle part** (3)

Mùa đông năm 2028 thật lạnh.

Nhiệt độ ở Champlin, Minnesota xuống tới – 30.

Sau khi đọc bản tin cuối cùng trong ngày, tôi thở dài, nhẹ nhàng và lặng lẽ đi vào phòng ngủ.

Máy lạnh trong phòng để máy giặt tầng dưới chạy u, u, chiếc máy humidifier đặt cuối phòng, sát tường phát ra chuỗi âm thanh buồn buồn…

…….

Đang mơ mơ màng màng, tai tôi dường như nghe mấy nốt nhạc, âm thanh quen thuộc của cái máy Ring đứa con út đã mua và gắn trước cửa nhà mươi năm trước. Thằng bé nay đã lấy cô vợ người Colombian và chúng đã dắt nhau về Bogota lập nghiệp. Nó đi đã hơn mười năm, nhưng cái hoang phí trong vụ cưới vợ của nó đến nay tôi vẫn chưa nguôi cơn giận. Ai đời nó bỏ ra gần một trăm ngàn Mỹ kim (2023) để làm đám cưới, ai cản , nó một mực không nghe. Colombia là một trong các xứ nghèo ở Nam Mỹ, nổi tiếng nhờ các Cartel thuốc phiện.

Đến cuối cầu thang, tôi vội bật ngọn đèn ngoài hiên. Trời tuyết nặng hột. Gió thổi vù vù.

-Ai kìa? Mà tại sao lại giờ này?

Cái bóng mờ mờ, một đống vải lù lù xuất hiện sau lớp gương mờ đục nói cái gì đó tôi không nghe rõ. Phản ứng tự nhiên , tôi vội mở cửa, không cần phải chần chờ như mọi khi.

Một giọng nòi quen quen “trọ trẹ” như tiếng Nghệ an vang lên, cái giọng uể oải , mệt nhọc và hơi run

run chỉ có được khi chúng ta ở ngoài trời giá lạnh quá lâu.

--Tui đây này, Nguyễn văn Duyến này!

--Vô đây! Vô đây!.

Đầu óc tôi như chiếc máy điện toán. Nó quanh thật nhanh, các dữ liệu như hàng triệu bài toán soèn soẹt .. tìm ra lời giải. À, phải rồi : cách đây mười năm, anh em ỡ California đã ra báo chấm dứt cuộc săn tim con người này. .

Khách đêm khuya của tôi tư nhiên rung mình thật mạnh , các bông tuyết bám trên đầu, hai bên vai, hai cánh tay, lả tả rơi xuống như phấn như bụi.

Lạnh! (4)

Tôi còn nhớ như in. Lúc đó tâm hồn tôi bân lọan như khi hay hung tín mình bỗng nhìn mất một người thân còn hơn ruột thỉt. Ở thế kỳ XXI này, ngay giữa chốn nhiều người cho là thiên đường hạ giới này lại có người tự nhiên biến mất không lưu lại một vết tích nào?

Có khác gì cách chúng ta hơn mười thế kỷ, thời nhà Đường , nhà Hán bên Trung hoa, các Vua chua gởi người vào các rặng nui xanh trong nước Trung hoa cổ xưa đầy chuyện thần tiên, nào thuôc trường

sinh,nào người đi hái thuốc lọt vào chốn bồng lại , ngộ duyên cùng tiên nữ,  Niềm ước mơ hạnh phúc nội trôi như cám đám mây phiêu bồng trên biển phía Đông. Đó là chố Bồng Lai, Phương trượng… của Lưu Thần của Nguyễn Triệu  bên Trung hoa hay của Từ Thức  ở Cửa Thần Phù ( Nghệ An, Việt Nam).

Lúc ở Đại học Chiến tranh chính trị , trong suốt hơn hai năm, con-người-sê biến-mất này luôn được tôi gọi đây đủ tên là Nguyễn Văn Duyến. Đây là thói quen khó bỏ của bọn SVSQ chúng tôi. Anh có già, có nhỏ tuổi , hay có đẹp , có xấu trai, mang hỗn danh này nọ nhưng dưới con mắt bọn chúng tôi thì lúc nào anh cũng vẫn là  co người toàn vẹn. Kỷ luật nhà binh bắt chúng tôi lúc nào cũng phải xưng số quân khi trình diện cấp chỉ huy thì cách gọi tên đầy đủ như thế này khiến  chúng tôi gắn bó với nhau còn hơn là anh em ruột thịt!

Nguyễn Văn Duyến thất tung!

Còn tin nào đau sót hơn?

Duyến đã đi qua cuộc chiến tại Sư Đoàn 5 Bộ binh trong Mùa Hè 1972 tại Bình Long.  Khóa Nguyễn Trãi I chúng tôi vế đại dơn vị này với con số trên 30 người, trong tại các Sư Doàn khác quân số

không quá 13 anh tân thiếu úy. Hoàn cảnh không khác nhau. các Sư đoàn khác cũng có những mùa Hè 1972 của họ.

Nguyễn Văn Duyến , con người không bao giờ than thở hay bày tỏ những tham vong lớn hơn những thứ gì anh ta có trước mắt. Anh là người gốc Thanh nghệ . Chắc gia đình anh không giàu vì qua cách nói chuyện, anh sống cuộc đời SVSQ thật đơn giản. Anh không bồ bịch lăng nhăng. Tóm lại, anh hiền như một cụ trùm nhà thờ ở làng quê ngoài Bắc.

Trong khi tôi là người cao lớn thì anh là người phải nói là thiếu thước!

Khi Tổng Cục cho người xuống đo lại chiều cao tại Trường Bộ Binh Thủ Đức cuối năm 1966, Chúng tôi còn nhớ và tức cười trước cái cảnh các ông Thiếu thước mặc chiếc quần kaki dài rộng lòng thòng, nhướn nhướn người cho đủ chiều cao!

Thiếu chiều cao, nhưng Nguyễn Văn Duyến ngang tầm và có chỗ cón vượt qua hiểu biết và đạo đức với chúng tôi. Chúng tôi rất quí anh ta. Anh là cựu học sinh các trường Chu Văn An và Petrus Ký Sài gòn.

Năm 1973, Nguyễn Văn Duyến, xin thuyên chuyển về Trường Đại Học CTCT tại Dà Lạt. Như vậy là biền biệt bốn năm, anh làm lính tác chiến. Còn nhớ trước khi chia tay 1969, chúng tôi rủ nhau đi xóm đèn đỏ bên Nhà Ga Dà Lạt. Xem mặt hiền khô, nhưng Nguyễn Văn Duyến tỏ ra không mấy bỡ ngỡ với các chị em ta. Tôi được một phen cười ra nước mắt.

Theo lời các cựu SVSQ các khóa 4,5,6 Nguyễn Trãi, NGuyễn Văn Duyến là một cán bộ hiền khô, không hề mang tai tiếng và chỉ duy một nhận xét tôi cho là rất chính xác; ông Duyến mang một số mặc cảm nên sồng im lặng, không nhiều bạn bè vì tính ông rất kín đáo.

Tôi sống xa ông, nhưng thỉnh thoảng cứ hỏi tin tức về người bạn hiền khô này. Nhưng người như ông, người Tây gọi là excentrique (5)

Theo Kỷ Yếu Khóa Nguyễn Trãi I, ông đã tục huyền với một người thiếu nữ. Ông mất vợ khi ông đi ở tù. Ông có hai người con, một trai với người vợ cũ trước ngày ông đi tù , và một gái vời người vợ khác, nay là một bác sĩ. Tôi đã từng nói chuyện với chị Duyến. Chi còn nhiều mặc cảm hơn chồng chị nhiều lắm. Trông chị ngồi một mình trong đám đông ồn ào các cuôc họp Khóa tôi không khỏi thấy chạnh lòng.

Như vậy, một Từ Thức tân thời đã ra đi biền biệt hơn một năm nay. Anh em chúng ta đã chấm dứt tìm kiếm từ ngày mồng 3 tháng Giêng năm nay.

Nửa năm tiên cảnh

Một bước trần ai

Ước cũ duyên thề có thế thôi

Đá vàng, hoa nhạt

Nước chảy

Huê trôi

Cái hạc bay lên vút tận trời

Cửa động, đầu non, hình bóng cũ

Ngìn năm thơ thẩn bóng trăng soi.

(Tản Đà)

Rồi có khi nào, một ngày nào đó Nguyễn Văn Duyến của tôi, của các bạn Khóa Nguyễn Trãi một từ một chốn nào đó sẽ trở về.

Như một người đàng cựu. Lúc đó có lê, Nguyễn Văn Duyến sẽ hỏi mọi người và nhất là các cụ già thì họ sẽ nói:

“Khi tôi còn bé, tôi có nghe kể là một cụ kỵ gì của chúng tôi mang cùng tên như ông. Rằng một ngày nọ cách đây gần 80 năm, ông ấy bỏ đi vào rừng, và không bao giờ trở ra.Tôi nghĩ ông ta có lẽ đã rơi xuống vưc sâu hào đó. Đó là vào cuối đời Trần. Còn chúng ta bây giờ đang sống dưới đời vua thứ tư của Nhà Lê..”(6)

Ngày Song Thập 2024

-----------------

(1) Trích từ bài Tiên tử tống Lưu Nguyễn xuất động □□□□□□□

Dịch nghĩa:

Hoa rơi cửa động luôn tồn tại

Nước xuồng nhân gian chẳng đoái hoài (quay về)

(2) Trích Nguyên văn email nội bộ

From:

luanducnguyen45-----

To:

Du Huynh

Cc:

TỔNG HỘI Google Group

Wed, Jan 3 at 10:43 PM

Cám ơn Anh Tổng Hội Trưởng , Quý Anh Trong Ban chấp hành Tổng Hội và các Anh Chị NT

đã tận tình trong việc tìm kiếm tung tích người bạn đồng khóa của chúng tôi NT1 Nguyễn Văn Duyến

Tuy kết quả chưa đạt nhưng nghĩa tình của Quý Anh Chị cho chúng tôi sự cảm động , quý mến vô cùng

Rất thân mến

NT1 Nguyễn Đức Luận

On Wed, Jan 3, 2024 at 8:12 PM

'Du Huynh' via Cựu SVSQ Đại học CTCT Đà lạt <svsqdhctct@googlegroups.com> wrote:

Thưa Quý Niên Trưởng và anh em ,

Như Quý Niên trưởng và anh em đẫ được thông báo , Niên Trưởng Duyến đã mất tích từ ngày 19/09/2023 .

Sau khi cháu Vi , con gái của NT Duyến , báo Cánh Sat San Jose  và cho anh em mình hay , tức khắc Quý Niên trưởng NT1 và anh em bắt tay vao việc ngay :

- Liên lạc báo , đài phát thanh , truyền hình tại địa phương , nhờ phổ biến tìm kiếm .

- In hai đợt flyer , dán tại các chợ và nơi đông người qua lại

- Đi dọc theo các khe suối và tiếp xúc với các người vô gia cư .

Đã ba tháng rưởi trôi qua , Cảnh Sát SAN JOSE , và anh em mình không tìm được bất cứ tin tức gì của NT Duyến .

Hôm nay, tôi đã hội ý với NT  Nguyễn văn Liên , NT Đỗ Minh Hưng "B" , NT Hoàng Kính , NT Nguyễn Như Quỳnh , NT5 Nguyễn Đình Lê .

Rất buồn xin thông báo cùng Quý Niên Trưởng và anh em :

- Tình huống của NT Duyến không rõ sống chết ra sao . Xin kết luận : "THẤT TUNG "

-  Kể từ hôm nay , ngưng việc tìm kiếm .

Trong niềm tin Tôn Giáo , xin Qúy NT và anh em cầu nguyện cho NT Duyến !

NT2 HUỲNH KHÁNH DƯ .

(3) Tên cuồn sách của Pham Van Ký L'Homme De Nulle Part: Légendes xuất bản lần đấu January 1, 1946

"Từ Thức ou L'Homme de nulle part."

(4) Đoạn văn viết nhân nghe tin người bạn cùng khóa mất tich.

(5) Excentrique :Khác người

(6) Pham Duy Khiêm -- Lgendes des Terres sereines , Editions Philippe Picquier 1997, Mas de Vert, 13200 Arles, p. 38.

Lúc còn đi dạy học (1962) tôi đã từng đọc hai cuốn sách này, lưu trữ tại Thư viện Trường College francaise Nha trang. Đên khi nghe tin Nguyễn Văn Duyến mất tích tôi vội tìm mua lại hai cuốn sách này. Rất may, Bên Pháp, có chỗ bán sách hiếm quý này.

Tưa của Phạm Văn Ký nói về Từ Thức nghe hay và gợi ý hơn Tưa của Phạm Duy Khiêm. Histoire de

Tu Thuc nghe không hay bằng L'Homme de nulle part.

# NHỮNG NGƯỜI ĐÀNG CỰU

*Tưởng nhờ những người bạn chí cốt của thời xa xưa.:*

## Cụ Nguyễn Văn Đức và cụ Mai Văn Diệm.

Hai Cụ quen nhau từ năm 1924. Tính đến năm các Cụ thi nhau qui tiên, chúng ta có một chiều dày hơn nửa thế kỷ của Tình Bạn.

Cụ Nguyễn Văn Đúc, xin được nói gọn lại là Cụ Đức, sinh nă
m 1887 tại Hải Dương, Bắc phần Việt Nam. Như vậy Cụ Đúc gần 14 tuổi lớn hơn Cụ Mai Văn Diệm.

Theo cách nói của hai Cụ, Cụ Đức vẫn luôn xưng với Cụ Diệm là một Thầy, hai là Thấy.

Không biết Cụ Đức vào làm việc với Ông Van Breuseghem, môt ông Kỹ sư công chánh, gốc người Ostende, nước Bỉ, năm 1930, được đổi quốc tịch Pháp (1) năm nào. Chúc vụ chính thức của Cụ Đức là Kế toàn trưởng trong Công trường Đường Sắt từ Krong Pha tới Đà Lạt năm 1924.(2) Đoạn đường khá đặc biệt này dài khỏang 87 cây số trong đó người ta dùng kỹ thuật Thụy sĩ lắp đạt đường sắt Răng cưa để lôi toa tàu lên cao 1200 mét.(3)

Sau đó, Cụ Breuseghem và Cụ Đức trở lại Nha Trang.(4)

***

Thông cáo báo chí của Sở Kinh tế Đông dương ngày 25 tháng 6 năm 1922 như sau:

**Du Lịch tại Đông dương**

Tờ báo Trung lập (L'Impartial) viết như sau:

Một trong những trở ngại chính cho ngành du lịch ở các thuộc địa , chính là tình trạng thiều các Khách sạn. Dưới cái nhan đề “ Chúng ta cần khách sạn” tờ báo Trung lập lấy làm tiếc rằng chúng ta chẳng làm gì ở Nha Trang để bù dắp tình trạng thiều chỗ nhà trọ trong khi trung tâm

này…được mời gọi  phải mở rộng hơn  và bờ biển tràn ngập những ngôi villa thuộc sở hữu người Sài gòn.

 Ngoài Viện Pasteur mà Nha Trang thủ đắc, người ta đang xây dung một viện khoa học khác.

Trong thực tế đã từ lâu Nha Trang đã la Điểm kết thúc của tuyến đường sắt Sài Gòn – Khành Hòa.và là điểm kết thúc của Dịch vụ xe chở hành khác có tái trợ  từ Tourane (Đà nẵng mới)- Nha Trang.

 Người Sài Gòn đã tạo mãi các khoảnh đất, xây các villa trên khắp khu đất rộng trên bờ biển xinh đẹp và Viện Pasteur không muốn chậm chân đang có nghiên cứu mắc mạng điện thắp sáng cả thành phố. Ông  bác sĩ Giám đốc mới vốn là nhà phẫu thuật  hứa hẹn sẽ làm một Nhà thương nhỏ đê người Sài Gòn  đến

mà hương không khí mát lành để phục hồi sức khỏe nhanh chóng.

Chuyển động  ráo riết của du khách hàng ngày càng gia tăng. Đã có 22 chiếc xe hơi đã đăng bộ tại Tòa Sứ Nha Trang, trong số đó 3 phần tư là của người đia phương.

Chuyển đông này minh chứng  Nha Trang đang trên đà phát triễn (1 Bis)

***

Theo như tường thuật của báo chí Đông dương thời bấy giờ, tờ Bulletin administratif de l’Annam, 29 mai 1935)

Nghi định,

Mục 1 Il est fait retour au domaine local de l'Annam, les conditions imposées n'ayant pas été remplies, des lots de terrain no 16 et 17 de la 13e feuille du plan de lotissement du centre urbain de Nha-trang d'une superficie totale de deux mille sept cent soixante-six mètres carrés quarante-cinq décimètres carrés et cédés à titre provisoire à M. Van Beuseghem suivant cahier des charges du 16 décembre 1933 approuvé le 9 janvier 1934. M. Van Breuseghem ne pourra prétendre à aucune sorte d'indemnité ni de dommages-intérêts du chef de cette reprise et de ses conséquences.

Art. 2. — La somme de cinquante-cinq piastres trente-trois cents (55 $ 33) versée par l'intéressé au moment de la concession provisoire, et représentant le quart du prix du terrain reste acquise au Trésor à titre de dommages-intérêts conformément aux dispositions de l'article 1er de l'arrêté du Gouverneur général du 31 mai 1929.

Hôtel Beau Rivage tiên khởi có 12 Phòng

Trận Bão ngày 23 tháng 12 năm 1926, gây nhiều ngôi nhà sụp trong đó có rạp chớp bòng, tạo ra một số thương vong và một phần của Hôtel Beau Rivage.

Chúng ta hãy nghe tường thuật:

Tout Nhatrang, le dimanche, se rend à l'heure de l'apéritif sur la terrasse de l'Hôtel Beau rivage. J'y retrouve plusieurs Touranais qui, unanimement, regretteraient la concession française d'Annam s'ils n'étaient à Nhatrang. Le charme du pays a opéré, quelques uns me déclarent qu'ils s'incrusteront à Nhatrang le plus longtemps possible et ont renoncé, pour longtemps, aux voyages de retour en France. Nhatrang possède un hôtel superbe, autre que celui dont M. Roesseger [van Breuseghem] est propriétaire, et dénommé Grand Hôtel. C'est l'établissement attitré du S.A.H S. Nous jaillissons tous, cependant, de l'auto, comme des petits pois de leurs cosse dès que nous arrivons à Beaurivage situé à quelques cents mètres de son concurrent. Après une randonnée de cinq cents kilomètres, cette hâte s'explique d'elle même

(Le S. A. H. S. « Service accéléré Hanoï-Saïgon »
(L'Avenir du Tonkin, 4 octobre 1929)

Hoặc:

Récit de voyage de Frans Brilman , directeur de la Manufacture indochinoise de 2 cigarettes : 9 janvier 1930.

— À Nha Trang, nous nous retrouvons dans un superbe hôtel au bord de la plage avec de jolies terrasses, d'agréables restaurants, des salons de lecture, des terrains de tennis et de vastes chambres. Mais le dîner ne fut pas à la hauteur du décor. On avait l'impression que les cuisiniers avaient laissé leur travail aux commis de cuisine. —

Theo Tờ Annuaire général de l'Indochine, 1933, trang 711 [là Cơ sở được hài ra ] : Hôtel Beau Rivage Van Breuseghem

• Hôtels le Beau Rivage và Hôtel de la Plage : Tiền phòng một ngày là 3 $ 50 , tính theo hối xuất đương thời là 1 Đồng = Franc 12.95, tức là 45.325 Franc

• Cơ sở Van Breuseghem : Thực phẩm tốt nhất và tươi sống nhất. Lại có Théâtre-cinéma L'Alhambra

• Bar rượu trong Rạp Hát : Có Sò tươi, Tôm hùm sống.

(Theo tờ quảng cáo trên Guide pratique Saïgon, J. Aspar, 1934, p. 62 )

Ngày 02 tháng 9 năm 1930 Hoàng gia Xiêm đã trả tiền thức ăn, tiền phòng tổng cọng $232.20 tức 3004.4 franc.(7)



Rạp Alhambra (tức Rạp Tân Tân ) và Tiệm Thuốc Bắc Nam Sanh Đường

**Rạp Ciné ALHAMBRA**

Không tìm ra tài liệu nào nói về ngày xây dựng Rạp Hát chiêu bóng. Chỉ có thể phỏng đoán: Sau khi hoàn tất công trình Đường Sắt có Răng cưa tư Krông Pha tới Đà Lạt, ông KS Van Breuseghem tời bỏ Công ty Entreprises Asiatiques và trở lại lo việc riêng của ông. Đó là làm thủ tục tạo mãi lô đất tại bờ biển Nha Trang. Việc này, với uy tín là người hào hiệp, dễ gây cảm tình trong số những người Pháp tại đây.

Tờ *Chantecler*, 10 novembre 1935 đã viết:

“ Chúng tôi đọc trên tờ La Depêche:Người ta loan bào Ô. Van Breuseghem. Một người chủ Khách sạn danh tiếng , sẽ trở lại Đông dương, ông đã mêt mỏi sau bao năm lao lực và sẽ trở về an hưởng ở xứ sở an bình của mình là nước Bỉ.

Ông Giám đốc Hôtel Beau Rivage ai cũng biết tên nên không cần phài giới thiệu dài dòng: Ông là người tinh tế, quá hào hiệp, đã tới xứ này để làm sự nghiệp, là người chủ chốt xây dựng đường sắt từ từ Đèo Ngoại Mục tới Đà Lạt, ai mà không hăm mộ.”(1)

Lô đất rất đúng chỗ  rộng 2,776 . 46 m2   mang số 16, 15   trên tờ 13 Thiết kế phân lô  Trung tâm thành phố Nha trang

Căn cứ trên ARRÊTÉ,  điều khoản số 1

Đây là khu đất chuyển nhượng tạm thời cho O. Van Breuseghem.

Do vậy, có thể nói Hôtel Beau Rivage khởi công xây dựng khoảng 1934, 1935.(2)

Chuyện Rạp Alhambra thì sao?

Đa số các rạp  chiếu bóng bên Pháp, đầu mang tên Alhambra, chứng tỏ ngu7o2i ta qui chiếu nơi chốn các dinh thự có  phong cách người Mores (3).

Nhìn tấm hình chụp từ trước 1945, chúng ta thấy kiến trúc này bề thé, rất âu châu khác hẵn với Rạp Tân Tiến, tục gọi là Rạp Cô Hai, có thể là do người chủ rạp là một phụ nữ giàu có  người Sài Gòn. Theo trí nhớ của chúng tôi, Rạp Alhambra có chiều rộng áng chừng 45 mét. Chiếu dài khỏang chừng 150 hàng ghé. Sàn nhà  có dốc cao khoảng 15 độ chạy dài  bốn cửa rộng mở ra  cho đến sân khấu có treo nẹp vải màu xanh dương. Chúng tôi còn nhớ trong khu dành cho khán giả hạng nhất. Chính giữa của hai bên hàng ghế` hạng nhất có  khoảng

Ô chữ nhật đóng khung gỗ sơn vec ni màu hỗ phách . Chỗ hàng Lo6ge này là nơi dành cho khách người Pháp vốn không ngồi chen chúc với người bản địa. Vì thế mà các loại phim chiếu thời đó của rạp này rất chọn lọc. Ngày cả tờ prồ ghờ ram của nó cũng đẹp, in sạch trên giây trắng có kèm hình ảnh và chuyện phim có khi bằng tiếng Pháp, xem rất được đám trẻ con chúng tôi tranh nhau cất giữ. Ngày đó, khi Ông Van Breuseghem muốn tìm người bán Rạp, Cụ Đức, người giúp Ông trong Công trình Đường Sắt Răng cưa trước kia và nay là quản lý Khách sạn được ông ngỏ ý muốn nhượng lại với những điều khoản khá là thuận tình. Rất tiếc, lúc đó Cụ Đức cũng muốn ngỏ ý mời người bạn chí cốt của mình là Cụ Mai Van Diệm, tục gọi là Thày Bảy Diệm, nổi tiếng khắp tỉnh Khánh Hòa. Cùng hùn vốn mua Alhambra. Vì lý do thời đó, phe Việt Minh hay ném lựu đạn khủng bố nơi tụ tập đông người, nên Cụ Thầy thuốc vốn là người ôn hòa không muốn dính líu vào mối hiểm nguy đó. Chuyên bán buôn sau đó đã xẩy ra như ai cũng đều biết.

Ông Tôn Thất Đệ, chủ Rạp Hát Tân Tân ở Huế, nghe tin bèn vào Nha Trang để xin mua.

Năm 1955, Rạp Alhambra đổi chủ và đổi tên thành Rạp Tân Tân từ đó.

Các con hai cụ có rất nhiều kỷ niệm với nơi này. Con Cụ Đức vì ở tận Đường Cây Bàng cách Rạp hơn một cây số nên ít có dịp xem phim. Với tấm Giây Xem phim như lời tạ ơn chúng tôi là năm anh nhóc cú mỗi thứ năm nào cũng rủ nhau đi xem phim cọp. Còn các chị con gái của Cụ Diệm, có cô nay đã là bà nội gần 80 tuổi mỗi khi nhắc lại rạp hát, vẫn khúc khích cười những buổi chiều trốn nhà đi xem tập phim vừa thay mới, bỏ cả học bài, bỏ cả ăn tối.

Ấy vậy mà cả hai nhà, một bên là bốn anh nhóc và bên kia là bốn cố gái vẫn không kết thành như mong ước của hai Cụ bạn năm xưa.

Chỉ có tôi, cái anh chàng hay đi theo ăn có là thành công. Tôi hay nói với bà nhà tôi là dù sao thì Cụ Đức cũng cho phép anh đại diện rồi!

Quả thật Cụ Đức năm 1971 có đến uông rượu mừng hôn lễ của chúng tôi. Lúc đó, Cụ Đức đã trên 86 tuổi rồi.

Chuyện hai Cụ đối xử với nhau, con cháu chúng tôi cứ nhìn mà trầm trồ.

Bạn thân của tôi, Nguyễn Đức Thông, Đại Học Sư phạm Triết học năm 1966 đã kể một số gọi là huyền thoại về ông Cụ của mình. Nó là huyền thoại vì ngày nay không ai, kể cà người anh lớn vẫn còn sống của Thông cũng bảo chưa từng nghe

, không kiểm chứng được vì tính chất quá sức tưởng tượng của chúng.

Khoảng những năm sau khi Pháp chính thức rời khỏi Việt Nam, người Pháp lục tục rút bỏ công cuộc làm ăn xưa nay tại xứ này. Ông Van Breuseghem quyết định bán toàn bộ Khách sạn Beau Rivage. Giá ban đấu là 1 triệu Đồng Việt nam Sau đó ông thấy giá đồng bạc mât nhiều, giá đươc nâng lên thành 6 triệu và cao nhất là 10 triệu. Lại nghe kể Bà Ngô Đình Nhu trả giá rất thấp nên Ông Van Breuseghem không chịu bán. Rất may, Dòng Cứu Thế lúc đó nhảy vào và thương thảo với "Ông Chủ" (tiếng gọi trìu mến Ông Van Breuseghem) chớ Cụ Đức không can dự vào cái deal này. Nhà Dòng mua Khach sạn rộng trên hai mẫu tây với giá 7 triệu đồng Việt Nam. Thế là xẩy ra một chuyện khó tin. Ngày Cụ Đức đi gởi tiền bán Khách sạn về Pháp, Cụ đáp phi cơ Air Vietnam về lại Nha Trang. Không thể ngờ tới, các Cha vốn lịch sự đã ra tận sân bay đón rước cụ Đức. Cảm cái nghĩa này, Cụ Đức đã tặng không cho các Cha Nhà Dòng căn Villa xinh đẹp là mòn quà tặng của Ông Chủ dành cho Cụ Gerant thân tin mấy thập niên qua. Villa này chính chúng tôi đã từng thấy khi con bé thơ. Ai cũng lấy làm tiếc trứ Cụ Đức. Nên nhớ lúc bấy giờ Cụ đã hồi hưu và vẫn còn ở ngôi nhà Lầu Năm gian ở Đường Cây Bàng, gần Đình Xương Huân Nha Trang.

Có một lúc hai Ông Cụ mất lòng nhau và nhiều tháng không nhìn mặt nhau cho đến khi Bà Cụ thân sinh Bà Cụ thân mẫu mấy người bạn tôi qua đời.

Cụ Đức hay tin đã đến 18 Nguyễn Trãi, Khu Xóm Mới Nha Trang, đốt mây nén hương tưởng nhớ . Vây mà Cụ Đức đã quên hét mọi thứ, vội đến ôm ông Cụ Bạn già mà khóc nức nở. Chưa có cảnh nào cảm động hơn.

Tưởng cũng nên nói một chút về cơ duyên hai Cụ quen biết nhau, từ năm 1924. Nhà Cụ Bảy Diệm nằm gần nơi xây dựng rạp Alhambra mà Cụ Đức lại là người được ủy nhiêm đôn đốc công trình. Suốt thời gian này hai Cụ đã đủ để hiểu biết hoàn cảnh gia thất và tính tình của nhau. Chỗ giống nhau giữa hai Cụ là cả hai đều sớm góa vợ. Bên Cụ Đức sinh được bốn cô gái xinh đẹp và hai câu con trai. Tên của họ rất nôm na: Hòa, Hợp, Dư, Thừa và Thiện và Hiền cho mây người con trai.thì Cụ Bà mất. Phía cụ Bảy Diệm cũng có hai cô con gái và một người con trai, rồi Cụ Bà mất.

Điểm đáng ghi chép cho Tình bạn lâu năm này là hai Ông Cụ thât hiểu ý nhau. Cái gì Cụ này làm thì Cụ kia cũng làm theo y như đọc cùng một trang sách.

Các Cụ đã tục huyền và gặp những người đàn bà đức hạnh.

Các cụ cùng nhau mua hai khu đất trồng dừa tại ven sông Chơ Mới chay quanh Lò Vôi. Lúc còn bé chúng tôi đã bao nhiêu lần cắm trại trên khu vườn rợp bóng dừa nay. Sau này, khi về bên phía bà nhà của tôi, tôi mới biết Cụ Bảy Diệm cũng có một khu vườn Dừa y như Cụ Dức.

Hai Ông cụ thương mến nhau đến mức Cụ Bày Diệm đã lấy tên Cụ Đức để chèn vào giữa trên ba người con trai của mình.

Đúng là đồng hội đồng thuyền!

Năm 1973, Cụ Bảy Diệm qua đời và gần hai năm sau, Cụ Đức cũng qui tiên ! Vẫn còm một chuyện nghĩ cũng nên nhắc lại nơi cuối bài.

Thuở sinh tiền hai ông Cụ từng hẹn ước với nhau. Hai Cụ ước muốn gắn chặt Tình Bạn qua tình Thông gia bao đời.

Cụ Đức đã sinh thêm một loạt các người con trái thông minh tuấn tú. Và Cụ Bảy Diệm cũng hạ sinh 6 đến 7 cô con gái xinh đẹp.

“Thầy cho tôi xin một vài cô đi.” Vậy mà cuối cùng chẳng thành tọai. Duy chỉ có một mình tôi,

người bạn lâu đời của mấy anh em Đường Cây Bàng là toại nguyện.

Hơn nữa cho tới đời các cháu nội chúng tôi vẫn vương không tới.

Tây có câu phương ngữ:

L’homme propose, Dieu dispose . (4)

Thật chí lý thay !

November 13, 2024.

----------

(1) Tờ báo Chantecler, 10 novembre 1935 .

(2) (Bulletin administratif de l’Annam, 29 mai 1935)

(3) Maures: Năm 711, dưới sự lãnh đạo của người tướng gốc Berberes tên là Tariq ibn-Ziyad bán đảo Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay bị đánh bại. Vùng đất mang tên là Al -Andalus trở thành trung tâm một nền văn hóa, kinh tế phát triễn. Nơi đây, Giáo dục, Nghệ thuật và các ngành khoa học đã nở rộ.

Người Maures là nhòm người xuất phát từ Mauritanie Bắc Phi, nên da sặm đen.

Theo với thời gian, ảnh tưởng của chính quyền Hồi giáo suy giảm lần, để rộng đường cho những người theo Thiên chúa giáo đang tìm cách chinh phục lại lãnh thổ đã mất vào tay người Maures. Trải qua nhiều trăm năm, nhóm người Thiên chúa giáo ra sức tranh dành ảnh hưởng hồi giáo trên lãnh thổ A-Andalus. Cuộc Tái chinh phục, La Reconquista mạnh nhât trong năm 1492 (năm Kha Luân Bố khám phá ra Châu Mỹ) khi các quân vương theo đạo Thiên Chúa là Isabelle de Castille và Ferdinand D'Aragon đánh thắng trên Granada, chấm dứt cuộc chinh phục bán đảo Tây Ban Nha. Người Maures bị đuổi ra khỏi Tây Ban Nha.

(4) " Người ước không như Trời muốn"

*Những Người Đàng cựu*



Fort GORDON, Georgia circa March 1971

# TRUYỆN ÔNG SHO-WA

**Đôi giòng làm rõ một sư ngộ nhận** :

Đánh dấu 50 năm chúng ta mất nước, chúng xin cố nhớ và ghi lại câu chuyện về Tình bạn kéo dài hơn 54 năm qua, so sánh có thể cũng bền vững như các câu chuyện chúng tôi đã từng viết trong thời gian qua. Cũng xin giải thích thêm tại sao, lại có tên là Showa. Rất đơn giản là vì tình bạn của hai

chúng tôi nó còn đặm đà hơn chúng tôi nghĩ. Bạn của tôi không phải mang cái tên Nhật bản này, nhưng không biết tại sao và tứ lúc nào tôi nảy ý ngộ nghĩnh là Showa. Bạn tôi đã cải chính, đã giải thích tên anh ta theo nghĩa chữ Hán (do lời bình một người Hoa kiều lớn tuổi ở Chợ lớn) nhưng tôi quyết định không chịu sửa lại. Thôi thì sá gi một tên gọi. Cứ thấy, nghe giống goi là đủ thỏa lòng yêu mến của tôi rồi!

1

“ Đ.m.. đi có sáu tháng mà làm như đi sẽ không về..!” Ông Sho-wa phán như thế khi chúng tôi, sau khi cùng check-in hai cái hoa-ly cho Hãng Continental đi Hoa kỳ ngày hôm đò và yên vị trên bờ verandah tại phi trường Tân sơn Nhứt.

Buổi sáng, trời trong xanh, tháng Giêng năm 1971, chẳng còn bao nhiêu ngày nữa là Tết Nguyên đán. Sân bay vắng vẻ, thưa thớt chỉ có một cặp vợ chồng đang chia tay, nét măt người phụ nữ trẻ trông buồn thảm lắm. Chúng tôi không biết anh quân nhân này đi Hoa kỳ học trường nào vì về sau, chúng vẫn không thấy anh nơi chúng tôi đến.

Vì đã hơn mấy tháng, không gặp nhau, sau 1969 đi biền biệt, mỗi anh một đơn vị, nên hôm nay gặp

Ông, chúng tôi quân quit nhau, không rời bước. Ôi, chúng tôi nói đủ mọi thứ chuyện.

Tôi ở Sông Mao, Phan Thiết về đây thi Cuối cùng ( Final Test, Trưởng SNQD Nguyễn Văn Tráng, Saigon) tháng 10/ 1970. Trạm trú nhà N M CH. trong Công viên Tao Đàn (?) một hai, tháng đầu, sau tôi về nhà VT Thiện ở Cống Quỳnh, tiếp tục học lớp gọi là Lớp Dự bị Du học tại Bộ TTM cho đến khi về Nha Trang làm lễ cưới bà nhà tôi cuối năm 1970. Trái với không khí gia đình nhà Tao Đàn, nay tôi được Gia đình CQ rất thương mến, nhất là khi tôi mang về Cô-Dâu- mới- toanh – tiếng của VTT. cho cả nhà trêu chọc.

Một ngày nọ, , tôi đã gặp một người bạn cùng Khóa đang làm việc tại Tổng Cục CTCT. Vừa ngồi xuống trong CLB, anh hỏi tôi đã gặp xếp Phòng Du học của Tổng Cục chưa, tôi đáp “có” . Anh ta bảo tôi đưa tay cho xem một quẻ.

-“Tôi bảo đảm Ông sẽ không đi được. “ Thằng ma này không biết là tôi đã đạt 80/100 Final Test, tên tôi đã lên Danh sách của Cục Quân Huấn Du học Tài khóa 3A-9305A nên nó tin ở chỉ tay của tôi. Về sau, lời tiên tri này đã linh ứng. Tại sao? Sau ngày cưới tại Nhatrang, chúng chưa kịp có dự định gì thì Tiểu Khu Khánh hòa báo tôi phải vào Sài gòn gắp để hoàn tất thủ tục cuối cùng.

Tôi phải trình diện Cục An Ninh Quân đôi.!Một vị Đại úy đã truy tôi rằng thì là trong Lý lịch tôi có dấu điều gì không khai. Có ai muốn thay thế chỗ tôi nên soi tìm lý lịch và tôi phải biện luận thật cứng mới thoát được. Tôi đã miễn cưỡng viết và ký một Bản Cam Đoan rất thậm vô lý , buộc tôi “không được nghe Đài đich” vì nghĩ tôi có thể là bị kẻ địch cài cắm. Và tôi lại thoát linh ứng thú nhứt!

Tại sao tôi kể dài dòng như thế này?

Thưa vì có chuyện thứ hai mà tôi muốn viết ra đây.

Đêm hôm trước ngày ra tàu bay, chúng tôi, bọn quỷ rủ nhau ra Chợ Lớn làm lễ chia tay. Người bạn của tôi,tòng sự tại Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa, chở tôi trên chiếc Suzuki. Anh bạn này uồng rượu không quen, say xỉn nên tới khuya khi chia tay, anh nhường tay lái cho tôi. Không quen đường Sài Gòn, lại là về đêm đến là thổ công, chưa chắc ai có thể tìm lại được nhà Cống Quỳnh. Xe chạy lâu thật là lâu, qua các khóm nhà nhỏ, phía trước có một số người đang ngồi hóng mát, còn con đường chạy đi đâu tôi không hề biết mình sẽ đi về đâu cho tới khi tôi cho chạy xe chậm lại và được người báo cho biết trước mặt là Phú lâm. Chết cha tôi rồi! Vậy là mình thay vì trở về Sài Gòn thì tới đây, quả là xa ngược hướng về Đường Cống Quỳnh. Đang khi hoang mang lơ ngớ như vậy, bỗng một chiếc Taxi, chạy quẹt qua sau lưng, xe tôi ngã xạt

xuống đường, hất bạn tôi ngã xuống mặt đường, đầu chạm đất. Người bên đường thúc giục nên chở liền đi nhà thương cứu chữa. May thay, bạn tôi, chắc lúc đó minh mẫy đau quá nên anh ta tỉnh rượu, miệng nhanh nhảu nói “ không sao! Không sao”

Tôi liền tìm đường về Đường Phan Thanh Giản, thả bạn xuống rồi dẫn chiếc xe cổ vẹo vọ về gời nhà VTThiện. Trời đã khá khuya, tôi chỉ kịp chận chiếc Taxi vừa chạy qua, bảo chở tôi về BTTM. nhà chị gái bạn cùng Khóa để ngáy mai ra Tân Sơn Nhứt. Có thể đây là linh ứng thứ hai.

Thế là lời tiên tri của bạn cùng Khóa ở Tổng Cục CTCT hôm trước đã linh ứng tới hai lần!

Hết chưa?

Ông Sho-Wa vốn người có khiếu lý sự. Ông hay nói, còn tôi thì hay hỏi. Trong Khóa, ông Sho-wa không biết nễ ai cả. Ông theo chọc tôi ngay từ tuần lễ đầu tiên ô Đại đôi 19, tại Thu Đức. Theo tôi nhớ, lúc đó, Ông Sho-wa còn trẻ lắm. Ông thua tôi khoảng từ 3 tới 4 tuổi. Tinh Ông hay cãi, phân tích chi li, tới nơi tới chốn cho nên bọn tôi nói ông là kẻ hay chẻ sởi tóc làm tư. Mà đã là sợi tóc, nó đã nhỏ mà Ông vẫn chẻ được thỉ ông phải thông minh đến chừng nào! Ông lại hay nói thẳng, lại hay chọc phá, giọng thì mỉa mai, rất dễ làm ngừơi yếu bóng vía khác khó chịu. Người không thich ông bảo ông

cầm tinh con chó , con chó con hay sũa. Và tuổi ông thật ra là tuổi Tuất.

Ông Sho-wa kể cho tôi ông hiện đang làm việc tại Bộ Tư lệnh SĐ VI Không quân. Ông đang phụ trách một Bản Tin hay tờ Báo của Không quân. Trong buổi họp tại Cục Quân Huấn, có vị phụ trách điểm danh Nhóm Du học Tài khóa này đã phát hiện sự vắng mặt của ông Sho -Wa, và đe viên Sĩ quan Trưởng toàn phải báo cáo ông đào ngũ nếu ông không có mặt ngày lên Tân Sơn Nhứt. Ông kể tôi nghe chuyện này, mặt bất cần, ông nói, viên Thiếu tá Trưởng toán tới Bộ TTM chuyển lời đe của Cục Quân Huấn, nơi người anh lớn của ông có cư xá, “Tôi đang nằm trên võng, đọc Kim Dung”

Chuyến bay của chúng tôi dự kiến sẽ cất cánh lúc 11 giờ sáng ngày mồng 2 tháng Giêng năm 1971. Đây là các chuyến Chartered Flight chuyển chở các GI trở về Hoa Kỳ (returning to the World ) .sau một năm phục vụ. Chuyện vãn đã chán chê, hai chúng tôi nhìn nhau và tìm anh Trung sĩ Hải quân Việt nam đang đứng lảng vảng ngoài hiên. Cách đó hơn một giờ đồng hồ, Viên Trung sĩ Việt Nam nghĩ hai ông Sĩ quan này chắc tiếng Anh khá hơn mình nên muốn đi cùng để nghe các thông bào trên loa phóng thanh. Không thấy anh Hải quân, hành khách Hoa kỳ chỉ còn vài người. chúng tôi vội vàng chạy lên lầu, mong tìm các bạn, ít ra là anh đồng

khóa đêm hôm qua tôi đã ngủ tại nhà người chị của hắn.

Không thấy ai cả!

Vừa khi ấy, một viên Trung sĩ Không quân Hoa kỳ , tay cầm danh sách (Manifest) xuất hiện, khuôn mặt hốt hoảng, miệng hỏi:” Còn mấy người nữa đâu?-- Hãy theo tôi.”. Mặt anh ta lấm tấm mồ hôi. Anh lẩm bẩm trong miệng” Hai thằng mỹ chết tiệt đi mất đâu rồi”

Chúng tôi ra phía đường băng, trời trưa nắng nóng, vậy mà tôi bỗng thấy lạnh người.

“It’s too late!”

2

May thay, ngay lúc đó, một chiếc máy bay Continental tứ tứ chạy ra, nó tiếp tục chạy ra thật xa để chuẩn bị cất canh.

It’s too late! It’s too late!

Ông Sho-wa và tôi cùng viên Trung sĩ Hoa kỳ đứng yên như trời trồng. Đầu óc tôi vụt nghĩ tới lời tiên tri của anh bân cùng Khóa ở Tổng Cục ngày nào.

Không đi chuyến hôm nay, theo Quân kỹ, chắc chắn mỗi tên phải bị phạt 20 ngày trọng cấm (còn gọi là Củ). Nhưng chúng tôi còn bị anh em trong đơn vị cũ, nơi chúng đã hoặc chia tay trong ly rượu, hoặc như tôi đây, vốn là người hay tin ở mọi cuộc chia tay, không có tiệc tiễn chân gì ráo trọi, cười chê. Các bạn biết Ông Sho-wa lúc ấy nghĩ sao không? Về sau, khi yên ổn mọi thứ, Ông nói:” Tôi tính trở lại nhà đọc tiếp Kim Dung.”

Khóa chúng tôi Du học này không phải là dễ, phải kiếm đủ 80 điểm để Quân đội cho xuất dương. Mỗi khóa học có một số lượng điểm ấn định.(1) Theo Viên Thiếu tá Phòng du học Tổng Cục CTCT nói, đã có nhiều người quan chức tại các Cục đã thi , đã xin điểm, thế nhưng phía Quân đội Hoa kỳ không đồng ý. Nếu bạn xin đi học các khóa không nghe giảng nhiều bằng tiếng Anh thì không khó. Khóa chúng sẽ theo học thuộc loại tuyển chọn đúng nghĩa. Vì thế, cuối cùng, Khóa thiếu chỉ có MộT ngưới mà tìm mãi không ra đươc, nên tiếc của “Giời” họ phải cho gọi tôi ở tận Sông Mao, Phan Thiết về đây thi Final Test.

Tôi “bị” chuyển sang Khóa Dân sự vụ- Tâm lý chiến ( Civil Affairs – Psychological Operations , 6 tháng). Lúc nộp đơn xin đi học, tôi nhớ là tôi đã ghi Khóa Sĩ quan Báo chí (Press-Information officers, học chỉ có 3 tháng mà thôi.)

Khóa này yêu cầu rất cao về trình độ Anh ngữ các cụ các phòng Ban thuộc Tổng cục trầy trật và vẫn không thành công. nên mới tới tay mình.

Vì không chuẩn bi trước nên tôi vào phóng thi tại Trường SNQD Nguyễn Văn Tráng, lòng khá là hội hộp.

Nhờ may mắni, tôi chấm và đạt đúng 80 /100 Xin lỗi các bạn gần xa, xin vui lòng cho tôi

“Phe” Một tí ạ!

Tôi đã cùng hai người bạn cùng Khóa khác nữa, trong đó có Ông Sho-Wa rất danh tiếng của tôi nữa sẽ đi học cái Khóa khó khăn này.

3

Thời gian chờ đợi kéo dài như vô tận. Tôi suy nghĩ nhiều và tử trách mình có số sui sẻo. Ba lần tai nạn, Bàn tay trái của tôi chắc phải có dấu gì đó mà ông thầy gieo quẻ không đọc ra. Dấu đó phá tất cả 3 lần. Và tôi vẫn mạnh khù.

Người bạn ở TC/CTCT xem quẻ thuộc loại GIỎI. Cám ơn anh ĐHV ở Florida của tôi. Giữa bất hạnh lại lóa ra May mắn. Ngày hôm ấy, Continental có hai chuyến Chartered đi Travis AFB trong cùng

một ngày cách nhau hai tiếng đồng hồ , theo giờ Sài gòn.

Vì chịu một cơn chấn động quá mạnh, tôi đến giờ này vẫn còn nhớ số hiệu hai chuyến này. Đó là C-2881 và chuyến thứ hai là C-2882 (2)

Tưởng như lần trước, chiếc Continental kịch kịch chay ra điểm xuất phat. Thế nhưng, chiếc thứ hai đang chạy trờ tới và đứng kịch ngay chỗ chúng tôi đầm đìa mồ hôi đang chở đợi.

Có chuyện gì đây?

Bỗng tàu bay mở cửa hông, và chiếc thang dẫn lên boong được người ta mang lắp vào chốt cửa. Phút giây này nó nhẹ nhàng như một phe thuốc là đầu lọc. Người Tiếp viên xuất hiện ngoắc tay có ý mời chúng tôi bước lên cầu thang.

Các bạn chúng tôi có biết không? Xin mách đây không phải là lần đầu tiên. Tôi còn trễ tàu bay một lần nữa chỉ 10 tháng sau thôi. Lần này, có dịp tôi xin kể lại hầu quí bạn của tôi.

Thật là một bài học về tình đời khó quên. Có cách giải thích nguồn cơn khác nhau, nhưng cứ nghĩ mà đau lòng: một toán du học chỉ vỏn vẹn chưa tới 10 người mà, đi lên tàu đành bỏ nhau, không hề kiểm soát,.

Tàu đáp mấy tiếng ở Clark AFB (Philippines). Ba người cùng Khóa, chỉ có mình tôi là nổi nóng và

không cầm lòng được, đã đến trách vào mặt người tôi không tiện nêu tên (3). và được trả lời một cách lạnh lùng như người xa lạ

“Thân ai người đó lo!”

4

TRAVIS AFB, San Francisco

Những ngày trước Tết Âm lịch

Chúng tôi ngủ đến hai, ba lần mà tàu bay vẫn chưa tới. Các ngọn đèn hồ quang sân bay làm chúng toi chói mắt . Ông Sho-wa không có gì là bồn chồn hay hỏi han vu vơ như thường lệ. Không quân Hoa Kỳ dồn chúng tôi vào một nhà kho, ngỗn ngang các bao vải đủ mọi hình dạng. Chúng tôi sáng sớm sẽ đáp tàu bay qua miền Đông.

Đêm đầu tiên trên đất Hoa Kỳ qua một cách chóng vánh. Tôi bỗng nhớ các bài viết của các quân nhân Quân đội Quốc gia sang Hoa kỳ lần đầu tiên, những năm 1950. đăng trên tập san Chiến sĩ. Lúc ban đầu, các quân nhân chúng ta tỏ ra lơ ngớ như

Mán xuống Miền xuôi. Đọc lắm lúc thấy tức cười lắm.

Sáng sớm chiếc phi cơ phản lực mang tên hãng Delta rời phi trường quân sự. lấy cao độ và nhắm hướng Đông trực chỉ.

Không nhớ chuyến bay mất bao nhiêu tiếng đồng hồ. Xế chiều, chúng tôi đáp xuống phi trường Atlanta, Georgia và lên một chiếc phi cơ nhỏ chở vừa đúng 10 người hành khách, bay về thi trấn nhỏ mang tên Augusta.

Một kỷ niệm rất lạ, khiến làm tôi nhớ mãi. Đây là lần đầu chúng tôi tiếp xúc một viên cảnh sát vì ông ta, khoảng 40 tuổi, đã không biết Việt Nam là xứ nào (?) nên cho chúng tôi cái tên mới là Viet Ma nidze.(4 )

Fort Gordon là một cơ sở quân sự được Quân đôi Hoa kỳ thiết lập từ rất lâu, trong Thế chiến thứ II . Trại gồm nhiều dãy Ba-rắc bằng vật liệu nhẹ mà chủ yếu là gỗ thông, sơn màu xám hài quân. buồn tẻ. Trải qua năm tháng, nay Fort Gordon rộng bao la như các trại khác trên xứ này, chưa hai Quân trường.: Trường Civil Affairs, và Trường Quân cảnh.

Mỗi căn nhà giao cho chúng tôi gồm 3 người . Mỗi phòng ngủ chỉ có một chiếc giường tôi không nhớ là sắt hay gỗ. Chúng tôi, Ông Sho-wa chiếm hai

phòng gần nhau. Người thứ ba tôi không nhớ là anh ta ở chốn nào. Nhưng ăn cơm, lúc đầu, ba chúng tôi giao trách nhiêm bếp núc cho anh thứ ba. Chúng tôi cùng nhau đi chợ, người đầu bếp nấu. Ông Sho-wa và chúng tôi, phải thực tình mà thú nhận, chưa hề có ý niệm về nấu cơm hay kho thịt . Được đãu ba bốn ngày gì đó Ông Sho-wa ra lời trêu thọc người đầu bếp bất đắc di, chọc phá là nghề của chàng mà! Anh này bực mình vì sự vô ơn của hai người bạn nên hhông chịu lo việc ăn uống cho chúng tôi nữa. Anh đã truyền nghề nấu cơm cho chính tôi, chứ ông Sho-wa không bao giờ muốn biết chuyện này.

Kể từ đây, chúng tôi và ông Sho-wa ngày càng thân thiết hơn. Càng ăn ở lâu, ông Sho- wa càng trở nên dễ thương hơn.

Trong số những người cùng Khóa, ông Sho-wa theo tôi là người đằm thắm nhất. Về tính tình, ông là người rất chân tình, không câu nệ và rất phóng khoáng. Chuyện này, mãi về sau, khi mọi việc đã yên ắng, tôi mới khám phá ra.

Ông Sho-wa đã sống như đã từng sống. Không có những ràng buộc về tài sản, tiền bạc. Ông không cần con cái “ “để khoe” với anh em, ông không mua nhà, dù là căn nhà chật hẹp. và chỉ thuê người anh vợ tốt bụng một phòng nhỏ và nhà bếp chung và và cómột tủ sách không lớn lắm . Cái tập thể

gồm vợ chồng ông và mấy anh em chỉ biết nhau lâu thật lâu. Có một số thay đổi nhưng mỗi lần chúng tôi trở lại, vẫn là những khuôn mặt quen thuộc ấy!

Sáu mươi năm sau, ở mỗi người một tiểu bang, hễ có chuyên chi người này “ Ơi” thì có người khác lập tức trả lời! Cứ như vậy, năm này qua năm kia.

5

Khi còn trong Trường Đại học, tôi có nhiều người cùng Khóa nhưng không nhiều bạn chí cốt. Một phần vì chúng tôi đến từ nhiều địa phương, học vấn không hơn nhau nhưng hiểu biết thì không giống nhau. Sau khi sống với nhau một năm, chúng tôi tìm ra người đồng điệu và hình thành nhiều nhóm khác nhau.

Các nhóm này sống gắn bó, có khi đến khi đã là các cụ già 7, 80 tuổi và chỉ chia tay khi không vượt khỏi vòng tử sinh mà thôi.

Năm 2024-25, Khóa chúng “tổn thất” khá là nhiều. Nếu cái đà này tiếp tục thì chẳng bao lâu nữa, Khóa I cũng chẳng còn bao nhiêu!

Ông Sho-wa của tôi biết thế nên đã tìm chỗ tu hành. Ông ăn chay—nhưng uống rượu mạnh, rượu

Vang như ông từng khoe với tôi. Tóc ông không thấy bạc như chúng tôi—có tóc đâu mà thấy—ông là một thứ Lỗ Trí Thâm trong Thũy Hử.

Còn nhớ khi chúng tôi ở Augusta, Georgia, ngày Chủ nhật, hai chúng tôi rủ nhau đi uống bia trong một tiệm Bia mà người chủ cứ thấy chúng tôi đến hay đọc mấy câu thơ của Coleridge có tên là Xanadu!

“In Xanadu did Khubla Khan

A stately pleasure dome decree

Where Alph river the sacred ran

Through caverns measureless to man

Down to the sunless sea (5)

Lúc bấy giờ, hai chúng tôi thường gọi mỗi anh một hộp Budweiser với gía 25 xu + 25 xu tip. Nói chuyện một hồi lâu , lon bia cũng đã cạn, chúng tôi ra bến xe Buýt về Trại.

Cứ mỗi khi ông Sho-wa nói chuyện từ xa, bất thần ông hay nhắc nhở chúng tôi về các lần đi uống bia với nhau ở Augusta, Georgia và lần nào cũng nhắc tới Xanadu. Cũng có thể xem đây là tín hiệu gọi (call sign) của hai anh bạn nay đã già!

Cứ như thể chúng tôi không muốn quên câu chuyện này. Xét về mặt nào đó nó chẳng có chút nghía lý nào cả. Nhưng trên cõi đời này chúng ta

đã có bao nhiêu là chuyện chẳng nghĩa lý gì cả đó hay sao? Tôi chợt thấy tôi sa vào thói quen của ông Sho-wa: sự đời có khi chẳng nghĩa lý gì cả.

## 6

Fort Bragg, Fayetteville, N. Carolina

Tháng 3 năm 1971

Sau khi nghỉ hẻ, chúng tôi chuyển sang Trường Special Warfare để học tiếp phần còn lại.

Fayetterville là thành phố nơi Quân đôi Hoa kỳ đặt một Trung tâm Huấn luyện Lực lượng Đặc biệt (Special Forces).Fort Bragg có một cơ sở mệnh danh khá nổi tiếng trong thời gian 1960 khi Quân đội Khoa Kỳ bắt đầu gãy dựng cái gọi là Chiến tranh chống nổi dậy nhằm đối phó cuộc nổi dậy do Bắc Việt khởi xướng từ năm 1959.

*John F. Kennedy*

*Special Warfare Center and School*

Vì là một chủ thuyết mới. chương trình huấn luyện tập trung chung quanh nỗ lực đánh bại Chiến tranh Nhân dân của phe Cọng sản. bằng một phương thức rất đặc biệt. Xác nhận cuộc chiến

tranh hiện nay QĐ Hoa kỳ phải đối phó là một chiến chính trị, thật khác với thứ mà Truyền thông Hoa kỳ nằng nặc nói rằng, QĐ Hoa kỳ chỉ chú trọng tới Chiến tranh quy ước, lấy sức mạnh VŨ KHÍ làm phương tiện chính. Nói tóm lại, suốt cuộc chiến, chúng ta VNCH và QĐ Hoa kỳ đã phải chống lại cái nhóm nho nhỏ những tay tự xưng là hiểu biết Cọng sản qua các gián điệp cỡ Vũ Ngọc Nhạ hay anh nhà báo mà Tuần báo TIME rất mực tôn kính là Phạm Xuân Ẩn. Chúng ta đã dùng Tình báo, môt dạng chiến tranh phi quy ước nhưng rốt cuộc thua cái đám mồm to hơn là các tay lấy tin luôn có lợi cho đối phương từ những tên điệp viên cọng sản để chống lại chúng ta.

Thua là phải.

Sáu mươi năm sau, nghẫm nghĩ lại, cái môn gọi là Chiến tranh tâm lý, thông qua các môn học mà không dạy học viên kỹ thuật làm chiến tranh cho thực sự có hiệu quả như một mụ nhà quê đi tứ chỗ này qua chỗ khác loan truyền những tin tức có chủ đích làm nản lòng người dân và chiến sĩ phe đối phương. Chúng ta không biết dùng các nhân sự không thuộc chính quyền để làm công tác chiến tranh tâm lý. Họ không cần tốn tiền bạc, thời giờ để làm chuyện tuyên truyền và đây lại là mục đích tối hậu của Psychological Operations.

VNCH có vẻ đã từng biết vai trò mạnh mẽ của Truyền thông qua các tờ báo Washington Post, New York Times v.v và v.v. Nhưng khốn thay, chúng ta đã không có phương cách đối phó. Ai đi nói cho những tên như Neil Sheehan, Halberstam… thay đổi nhãn quan nếu không cho họ cơ hội để nổi danh nhờ các đánh giá trái ngược với VNCH và QĐ Hoa kỳ và tiên đoán các bước đi sắp tới của Cọng sản Hà nội? Nhiếu người từng chịu thúc thủ trước Thuyền thông Hoa Kỳ trong Chiến tranh đã thực sự căm ghét bọn này nên sẵn sàng theo phe luôn miệng gọi các tờ báo này là Fake news.

Bắc Việt đã cung cấp tin ( 6) , đồng thời họ đã sử dụng cái loa uy lực này để phá cuộc chiến đấu của chúng ta.

Mới đây thôi, tàn dư của nền Truyền thông “thổ tả “ này đã sống dậy một lần nữa khi Thành phố New York lấy Thich Nhất Hạnh làm tên đường.

7

Ba người bạn cùng Khóa không ở gần nhau tuy cùng một Building. Ông Sho-wa ở đâu đó trong Hardy hall. Ông sinh hoạt riêng lẽ và chỉ gặp nhau mỗi ngày chừng hai, ba tiếng khi học chung mà thôi. Ngày nào, có tin hôm nay buổi học chỉ dành

cho SQ Đồng Minh là Hoa Kỳ, chúng tôi vui vẻ nghỉ học và ra phố chơi.

Là người vừa lập gia đình, tôi không ăn trưa/ chiều trong Messhall, giá chỉ có 1 dồng 30. Ông Sho-wa không biết nấu ăn nên tới buổi ăn trưa hay ăn chiều ông biến mất.Tôi không lưu ý tới chuyện này cho đên khi chúng tôi lên đường về nước. Chúng tôi bỏ thói quen rủ nhau đi uống bia như khi ở Augusta. Không biết tại sao, ông Sho-wa thỉnh thoảng hỏi vay tiền tôi. Lúc bấy giờ chúng tôi được hưởng lương QĐ Hoa kỳ, khoảng 250 đô la bằng lương của một Thiếu úy hay Trung úy Lục quân Hoa Kỳ. Tôi không hề biết là ông Sho-wa đã có “ bồ”. Ông phải tùng tiền mà thôi.

Cuối khóa học Chúng tôi tham dự FTX (Thực tập dã ngoại) Lớp chúng tôi chia làm hai Nhóm. Một nhóm được gọi là Nhóm Đỏ (tức nhóm Phiến loạn) chống lại một Chính phủ tưởng tưởng có tên là PINELAND. Nghe nói người nhóm Đỏ sẽ xăm nhập bằng đường không, tức phải nhảy dù. Chúng tôi nổi óc tò mò muốn nhân dịp này học nhảy dù để có Bằng Dù với anh em Võ bị Quố gia Việt Nam. Chuyện không thành vì Tòa Đại sứ VNCH, lúc đó, Ông Bùi Diễm làm Đại sứ không cho phép chẳng nêu ra lý do gì..

Cuộc thưc tập này thật là hữu ích cho chúng tôi. Trong Trường Đại Học CTCT, chúng tôi chưa bao

giờ được chỉ dạy về các món ăn chơi của Psychological Operations chính hiệu của QĐ Hoa Kỳ. Có khi nào chúng tôi làm một tở truyền đơn cho một mục tiêu hay trong Chiến dịch. Cách tổ chức một cuộc Mit-ting, chúng ta phải chuẩn bị , tìm các các xì pông so ra sao, v.v. và v..v. để có Coca Cola cho người tham dự. Cung cách tiến hành FTX tại Greenboro, North Carolina thật là thiết thực. Hãy xem cách Quân Xanh hỏi cung một tù binh xăm nhập không may bị bắt. Anh quân Đỏ phải khóc lên vì cuộc thẩm vấn giả bộ này.

Được khoảng hai tuần, chúng tôi rút về Fayetteville để hoàn tất thủ tục hồi hương.

Khi xẩy ra vụ Pentagon Papers chúng tôi chuẩn bị vế nước .

8

## Du Hành qua nước Hoa Kỳ bằng Xe buýt Greyhound.

Kế hoạch của chúng tôi, một phần do nhiệt tình của ông Sho-wa . Khởi đầu từ Washington D.C, lộ trình chạy xuyên qua Chicago và theo xa lộ tôi không nhớ số mấy. Tôi nhớ chúng có leo lên dãy

Rockies . chạy xém qua Reno để vào California. Trời tháng 7, mùa thu đang bắt đầu, phong cảnh đẹp không bút mực nào tả xiết được.

Cái quan trọng nhất của cuộc du học này là cái dư âm của nó đối với tôi và ông Sho-wa. Tôi đã tìm thấy một tình bạn không ngờ dai dẳng hơn 60 năm.

Chắc các bạn chúng tôi đến đây đã tò mò muốn biết rõ tên nhân vật kỳ lả này.

Xin thưa: Đó là bạn tôi—ông Phạm Gia Hòa của Khóa 1.

Ông rõ ràng là người mà hễ tôi cần hay gọi là ông trả lời ngay, bất kể ngày đêm.

Đùng như câu phương ngôn của Tây:

“ Friend in need is friend indeed.”

03 tháng 5 năm 2025.

Ghi chú

1) Theo qui định, Các Khóa Du học các Binh chủng, đều được qui định mức Điểm

Khi nộp đơn vì sợ khó tranh đua COCC ở Sài Gòn, tôi chọn Báo chí, không hề có hiểu biết về các mức điểm qui định. May sao, Khóa này chỉ cần 60/100 là sĩ quan đi học được. Người ta đậu rào rào. Nhưng Khóa DSV-TLC thì khó hơn, phải đạt 80/100. Tôi vốn người khiêm cung. Từ ngày đầu thi

Clearing Test để loại bỏ tất cả thí sinh Khóa 1 CTCT, từ bốn Quân khu về về trình độ Anh ngữ.. Theo lời giới chức ở TC/CTCT, tôi đã đạt con số cần thiết cho Khóa này. Thay đổi giờ chót hóa ra cho tôi ba tháng học thêm bên Hoa kỳ.

2 ) Hơn 40 năm qua, bao nhiêu chìm nổi, dày vò, trí óc tôi vẫn còn nhớ . Nếu tôi có sai thì cũng là sai không có ẩn. ẩn ý gì cả. Xin nói thêm, kẽo anh em Không quân bảo tôi nói dối. Chữ cái C không thể là Hãng Continental mà là CO hay gì gì đó. Lời xin được mách bảo. Xin Đa tạ

3 ) Anh này là Thu.*** của Khóa tôi

4 ) Ý ông muốn nói là Vietnamese, nhưng hơi líu lưỡi. Từ đó về sau, chúng tôi không thấy ai gọi chúng tôi như vậy

5 ) Xanadu là một vùng đất ở Tartarie. Tartarie của Coleridge, Thi sĩ, là sự hồi tưởng trong mộng ảo hay là sự biến thức của Xaindu. Coleridge theo trí nhơ mông ảo của mình đã trích dẫn một đoạn từ tập Purchas his Pilgrimage (1614, Bản in lần thứ 2), Quyển II, Chương VIII như sau: “ Ở Xaindu, Cublai Khan đã cho xây nên Lâu đài uy nghi dài tới mười sáu dặm trên một khoảng đất bằng phẳng có tường bào bọc, trên đó là những đồng cỏ màu mỡ, những dòng suối nước chảy reo vui, những dòng sông cảnh trí huy hoàng, với muôn thú, săn bắn. Rôi giữa khung cảnh ấy, một bá lạc đài hoành

tráng được xay dưng nên.” Marco Polo (1354-1323) đọc trại là Chandu. (Notes on Kublai Khan, p. 127)

** Xin mời các bạn thưởng thức toàn bài Kubli Khan. Xin miễn cho chúng tôi dịch ra Viêt ngữ vì muốn chúng ta giữ nguyên phẩm chât nguyên sơ của giấc mơ gây ra bởi Anodyne người ta ra toa cho Coleridge để làm dịu cơn đau mỏi của tác giả.

(6) Chúng ta chưa lúc nào bằng lúc này đang trông chờ một cuộc Nghiên cứu sâu và chuyên nghiệp như The Hanoi's War của Cô Liên-Hằng T. Nguyen( *** )về vai trò các điệp viên Bắc việt trong việc giúp và làm các tay phóng viên bỗng nổi tiềng nhố các xì-cúp (****) trong chiến tranh tại Nam Việt Nam (1965-1975)

(***)The Hanoi’s War— Lien-Hang T. Nguyen , 362 pp The University of North Carolina Press, Paperback ISBN: 978-1-4696-2835- Published: February 2016

(****) Scoop: · Trong ngành báo chí, một cái xì-cúp hay la tin một thông tin chuyên biệt do một nhà báo hay hãng tin tường thuật trước tiên, hay khác lạ một cách đặc biệt, hay quan trọng, gây kinh ngạc , thích thú và bí mật chưa ai biết ( Cf. Wikipedia bản tiếng Anh , Mục “Scoop”)

# MỘT THẬP NIÊN NHÌN LẠI

Tuần lễ thứ 3 năm 2013, tôi về hưu.

Như vậy, tuần lễ thử 3, tức là kỳ lương thứ 3 phải là ngày 21 tháng giêng. Dễ nhớ là vì  tôi có thói quen làm một việc gì cũng nhằm vào một cột mốc nào đó, ví dụ: ngày Thế chiến thứ I bắt đầu, đầu tuần, cuối tháng hay … kỳ lương, thậm chí cả ngày sinh nhật của ai đó.

Nói theo thói thường: Méo mó nghề nghiệp. Tôi xuất thân là anh thày dạy Sử ký và Địa lý: Thầy địa mà!

***

Thập kỷ qua, tôi đã làm được gì?

Nhiều cụ già hay nói, hoặc than thở: “Về hưu chán quá, chẳng biết làm gì cho hết giờ. “

hoặc: “ Sức khỏe thì kém, mắt thì mờ, tai lại điéc… làm bổn phận đàn ông thì khiếm khuyết, tuy bà nhà không nói nhưng bà không còn nôn nức như khi mới lấy nhau, Sinh hoạt hàng ngày thì đơn điệu, đi ra, đi vô ,bật Tivi, tắt Ti vi mãi rồi cũng chán. Người đông đảo toàn là nói tiếng khác mình, người nói tiếng mình thì lại ở xa và ít ỏi.”

hoặc; “ Khi còn ở Việt nam trước 1975, ai nghĩ có ngày sẽ qua Mỹ, tiếng Anh, tiêng “u” ở trung học ai giỏi thì không biết chứ mình thì điếc đặc. “

Xin lỗi – tôi phải mở ngoặc để đưa ra một ví dụ : Tôi có quen một người Mỹ “bản địa”. Vị này lấy người vợ Việt gốc Hoa khi ông ta làm kỹ sư cho hãng RMK-BRJ ở Sài gòn. Lúc tôi gặp trong buổi họp mặt cộng đồng nho nhỏ người Hoa ở San Francisco năm 1992, ông đã gần tới tuổi về hưu.

Ông là người rất dễ thương, ăn nói ôn tồn, không phách lối . Theo lời những người có mặt, ông “hiền và dễ chịu như cục bột”. “Tôi sợ không biết khi hồi hưu mình không có gì để làm” ông nói, mặt trông thật đau khổ!

Tôi không bao giờ quên khuôn mặt này.

Năm 1992, tôi đúng 50 tuổi và ra khỏi nước được bốn năm. Mất hai năm trắng ở Philippines, tôi chẳng học được cái gì cho ra hồn, trừ bài học nhớ đời: làm việc cho xã hội trước tiên là rất nguy hiểm—cho riêng mình, cộng sự của tôi đã bị phế liệt mà chúng tôi chẳng làm được gì để bảo vệ. Nếu không có sự giúp đỡ kín đáo của một Bà Sơ người Việt ở Philippines chưa chắc gia đình bé nhỏ của tôi sẽ lành lặn đến nước Hoa kỳ này.

Bài học thứ hai. Tự nó, lẽ phải, hay nói cho to lớn hơn, Chính nghĩa không là gì cả. Nó không phải là self-executing Chính nghĩa phải được xiển dương, bằng hành đông bạo lực như đối phương của VNCH đã từng làm trong suốt lịch sử của phe này; hay như Mao Trạch Đông (quyền lực xuất phát từ họng súng) trong nội chiến Trung hoa trước 1949. Hoặc bằng Thông tin, “Tuyên truyền” mà không bảo vệ được người dân, không dám hoặc không thích hành đông giống như đồi phương như chúng ta (VNCH), bị vướng mắc trong vòng lẩn

quẩn—nếu ta giống “họ” thì chiến đấu làm gì cho thất công!

Báo chí thế giới nói rằng Bắc Việt đã “chiến thắng” vì có “Chinh nghĩa” là một ngộ nhận không biết đến thế kỷ nào mới gột rửa được đây?

Kêu gào Chính nghĩa mà không “tự bảo vệ “ được mình, dân mình thì phỏng điều đó có ích gì?

Hãy xem đây. Anh em cưu quân nhân chúng tôi ở Palawan hơn 500 người, có tổ chức , có thảo luận, có hôi họp, có bầu bán, có Chủ tịch, phó Chủ tịch.. mà vẫn thua những người tụ tập thành nhóm phá phách, gian lận thực phẩm, làm mưa làm gió … cuối năm 1989-90 giữa một dân số toàn trại PFAC chỉ vỏn vẹn 2, 3 ngàn người . Không cần bảo vệ đồng bào, như thế là bớt đi một gánh nặng. Chỉ có việc là tự bảo về mình thôi mà đã không làm được thì , trên bình diện rộng hơn là quốc gia, dân số đến xấp xỉ 16, 17 triệu người thì hỏi thế nào mà chu toàn?

Ai còn nhớ những sự việc như vậy?

Hai năm trên đất mới, tôi cố quên tất cả, chú tâm vào việc học… nghề để kiếm sống. Vậy mà vẫn không quên được.

Tôi giống ông Tây, một sĩ quan trên chuyến tàu về Nam, chở đoàn người di cư, ra tay giúp một phụ nữ nhà quê người Việt trong khi sinh nở. Như lời

của Nguyễn Mạnh Côn qua đoản thiên đăng trong một tạp chí, dường như là “ Bông lúa” (?) những năm 1955-56, ông Tây nghĩ mình phải chuộc lỗi cho hành đông của người bạn không tên trong quân Viễn chinh tại Viễn đông của Cọng hòa Pháp trong một cuộc càn quét ở Tonkin.

Quân nhân chùng tôi không bảo vệ đất nước, để cho dân phải khổ, phải bỏ nước ra đi đông đảo như thế này thì đến nước cùng này, cơ hội cuối cùng này, chúng tôi phải ra  tay. May ra lần này, chúng tôi chuộc được lỗi.

Khốn thay, không thấy ai chịu hy sinh cả!

Lại thua!

Tại Minneapolis, thủ phủ tiểu bang Minnesota, lúc tôi mới đến, đã  hiện hữu một số hội đoàn. Một phần vì bị tổn thương ở Trại tỵ nan, một phần là không muốn vướng vào những tranh đua cá nhân, và phần lớn là sự chán nản vô phương cứu chữa về lòng dạ con người, tôi không tham gia bất cứ tổ chức nào, trừ năm 1991, tôi làm một hành đông tượng trưng giúp người tỵ nạn còn kẹt ở PFAC. Tôi đã tập họp một số người thiện chí trong chốn bạn bè, làm một quay hàng nho  nhỏ trong dịp Hội Tết của Công đồng tại một Trường Trung học Harding ở bên Saint Paul. Kết quả, cuối “chiến dịch” thu đâu được 2, 3 trăm Mỹ kim, gởi về Philippines cho Ân nhân chúng tôi, góp phần xây dựng ngôi làng

Việt ở Porto Princesa. Nên nhớ, trong cuộc hội này, đã có hai cuộc kêu gọi yểm trợ, một cho các cựu quân nhân qua Hoa kỳ theo chương trình H.O; một kêu gọi yểm trợ người tỵ nan Palawan.

“Nước xa không cứu được lửa gần”

Người tỵ nạn còn kẹt tại Palawan cách Minneapolis hơn 9 ngàn cây số thì làm sao bằng những người “H.O” đang tới đây?

***

Tháng 5 năm 1992, tôi đi dự Đại hội Cựu SVSQ Trường Đại học CTCT tại Westminster, California. Các vị ĐĐP năm xưa  của các Tiểu đoàn tác chiến , anh nào anh nấy nay cũng hơn nửa đời người , đã đi qua cuộc chiến tranh của thế kỷ. Mừng mừng, tủi tủi, chúng tôi hình như không đá động gì tới tình hình chính trị hiện tại. Bảo rằng chuyện ấy chúng ta đã từng làm và đã từng không thành công. Nói rằng chúng ta đã già rồi, chuyện non nước để người khác lo…Có người muốn vực lại Niềm tin lạc quan vào tiền đồ, vào tương lai của một Việt nam dân chủ, độc lập và giàu mạnh thì… có người nhắc lại chuyện ấy quá tầm tay của anh em. Hãy lo chuyện anh em nơi đất khách quê người, tuổi già đang từ từ đến, sức khỏe ngày càng suy yếu, con cái….  Chỉ nên lo chuyện ái hữu, tương trợ và xa lánh  chính trị --- vì, theo như  một ai đã nói, Hội Ái hữu mà xen vào chính trị thì sẽ

tan rã (?) vì chia rẻ bởi chính kiến, phe nhóm, hay có thể bị người ta lởi dụng tổ chức của mình  cho một mưu đồ nào đó. Rõ ràng đây là biểu hiện của sự chưa chin chắn về mặt chính trị, sự ô nhiễm bởi những năm chung sống với “đối phương” trong các trại tù   ”cải  tạo”.

Mới gần đây thôi, tôi tình cờ đọc một lá thư Gởi Ban Chấp hành  năm 2011, cảm giác déjà vu   khi còn ở Trại tỵ nạn, thấy  nghẹn nghẹn nơi cổ họng.

Tôi không thấy chán anh em.Trong lòng, lúc nào cũng vang lên tiếng kêu thống thiết “Các anh được chuẩn bị rất kỹ mà không chịu dấn thân.” Nói cho đúng, chúng tôi có môt ít người vẫn còn muốn đóng góp. Dường như quanh đi quẩn lại con số không đếm  đủ  10 đầu ngón tay. Lại có khi còn ít hơn  thế nữa kia.

***

Trong mười năm trở lại đây, tôi đã làm được một số việc cho mình.

Thứ nhất, tôi đã thu thập hơn 500 đầu sách liên quan đến Đông dương và đã in ra trên 40 ngàn trang giấy. Hầu hết sách này tôi lấy xuống từ Thư viện quốc gia Pháp, Paris. Sách nhiều đến nỗi bà nhà tôi chỉ còn  biết lắc đầu mà thôi. Nếu mai sau (?) có dịp tôi sẽ kể chuyện tôi mê sách như thế nào

cho các bạn biết. Chắc chắn, cuộc mê sách của tôi không thua cụ Vương Hồng Sển đâu. Tôi còn in ra trọn bộ tạp chí Les Amis du Vieux Hue (Đô Thành Hiếu cổ) khổ 8.5 x 11. Riêng Tạp chí Nam Phong, tôi không in ra vì bản gốc số hóa vừa tối lại vừa không sạch bằng bản dạng pdf của Thư viện Pháp. Các bạn biết không, tôi đã mày mò đọc và chép lại 100 năm tạp chí TIME trong Kho (Vault) của họ. Và đã in ra thành 10 tập, cắt. xén và đóng bìa cứng, mỗi cuốn dày trên 550 trang, khổ 5.5 x 8.

Tôi đã dùng và vứt ra đống rác hơn 12 máy injet Canon !

Bà nhà tôi hay than:” Không biết khi Ông ch.. đi rồi thì tôi biết kêu ai để cho hết số sách này? Hay lại như khi ở Ban Mê thuột tháng 3 năm 1975, đốt thì tiếc nên phải mang hết sách ra chất nơi chuồng gà? Thât khó xử cho em quá!“

Còn đứa con trai út của tôi cũng hùa theo mẹ nó. Nó dám nói: Con sẽ rao bán xôn online.

Thứ hai, tôi đã săn tìm hầu hết các sách – và tòan là sách bìa cứng (hard cover) – nói về Chiến tranh vừa qua ở Việt Nam.

Tôi đã từng khoe, không ở đâu mà sách lại rẻ như ở Hoa kỳ này. Có cuốn sách , nếu mủa ở các quay/kệ bán sách cổ/cũ bở sông Seine, Paris, nơi

gần Notre-Dame , cùng một đề tại, cùng một năm in, bạn phải trả có khi đến hàng 25 hay 30 euro. Người Hoa kỳ vốn thực dụng và thực té. Họ không có nhiều người chơi sách như ở các xứ thuộc văn hóa Pháp. Cón nhớ cách đây 50 năm, một cuốn sách bỏ túi đâu chỉ có 25 xu. Rẻ rề à! Giá chỉ bằng một lon bia Budweiser trong tiệm, hay một gói thuốc lá Camel chính hiệu!

Thứ ba, tôi đã ghi vào CD hay DVD  một số sách cổ/cũ bằng tiếng Việt, Anh, Pháp… nhất là các cuốn sử Việt nam, La Mã, Hy lạp, Trung hoa..trong số đó có bộ sử mới nhất của Việt nam viêt theo quan điểm duy vật biện chúng của Marx.

Thứ tư, tôi đã có những cuốn phim xưa chúng tôi (cả  bà nhà tôi nữa)  một thời tuổi trẻ  từng say mê, ví dụ như cuốn Les Dimanches du ville d'Avray, Brigadoone, Marocco…

Thứ năm, tôi được làm học trò trở lại khi đầu năm 2022, trong mùa Covid, tôi bắt đâu tự học tiếng… Latinh! Như vậy, mỗi ngày dành ra một giờ, sáu ngày một tuần, tôi đã học ròng rả  được hơn hai năm rồi! Học một thứ tử ngữ để làm gì? Xin thưa : để đọc cuốn sách do César viết, tựa đề  DE BELLO GALLICO gồm 9 cuốn. Có kết quả gì không? Dĩ nhiên là có. Nhờ có học tiếng Nga từ trước nên chuyển sang học tiếng Latinh  cũng thuận lẽ thôi.

Thứ sáu, tôi đã hoàn thiện nghề đóng sách. Chuyện này nếu có dịp, tôi sẽ viết mấy bài các bạn đọc và học thêm cho vui. Thú thật tôi rất muốn tìm người cùng sở thích nhưng sao thấy khó quá!

Thứ bảy, tôi đã thực hiện lời tự hứa là sẽ đưa bà nhà đi khắp năm châu, bốn biển. Chúng tôi đã đi hai tuần qua 7 quốc gia ở Châu Âu ngay trước mùa Covid. Chúng tôi đã nếm xúc xích và uống bia đen ở thành phố Munich, Đức; uống chai rượu nho thật ngon nhưng chỉ tốn có hai euro ở Kibhuhel, Áo: ăn Spaghetti ở Venise, Ý, uống ba màu rươu nho trong một Bistro có ca nhạc ở Paris, đã chen giọng hát bài l'Alouette như lũ trẻ thơ trong môt đêm trời rất lạnh cũng tại Thủ đô Ánh sáng này.

Đó là những cái được trong thập kỷ vừa qua. Cón cái mất thì sao?

Thứ nhất, tôi lần lượt mất một số bạn cùng Khóa. Tôi đã mất Lê Văn Cước (2018), mấtTừ Công Cẩn (2016), mất Nguyễn Hữu Trí và vợ của anh, Uông Đại Lực, Nguyễn Hữu Mựng, Đặng Phú Thiệt, (2015); mất Hồ Anh Tuấn, Phan Lừa (2020) và gần đây nhất là mất Hồ Cương, Đỗ Minh Hưng A.

Cách đây hơn hai năm tôi đành mất tình bạn tôi trân quí từ khi đặt chân đến đây từ ba mươi năm qua cũng chỉ vì sự thiếu khéo léo giữa hai người

bạn từng tự xưng là “bạn vàng” với nhau. Tôi coi đây là thất bại lớn nhất của đời mình.

Thứ hai, tôi đã mất niềm tin về cái gọi là Live forever của mình. Cuối năm 2020 , một buổi sáng thứ bảy, tôi không đi đừng được, phải đi cấp cừu. Tôi phải nằm ở Emergency gần 7 tiếng đồng hồ.Tôi bị chúng Atreal Febrilla, tức đau tim.

Thứ ba, tôi mất niềm tin vào tính Thiện của con người. Phải chăng đây là hậu quả khi va chạm với kẻ xấu? người không đồng đẳng với mình? Người đã bỏ tù mình trong hơn 6 năm? Homo lupus homini.

Thứ tư, tôi đã thất hẹn với chính mình. Thất hẹn đến một chục năm. Năm tôi 69 tuổi, một lần nọ cao hứng, tôi tử hứa đền năm tôi đúng 70, tôi sẽ viết một tiểu phẩm, gọi cho có vẻ to lớn là Tuyên cáo 70. Trong đó sẽ chứa đựng những suy nghiệm tích tụ suốt số năm đó, từ khi tôi có trí khôn về các vấn đề tôn giáo, chính trị, đạo đức, tình bạn , nghĩa vợ chồng, lòng ái quốc, …

Nhưng cái mất tôi cho đó là niềm vui của tôi chính là tôi mất sự huyễn hoặc về mình. Tôi nhìn tôi một cách tỉnh táo hơn. Tôi thấy tôi cũng như những người chung quanh, cùng có mặt mạnh, mặt yếu; cũng hiếu thiện mà cũng có tính ác như thế nhân. Tôi thấy tôi phải tự kiềm chế cơn giận dữ, phải gia

tăng nỗ lực làm điều lành; phải thương sót sự yếu đuối của thân phận con người.

Tóm lại phải sống như đã từng sống – chớ không vì tuổi già mà sinh ra khó chịu, gắt gỏng với vợ con.

Cuối cùng, tôi phải từ bỏ thói quen; đi tìm những thứ tự cho là đã đánh mất; TÌNH YÊU, TÌNH BẠN hay có ít đi nữa , MỘT LỜI VĂN, MỘT CÂU THƠ, MỘT CÂU CHUYỆN TỪNG ĐỌC Ở ĐÂU ĐÓ.

Và tại sao, không tìm lại chính mình nhỉ?

Tháng giêng 2024

# DỊCH VĂN LÀ MỘT NIỀM VUI

# *ĐÔI HÀNG GIỚI THIỆU CUỐN : A RUMOR OF WAR*

Trong phần Khai từ , Philip Caputo, một thanh niền miền Trung Tây Hoa Kỳ đã trích dẫn mấy câu trong vở HENRY IV của Shakespeare :

"..*Trong cơn mơ ngủ chập chờn của anh, nằm bên cạnh, tôi đã chứng kiến*
*Và đã nghe anh thì thầm kể câu chuyện về những trận đánh sắt máu...*"

Rồi viết:

" *Cuốn sách này không hề muốn nó là một cuốn sử ký .Nó không có gì là chính trị, quyền lực, chiến lược, ảnh hưởng, quyền lợi quốc gia, hay là chính sách ngoại giao ; nó cũng không phải là bản cáo trạng những người đầy quyền lực đã dẫn chúng tôi vào Đông dương mà những lầm lỗi của họ những kẻ hèn mọn như chúng tôi đã phải trả bằng chính xương máu của mình. Nói chung, đây là chỉ đơn thuần là một câu chuyện về chiến tranh,*

*về nhưng gì người ta làm trong chiến tranh, và những thứ chiến tranh trả lại cho họ.Hay nói một cách hạn hẹp hơn, đây là câu chuyện của người lính trong cuộc chiến dài lâu nhất của chúng ta, một cuộc tranh chấp duy nhất trong đó chúng ta đã thua cuôc, đông thời cũng là bản ghi chép những kinh nghiệm dài và có khi là kinh nghiệm cá nhận rất đỗi đau xót.*

*Ngày mồng 8 tháng 3 năm 1965, tôi là một sĩ quan lục quân trẻ tuổi đã đổ bộ lên Đà Nẵng. cùng một tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn Viễn chinh số 9 TQLC, một đơn vị tác chiến đầu tiên của Hoa Kỳ gới đến Đông dương. . Tôi quay trở lại vào tháng Tư năm 1975 trong cương vị là một phóng viên nên tôi đã tường thuật cuộc tấn công của cọng sản dẫn đến cuộc thất thủ của Sái Gòn. Từng là một trong những người Hoa Kỳ đầu tiên cầm súng chiến đấu ở Việt Nam, tôi cũng là một trong những người sau cùng được di tản ra khỏi xứ này chỉ một vài giờ trước khi quân Bắc Việt tiến vào thủ đô (VNCH).*

*Mặc dù phần lớn trang sách viết về kinh nghiệm của người lính TQLC mà tôi từng phục vụ trong các năm 1965, 1966, tôi còn thêm vào một phần kết từ ngắn, miêu tả cuộc ra đi của người Hoa Kỳ. Hai sự kiện chỉ cách nhau có mười năm, thế nhưng cuộc ra đi nhục nhã của chúng ta, nếu so sánh với lòng tự tin cao độ khi chúng ta bước vào, chuyện có vẻ như cả một trăm năm đã trải qua từ bấy đến nay.*

*……”*

Tôi bị bắt tù binh khi Sài Gòn chưa mất, nên rất muốn biết sự việc đau đớn này xảy ra như thế nào. Nhiều người, nhiều sách đã thuật lại nhưng cái giọng hoặc là

“dương dương tự đắc” hay lạnh ngắt như vết dao xẻ thịt không làm cho tôi cảm xúc nhiều như chương kết thúc của môt người từng cầm súng như Philip Caputo này.

Tôi thích nhất câu:” Tôi dường như có thiên hướng hay đi ủng hộ những chính nghĩa thua cuộc. “

# KẾT TỪ

*Nhưng quá khứ thì vẫn như xưa--- còn Chiến Tranh cũng vẫn là ván cờ dẫm máu…*

*Bản chưa quên chuyện dó chứ?*

*Hãy nhìn và thệ ước cùng tử sĩ rằng bạn sẽ không khi nào quyên chuyện này.*

Siegfried Sassoon

"Aftermath"

Chúng tôi nằm dài trên hành làng tầng hai Khách sạn Continental Palace, trong đầu nghĩ không biết quân Cọng cản Bắc Việt đã chiếm xong Sài gòn chưa mà lòng thì hy vọng là chưa. Vách tường xưa hàng trăm năm rung nhè nhẹ sau tiếng nổ cũa bom 700 cân Anh do phi cơ địch ném xuống phi trường Tân Sơn Nhất, cách chúng tôi năm dặm Anh.Cảnh sát và lính tráng trong thành phố đang nổ súng, kể cả súng liên thanh.Âm thanh nghe điếc cả tai.Nằm bẹp như thế này, chúng tôi không thể nào biết các lọat súng này đang nhắm bằn phi cơ hay đó là cuộc chiến đấu trên mọi dường phố nhằm chiềm lầy thủ đô thực sự đã mở màn.Sau một tháng theo dõi Quân đội Nam Việt Nam liên tiếp thua trận, chúng tôi nghĩ chắc chắn trận này họ cũng thua luôn. Chúng tôi lo cho tương lai chúng tôi cũng dữ lắm. Nghe tiếng bom nổ, tiếng đạn reo, chúng tôi hỏi nhau và không tìm ra câu trả lời thích đáng. Liệu có dũ thì giờ để di tản không? Nều không, những phóng viên Hoa Kỳ sẽ được quân Cọng sản chiến thắng đối đãi ra sao? Hay là trong giây phút cuối cùng của cảnh hỗn mang này, liệu người dân Nam Việt Nam, thấy

mình bị Hoa Kỳ phản bội, có quay súng lại bắn chúng tôi không?

Quả là vô ích nếu cứ suy đoán như vậy trong tình cảnh này. Một bạn trong chúng tôi có đầu óc thực tế hơn gợi ý chúng tôi bỏ chuyện tranh cãi đó đi và tìm biết xem chuyện xảy ra chung quanh chúng tôi.Sau vài phút do dự, chúng tôi rời khỏi chỗ núp, đi xuống phòng khách nằm ở tầng dưới.Bắn nhau ngoài đường đã lùa người lớn khuôn mặt kinh hãi, con nít khóc inh ỏi vào đầy đại sãnh của Khách sạn Người ta chèn chặt cánh cửa cao bằng gỗ , y như cổng thành thời trung cổ ở Âu châu. Bốn người chúng tôi cân thận mở cửa đi ra ngoài.

Đạn súng nhỏ bắn vẫn còn dữ lắm, nhưng họ nhắm bắn chiếc phản lực của địch đang gầm rú trên trời.mang theo bom hướng về căn cứ không quân.Chúng tôi chưa thấy lính vận đồ xanh, đầu đội nói cối như dấu hiệu tiêu biểu của quân dịch. Một vài anh cảnh sát, linh chính phủ và mấy nhà báo đang chạy trên đường. Họ cũng không biết gì như chúng tôi. Tôi chạy bộ về phía văn phòng hãng thông tấn UPI cách đó chừng một khu phố với người dồng nghiệp làm cho tờ Chicago Tribune, tên là Ron Yates.

Đến nơi, vẫn thấy cảnh hỗn loạn. Một anh phóng viên đang trịnh trọng đánh máy bản tin, mình khoác áo giáp, đầu đội mũ sắt.Máy viễn ký kêu

lách cách dốn dập. Sau khi đọc các bản tín, Yates và tôi nghĩ rằng cái cơn khủng hoảng cuối cùng, dù rất cận kề nhưng vẫn chưa hẵn dã tới. Các dơn vỉ địch quân vẫn còn cách thành phố một ngày tác chiến.Chúng tôi quay trở lại khách sạn để xếp dồ dac vào va li vì thế nào ngày mai Tòa Đại sứ Hoa Kỳ cũng sẽ ra lệnh di tản.Vô đồ đạc xong thì trời vừa tối.Cuộc không kích cũng đã dứt. Nhìn qua của sổ phòng ở tầng nóc này, chúng tôi trông thấy kho xăng dầu chày lửa có ngọn. Mấy còn cắc kè nằm sát tường quét vôi trắng, những vuông tường lắc lư vì tiếng nổ phụ do bom gãy ra. Chúng nằm bất dộng, dững dưng như loài bò sát.

Tôi kéo lê va li xuống phòng Nick Profitt, cách tôi hai tầng.Anh chàng Nick Profitt này vốn là phóng viên của tờ Newsweek, đã cho tôi ở ké khi một hỏa tiễn việt cọng làm sụp tầng nóc của Khách sãn Metropole gần dó cách dây một tuần lễ.Đã sống sót sau một tháng khi trận tấn công năm 1975 xẩy ra, tôi không muốn mình tan xác trên giường ngủ. Profitt cứ theo chọc ghẹo tôi về mối lo sợ này. Tôi cứ phớt lờ.Nó muốn chọc thì cứ chọc.Ba mươi ba tuổi, một vợ với hai con, tôi không cần phi chứng tỏ với ai chuyện gì cả.

Profitt và tôi thức tới quá nửa dêm, uống tới lon bia cuối cùng, hút tới diếu thuốc cuối cùng, hối tưởng về quá khứ, suy đoán những gì xẩy ra trong

tương lai.Có tin tưởng rồi ra Tòa Đai sư sẽ ban lênh di tản nhưng lòng chúng tôi vẫn cứ nghi ngờ.Cho đên giờ phút này Tỏa Đại sứ vẫn chưa tử bỏ ảo tưởng là quân đội VNCH có thể chận dược bước tiến của quân CS Bắc Việt.

Profitt cũng là tay phóng viên “lão luyện” về Đông dương như tôi.Hắn ta từng là phóng viên ở Việt Nam trong những năm cuối của thập niên 60 và những năm dầu thập niên 70.Khi Cọng sản mở cuộc tấn công sau cùng, chúng tôi đều đang làm phóng viên đăc trách Trung Dông ở Beyrouth .Chính là sau khi đọc bản tin Dà Nẵng thất thủ qua máy viễn liên trong văn phòng in ra, thì tôi mới xin tình nguyện đi làm tin ở Sài Gòn. Đọc câu chuyện này làm sống lại những hồi ức tưởng chừng bị chôn vùi lâu nay về những quân sĩ, tiểu đoàn, các trân đánh và các cuộc đổ quân, của những ngọn đồi được dánh số và không tên tuổi, những buổi rạng đông mưa rơi buồn hiu trên tuyến phòng thủ. Ngay cả khoảng cách mười năm cũng không làm tôi mất cái hình ảnh rõ nét của một phần đất Việt Nam tôi từng biết rõ hơn ai hết: đó là khoảng không gian của ruộng lúa và rừng cây phía tây Đà Nẵng. Có vẻ như một tấm màn trong tâm trí đã được vén lên, để lộ tấm bản đồ tác chiến nhiều chi tiêt, có đánh dấu những diểm nguy hiểm bằng bút chì mỡ cùng tên những chỗ được gạch dít, những tên mang một ý nghĩa chỉ cho riêng tôi

vì lính của tôi đã chết nơi đó. Hội Vực, Bình Thái, Đối 270, Ngọn Charlie và Đường mòn Purple Heart. Thiệt khó mà chấp nhận rằng giờ dây chúng đều nằm trong tay quân thù.

Cả ngày hôm đó người tôi ngồi không yên, cứ chốc chốc lại xem máy viễn ký có tin tức gì mới xẩy ra không. Rõ ràng tôi nhanh chóng nhận ra rằng mười năm không đủ làm mờ nhạt cảm xúc chiến tranh đã tạo giữ trong lòng tôi. Tôi phải quay lại dù cho hiểm nguy đến đâu cũng mặc. Tôi phải tận mắt chứng kiến cuộc chiến chấm dứt dù là nó sắp chấm dứt trong sự thất bại của chính nghĩa một quân nhân như tôi từng phụng thờ. Tôi không thể giải thích cảm nghĩ này. Dường như tôi được giao trách nhiệm phải có mặt ở diểm kết thúc. Cho nên tôi gởi tín điệp cho văn phòng tờ Tribune xin đi phò trợ Yates—phóng viên tờ báo ở Viễn Dông-trong việc loan tin về trận tấn công của quân địch. Các vị chủ bút bảo không có chi trở ngại. Sáng hôm sau, tôi đáp máy bay phản lực hãng Hàng Không Pháp đi Việt nam.

Tôi dáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất ngày mồng 2 tháng Tư, đúng mười năm và một tháng kể từ ngày tôi đổ bộ lên Đà Nẵng cùng Lữ doàn Viễn chinh Thủy bộ số 9 trước dây.

Muốn kể chính xác tháng sau cùng của chiến dịch sau cùng của quân Bắc Việt chắc phải viết riêng

một cuốn sách mới dủ. Tôi thì không nghĩ những gì xẩy ra dây nên được gọi là chiến dịch; nó có vẻ là một cuộc di quân thì dúng hơn. Quân dội Bắc Việt đơn giản kéo nhau ruổi xe qua các vùng quê và nhắm Sái Gòn chạy tới. Chỉ duy có một biệt lệ nhỏ :cuộc kháng cự ngắn ngủi, vô vọng của duy một sư doàn tại thủ phủ ủa Xuân Lộc; còn ngoài ra Quân đội VNCH chẳng có chống cụ gì ra hồn cả. Quân Lực VNCH tan rã từng mảnh.Nó tan biến trong không gian. Đã xẩy ra những cảnh khủng khiếp khi quân lính hoảng loạn đánh đá, giẫm đạp lên dân chúng để chạy trốn quân địch đang truy duổi.Về cuối tháng, cảnh tượng tan rã càng hiện rõ hơn. Không phải chỉ có quân đội mà cả nước dường như co rúm lại, rồi sụp đổ ngay trước mặt phóng viên chúng tôi.Đường xá nghẹt tắc vì dân chúng chạy nạn và binh sĩ tháo chạy. Có lúc dòng người chạy nạn kéo dài dến hai mươi dặm chạy quanh co trong những núi đồi, đồn điền trồng cao su hướng về vùng dất ngập nước quanh Sài Gòn.Họ đi dài dài theo các con lộ xa đến hút mắt như một đám rước không thấy đầu không thấy đuôi đâu cả. Họ lê từng bước dưới trời mưa hay trong hơi nắng:họ là nhũng người dân đi chân không, là những quân nhân chân mang những đôi giày cao cổ ung thối, vài người vai còn mang vũ khí, quyết chí sát cánh cùng nhau, nhiều người khác, không vũ khí, lòng tan nát chỉ chực tìm đường thoát thân; những đứa

bé khóc lóc đi tìm mẹ cha, mẹ cha lại chạy đi tìm con cái; những thương binh mình vấy máu nay dã khô và bông băng cứu thương hôi hám, vài người vẫn bước đi được, môt đôi người nằm chất đống trong lòng xe cứu thương; nào xe lờn, nào xe buýt, các đàn trâu và xe bò kêu lét két đôi bánh gỗ. Họ là khối đông đảo đi chật dường, thành một khối chuyển động theo các con đường, lăn qua các rào cản và trôi tuột qua các khối sắt là những chiếc chiến xa cháy xém, lướt qua những xác người, những mảnh thân người thối rữa giữa cánh đồng ngay bên dường. Từ phía sau lưng doàn người tháo lui này là vọng vang tiếng bom rơi, tiếng dạn nổ, tiếng gâm gừ trong cổ họng của con dã thú, chiến tranh, dang xé thịt nạn nhân của nó.

Nỗi đau con người trong những cảnh tượng như thế này thật vô biên khiến lòng tôi không sao đáp ứng nổi. Nó làm lòng ta tê cứng lại. Bất kể thế nào đi nữa, tôi muốn cuốn chiến này phải chấm dứt. Cùng cùng một lúc, một phân con người của tôi lại không muốn nó chấm dứ bằng chiến thắng của quân Bắc Việt Nam. Tôi cứ nhớ tới Levy, tới Sullivan, cùng những người khác và một cái gì trong dầu tôi kêu gào phản dối sự lãng phí sinh mạng của họ. Cuộc chiến đã thất bại hoặc là gần thất bại. Những con người này đã chết một cách vô nghĩa.Họ đã sã thân để chẳng dược cái gì cả.

Tôi nghĩ những ý tưởng hai mặt này thường thấy ở những cựu chiến binh Hoa Kỳ. Cũng như tôi, họ vừa phản đối chiến tranh nhưng về tình cảm thì họ bị ràng buộc vào cuộc chiến tranh đó. Sau khi được giải ngũ khỏi Thủy Quân Lục chiến khoảng giữa năm 1967,tôi sa vào nhóm phản chiến dù rằng chưa khi nào tôi hết mình vì nó.Sau đó, tôi tham gia Nhóm Cựu quân nhân chống chiến tranh; thế nhưng hành động phản kháng lộ liễu nhất của tôi đã xẩy ra trong năm 1970 khi tôi gởi trả các huy chương tôi được tưởng thưởng cho TT Nixon kèm theo lá thơ viết khá dài, lời lẽ đắng cay giải thích tại sao tôi chống đường lối chính trị của Hoa Kỳ ở Đông dương. Một cách ngây thơ, tôi nghĩ cái hành động cá nhân, riêng lẻ như thế có hiệu quả hơn là đám đông tuần hành.Chừng một tháng sau, tôi nhận được một phong thư mang địa chỉ xuất phát là “Bạch Ốc”.Phong thư chứa các huy chương của tôi và một phiếu nhắn ngắn ngủi do một viên chức vô danh nào đó thảo ra, nói rằng Hành Pháp Hoa Kỳ không được phép nhận và lưu giữ các huy chương; do đó, chúng được gởi trả lai. Người viết phiếu nhắn kết thúc bằng lời lẽ ta thường găp như: “Quan điểm của bạn về đường lối chính trị Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam đã được chúng tôi ghi nhận và đệ trình cho giới chức hữu quan.”Giai đoạn này kết thúc sự nghiệp một nhà hoạt dộng chống chiến tranh của tôi.Hành động phản kháng ngoạn mục

này tỏ ra vô ích cũng như cuộc chiến tranh kia đã vô ích vậy. Tôi dường như có thiên hướng hay đi ủng hộ những chính nghĩa thua cuộc.

Đến gần sáng, Profitt và tôi mới chọp mắt được.Nằm trên sàn nhà, phía sau bàn tủ chặn ngang cửa sổ, tôi giựt mình thức giấc khi quân Bắc Việt mờ màn pháo kích bằng hỏa tiễn và đại bác 130 ly phi trường Tân Sơn Nhất và một phần của thành phố. Đó là ngày 29 tháng Tư.Cuộc bắn pháo kéo dài suốt sáu tiếng đồng hồ. Khoảng 10 giờ ba mươi phút, một anh phóng viên có chiếc ra di ô rẻ tiến mở trúng tầng số Tòa Đại Sừ thông báo, “ Họ mới nói mật khẩu. Chấm hết. Di tản một trăm phần trăm. Bai, Bai tất cả.”

Tiếp theo là cuộc ra di vội vã và chẳng ra thể thống gì cả.những đám đông nào là nhà báo, nhân viên Tòa Đại Sứ, dân chúng người Việt và những”người di tản” khác hè nhau chạy trên các con dường phố nay vắng tanh đến các điểm di tản. Tôi bước ngang qua một nhóm quân nhân VNCH, cố cười với họ một nụ cười héo hon.Một người trong nhóm hỏi:”Về nước đấy hả?”” Mỹ di hả?”

“Vâng” tôi đáp lại, lòng bỗng nghĩ mình như kẻ dào ngũ, “Mỹ đi nè.”

Sau đó dòng người hỗn tạp chúng tôi hướng về khu vưc tập trung nằm bên kia đường, trước một bệnh viện. Những cột khói bốc cao ven ngoại ô. Một ai

đó nói đã nhìn thấy quân Bắc Việt tới gần, cách chỗ chúng tôi chỉ có hai dặm.Chúng tôi đứng lớ ngớ, mồ hôi nhuể nhoại, tai nghe tiếng nổ ì ầm của hỏa tiền 130 ly từ xa bắn tới.Sau rốt, mấy chiếc xe buýt sơn mãu ô-liu, có chiếc xe nhỏ đèn vàng nhấp nháy dẫn đường chạy đến. Chúng tôi dồn lên trên, có dâu 6, 7 chục người chen kín mỗi chiếc và tốp xe ba chiếc này nối đuôi chạy về hướng Tân Sơn Nhất.

Vừa khi xe chúng tôi chạy vào cổng chính, một chiếc phi cơ VNCH cất cánh rời phi đạo loang lỗ vết đạn, khói mù.Chiếc vận tải C-119 cũ kỹ, chiếc này vừa mới lên cao chưa được bao xa thì một đốm lửa xoáy hình trôn ốc vụt phát phía sau. Người ta nghe một tiếng nổ đánh” ùm” khi phát hỏa tiễn chạm mạnh vào thân chiếc C-119 làm nó đâm dầu xuống thành phố.Lòng hồi hộp chúng tôi biến ra thành kinh hãi vì rằng chúng tôi sẽ ra đi bằng trực thăng. Mục tiêu dễ trúng hỏa tiễn quá di mất.

Xe buýt dừng lại trước một dãy nhà mang tên Văn Phòng Tùy viên Quốc phòng (D.A.O) Lúc cao điểm của Hoa Kỳ can dự vào Việt Nam, dãy nhà này được gọi là Ngũ Giác Đài Phương Đông.Tướng Westmoreland từng đóng bản doanh tại nơi dây.Người ta dùng các sân chơi tê-nít kế bên làm bãi bốc. Chúng tôi tranh nhau bước xuống xe, hối hã vì quả đạn hạng nặng nổ ùm trên phi đạo trải

nhựa cách đó không tới sáu mươi thước. Có ai đó hét thất thanh: “ Đừng hốt hoảng!”

Vào bên trong ngôi nhà lớn, chúng tôi xếp thành hàng, theo từng toán lên trực thăng và được phát bản tên. Tửng tấc một của các hành lang dài người ta đứng đầy, nào là người Hoa Kỳ, người Việt chạy nạn, các nhà báo hơn 12 quốc gia, và có cả một vài lão Pháp già chủ đồn điền nữa.Các bức tường rung lên mỗi khi đạn pháo rơi trúng phi đạo. Đạn súng nhỏ nổ lạch tạch ven hàng rào phi trường.Sẽ là cuộc đổ quân dưới hỏa lực địch dây nhé. Hy vọng lần này là dịp cuối cùng trong đời cho nên tôi không màng nghĩ đến các hỏa tiễn phòng không của địch.

Chúng tôi đứng như vậy, mình vãi mồ hôi cho dến xế chiều thì trực thăng TQLC bay dến. Đó là những chiếc CH-53 to kềnh, mỗi chiếc có thể chở số người bằng một chiếc phi cơ cỡ nhỏ Hãng Hàng không dân dụng .Một viên trung sĩ trong Đội lính Gác Tòa Đại Sứ hô to: “ Ô-kê, Đi nào!””Đi nào! Mọi người bỏ hết đồ đạc lại.Không đủ chỗ để chúa hết. Di chuyển lên nào, nào!”Tôi vất cái va li tôi đã kéo theo cả ngày nay lại, phóng nhanh ra khỏi xe, chạy băng qua sân tê-nít vế hướng trực thăng. Mấy người lính TQLC vào thế tác chiến chung quanh khu sân bốc, súng chỉa ra phía hàng cây, dồng lúa ven rìa sân bay. Tôi chen mình vào chiếc CH-53

cùng với chừng sáu mươi người khác, một nửa số người này là dân và sĩ quan VNCH.

Chiếc trực thăng rời mặt dất, nhanh chóng bốc cao. Trong vài phút, chúng tôi đã lên tới hai cây số cách mặt dất, nhìn thấy xác chiếc vận tãi cơ VNCH đang cháy ở phía dưới xa. Mọi thứ khá quen thuộc: tiếng máy nổ điếc tai bên trong trực thăng, người xạ thủ đại liên ngồi sau khẩu súng,chỉa mũi xuống những mảng xanh, nâu làm thành ruộng đồng châu thổ Cửu Long chằng chịt những con sông(?) ngập nước trông giống như một mạng lưới đầy tế bào máu:và cả sự chờ đợi—khủng khiếp nhưng lại khoái trá—khi chúng tôi dõi mắt tìm kiếm đường bay đạn chiếu sáng hay đốm lửa quay thành hình xoắn ruột gà của hỏa tiễn tầm nhiệt. Một quả đang bắn lên nhưng chiếc trực thăng dẫn đầu đã thả một chiếc hỏa châu giả làm hơi nóng phụt hậu phi cơ đánh lạc hướng. Chúng tôi bị bắn mấy lần— đạn do các quân nhân VNCH bắn, có thể họ nghĩ mình bị người Hoa Kỳ phản bội.

Đầu óc tôi bỗng nhớ lại mười năm trước dây, về cái ngày đơn vi chúng tôi đi thành hàng ngũ vào đất Việt Nam, đi một cách oai vệ, tự tin, lòng tràn đây lý tưởng.Chúng tôi đã nghĩ chúng tôi đến đây để chiến dấu cho một mục dích đạo lý cao vòi vọi.Thế nhưng không biết thế nào đó, niềm tin vào lý tưởng ấy đã không còn, đạo lý của chúng tôi cũng

băng hoại và cuối cùng, mục dích bị quên mất tiêu luôn.

Hai mươi phút sau, chúng tôi ra tời bờ biển. Chúng tôi đã ra khỏi hiểm nguy, khỏi tầm hỏa tiễn, chúng đã dược cất khỏi nguy cơ trở thành những người Hoa kỳ cuối cùng phải tử vong tại Việt nam. Anh xạ thủ thả tay nắm khẩu đại liên 50 ly, đưa ngón tay trỏ làm dấu đắc thắng, nhoẻn một nụ cười.Chiếc CH-53 lao mình trên sóng nước Biển Nam Trung Hoa, lướt trên hàng ngàn chiếc thuyền câu Việt Nam đầy nghịt những người chạy nạn, đổ xuống chiếc U.S.S Denver. Đây là chiếc tàu vận tải trực thăng xung kích trong đội tàu Hạm Đội Bảy tập họp lại dành cho cuộc di tản. Phi cơ đáp xuống trong tiếng vổ tay lác dác trên boong .Khi tôi theo hàng bước ra, một người lính TQLC bước đến vỗ vai, nói: “ Chào mừng qui vị về nhà bình yên.Chắc là anh rất vui khi ra khỏi nguy khốn.”.Dĩ nhiên là tôi rất vui. Tôi mới hỏi anh thuộc đơn vị nào. Anh liền dáp: “Lữ doàn 9 Lực lượng Thũy bộ”. Lữ doàn 9 LLTB này là dơn vị tôi đã cùng dổ bộ xuống Đà Nẵng năm xưa. Nhưng các quân nhân đơn vị này hôm nay trông có vẻ khôn lém hơn chúng tôi cách dây mười năm.Anh lính TQLC nhìn dường chân trời xanh mờ mờ nơi xa nói:”Ờ hử, cái xứ đó chúng ta sẽ không phải tốn hàng tỉ dô la cho nó nữa đâu.”

Những người di tản được người ta ghi tên tuổi rồi cho xuống phòng ăn nóng hừng hực để dùng bữa. Đa số chúng tôi lòng thơi thới hân hoan thế nhưng có một viên chức ngoại giao không vui cứ ngồi thừ ra đó, miệng lẩm bẩm:”Thế là hết. Thế là chấm dứt. Chấm chứt một thời đại.Chấm dứt như thế này thật không hay ho gì lắm nhưng cũng phải chấm hết như thế thôi.” Ông chỉ lắc đầu, mình mệt nhoài và ướt dẫm mồ hôi. “Chấm dứt một thời dại.” Tôi nghĩ dúng như ông nói nhưng đầu óc tôi quá mêt mõi không còn sức đâu nghĩ về ý nghĩa lịch sử của biến cố, một biến cố tôi vừa mới tham dự: Hoa Kỳ vừa thua trận lần dầu tiên.

Ngày hôm sau, ngày 30 tháng Tư, hạm trưởng thông báo chính quyền Sài Gòn dầu hàng quân Bắc Việt. Chúng tôi đón nhận tin này không ai nói một lời. Thề là xong.

Trích “A Rumor of war” Philip Caputo, --An Owl Books Edition, Henry Holt and Company, New York .1996, pp 338-346

# LỜI CUỐI SÁCH

## Trận đánh kết liễu.

…Trong năm 1972, SĐ23BB bị tổn thất khá nặng về con số thương vong lẫn bị thương mà một nửa con số là trong các trận giao tranh vừa qua. Giữa ngày mồng 5 tháng Tư và ngày 10 tháng Sáu, tính toàn miền Nam Việt Nam, quân đội VNCH tổn thất 23,059 người: 4,400 tử trận, 16,450 bị thương, và 1,909 người mất tích. Đạn dược và các thứ cần yếu

khác đều đã cạn còn khí tài thì hao mòn và thiếu phụ tùng. Tại QĐII Bộ Tư Lệnh thừa nhận đã tổn thất 382 tử thương, 1,621 bị thương, 32 mất tích, 3 chiến xa bị tiêu hủy, 4 chiến xa bị hư hỏng đến ¾, mất 4 súng cộng đồng. cùng 47 súng cá nhân và 4 máy vô tuyến.

Hết tháng 6, toàn miền Nam mất môt số lượng khổng lồ khí tài. Bao gồm chiến xa trị giá 28 triệu đô-la, các khẩu đại bác 8.5 triệu, 25,196 khẩu súng M-16, cọng thêm xe cộ, xe thiết quân vận cùng hơn 4 ngàn máy vô tuyến. Thay thế tất cả sẽ tốn khoảng 26 triệu đô-la. Chỉ tại QĐII thôi, quân đội VNCH mất tới 100 khẩu đại bác mà đa phần là mất tại tỉnh Bình Định. Mùa Thu năm 1972, các tổn thất này đều được thay thế.

Các cố vấn không thể kiểm chứng các tổn thất bên phía địch. Nhưng QĐII nói rằng địch đã có 5,688 tên tử thương, 34 tên bị bắt làm tù binh, 8 tên hồi chánh, 38 chiến xa bị tiêu bủy, 353 súng cộng đồng, 862 súng cá nhân, và 29 máy vô tuyến bị chúng ta tịch thu trong cuộc Tấn công tính từ ngày 14 tháng Năm cho tới ngày mồng 6 tháng Sáu. Con số này còn cao hơn nữa trong bản thuyết trình tại buổi họp Chỉ huy tại Bộ Tư Lệnh MACV ngày 23 tháng Mười năm 1972 khi con số ước lượng quân địch tổn thất đến 1600 tên, cả chết và bị thương trong trận Kontum.

Phía Quân đội VNCH nói rằng con số quân Bắc Việt bị bắt và đào ngũ sang phe VNCH phải xem là chính xác. Bao nhiêu lính Bắc Việt bị thương thì không sao tính được. và số thương vong chỉ là con số áng chừng vì con số bị tính đến hai lần hoặc là bị thổi phòng cho những mục đích tuyên truyền. Con số binh lính VNCH bị thương có lẽ cũng chính xác nhung con số tử thương còn cao hơn con số chính thức công bố vì nếu nói cao quá thì sẽ gây tổn thương cho tinh thần chiến đấu và tiết lộ thưc lực còn lại của mình cho địch biết.

Môt vài đon vị của địch vẫn tiếp tục nổ súng cho đến khi chỉ còn 4,5 trăm tên trong một Trung đoàn mà khi mới bắt đầu tham chiến chúng có tới 2500 tên. Đó là kể luôn số lính bổ sung trong suốt trận đánh. Chỉ trong vòng ba tháng, khi trận đánh bắt đầu ngày 30 tháng Ba, cho đến tháng Sáu, quân Bắc Việt đã tổn thất hơn 100,000 -- có thể có 40,000 bị thương-- trong toàn bộ lực lượng tấn công là 200,000 tên. Gần hết số chiến xa và một nửa số trọng pháo của chúng đã bị ta tiêu hủy. Vì kết quả quá thấp so với mức dự trù trước dó và tổn thất lại quá lớn, cho nên tướng Giáp phải mất chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Bọn Cọng Sản phải mất tới ba năm mới hồi sức để tung ra cuộc tấn công cuối cùng vào năm 1975.

Bọn Bắc Việt tung ra cuộc Tấn Công Mùa Phục Sinh vào múa Xuân năm 1972 vì chúng thấy chương trình Việt Nam hóa chiến tranh đã thành công, TT Nixon và Kissinger sắp đạt các thỏa ước với Nga sô và Trung Cộng,. Như thế, viện trợ của hai nước chủ nhân CS này sẽ bị cắt giảm và cũng vì năm 1972 là năm ở Hoa Kỳ có bầu cử Tổng thống nữa. Cuộc tấn công năm 1968 đã là một lý do khiến TT Johnson quyết định không ra ứng cử một lần nữa nên Bắc Việt hy vọng một trận tấn công quy ước mạnh hơn sẽ chấm dứt nhiệm kỳ Tổng thống của Richard Nixon. Thế nhưng chúng đã đánh gía quá thấp ý chí quyết thắng của TT Nixon. Chúng cũng đánh giá quá thấp tinh thần quyết chiến của Quân đội VNCH khi bị vây và có các cố vấn Hoa Kỳ và không lực yểm trợ. TT Nixon hết sức giúp mọi thứ tinh thần và vật chất cho miền Nam Việt Nam, đã phái lực lượng không quân đầy đủ quay trở lại Đông Nam Á quyết đánh bại quân Bắc Việt trên chiến trường. Bắc Việt chơi ván bài là không quân Hoa Kỳ sẽ không trở lại và khi nó đã ồ ạt trở lại thì Bắc Việt có lẽ đã phải ngạc nhiên trước cường độ và tính liên lũy của các trận oanh kích tại Bắc Việt, phỏng tỏa bằng mìn các hải cảng và hậu quả binh lính và chiến xa của chúng gánh chịu ngoài chiến trường. Các phi cơ B-52, phi cơ tiêm kích-phóng pháo, trực thăng võ trang đã thực hiện 18 ngàn phi vụ tác chiến trong

tháng Năm và tháng Sáu năm 1972. sự yểm trợ như vậy đóng vai trò chủ chốt trong công cuộc chận đứng cuộc xâm lăng của quân Bắc Việt.

Bắc Việt đã phạm một lỗi rất nặng là chúng đã phát động cuộc tấn công trong mùa Xuân không chịu chờ thêm một năm nữa. Nếu họ chờ, lúc ấy gần như tất cả quân lính Hoa Kỳ và các cố vấn chắc đã rút đi hết rồi. Tổng thống Hoa Kỳ, về mặt chính trị, làm sao phái quân đội Hoa Kỳ -- đền cả phi cơ nữa-- trở lại ĐNA để đương đầu với Bắc Việt được.

Bắc Việt phạm một lỗi thứ hai cũng nặng nữa là khi chúng xé lẻ nỗ lực của chúng làm ba mũi tấn công. Các mũi thọc sâu băng qua Khu Phi quân sự, mũi thọc từ hướng Tây vào QĐI, mũi thọc vào Cao Nguyên nhắm vào thị xã Kontum, mũi tấn công trong Tỉnh Bình Định miền duyên hải của QĐ II, mũi nhắm vào An Lộc ở QĐ III, đều là các chiến trận nằm cách xa nên không giúp nhau được gì cả. Nếu Bắc Việt không xé lè lực lượng, nó sẽ có đủ lực lượng trừ bị vể khai thác đà thắng lợi. Lại nữa, Bộ Tư Lệnh và cơ sở hậu cần của chúng bị tình trạng phân tán lực lượng này căng trải quá mỏng nên mất tác dụng. Chính phủ Sài Gòn bị bắt buộc phải đương cự với ba mủi như vậy nhưng lại được lợi thế là vẫn hoạt động bên trong chiến tuyến. Miền Nam cũng không vận lực lượng của mình như

trường hợp các đơn vị Nhảy Dù và các LĐ/BĐQ được không vận khỏi Konum về lập lực lương tổng trừ bị hay khi Trung đoàn 44 được không vận lên thị xã Kontum. Tung một cuộc tấn công lớn, duy nhất, cắt miền Nam ra làm hai trong trận Tấn Công mùa Phục Sinh như chúng sẽ làm trong năm 1975 có lẽ chúng đã thành công trong năm 1972 rồi.

Sau mấy chiến thắng nhanh và dễ dàng ở Tân Cảnh và Đắc Tô II quân Bắc Việt có lẽ cũng sẽ chiếm được thị xã Kontum cũng dễ như vậy nếu như chúng cứ tiếp tục đánh xuống dọc QL14 theo cách đánh của Tướng Patton. Hay nếu chúng bỏ qua Tân Cảnh, Đắc Tô II cùng những căn cứ khác để chỉ tấn công thị xã Kontum thật lẹ, có lẽ chúng đã lấy được Kontum rồi tiến xuống Pleiku và theo QL 19 tiến xuống duyên hải để toàn thắng trong mùa Xuân 1972 rồi. Thế nhưng chúng đã làm ngược lại. Chúng để mất ba tuần để chân chỉnh hàng ngũ, bổ sung đạn dược và đánh chiếm -- hay là cố chiếm cho kỳ được-- các căn cứ VNCH nằm rải rác trong khu vực giữa vùng Ba Biên giới và thị xã Kontum. Có vẻ như địch quân muốn chiếm Tân Cảnh, Đắc Tô II, các Trại BĐQ Biên Phòng, và các CCHL trên dãy Rốc-Kết hơn là đi vòng vì sợ hậu phương và đường tiếp vận của chúng sẽ bị cắt đứt trong khi chúng tấn công thị xã Kontum. Thế nhưng trong khi chúng tập trung quân tấn công

các tiền đồn VNCH này, chúng trở thành các mục tiêu béo bỡ cho B-52 (Arc Light). Bom của chúng ta đã giết hàng ngàn tên địch và tiêu diệt các chiến xa và các vũ khí đáng lẽ sẽ được sử dụng để đánh thị xã Kontum. Cũng quan trọng tương đương là chuyện quân địch đã bỏ mất ba tuần lễ trống không sau trận Tân Cảnh và ngày tấn công Kontum đã tạo cơ hội cho quân trú phòng có thời gian qui tụ cả SĐ23BB về một chỗ chỉ huy duy nhất, tổ chức phòng thủ phối hợp, lập kế hoạch yểm trợ hỏa lực. Nó cũng cho phép KQ/Hoa Kỳ điều động thêm máy bay về vùng Đông Nam Á, giúp cho việc gây ra tổn thất nặng nề hơn cho Bắc Việt khi chúng tấn công Kontum sau này. Tất cả các công việc này đã kiện toàn việc phòng thủ sẵn sàng đánh bại cuộc tấn công.

Một trong những lý do khiến quân Bắc Việt không thừa thắng xông lên sau trận Tân Cảnh chính là “cái đuôi” hậu cần không yểm trợ kịp “cái răng”.Cuộc Tấn Công mùa Phục Sinh là trận đánh bằng cơ giới có qui mô lớn đầu tiên của Quân đội Bắc Việt.Nó sử dụmg hàng trăm ngàn chiến binh, tiêu thụ hàng đống lương thực, xăng dầu, nên các thứ tiếp liệu phải luôn luôn chuyển lên phía trước cho đoàn quân tấn công. Hệ thống hậu cần của quân Bắc Việt thường cung cấp đầy đủ cho bộ binh , một số xe cộ ở miền Nam trước năm 1972 nhưng sẽ không cam nỗi số lượng hậu cần cho 13 sư đoàn

-- gần như toàn bộ quân lực-- đang hoạt động trên chiến trường miền Nam Việt Nam, Lào và Căm bốt liên tục, gần như không tháng nào là không giao chiến.

Việc Hoa Kỳ thả mìn phong tỏa các hải cảng và phá hủy những cây cầu, đường xe lửa tại Bắc Việt cũng khiến hàng tiếp liệu khan hiếm trầm trọng ở cuối đường tiếp vận của quân đội Bắc Việt. Các chuyến hàng từ Trung Cộng đưa sang giảm sút từ 160 ngàn tấn xuống còn 30 ngàn tấn mỗi tháng. Hầu như tất cả các kho xăng dầu ở Bắc Việt Nam đều bị tiêu hủy. Nhiều hàng tiếp tế đã tới được thì lại bị trúng bom B-52 hay phi cơ chiến thuật. Trong cuộc tấn công vừa qua, Bắc Việt đã tung hàng ngàn chiến xa và xe tải, tiêu thụ rất nhiều xăng dầu đến mức hệ thống hậu cần của chúng không sao theo kịp. Một chiến T-54 chạy một dặm Anh tốn hao 4 lít dầu cặn. Cho nên hết dầu, nó trở thành con vịt què. Trong trận tấn công vào thị xã An Lộc, chiến xa Bắc Việt không xài bình xăng phụ cho nên có vài chiếc đạn thì chưa hết nhưng dầu thì đã khô không còn một giọt. Một chiếc chiến xa T-54 cạn dầu đúng ngay lúc nó tới sát công sự của chúng tôi đã trở thành đề tài yêu thích nhất của tôi mỗi khi tôi muốn nói cuộc ném bom xuống miền Bắc Việt Nam đã tạo những kết quả ngay tại chiến trường.

Quân Cọng sản đã dồn hết nỗ lực để đạt chiến thắng hoàn toàn và chung cuộc trong mùa Xuân năm 1972 song chúng đã thất bại. Nếu chúng ta xem xét thất bại khủng khiếp chúng đã chịu trong nỗ lực đánh chiếm thị xã Kontum, An Lộc thì rõ ràng đây là những mục tiêu tiên khởi của chúng. Thế nhưng, chúng không lấy được Kontum, An Lộc hay các thành phố khác ở Quân Khu I. Cái chúng đạt được đó là chúng đã nắm và kiểm soát hàng triệu thường dân miền Nam, chiếm được một số đất đai. Chúng đã xóa bỏ thật thụ vĩ tuyến 17 phân chia Nam Bắc, đã đẩy lui quân VNCH ra khỏi đường Mòn HCM và các căn cứ nằm dọc biên giới phiá Tây của miền Nam.

Về Sư đoàn 23BB, Tướng Abrams nói: “Họ đã chiến thắng. Họ biết điều ấy. Tóm lại, họ đánh thật cừ.”

Thiếu tướng David R. Palmer về sau đã nhận xét về cuộc Tấn Công mùa Phục Sinh như sau:

Mặc dù quân đội Hoa Kỳ không tham chiến trên mặt đất, các cố vấn Hoa Kỳ đã tham chiến với các đơn vị VNCH. Chinh chiến đã đi hết quãng đường nó phải đi. –nó quay trở lại để trở thành cuộc chiến của các cố vấn. Kể từ lúc người tử trận đầu tiên tháng Giêng năm 1961, cố vấn Hoa Kỳ đã liên tục chiến đấu và hy sinh cùng các đơn vị VNCH. Những hy sinh và những thành tựu ấy dễ dàng bị

các hoạt động đang được báo giới chú ý của các đơn vị tác chiến Hoa Kỳ che lấp một cách thảm hại từ khi họ vào cuộc năm 1965.Các cố vấn đã chiến đấu trong trận chiến ít ai biết nguồn cơn. Nhưng lúc nào họ ở đó như một thanh sắt gia cố giữ ngôi nhà khỏi sụp đổ… Nếu nói thì có vẻ như hoài cổ chứ mặc dù các đơn vị tác chiến của Hoa Kỳ đã về nước, nhưng ta vẫn có cảm giác hình như đâu đó các cố vấn vẫn còn đang làm việc.

Trong buổi thuyết trình tại BTL MACV ở Sài Gòn, có người hỏi một sĩ quan cao cấp Hoa Kỳ là nếu không có không lực Hoa Kỳ trong cuộc Tấn Công mùa Phục Sinh vừa qua thì chuyện gì sẽ xẩy ra. Vị này đáp: “ Ngày hôm nay, chúng ta đã không ngồi họp tại đây.”

Chúng ta đã chiến thắng trận Kontum. Có ai đó nói rằng chúng ta chiến thắng vì chúng ta không thất thủ. Thế nhưng, chúng ta cũng chiến thắng vì chúng ta đã giết vô số binh lính địch, tiêu diệt rất nhiều chiến xa, vũ khí và hàng tiếp liệu khiến chúng bị buộc phải rút lui.

Các cố vấn Hoa Kỳ; các phi công Lục quân, Không quân, Hải quân và TQLC Hoa Kỳ; các phi công VNCH; phi cơ trực thăng, các xe Jip có gắn hỏa tiễn TOW đã đóng vai tuồng chủ chốt trong chiến thắng của chúng tôi tại Kontum. Thế nhưng, sau rốt thì mọi việc vẫn phải tùy thuộc vào tinh thần

chiến đấu của mỗi một chiến binh VNCH, các sĩ quan, các HSQ của những chiến binh này. Chính những người đứng trên trận tiền đó đã phải hứng chịu hỏa lực dai dẳng của pháo binh, hỏa tiễn, và súng cối cùng các đợt tấn công bằng bộ binh và chiến xa của địch quân. Họ là những người đã phản công bao nhiu lần để lấy lại đất mất vào tay địch. Một điểm chủ chốt khác trong chiến thắng, đó là tài lãnh đạo chỉ huy riêng của những người như John Paul Vann và Chuẩn tướng Lý Tòng Bá. Không như ĐT Lê Đức Đạt trong trận Tân Cảnh , CT Bá đã rất xông xáo trong suốt trận đánh, mang lại cho quân sĩ dưới quyền một phong cách lãnh đạo chỉ huy cần thiết để chiến thắng. Sư đoàn 23BB đã chịu bao nhiêu trận đòn tơi tã tại Kontum nhưng họ đã đứng vững dưới mọi cuộc pháo kích, trước những làn sóng biển người, chiến xa-- đó là lý do tại sao họ đã chiến thắng.

Năm 1975, Đại tá Lục quân Hoa Kỳ Harry G. Summers có nói với một tên Đại tá Bắc Việt như thế này: “Anh biết là các anh không đánh bại chúng tôi trên chiến trường.”

Tên Đại tá Bắc Việt đã đáp: “Có thể là như thế nhưng điều đó cũng không phải là điều quan trọng.”

[Trích Kontum: Cuộc Chiến đấu cứu Miền Nam Việt Nam, Thomas P. McKenna (2011). -- Bản dịch Việt ngữ,

Nguyễn Tư-Cao, NXB Kauthara, Minneapolis, Minnesota, Hoa kỳ , 2012, tt. 329-335]

# **ĐÔI LỜI VỀ Günter Grass**

Trên tờ NEW YORK TIMES , ngày 13 tháng 4, 2015, Jonathan Steele đã viết:

*“Günter Grass đã qua đời ở tuổi 87, là nhà viết tiểu thuyết nổi tiếng nhứt sau Đại chiến, con người với một năng lực, một sức năng nỗ vĩ đại mà ngoài công việc tạo ra các tác phẩm , ông còn ưa tham gia những cuộc tranh cãi mang màu sắc chinh trị, hay buông mình vào vẽ vời, hội họa và điêu khắc. Năm 1959, bằng cuốn Cái Trống Thiếc bán chạy nhứt ông xuất hiện thật ồn ào trên văn đàn ; cả đời ông lúc nào cũng nhắc nhở đồng bào mình giờ khắc đen tối của lịch sử của họ, những tội ác của thời kỳ Quốc xã cũng như thách thức họ tại sao phải hả hê trong chiến thắng trong việc thống nhứt nước Đức năm 1990, cái mà ông xem như là chuyện Tây Đức xáp nhập Đông Đức làm nhiều người trở thành người bị nạn.*

*Grass lúc nào cũng gây tranh cãi, một đôi khi trong nước , những người phê bình còn đả kích ông vì chuyện ông hay thảo luận về tính cách nạn nhận và tôi lỗi của nước Đức. Còn ở nước ngoài , ông đương nhiên được xem như là lương tri của nước Đức. Đây là nhãn hiệu ông chia sẻ cùng Heinrich Böll, nhà văn tuổi đời lớn hơn ông. Năm 1999, tuy có hơi chậm, ông nhận giải Nobel Văn chương, Các nhà chấm giải Thụy Điển ca ngơi Ông là “ người - không- hay- kính- trọng -mọi -sự một cách sáng tạo” và là “ người -đả-phá một cách thật tươi vui”*

[ … ]

Khi còn trẻ, Grass học hội họa và điêu khắc ở Dusseldorf và Berlin. Ông là nhạc sĩ chơi trống dàn nhạc Jazz và còn là nhà thơ. Chính cuốn Cái Trống Thiếc đã đã đây ông lên đài danh vọng. Cuốn này tấn công quyết liệt chủ nghĩa quốc xã và tâm thức người Đức mà từ đấy chủ nghĩa này sinh sôi. Eva Figes, nhà văn trốn sang Anh như

đứa trẻ Do Thái chạy nạn trước khi chiến tranh xẩy ra đã viết bà biết ngay là cuốn Chiếc Trống Thiếc " là cuốn sách thế hệ sinh sau Thế chiến hằng mong chờ Nó vạch trần một cách toàn vẹn và mãnh liệt tấn bi kịch do Đệ Tam Đế chế gây ra . Tác phẩm sáng tạo, ma quái, khôi hài và cưc kỳ quan trọng." Ủy Ban chấm giải Nobel nói:" bao nhiêu là chuyện ngụ ngôn châm biếm quái lạ này đã vẽ nên mặt trái của lịch sử ít ai biết ."

Nhơn vật chính và cũng là người dẫn chuyện tên là Oskar Matzerath. Đây là cậu bé khi sinh ra đã có đâu óc suy nghĩ và có khả năng cảm xúc của con người trưởng thành nhưng lại quyết định không bao giờ cao lón thêm. Cậu bé kể chuyện đời mình trong khi nằm trong nhà thương tâm thần. Nhiều mối tình, cũng như các biến chuyển chính trị của cuộc thế chiến, chuyển quân Đỏ ( Hồng quân) xâm lăng Danzig năm 1945, chuyện trục xuất người dân gốc Đức và những năm sau chiến tranh tại Tây Đức. Võ khí của cậu bé lùn tịt này là tiếng hét thất thanh làm vở toang cửa kính và cái trống thiếc lá món quà nhận được lúc cậu mới ba tuổi. Cậu bé nói dọa là ai lấy trống nó sẽ làm dữ cho mà coi. Trong một cảnh lạ thường, cậu bé núp dưới sân khấu trong một cuộc tập họp đông người do Quốc xã tổ chức, cậu dùng tiếng trống thiếc của mình, chơi một điệu luân vũ Áo khiến cho ban nhạc quân hành chơi loạn xạ mà không tài nào giữ nhịp cho đặng.

[ …]

Trong BÁCH KHOA, số 149 ngày 15 tháng 3 năm 1963, Ông Nguyễn Minh Hoàng có viết hai bài về Gunter Grass, và giới thiệu bản dịch tựa đề Quán củ hành. Ấn tượng câu chuyện thật mãnh liệt khiến chúng tôi nửa thế

kỷ sau chẳng bao giờ quên đi được. Trong đời, chúng tôi có lúc đã sử dụng cái tên quán này, cho nên muốn đọc lại và đã cảm hứng dịch thêm một lần nữa cho vui… Sau này trong nước, chúng tôi được biết ông Dương Tường đã dịch toàn bộ cuốn Cái Trống Thiếc do NXB Hội Nhà Văn in ( Không ghi năm in) trong đó chương chúng tôi dịch sau đây được ghi là Hấm Hành. Ba tiểu tựa nhưng cũng đều mô tả sinh hoạt đặc biệt về Cái CỦ-HÀNH cả!.

# NƠI QUÁN CỦ HÀNH

Chúng tôi rất thích vùng đồng cỏ hai bên bờ sông Rhine vì thế mà ông chủ tiệm ăn –hộp đêm tên là Ferdinand Schmuh cũng ưa lui tới bờ tay phải con sông, quãng đồng cỏ chạy dài từ thành phố Dusseldorf tới thành phố Kaiserswerth.Chúng tôi thì hay dượt nhạc phía trên thành phố Stockum. Trong những lúc đó, ông Schmuh cầm khẩu súng sắn đi xục sạo các bụi cây, bờ dậu dọc bờ sông, tìm bắn các con chim se sẻ. Săn chim là thú tiêu khiển của ông. Mỗi khi công việc làm ăn có trục trặc gì đó, ông cứ bảo bà vợ lái chiếc Mercedes chạy dọc mé sông rồi ngừng lại tại chỗ mé trên Stockum, nơi bọn tôi đang dượt nhạc. Rồi súng choàng ngang vai, mũi súng chỉa xuống đất, ông lê từng bước lạch bạch dẫn bà vợ băng ngang cách đồng

mà lẽ ra nên để bà ngồi lại trong xe thì hơn. Cuối cuộc du ngoạn việt dã này ông cho bà ngồi nơi tảng đá trơn tru ven bờ rồi đi khuất trong các bờ dậu. Ông nổ bốp bốp trong các bụi cây, chúng tôi tấu nhạc ầm ỉ. Ông bắn chim sẻ, chúng tôi sáng tác nhạc.

Tên Scholle là tên vốn quen hầu hết các chủ quán trong vùng, nghe tiếng súng liền phán:

-Lại lão Schmuh đi bắn chim nữa!

Nay thì lão này đã qui tiên nên tôi có thể viết một bài ai điếu như thế này: ông Schmuh vốn là người săn chim thiện xạ và cũng là người tốt bụng. Ông đi săn lúc nào túi áo ngoài bên trái cũng đựng đạn còn túi áo bên phải, ông đổ đây thức ăn dành cho chim. Ông vốc từng nắm rải cho chim, nhưng phải sau khi bắn xong đúng mười hai con trong một buổi xế ông mới làm chớ không phải trước đâu.

Buổi sáng tinh mơ không khí mát lành năm 1949 là lúc ông Schmuh vẫn còn sống, chúng tôi thì mấy tuần liền đang dượt thử đàn sáo bên bờ sông Rhine, ông nghiêm khắc rầy la:

-Các ngài chơi nhạc làm chim hoảng sợ bay mất hết thì làm cách nào tôi săn cho được?

Tên Kleppp miệng thì xin lỗi, tay cầm ống sáo đưa ra phía trước như lính bồng súng chào:

-Ngài là đấng quân tử, tai chắc phải sành nhịp điệu, súng nổ rõ ràng ăn nhịp với giai điệu chúng tôi đang tấu đó. Xin nói lời cảm phục, cảm phục!

Ông Schmuh khoái thấy tên Klepp biết tên mình nhưng khi hỏi cách nào hắn nhận ra như vậy thì tên Klepp nổi dóa nói:Tại sao à? Ở đây ai mà không biết ông Schmuh. Ngoài đường, ai cũng nói: kìa ông Schmuh, ông Schmuh đi tới đó, anh có thấy ông Schmuh hồi nãy không, bữa nay ông ở đâu nhỉ, ông Schmuh ra đồng săn chim sẻ.

Bị chúng tôi biến mính thành một nhơn vật bá chúng như vậy nên ông lấy thuốc lá ra mời chúng tôi hút, rồi mới hỏi chúng tôi tên tuổi và xin cho nghe thử một bản nhạc chúng tôi hay chơi. Chúng tôi liền chơi một khúc nhạc tiết tấu thật mạnh và nhanh; ông ta liền gọi bà vợ mặc áo choàng lông nãy giờ ngồi trên tảng đá nhìn sông Rhine nước chảy mà suy tư cuộc đời. Vẫn chiếc áo lông ấy, mụ nhập bọn cùng tụi tôi và chúng tôi liền đổi sang bài mà nhịp điệu càng giật hơn. Bản nhạc vừa dứt, từ dưới đám lông ấy, phát ra một giọng nói:

- Anh Ferdinand yêu của tôi, tại sao anh không mướn các anh chơi cho quán chúng ta.

Có vẻ như ông cũng có ý như vậy. Thực vậy, ông làm ra như chính ông đã đi tìm lâu nay và giờ thì đã tìm thấy. Tuy thế nhưng ông cầm mất hòn ngói nhỏ ném xuống mặt sông cho chúng nhảy tưng

tưng trên mặt nước, mặt như đang tính toán, suy nghỉ hơn thiệt, trước khi ra lời mời chào: chơi nhạc từ chin giờ tối tới hai giờ sáng, thù lao là mười đồng Mác mỗi buổi, ờ..ờ.. hay là mười hai đồng được không? Tên Klepp liền ra giá là mười bảy đồng để ông Schmuh chịu giá là mười lăm đồng là vừa. Ông Schmuh nói mười bốn đồng năm mươi xu, chúng tôi liền dồng ý.

Từ ngoài đường nhìn vào, Quán Củ hành trông giống như nhiều hộp đêm mới mở khác, có điều chúng khác với những quán rượu, quán rượu có ca nhạc cổ, ở nhiều mặt nhưng đặc biệt là chỗ giá cả của chúng cao ơi là cao. Giá cao là vì chúng được bài trí rất lạ lẫm, nhiều quán tự cho mình là "CLB Văn nghệ sĩ" và cũng lấy các tên riêng nữa. Chẳng hạn như "Sảnh Ravioli" (kín đáo và thanh cao), "Quán Cấm kỵ" (huyền bí và hiện sinh), "Quán Ớt cay" (cay và say) và đương nhiên là có "Quán Củ hành" trong số đó nữa.

Ba chữ Quán Củ Hành và củ hành được vẽ thật ngây ngô đến độ quần quại trên bảng hiệu bằng sứ tráng men tòn teng dưới cái giá bằng sắt trui treo ngay trước cửa theo kiểu người Đức cổ xưa. Chỉ có độc một cái cửa sổ duy nhất và cửa này có tra những ô kính khá lớn màu xanh ve chai. Cửa quán sơn màu chì đỏ, có lẽ rất cũ từ thời còn chiến tranh thứ hai người ta dùng làm cửa che hầm tránh bom.

Trước cửa có người gác mặc áo da cừu trông rất thô kệch. Không phải ai cũng vào được Quán củ hành đâu nhé. Nhất là vào các chiều thứ sáu khi mà đồng lương hóa thành rượu bia, nghề của anh gác cổng là không cho các anh chị hay phá đám của Khu Phố cũ len lõi vào vì Quán Củ hành trước nhất là giá đắt đối với bọn này. Sau cánh cửa đỏ chói ấy, nếu ai được cho vào, họ sẽ gặp năm bước tâng cấp xây xi măng. Bạn cứ bước xuống, tới chỗ rộng khoảng một mét vuông là chân tầng cấp. Nơi đây người ta treo một tấm bích chương quảng cáo buổi triển lãm tranh Picasso nên mang không khí văn nghệ khá là độc đáo. Đi thêm bốn tầng cấp nữa, bạn sẽ tới chỗ gửi áo nón có treo tấm biển nhỏ ghi câu “Trả tiền sau”. Thật vậy, người thanh niên đứng tại quầy thường là một sinh viên đang theo học trường Mỹ thuật, mặt để râu hàm, không chịu thu tiền trả trước, bởi lẽ Quán Củ hành là loại sang, rất đắt tiền.

Người chủ quán tự mình đứng ra tiếp đón khách, khoa chân múa tay lanh lợi, đôi chân mày nhếch lên nhếch xuống, làm như là làm phép nhập môn bí tích cho khách. Chúng ta biết lão chủ quán tên là Ferdinand Schmuh, người thỉnh thoảng đi bắn chim sẻ, có con mắt thật tinh tường nhận ra cái xã hội mới nổi lên kể từ sau ngày cải cách đồng tiền, trong thị xã Dusseldorf này ( và mọi nơi khác, dù không nhanh lẹ bằng mà thôi).

Ở Quán Củ hành -- đây chính là lúc ta thấy cái chính hiệu khá là cốt lõi của một hộp đêm làm ăn phát tài -- cái gọi là quán mới đúng là quán. Thực tế, sàn quán thấy ẩm và mát lạnh. Trông như một ống cống tròn, rộng khoảng mười mét, dài chừng hai chục mét, hai đầu là hai lò sưởi bằng sắt khối đúc. Thế nhưng về một mặt nào đó, quán này không hoàn toàn kín bưng như một hầm rượu. Người ta đã bóc trần nhà đi mất rồi, nên bây giờ câu lạc bộ này chiếm cả tầng trệt của căn phố cho thuê. Cái cửa sổ độc nhất ta thấy chẳng phải là cửa chính của hầm rượu, mà vốn là cái cửa sổ trước đây của căn nhà phố. Thế nhưng, khi nhìn ra ngoài, nếu không nhờ ô vuông lớn bằng kính mờ, lại còn có một cầu thang hình rất ư là độc đáo và rất dốc dẫn lên hầm hành lang bên ngoài, Quán Củ hành có thể coi là "chánh hiệu" ngay cả khi nó không phải là một hầm ướp rượu lớn đi nữa—mà tại sao không phải là một hầm ướp rượu hè?

Oskar quên nói cho các bạn biết là cầu thang dẫn lên hành lang không phải thực là một cầu thang nhưng mà nó giống thứ thang trê boong tầu thủy vì hai bên bậc thang rất ngặt và trắc trở của nó là hai sợi dây dùng để phơi quần áo cực kỳ độc đáo để tựa tay vào. Còn thang thì lung lay làm cho ta có cảm giác như đi tàu say sóng, đó cũng là cái ta phải trả thêm tiền mới hưởng được đấy.

Quán Củ hành thắp sáng bằng đèn các-buya, loại đèn thợ mỏ hay xài, tỏa ra cái mùi khai khai – lại phải trả thêm tiền cho món này nữa -- nó đưa khách sang một hành lang trong hầm mỏ, như mỏ bồ tạt chẳng hạn, nằm sâu một cây số dưới mặt đất: nơi đây mấy người xén đất, mình trần bổ từng khối đá vứt đi để tìm ra một vĩa mạch, người thợ cạo chuyển muối ra , cầu trục nổ máy ầm ầm đổ muối đầy xe chứa. Ở đàng xa kia, chỗ đường hầm ngoắt sang Friedrichshall số Hai, có một ánh đèn lung linh: đó là đèn người cặp rằng. Kìa anh ta đang đi tới miệng chào hỏi vui vẻ, tay lúc lắc cây đèn y chang ngọn đèn các-buya treo nghiêng ngữa, đơn sơ trên tường vôi trắng Quán Củ Hành, tỏa ra một thứ ánh sáng nhờ nhờ, hôi hám, ta nên cộng thêm một số tiền khách phải trả cho quán cho món này, để tạo nên không khí thật độc đáo.

Khách của quán ngồi chật chội trong những chiếc ghế lõm bọc bằng bao tải đựng củ hành còn bàn nước thì người ta đóng bằng ván mỏng được chùi cọ thật sạch làm cho khách nhớ lại các quán cốc yên bình ở nơi thôn dã như ta thỉnh thoảng thấy trong phim hát bóng.

Tất cả chỉ có thế! Nhưng còn trong quày rượu thì sao? Không có quày rượu nào cả. Bồi! cho tôi xem thực đơn! Chẳng có bồi chẳng có thực đơn thực điếc gì ráo. Chỉ có ba đứa chúng tôi mà thôi, Ban

Tam tấu sông Rhine. Klepp, Scholle và Oscar ngồi bên dưới cầu thang mà thật sự là một cầu thang tầu thủy. Thường thì chúng tôi tới quán lúc chín giờ tối, tháo mở nhạc cụ ra và khởi sự vào đâu khoảng mười giờ. Hôm nay, lúc này đây đâu mới chin giờ mười lăm phút cho nên chút xíu nữa chúng tôi mới nói tới việc chúng tôi làm được. Giờ thì hãy xem ông Schmuh, người thỉnh thoảng cầm cây súng nhỏ đi săn se sẻ, làm gì cái đã.

Khi khách tới đầy Quán Củ hành -- cứ được một nửa quán cũng có thể coi là đầy quán -- ông chủ Schmuh liền choàng một tấm khăn. Chiếc khăn này dệt chỉ riêng cho lão dùng. Đây là cái khăn lụa màu xanh dương sáng, trên in hình vẽ bằng mực kim nhũ. Tôi hài chuyện này ra là vì chuyện khoác tấm khăn lên phải có ý nghĩa của nó. Các hình vẽ trên mặt khăn tòan là những củ hành vàng rực. Quán Củ hành chỉ được coi là “mở cửa” khi lão ta choàng tấm khan này lên mà thôi.

Khách hàng là những thương gia, bác sĩ, luật sư, họa sĩ, nhà báo, giới làm kịch, làm phim, những vị tai to mặt lớn trong giới thể thao, các quan chức chính quyền thành phố, khu phố, nói tóm lại, họ là những người tiêu biểu của thiên hạ mà ngày hôm nay, người ta quen gọi là những bậc trí giả. Họ đưa các bà vợ, các tình nhơn, các cô thứ ký, các nhà trang trí nội thất, các tình nhơn đực rựa gặp ở đâu

đó tới đây rồi cùng ngồi vào những chiếc ghế lõm bọc bằng bao bố. Họ nói khe khẻ, nói bâng quơ, xem có vẻ gắng gượng lắm cho đến khi ông chủ quán Schmuh choàng tấm khăn có hình vẽ các củ hành màu kim nhủ lên vai. Mấy người này muồn nói lắm, họ muốn bộc lộ bầu tâm sự nặng nề của mình ra, nhưng dường như họ không tự mình làm được. Dù có cố sức, họ cũng không cách nào nói ra các điều quan yếu, không vào thẳng chuyện mà là cứ ăn nói lòng vòng. Cho nên họ nôn nóng chờ đến lúc có thể xổ hết bầu tâm sự , hết ruột, hết gan, cho quên hết đầu óc một lần rồi thôi cũng được, vạch trần những điều chân thật, không che đậy, những sự thật nay đang tan biến, cái con người thật bên trong. Đây đó người ta nói lời nhận xét nửa vời về sự nghiệp tan vỡ, một cuộc hôn nhơn nay đã chia lìa. Người ta đồ rằng cái ông ngồi đàng xa kia, cái ông có cái đầu khổng lồ , nét mặt thông minh và dịu hiền , đôi bàn tay thanh tú, đang có điều không thuận thảo với thằng con trai, mà thằng con này lại bất bình với quá khứ của người cha. Con hai con mụ mệnh phụ kia mặc áo choàng may bằng lông chồn trông rất hấp dẫn dưới ánh ánh các-buya, nói rằng họ đã mất đức tin nhưng họ không nói là hết tin cái gì. Do chỗ chúng tôi không biết cái ông có cái đầu to kia trước đây thế nào, cũng như không một ý mảy may nào về cái rắc rối người con gây ra cho ông do câu chuyện

của quá khứ không ai biết rõ đó, nên các bạn mình xí xóa cho Oskar này vì đã ví von thô tục, tình cảnh thật giống như khi phải đẻ trứng , con gà mái rặn và rặn cho trứng lọt ra vậy.

Cái sự rặn rặn trong Quán Củ hành này mang lại một kết quả rất chi là ít ỏi cho đến khi lão Schmuh xuất hiện dưới tấm khăn đặc biệt của lão. Sau khi được người ta vui vẻ “hoan nghênh ” lão còn lão thì luôn miệng cám ơn tấm lòng tử tế của khách hàng, lão biến mất ngay đâu chừng vài phút sau tấm nàn che phía mặt sau Quán Củ hành, nơi có cái phòng tiểu tiện và kho chứa đồ.

Thế nhưng tại sao, khi lão chủ xuất hiện một lần thứ hai thì người ta vẫn hò reo vui mừng chào đón, có vẻ như vừa trút xong gánh nặng vậy? Đó là vì ông chủ quán rất thành đạt này biến mất sau tấm màn để lấy ra một thứ gì đó trong nhà kho chứa đồ, và miệng lẩm bẩm một tràng lời chửi rủa chị gác nhà cầu đang mải mê xem một tờ tuần báo ảnh, rồi lại xuất hiện phía trước tấm màn, lại được đón chào như một Đấng Cứu thế, y như người chú trong chuyện cổ tích vừa mới về từ xứ Úc châu!

Lão Schmuh trở lại tay mang một cái rổ bé tí len lỏi giữa đám khách. Một tấm khăn ăn ca-rô màu xanh và vàng làm vải lót rổ trên đó có xếp một chồng thớt nhỏ bằng gỗ cắt thành hình con lợn, con cá. Lão hơi ngả đầu chào, miệng nói lời thán

phục, tay phân phát các tấm thớt cho từng khách hàng. Mà lời tán tụng này rõ ràng muốn khoe là lão đã sinh ra và lớn lên tại Budapest và Vienna. Nụ cười của lão trông giống nụ cười trên một bức tranh người ta kháo là bản chụp lại từ bức tranh nàng Mona Lisa thực đấy.

Thế nhưng đám khách mặt rất ư là nghiêm nghị nhận lấy tấm thớt nhỏ. Có người đổi thớt mình cho anh ngồi bên để lấy tấm mình ưa thích vì có người ưa hình con lợn trong khi người lại mếch cái dáng huyền bí của con cá hơn. Họ đưa mũi ngửi tấm gỗ rồi chuyển nó qua người ngồi kế. Phát xong cho khách trong hầm hành lang, lão Schmuh đứng chờ cho tất cả các tấm thớt đầu nằm đâu vào đó.

Rồi thì -- bao nhiêu con tim đang chờ đợi -- lão ta mới rút tấm khăn ăn đi, cung cách y như người hát thuật, té ra phía dưới còn một tấm khăn ăn khác nữa, trên đó là một lô những lưỡi dao nhỏ mà mới thoạt nhìn ta không biết chúng là thứ gì.

Lão lại đi phân phát một lần nữa. Nhưng lần nay, lão làm thật nhanh, sự nghẹt thở càng lên cao thì lão càng có dịp tăng giá một cách hợp pháp. Lão không tỏ lời cảm thán ai cả và cũng không để cho khách kịp trao đổi dao cắt nữa. Rõ ràng đây là cái vội vàng có tính toán. Lão reo to: “Xin quí ngài ngắm kỹ mục tiêu!” Vừa nói dứt tiếng “Đi nào” lão rút phắt tấm khăn ăn, tay thọc vào rổ, rồi tay trao ,

rồi phân phát, rồi cả đám đông chuyền tay nhau… các củ hành -- những củ hành như hình vẻ, màu kim nhủ, vẻ theo cách điệu trên tấm khăn choàng của lão, những củ hành thông thường, đơn sơ chứ không phải như rể củ cây hoa Tu-líp mà là củ hành mấy bà nội trợ mua ngoài chợ, chỗ các người rau quả thường hay bày bán, thí dụ người nhà quê, hay vợ người nhà quê hoặc đứa ở gái thường trồng rồi thu hái, những củ hành giống hay hơi giống hành thật vẻ trên các bức tranh tĩnh vật của các họa sĩ bậc thầy hạng nhì Hòa lan. Lão Schmuh phân các củ hành này cho khách cho tới khi ai nấy đều có trong tay một củ còn không gian thì không có thứ âm thanh nào ngoại trừ tiếng lửa reo trong lò sưởi và tiếng khí xì trên các ngọn đèn các-buya. Tiếp sau màn phân phát ngoạn mục, là sự lặng tĩnh.

Bỗng không, lão Ferdinand reo to: “Thưa quí nương, thưa quí khách, xin động thớt cho!” Nói xong, lão ném chéo khăn choàng qua vai trái như thể người trượt tuyết trước khi tuột dốc. Đó là dấu hiệu xuất phát.

Nhóm người khách bèn lột vỏ củ hành. Người ta hay nói củ hành có bảy lớp vỏ. Quí bà cùng quí ông, ai nấy dùng con dao nhỏ lột các lớp vỏ ra. Họ lột lớp thứ nhất, rồi lớp thứ hai, lớp thứ ba, lớp vỏ màu vàng râu bắp, màu vàng kim, màu nâu rỉ sắt, hay đẹp hơn tí nữa là màu vỏ hành. Họ lột cho tới

khi củ hành láng như mặt gương, xanh xanh, trắng trắng, ướt nhèm nhẹp và rin rít, cho tới khi nó bốc mùi, cái mùi của củ hành. Lúc đó, khách mới thái nhỏ như người ta thái củ hành, khéo léo hay vụng về, trên tấm thớt nhỏ cưa theo hình con lợn hay con cá. Họ thái theo chiều dọc rồi lại thái theo chiều ngang, cho tới lúc nước tóe ra hay hơi bốc lên -- ông khách có tuổi hơn tỏ không khéo tay mấy khi sử dụng lưỡi dao nhỏ, cố gắng lắm mới không làm đứt tay. Lại có người tự làm tay đứt nhưng không hề hay biết; -- còn quí bà thì khéo tay hơn quí ông, thế nhưng không phải ai cũng thế đâu mà chỉ có ai thường nấu nướng ở nhà mà thôi. Các bà này biết thái củ hành cho món khoai hầm, món gan chưng táo hay món khoanh củ hành chiên. Thế nhưng trong quán củ hành của lão Schmuh này làm gì có các thức ăn đó, chẳng có bất cứ thứ gì để ăn cả.Cho nên ai muốn ăn xin mời họ quá bước đến các chỗ khác như quán “Fischl” chẳng hạn, vì ở Củ hành, người ta chỉ thái củ hành mà thôi. Mà thái hành làm chi vậy kià? Chỉ vì một chuyện, chỉ vì một cái tên. Quán Củ hành có món đặc biệt của quán.Đó là củ hành.Thêm một diều nữa là củ hành, củ hành khi bị thái nhỏ, khi ta nhìn thật sát… nhưng khỏi phải nói thêm, khách hàng lão Schmuh đã không nhìn nữa mà có nhìn cũng không thế thấy gì hơn vì lẽ mắt họ nước chảy ràn rụa và không phải vì tâm họ quá uất nghẹn đâu,. Vì không

phải lòng ta uất nghẹn nên ta có thể khóc được như thế, điều này không đúng đâu nhé. Có người không sao hành sử được, nhất là trong vòng một trăm năm chúng ta đang sống đây, trong thế kỷ đầy đau thương và muộn phiền này, chắc chắn hậu thế rồi đây sẽ coi như một trăm năm không thể rơi lệ. Do cái sự khô cạn nước mắt này, cái sự không thể nhỏ một giọt nước mắt này đây mà những người dư dả túi tiền đã rủ nhau tới Quán Củ hành của lão Schmuh này để nhận một tấm thớt nhỏ -- hình con lợn hay con cá -- chủ quán phát cho, một lưỡi dao thái giá tám mươi xu, và mười hai đồng Mác để mua một củ hành, loại củ hành thông thường trồng ngoài đồng hay trong vườn, loại củ hành của nhà bếp rồi lão nhủ họ thái thật nhỏ , nhỏ tới độ củ hành biến thành nước—mà nước chiết củ hành thì dùng làm gì nhỉ? Nó làm cái mà thế gian này và cả biển khổ của thế gian này không làm được: đó là tạo ra giọt nước mắt hình tròn. Củ hành làm người ta khóc. Nay thì họ khóc được rồi. Khóc cho đúng cách mà không phải bó buộc, khóc một cách mùi mẫn. Nước mắt tuôn trào cuốn trôi hết mọi thứ. Cơn mưa lại về. Như sương rơi. Oskar có cái hình ảnh của một cánh cửa con đập mở toang. Của đập nước vở trong mùa tuyết tan ngày xuân. Tên con sông nào cứ tràn bờ mỗi mùa xuân đến mà chính phủ không chịu ngăn nước khỏi bờ nhỉ?

Sau cái cao điểm đáng giá mười hai đồng tám mươi xu đó, con người khóc đã đời rồi họ mới bắt đầu mở miệng. Tuy có rụt rè, thảng thốt nghe lời nói trần trụi của chính mình, những kẻ khóc lóc này bèn thổ lộ hết mọi nỗi niềm cho người kề cận đang ngồi một cách tù túng trên mấy cái ghế lõm bọc bằng bao tãi, nghe. Họ nêu thắc mắc rồi để cho chính họ bị phơi trần từ trong ra ngoài y như ta trở cái áo khoác ngoài. Nhưng Oskar, người cùng Klepp và tên Scholle thì mắt ráo hoảnh, đang ngồi yên phía sau cầu thang hay là cầu thang trên boong tàu thủy cũng là một thứ, tôi thì kín đáo hơn. Bao nhiêu lời tiết lộ, bao nhiều lời tự cáo buộc, bao nhiều lời tự thú nghe trong tai, tôi chỉ liên hệ được câu chuyện về Cô Pioch mà thôi, cái cô mà Me xừ Vollmer ruồng bỏ mấy lượt cho nên tim cô trở nên sắt đá, và cô không thể nào khóc ra nước mắt được nữa. Chuyện này khiến cho việc lui tới Quán Củ hành của lão Schmuh thành ra một nhu cầu thường xuyên.

Cô Pioch kể vừa khi cô ngừng khóc, chúng em gặp nhau trên một chuyến tàu điện khi vừa ra khỏi tiệm -- cô là chủ một tiệm bán sách sang trọng. Tàu đã chật người nên Willy -- đây là nói Me-xừ Vollmer -- dẫm trúng chân phải của em. Mạnh tới mức em không còn đứng vững nữa do đó mà chúng em yêu nhau kể từ lúc ấy. Thấy em không bước được anh ta đưa tay dìu em đi, nói đúng ra là anh

ta bế em về phòng rồi kể từ giây phút đó, ảnh chăm sóc em một cách thật là yêu mến cái móng chân cái bị ảnh đạp dập nay nó đã xanh đen rồi. Ảnh thương yêu em chứ không phải thương ngón chân thôi đâu cho tới ngày móng chân rụng -- cái móng cái đó mà – cho móng mới mọc ra. Cái ngày mà móng cái rụng, ảnh hết thương em. Chúng em thực sự lấy làm đau khổ lắm. Lúc ấy chợt Willy -- ảnh vẫn con chăm sóc em tuy không thể nào bằng lúc trước kia, hơn nữa chúng em có nhiều điển rất giống nhau -- có một ý nghĩ khủng khiếp. Ảnh van nài em cho ảnh dẫm lên ngón chân trái của em cho nó tím bầm, lúc đầu thì tím nhạt, một hồi sau thành tím sẫm. Em thuận ý cho ảnh dẫm. Sau đó ảnh hết mình yêu em trở lại cho tới khi móng chân cái của em rụng đi như chiếc lá mùa thu. Thế là tình yêu chúng em lại lạnh nhạt đi vào mùa thu. Willy lại muốn bắt đầu lại với ngón chân phải mà móng chân đã mọc lại rồi. Song em không chịu cho. Em nói với ảnh là nếu tình yêu chúng mình nồng nhiệt thì tình yêu đo phải dai dẳng hơn cái móng chân chứ? Ảnh có vẻ không hiểu điều em nói. Ảnh bỏ em. Mấy tháng sau, chúng em gặp lại trong một buổi hòa nhạc. Ghế sát cạnh em may mắn là không có ai ngồi cho nên sau giờ giải lao, ảnh tới ngồi bên em. Dàn nhạc đang trình diễn bản Giao hưởng số Chín. Khi ban Hợp xướng cất tiếng, em mới cởi chiếc giày nơi chân phải, de ra trước

mặt cho ảnh thấy. Ảnh mới dẫm mạnh lên ngón chân, em không kêu một tiếng để khỏi phá ồn buổi hòa tấu. Bảy tuần lễ sau, Willy lại ruồng bỏ em một lần nữa. Chúng em còn hai lần tái hợp nữa đấy; hai lần khi thì em đưa chân trái khi lại đưa chân phải cho ảnh dẫm. Nay thì cả hai ngón chân em đều bầm tím, móng chân không mọc được nữa. Thỉnh thoảng ảnh vẫn còn lui tới thăm em, mặt mày sầu thảm, cám cảnh cho cả hai đứa. Ảnh ngồi bệt xuống thảm cạnh đôi chân của em, không trìu mến mà cũng không bi lụy, mắt nhìn không chớp hai ngón chân nạn nhân của cuộc tình nay không còn một móng chân nào. Đôi khi em nói: Đi với em, anh Willy, chúng ta tới Quán Củ hành của Schmuh để được khóc cho thỏa thuê. Thế nhưng mời hoài mà ảnh chẳng chịu đi. Cái linh hồn bất hạnh ấy sẽ ra sao nếu không có giọt lệ an ủi nhỉ!

Oskar chỉ tiết lộ chuyện này cho ai tò mò muốn biết là sau này chàng Vollmer (nhận tiện nói thêm hắn bán ra-đi-ô) có tới Quán Củ hành nơi chúng tôi đang hành nghề. Hai cô cậu cùng ngồi khóc mà theo như tên Klepp cho tôi biết hôm qua trong giờ đông khách, họ đã làm đám cưới rồi.

Từ thứ Ba tới thứ Bảy -- Quán đóng cửa ngày Chủ nhật -- chính trong thời gian này củ hành đã làm dấy lên lắm thảm kịch cuộc đời. Nhưng vào những ngày thứ Hai thì người ta lại khóc mùi mẫn hơn cả

khi bọn thanh niên nam nữ là khách chính của Quán. Lão Schmuh hạ một nửa giá dành cho bọn trai trẻ trong ngày này. Khách hay tới nhất là bọn sinh viên y khoa và dự bị y khoa—nam cũng như nữ. Lại có một ít sinh viên trường mỹ thuật, nhất là đám sinh viên dự tính sau này ra trường làm thày dạy vẽ, lấy chút tiền học bỗng đặng mua một củ hành. Nhưng, sau này tôi tự hỏi, mấy đứa học trò nam nữ lớp cuối bậc trung học này kiếm tiền ở đâu để mà mua củ hành nhỉ?

Thanh niên nam nữ có cách khóc khác chúng ta. Chúng có những vấn nạn của riêng, không giống các bậc làm cha làm mẹ của chúng song điều đó không có nghĩa là chúng chỉ lo lắng thi đổ hay rớt. Ôi chà, cái chuyện trục trặc giữa người cha và đứa con trai, hay giữa mẹ và đứa con gái nghe điếc cả tai ở Quán Củ hành này! Lắm đứa than cha mẹ chúng thiếu thông cảm nhưng riết rồi chúng cũng quen thôi, chẳng có gì đáng khóc than cho. Oskar lấy làm phấn khích khi thấy tình yêu chớ không phải sự bất đạt tình dục, vẫn còn làm người ra rỏ ra được nước mắt trong đám con trẻ này. Ví như chuyện Gerhard và Gudrun sau đây chẳng hạn.

Lúc đâu hai anh chị còn ngồi ở tầng dưới và chỉ về sau họ mới ra khóc ở ngoài nơi hầm hành lang. Nàng thì to sồ và da thịt cuồn cuộn, là tay chơi bòng ném và đang theo học ngành hóa. Tóc búi

một lọn sau gáy. Lúc nào nàng ta cũng nhìn thẳng tới trước bằng đôi mắt màu xám dịu hiền như đôi mắt của một người mẹ, một cái nhìn sạch sẽ, thẳng thắn này làm tôi nhớ tới cái bích chương thời chiến tranh của Hội Phụ nữ.

Dù cho vầng trán đẹp, mịn mà, trắng màu sữa, cộng thêm một sức khỏe tràn đầy, khuôn mặt cô gái quả là một sự không may chút nào. Đôi gò má và chiếc cằm tròn trịa, chắc thịt cho tới cổ hầu A dong lún phún bộ râu hàm mọc khá là sum xuê khiến ta phải nảo ruột và con người khốn khổ nay đã cố bao công sức mà vẫn không thể nào cạo cho sạch đặng. Làn da mỏng phản ứng mãnh liệt cái lưỡi dao cạo. À Gudrun khóc ròng vì khuôn mặt đỏ lừ, nứt nẻ và nổi mụn của mình. Và khóc vì hàm râu cứ mọc đi mọc lại hoài. Hai người gặp nhau trên trên một chuyến tàu lửa chứ không phải tầu điện như cô Pioch và Me-xừ Villmer. Chàng ngồi trước mặt nàng, cả hai vừa đi nghỉ hè giữa hai học kỳ sáu tháng nay trở về. Chàng thấy thương nàng ngay lúc ấy mặc dù đã thấy cái bộ râu kia. Còn nàng thì nàng không dám yêu chàng vì mình có râu trên cằm nhưng lại lấy làm thích vì chàng có chiếc cằm nhẵn thín, không một sợi râu, trông trơn trú như đít đứa con nít mà chuyện này chàng cho là mình không may mới có, cứ bẽn lẽn mỗi khi đối diện với các cô con gái. Thế nhưng, Gerhard bắt chuyện với Gudrun, đến chừng tàu lửa dừng, và họ

xuống ga Dusseldorf, thì họ đã như thất thiết lắm rồi. Sau đó cứ cách nhật, chàng và nàng lại gặp nhau. Họ nói chuyện này, chuyện kia, nhiều lần họ chia sẻ tâm tình cho nhau nhưng không bao giờ muốn đề cập tới chuyện bộ râu hàm đang biến mất và bộ râu hàm mọc lồ lộ. Gerhard khá quan tâm tới Gudrun, biết là da nàng rất mỏng cho nên chàng không hôn nàng bao giờ. Tình yêu như vậy là trong sạch dù cả hai anh chị không ai muốn vậy chẳng là vì nàng thì học ngành hóa còn chàng lại học nganh y. Khi có anh bạn gợi ra tên Quán Củ hành, hai người đều cười một cách khinh dễ theo cái hạnh nghi ngờ của đám sinh viên học ngảnh hóa và ngành y đó mà. Nhưng mà cuối cùng, họ cũng tới Quán, cốt ý là thu thập một ít tài liệu, họ bảo nhau như vậy. Oskar chưa khi nào thấy bọn trẻ khóc được nhiều như cặp này. Họ còn quay lại đây mấy lần nữa. Họ nhịn ăn để tiết kiệm sáu đồng bốn mươi xu, để mà khóc vì cái hàm không có râu và khóc vì hàm râu đã làm hại làn da mịn màng gái tơ. Có một lúc họ không tới Quán. Một ngáy thứ Hai nọ, họ không tới, nhưng thứ Hai sau, họ lại tới. Lấy mấy ngón tay phủi phủi củ hành, họ đành thú nhận là họ cố tiết kiệm sáu đồng bốn mươi xu; họ đã làm vậy bằng cách thái củ hành rẻ tiền tại phòng ngủ của mình, nhưng sự việc không giống như ở quán này. Bạn phải có một cử tọa vì khóc chung thì dễ dàng hơn. Khóc như thế làm bạn thấy

được thế nào là tình huynh đệ trong ưu phiền có nhau khi mà bên trái hoăc bên phải và luồng hành lang trên đầu, sinh viên bạn học ai nấy cũng khóc ào ào.

Đây lại là một trường hợp khác mà Quán Củ hành ngoài chuyện ban cho bạn giọt nước mắt, nó còn từ từ tìm ra một phương thuốc chữa bệnh nữa. Bề ngoài, nước mắt như vượt qua sự ngăn trở và theo như người ta nói, nước mắt mang con người lại gần nhau hơn. Chàng hôn lên gò má thương tích của nàng, còn nàng thì vân vê cái cầm trơn tru của chàng và rồi một ngày kia, họ thôi không tới Quán Củ hành nữa vì thấy chuyện đó không còn cần thiết. Mấ y tháng sau, Oskar trông thấy chàng và nàng trên đường Konig-Allee.Lúc đầu, Oskar không sao nhận ra được họ. Chàng vốn là anh chàng Gehard mặt trơ trán bóng nay để một hàm râu quăn vàng hoe còn nàng, các cô ả Gudrun râu ria xồm xoàm, nay trên môi chỉ còn một vết mờ mờ trông thật là dễ thương. Cằm và gò má cô ả nhẵn thin, sáng sủa, không còn đám râu ngày nào. Dù đã lấy nhau, cặp này vẫn tiếp tục đến trường như một đôi vợ chồng sinh viên.Năm mươi năm sau Oskar như vẫn còn nghe họ nói với các cháu chắt. Nàng là Gudrun thì nói thế này: “Ngày xưa, trước khi Ông tụi cháu có râu hàm.” Còn chàng là Gerhard thì nói: “ Khi mà Bà các cháu khốn khổ vì

hàm râu của bà thì ông bà có tới Quán Củ hành mỗi ngày thứ Hai.”

Nhưng các bạn có thể hỏi mục đích của bọn nhạc công chúng tôi ngồi im dưới thang lâu là để làm gì vậy? Cái quán củ hành, cái sự khóc lóc, tru tréo, cái nghiến răng, mọi thứ đó dùng ban nhạc bình thường, phải trả lương đúng kỳ này để làm gì vậy kìa?

Mỗi khi khách khứa thôi khóc, lòng đã nhẹ nhõm, chúng tôi mới cầm đàn, sáo lên, tấu một khúc nhạc chuyển thể để đưa con người trở lại cuộc trò chuyện thường ngày. Chúng tôi tiễn họ ra khỏi Quán Củ hành một cách thoải mái để có chỗ cho khách mới tới. Klepp, Scholle và Oskar, vốn là bọn không thích củ hành. Hơn nữa trong tờ hợp đồng có một khoản cầm chúng tôi không được “dùng” củ hành như cách khách đang làm. Tụi tôi nào cần củ hành đâu. Thằng gãy lục huyền cầm tên Scholle không có chuyền phiền muộn gì ráo, lúc nào nó cũng vui tươi và hài lòng với chinh mình ngay cả lúc hai sợi dây đàn băng giô bỗng đứt tung giữa lúc chúng tôi chơi bản nhạc dậm dật nhất. Còn tên Klepp, cái chuyện khóc hoặc cười cho đến ngày nay nó cũng không phân biệt rõ ràng ra làm sao cả. Thấy nước mắt là nó cười. Tôi thì tôi chưa thấy ai cười tới bổ lăng như nó trong một đám tang của cô mình, người từng giặt từng cái áo, cái bít-tất

cho nó trước ngày nó cưới vợ. Còn Oskar thì sao? Oskar có nhiều chuyện đáng khóc lắm. Hắn há không có quyền khóc để xóa nhòa hình ảnh Bà sơ Dorothea và cái đêm dài, vô nghĩa ngủ trên tấm thảm sơ dừa còn dài hơn nữa chăng? Còn em Maria của tôi nữa? Em là lý do đủ cho tôi phải đau khỗ. Há không phải Stenzel, ông chủ của Maria, cứ thấy thích là tới lui ngôi nhà ở Bilk sao? Há chẳng phải thằng Kurt, con tôi, thích thì lúc đầu gọi thằng chủ tiệm thực phẩm là “chú Stenzel” và cuối cùng là “Bố Stenzel” đó sao? Còn những kẻ nay yên nghỉ trong lòng đất cát Nghĩa trang Saspe xa xôi hay trong lòng đất sét Nghĩa trang Brenntau; như người mẹ khốn khó của tôi, chú Jan Bronski dễ thương nhưng thích làm càn, ông Matzerath người đầu bếp biết chế biến cảm súc thành nồi súp thì sao?

Những người như thế đều cần có người khóc cho. Nhưng Oskar vẫn là may mắn vì nó còn có khả năng khóc được mà không cần phải thái củ hành.Cái trống đã giúp tôi khóc được đấy. Chỉ cần gõ một đôi nhịp rất riêng biệt là Oskar đã tan thành nước mắt mà phẩm chất không kém thua nước mắt phải trả khá đắt trong Quán Củ hành kia.

Còn lão Schmuh, ông chủ quán, ông không bao giờ thái hành. Trong trường hợp của mình, các con chim là thứ lão cần có. Một đôi lần cứ sau cuộc

săn, lão xếp mười hai con sẻ bắn được lên một tờ nhật trình, rồi rỏ những giọt nước mắt lên các nhúm lông bé nhỏ chưa kịp hết hơi ấm, miệng lão còn khóc rấm rức, tay vung cao nắm thức ăn ra khắp đồng cỏ, bãi đá cuội nằm suốt hai bên bờ con ông Rhine. Ngay trong Quán, lão cũng có một lỗ thoát để cho nỗi phiền muộn của mình. Lâu nay, lão tập được một thói quen là hay chửi mắng người gác nhà vệ sinh mà hễ chửi lão chửi rất ác, mỗi tuần một lần, mà càng ngày lão càng sử dụng nhiều danh từ xưa thật xưa như là “con đĩ thúi’, “con đĩ rạc”, “con đĩ ngựa già mồm”. “Cút đi ngay!” chúng tôi nghe lão gầm lên như thế. “Con quỷ đáng tởm, tao đuổi mày ngay!” Mà lão đuổi nạn nhân thật, đuổi không cần phải thông báo trước rồi lão đi mướn một người khác. Nhưng không bao lâu sau, lão thấy bí khi lão không có người trông coi phòng vệ sinh. Kiếm không ra người lão buộc phải gọi người làm cũ bị lão đuổi việc trước đó. Bọn này dại gì mà không trở lại. Lời chửi mắng của lão chẳng mấy nghĩa lý gì đối với họ, còn lương phạn lão lại trả khá cao. Khách lui tới Quán – hậu quả của khóc quá nhiều nước mắt--thường đi nhà vệ sinh tới mức kinh khủng và còn nữa, cái con vật người mau nước mắt (Homo lacrimants) đây lại là giống tiêu xài rộng rãi hơn là đối ngẫu không có nước mắt, nhất là các đấng mày râu mà mấy vị này thì sau câu nói nghẹn ngào

rằng cho phép tôi đi ngoài một chút, chắc chắn sẽ cho tiền thưởng rất hậu hỉnh. Một nguồn huê lợi người gác nhà vệ sinh được hưởng nữa là tiền bán cái khăn choàng danh tiếng có in dòng chữ: “Nơi Quán Củ hành”. Khăn bán chạy như tôm tươi bởi cái lý do là một khi không còn được dùng để lau nước mắt nữa, khăn sẽ là món kỷ niệm xinh xinh hoặc giả làm khăn bịt đầu cũng xong. Khăn có thể được cắt thành lá cờ khách quen Quán đã treo phía kính sau xe hơi. Nhờ vậy mà danh tiếng Quán Củ hành của lão Schmuh lan tới tận Paris, Côte d’Azur, Rome, Ravenna, Rimini và cả tới chốn xa lắc xa lơ như Tây Ban nha, trong mùa thiên hạ rủ nhau đi nghỉ hè.

Bọn nhạc công chúng tôi, âm nhạc của chúng tôi còn có một nhiệm vụ khác nữa. Một đôi khi có người khách lại muốn thái hai củ hành liền tù tì, kết quả là một màn tùm lum túa lụa có khi biến thành một cảnh loạn cuồng. Lão Schmuh nhất định đặt ra một mức giới hạn. Cứ thấy một ông nào toan cởi cà vạt còn bà nào muốn thoát y, lão ta liền bảo chúng tôi đưa nhạc vào can thiệp ngay để mà đẩy lui những cử chỉ khêu gợi dâm đãng đó. Thế nhưng, lão Schmuh vẫn là người chịu trách nhiệm hơn ai hết nếu có chuyện trững mỡ này xảy ra, do cái thói quen là rình chờ anh khách nào dễ làm bậy nhất thì bán cho thêm một củ hành nữa.

Cái cảnh hỗn loạn ngoạn mục nhất tôi còn nhớ đã ảnh hưởng cả nghề nghiệp của Oskar tuy rằng tôi sẽ chỉ giới hạn vào cái gọi là chỗ bước ngoặc cốt lõi mà thôi. Vợ lão Schmuh là thứ đàn bà ăn nói và cử chỉ linh hoạt lắm, tên là Billy. Ít khi thấy bà ấy tới Quán, nhưng khi bà tới thì thường là bà đi với mấy người bạn của bà. Mà bạn của bà, lão Schmuh lại thấy không hạp. Rồi một đêm nọ, bà xuất hiện bên cạnh Woody, nhà phê bình âm nhạc, và Wackerlei, kiến trúc sư và người ngậm-ống-vố. Cả ai trự này đều là khách trung thành của Quán song nỗi ưu phiền của họ thuộc một dạng khá ư là tẻ nhạt. Woody khóc vì những nguyên do thuần tôn giáo – hắn cứ gia nhập nay đạo này rồi lại cải sang đạo khác. Còn Wackerlei, người ngậm-ống-vố, vẫn tiếp tục rên rỉ vì lỡ từ chối chức danh giáo sư trong những năm hai mươi chỉ vì con bé vô trách nhiệm người Đan Mạch đã bỏ ông mà lấy một tên người Nam Mỹ, rồi sanh ra sáu đứa con với tên này, đến giờ nó vẫn còn là nguyên do làm ông đau khổ, và làm cái ống vố mỗi lần hút cứ phải mồi đi mồi lại mấy năm nay.Chính cái ông Woody ranh mãnh này là người xúi bà Schmuh thái một củ hành. Bà thái, nước mắt bà tuôn ra, sau đó bà bắt dầu xổ ra hết. Bà vạch trần con người lão Schmuh, kể những chuyện mà Oskar vì lịch sự không muốn nói lại làm chi. Phải ba bốn ông khách khỏe tay mới kềm không cho lão Schmuh nhào tới bà vợ. Các bạn chớ

quên là mấy con dao thái bàn nào cũng có đó nghe. Dù gì đi nữa thì người ta vẫn giữ chặt lão Schnuh cho tới khi mụ Billy không kín miệng này lẽn ra về cùng hai người bạn của bà là Woody và Wackerlei.

Lão Schmuh giận lắm. Tôi biết vậy vì trông thấy ông cứ luôn tay sửa đi cột lại cái chăn choàng hoài. Lão ra sau tấm màn mấy lượt, chửi rủa người gác nhà vệ sinh. Sau đó, lão trở ra, tay mang một cái rổ đầy, thông báo cho khách khứa, giọng nói cực kỳ vui vẻ, rằng lão Schmuh này cảm thấy hôm nay lão phải hào phóng, lão sẽ phát không cho mỗi người khách một củ hành. Nói xong, lão đi phát ngay.

Tình cảnh con người cho dù có đau khổ đến đâu đi nữa cũng làm cho Klepp cười ngất nhưng hôm nay, hắn có vẻ căng thẳng, tay cầm ống sáo chực chờ. Vì chúng tôi biết trao cho những con người đang căng phồng cảm xúc này đây tới hai phần nước mắt mà nước mắt thì cuốn sạch mọi rào cản thì quả là nguy hiểm thật.

Lão Schmuh thấy chúng tôi cầm nhạc cụ chờ lệnh nên không cho chúng tôi cử nhạc. Bàn nào bàn nấy người ta động dao. Người ta lơ đãng đẩy qua một bên lớp vỏ hành màu dỏ xẫm trông rất đẹp, Lưỡi dao cắt vào thịt trong suốt có những đưởng sọc xanh nhạt. Có điều là lạ là trận khóc không bắt

đầu từ phía quí bà. Quí ông trong độ tuổi thanh xuân -- như ông chủ nhà máy to xay bột, ông chủ khách sạn đang ngồi với một người bạn trẻ tuổi có đôi môi đánh son đỏ nhạt, ông quí tộc có chức vị rất cao trong các hội đồng hãng buôn bán lớn, cả một bàn toàn là các vị sản xuất hàng may mặc vừa xuống phố để họp Ban Quản trị, người kịch sĩ đầu hói, trong Quán người ta đặt tên là ông Nghiến răng vì hễ ông khóc là ông nghiến răng—tất cả số người này đều khóc trước rồi mấy bà mới hùa theo sau. Nhưng quí bà và quí ông không khóc giọt nước mắt để cất bỏ đi gánh nặng hay khóc mà giải sầu như khi thái củ hành thứ nhất. Đây là trận khóc quằn quại, khóc say, khóc sưa, khóc cuống cuồng. Ông Nghiến răng thì cắn hàm răng kêu kèn kẹt nghe đến rợn người; giá như ông đứng trên sân khấu, chắc lắm người sẽ bắt chước làm theo; ông chủ nhà máy xây bột lắc lư mớ tóc xám chải chuốt cẩn thận ngay trên mặt bàn; ông chủ khách sạn cũng khóc lăn khóc lộn với người bạn trẻ mảnh mai. Lão Schmuh đứng cạnh cầu thang, tấm khăn choàng xệ xuống một bên, cố nhìn cái đám người gần như cuồng điên kia, lòng thấy vui một cách thật ranh mãnh. Thình lình một mụ khá lớn tuổi xé toạc áo đang mặc, ngay trước mặt người con rể. Người bạn trai ông chủ khách sạn có nét mặt ngoại quốc ngay lúc ban đầu mọi người đã để mắt theo dõi, mới cổi áo để lộ thân mình ra, rồi anh ta

nhảy từ bàn này sang bàn kia, biểu diễn một màn múa có lẽ chỉ bên Đông phương mới có mà thôi. Thế là cuộc hoan lạc khởi đầu. Tuy bắt đầu có cuồng bạo đấy, cuộc truy hoan xem ra khá tẻ nhạt, vô vị không đáng được kể lại đây làm chi.

Lão Schmuh thấy thất vọng: ngay đến Oskar tôi cũng phải nhíu may vì tởm lợm. Một hay hai màn thoát y kịch cỡm; ông thì lại diện đồ lót phụ nữ, nữ tặc thì diện cà vạt, mang dây đeo quần của quí ông, một hay hai cặp trốn xuống gầm bàn, còn lão Nghiến răng thì đang nhai cái xú-cheng và có vẻ như đã nuốt vài khúc rồi.

Sự huyên náo thật đáng kinh. Tiếng ồ tiếng à nghe vang trời. Sau rốt, thấy nãn quá, và cũng sợ cảnh sát, lão Schmuh bỏ chỗ đứng bên cầu thang, chồm mình sang bảo chúng tôi, lấy tay hích thẳng Klepp trước rồi tôi sau, miệng rít: “Trổi nhạc lên! Mẹ kíp chơi một bài đi. Chơi cho họ ngừng lại!”

Nhưng té ra tên Klepp, vốn xưa nay thich làm vui lòng mọi người, hiện giờ đang thích thú trước cảnh tượng. Nó cười ngặt nghẽo nên không chịu thổi sáo. Còn tên Scholle vẫn xem tên Klepp là sư tổ của mình, thấy Kleppp làm gì thì nó bắt chước làm theo, kể cả khi sư tổ nó cười. Duy chỉ có Oskar tôi là không theo ai hết – nhưng lão Schmuh còn có tôi là người đáng tin cẩn, tôi bèn lấy cái trống

thiếc từ dưới ghế dài ra, rồi thủng thẳng đốt một điếu thuốc lá và bắt đàu gõ trống.

Không cần để ý mính sắp đánh kiểu gì, tôi cứ đánh khan. Tôi quên hết các bài bản thường ngày chơi trong các quán cà phê thông thường. Oskar không chơi điệu jazz, Chuyện tôi ghét nhất là mình bị người đời xem là tay cuồng si gõ trống. Được thôi, tôi là tay trống cừ khôi nhưng không hề là tay chơi phá cách. Vâng, tôi thích nhạc Jazz song tôi cũng thích điệu van thành Vienna nữa. Tôi có thể chơi cả hai nhưng tôi không muốn vậy. Khi lão Schmuh bảo tôi cầm trống nhào vô, tôi không chơi những bài bản tôi đã biết, mà tôi chơi theo cảm xúc của mình. Đó là khi thằng bé Oskar ba tuổi cầm đôi dùi trống. Tôi gõ nhịp như quá khứ tôi từng gõ, tôi gợi lại cái thế giới mà đứa bé ba tuổi từng trông thấy. Với những con người sống thời hậu chiến bất lực không tạo nỗi cho mình một cảnh hoan lạc thực sự này đây, nhiệm vụ tiên khởi của tôi là thắng cương ngựa cả đám: tôi dẫn họ về Posadowski-Weg, trở về Vườn trẻ thơ của Bà cô già tên là Kauer. Sau khi tôi khiến họ mệt phờ người ra, họ bèn nắm tay nhau, mấy ngón chân chụm lại chờ tôi, người Thổi kèn dẫn đường. Tôi liền bỏ chỗ ngồi nãy giờ, và tiến ra phía trước cả nhóm.” Nướng, nướng, nướng cái bánh tráng” là tỉ dụ lúc ban đầu. Thấy nghe được quá, -- ai cũng tham gia trò chơi con nít này -- tôi đâm ra muốn làm họ khiếp hãi. Nào “mụ phù

thủy, đen như quỷ?” Tôi gõ tum tum. Tiếng trống gợi lại hình ảnh mụ phù thủy mặc áo đen làm tôi hãi kinh những ngày ấu thơ và những năm gần đây càng lúc bà tôi càng làm tôi sợ hãi thêm. Tôi đưa cái kinh hãi tối như đêm ba mươi này hùng hổ chạy từ đầu này sang đầu kia trong Quán Củ hành để đạt được cái mà lão Schmuh phải nhờ có củ hành mới tạo ra đặng. Quí bá quí ông nhỏ ra những giọt nước mắt tròn trịa như trẻ thơ; quí bà cùng quí ông kinh sợ tới mặt mày xám xanh, răng đánh cầm cập, mồm cứ năn nỉ xin tha mạng cho. Nghe vậy, tôi bèn gõ: “xanh, xanh, xanh như quần áo tôi” rồi “đỏ, đỏ, đỏ như quần áo tôi” đó là chưa nói” lam, lam, lam…” và “vàng, vàng, vàng.” để yên ủi và khiến họ mặc lại áo ngoài, quần lót trong, lụa là hay vải sa-tanh. Đánh hết mọi màu sắc thông thường thì đám đông của nợ của tôi ai nấy cũng đều ăn vận xong đâu đó. Ngay lập tức, tôi xếp họ thành một đám rước, tôi dẫn họ đi trong Quán như thể họ đang đi trên đường Jeschkentaler-Weg. Tôi dẫn đoàn đi ngược đường Erbsberg, vòng quanh tưởng đài Gutenberg xấu xí rồi tiếp tục đi tới Johannis-Wiese đầy hoa cúc dại mà quí ông và quí bà cứ hái trong niềm vui thật vô tư. Sau rốt, muốn cho những người có mặt hôm nay, trong đó phải kể cả lão Schmuh đầu sõ nữa, có một kỷ niệm thời Vườn trẻ khó quên, tôi cho phép mọi người được đi giải. Thấy tới gần Hẽm Quỉ là nơi rất tối tăm để

lượm quả sồi, tôi liền gõ như thể nói: các con ơi, các con đi giải đi.

Thế là họ liền sẵn dịp chơi luôn. Quì bà, quí ông, cả lão Schmuh chủ quán, và cả cái kẻ hèn mọn như người gác nhà vệ sinh, như đàn con trẻ, họ tè ướt hết cả quần, họ đái xè, xè, họ ngồi bệt xuống lắng nghe cái âm thanh do chính mình tạo ra, ai nấy quần đều ướt cả. Cho tới khi tiếng nhạc trống chấm dứt, -

Oskar cứ để hiệu ứng trẻ con riêng một bên cho họ tiếp tục hưởng, ngoại trừ một hồi trống khua nhè nhẹ cho tới lúc tắt hẳn-- tôi mới tạo một không khí vui tươi bằng một tiếng buồm thật to và mạnh. Chung quanh tôi, đoàn người gào lên, cười khúc khích và nhi nhô những câu hát vô nghĩa của trẻ thơ:

*Đập bể khung cửa sổ nhỏ,*
*Bỏ miếng đường vào cái ly*
*Bà Vỹ kéo cây đàn vĩ*
*Em yêu, em yêu, ơi em yêu*

Tôi dẫn họ tới phòng gửi áo, nơi anh sinh viên ngơ ngác trả lại các áo khoác cho đám trẻ học lớp mẫu giáo của lão Schmuh; rối gõ bài ca mộc mạc” các thiếu phụ miệt mài giặt giũ áo quần.” để đưa họ bước lên tầng cấp xi măng, đi ngang người gác cổng mặc cái áo da cừu thô kệch. Tôi buông thả

cái vườn trẻ này dưới một vòm trời đang vào xuân, năm 1950, trong không khí có thể hơi mát mẻ đôi chút nhưng là một màn đêm khảm đầy những ngôi sao của chuyện thần tiên mà như ai đó đã mua sẵn cho đêm hôm nay. Quên đường về, đoàn người còn tiếp tục đi phá phách trong Khu phố cổ thêm một lúc nữa cho mãi đến lúc cảnh sát tới giúp họ nhớ lại địa chỉ, địa vị trong xã hội và cả số điện thoại mới thôi.

Còn tôi, tôi cười thầm trong bụng, tay ve vuốt cái trống con trên đường trở lại Quán Củ hành nơi lão Schmuh vẫn còn đang vổ tay, hai chân dạng ra, tè ướt bên cạnh cầu thang, dường như cũng sung sướng được trở lại Vườn Trẻ của Bà cô già Kauer y như lúc lớn lên Schmuh đi bắn chim sẻ trên đồng cỏ sông Rhine vậy.

[Gunter Grass, *The Tin Drum*, chương In the Onion Cellar, pp 519-535, theo bản dịch tiếng Anh của Ralph Manheim, Pantheon Books, New York, 1961]

# **Ông vua cầm súng**.(*)

Câu chuyện sau cùng này có thể xem như kết từ của sách.Tuy chỉ vừa xẩy ra thôi nhưng, tôi kết thúc nó vì ước mong nó sẽ mở ra một chương mới cuốn sử về chiến tranh Việt nam. cùng với những gì đi theo sau đó.Tháng 11 năm 1982, tôi đến Washington, D.C, tham dự ngày khánh thành Bức tường Tưởng niệm Cựu Chiến binh Chiến tranh Việt nam. Từ khắp mọi miền Hoa kỳ, hàng ngàn các cựu chiến binh đổ về cho nên tôi muốn mình phải có mặt tại đó.

Tôi phải đi vì nhiều lý do. Tôi muốn vinh danh những người đã hy sinh và đăc biệt là những người

tôi từng khăng khít. Tôi muốn nếm trải mùi vị của tình đồng đội và ý nghĩa của công cuộc chiến đâu nay dường như chỉ còn là một kỷ niệm đang dần mờ nhạt trong tôi.Tôi muốn chính mắt nhìn thấy Bức tường tưởng niệm: tôi muốn sờ mấy tên tử sĩ khắc trên mặt đá cẩm thạch bóng loáng và cuối cùng tôi muốn , rất muốn mình có cuộc diễu hành mong chờ từ lâu nay.

Ngày đầu, tôi nằm trong thành phần những người xướng danh các tử sĩ trong Quốc gia Thánh đường. Tôi là một trong hàng bao nhiêu người nối nhau đọc tên kéo dài trong suốt ba ngày "đốt nến" theo bản báo cáo tổn thất nhân mạng cho đến tên thứ 57, 937 cuối cùng mới thôi. Tôi xem việc này cùng việc xướng danh tử sĩ trong sự yên ắng dưới vòm mái cong của ngôi thánh đường là một niềm vinh dự.

Chúng tôi từng căp hai người xướng danh. Người đứng với tôi là một cụ già có con đã hy sinh ở Việt nam. Ông và tôi đọc khoảng nửa giờ đồng hồ mà chỉ đọc từ họ Bianconi tới họ Blunkall. Thật là một trải nghiệm nhiều xúc động. Có lúc đọc không được khi tôi nhìn xuống cứ tọa , thấy có mấy người khóc hay lau nước mắt. Trong cổ họng tôi như có cái gì đó chăn lại, và nước mắt cứ tuôn ra. Rõ ràng tôi thấy tôi đang đọc tên những con người thật, những con người có gia đình thật, có người thương

thật, có những ước mơ thật. Tôi rất xúc động vì không khí thánh đường, vì sự trang trọng của nghi thức, và sự sâu lắng của ưu phiền. Lòng tôi nhẹ nhỏm vì cuối cùng thì sự vinh danh cũng đã đến với chúng ta.

***

Thât là cảm động không sao tả siết khi gặp lại tất cả các G.I. Hàng ngàn người đến đây trong bộ quân phục tác chiến cũ xưa, hay chỉ một chiếc quân hoặc chiếc áo lẻ loi, lôi từ trong hốc tủ, hốc nhà ra. Họ là những cựu chiến binh từ mọi miền của Liên bang. Họ tới bằng tàu bay, tàu lửa, xe hơi và xe buýt. Một vài người đi theo từng chặng đường, lại có người nhờ người khác cho quá giang đi thẳng môt mạch từ nhà tới đây. Tôi chẳng cần biết họ thuộc quân binh chủng nào, cấp bậc nào--tôi vẫn yêu mến từng người. Tôi nghĩ chúng tôi đếu cảm thấy tình đồng đội sâu xa. Mỗi cái bắt tay đều phải có các ngón tay đan chéo như một biểu tượng của tình huynh đệ. Mọi người chắc phải cảm thấy mình như những anh hùng.

Ai cũng đi tìm những người mình quen thuở trước. Người ta đi vòng vòng, mắt dõi tìm, Mắt không lộ vẻ vui hay buồn, cảm xúc không bày tỏ ra ngoài trừ niềm hy vọng người sẽ gặp kế tiếp sẽ làm mọi thứ tuôn trào. Khi hai người bạn cũ cuối cùng nhìn thấy nhau, bao nhiêu cảm xúc đều vở òa. Họ la to,

họ ôm nhau, họ khóc vì sau hơn một thâp kỷ những người từng chia nhau một góc địa ngục nay lại được gặp nhau.

Những ai không tìm được bạn quen cũ, họ bèn nói chuyện với những người cùng một lữ đoàn hay có khi cùng một sư đoàn cũng là thỏa lòng rồi. Ngay cả khi cùng một đơn vị nhưng không thân với nhau, cả hai đếu thấy mình đã trải qua cùng một thời gian chiến đấu chung, cũng cùng khủng khiếp như nhau và khốn khổ như nhau. Hai người ôm nhau và khóc vì hờn giận, vì ưu phiền vì bất lực trong hơn mười năm qua, không phải là cảnh hiếm thấy tại đây.

***

Tôi đi xuống phía Bức tường Tưởng niệm trong ngày đầu khi tới đây. Đó là ngày thứ tư trước ngày chính thức khánh thành vào ngày thứ bảy tới, ngày 13 tháng 11. Các cựu chiến binh cũng đang từ từ đến; chúng tôi cũng vừa mới bắt đầu xướng danh các tử sĩ trong Quôc gia Thánh đường. Tôi thật không thích công trình tưởng niệm. Tôi từng thấy bức phác họa nên không mấy ưa nó. Tôi từng nghe nhửng phê phán mạnh mẽ chung quanh hình mẫu. Cho nên tôi suy nghĩ lung lắm khi bước theo con dốc nhỏ trong Khu Quảng trường hình chữ nhật gần Đài tưởng niệm Abraham Lincoln. Tôi biết từ đỉnh con dốc này, tôi có thể nhìn xuống bờ đất

thoai thoải, tôi sẽ thấy bức tường cẩm thạch màu đen hình chữ V ép chặt vào sườn đồi. Tôi biết mỗi một mảnh tường đá mỏng đánh bóng ghép thành hình lon hạ sĩ như thế phải có những hàng tên tất cả các tử sĩ tử trận ở Việt Nam. Tôi cũng đã từng bực mình khi nghe người ta gọi chỗ này là "Thung lũng Thần chết". Tôi không biết cảm nghĩ mình sẽ ra sao đây.

Tôi đã lên tới đỉnh đồi và tôi đã nhìn xuống. Môt vạt đá hoa cương màu đen chém chéo một vùng cỏ mới trồng. Tôi liền dừng chân để nhìn quang cảnh từ xa. Tôi liền tức khắc thây mình không còn chê nó nữa. Tôi thấy nó trang nghiêm, nó không diêm dúa, nó chỉ trao cho chúng ta một thông điệp duy nhất, đó là tên người người đã khuất. Nếu như thế thôi thì đây là một công trình không phải là không thích hợp. Tôi không nghĩ bức tường dài đến thế nên nó khiến tôi liên tưởng đến tường bọc quanh ụ súng pháo binh. Tôi không biết có ai nghĩ giống như tôi không.

Tôi bước xuống phía bức tường bóng loáng. Một nhóm nhỏ cựu chiến binh đang đứng xem, im lặng hay nói nho nhỏ với nhau từng hai hay ba người. Một số người khá đông đúng sát mặt tường, đọc các danh sách dài thòng các tên người, cố tìm tên người bạn đã chết từ lâu. Tìm được tên sẽ là một niềm thanh thỏa nào đó . Những người đàn ông

khuôn mặt cộc cằn, áo quần trận cũ mèm, mắt đỏ hoe nhìn trừng trừng, đầu gục gặc khi tìm được tên người từng chiến đấu bên mình ngày xưa. Mấy người vừa đứng tại đây một lúc, vừa hết xúc cảm ban đầu, thấy người khác vừa mới tới , họ đã bước tới ôm hoàng , trông thật não lòng.

Tôi e ngại tìm tên những người tôi từng quen biết là thuộc hạ cũ của tôi. Tôi sơ khi tôi tìm được họ thì họ sẽ nhảy ra khỏi bức tường đá đen này , tống vào mặt tôi một cú như trời giàng. Tôi sợ nỗi khổ đau. Tôi nghĩ như vậy mà đúng. Khi tôi tìm được tên mấy người , tôi đã bật khóc. Thật là đau đớn tột cùng khi thấy tên những người bạn năm xưa vừa mới được khắc lên bức tường đá. Tôi đưa tay sờ từng tên một, cố chạm họ xuyên qua thời gian và xuyên qua cõi chết. Đó là cách thức bắt lại tay họ, nghe lại giọng nói, thấy lại nụ cười, và nói cho họ biết rằng David Donovan vẫn còn nhớ đến họ.

Tôi phải lưu lại đấy mấy giờ liền, cốt là đi vòng vòng, nhìn mặt người, nhìn bức tường tưởng niệm, rồi quay lại chỗ có tên mấy người vừa tìm được để tất cả như thấm vào người mình.Không gian dành một sự tôn kính lặng lẽ, an bình và trang nghiêm cho người chết. Tôi ngồi một mình rất lâu trên bờ cỏ trước mặt công trình, suy nghĩ và phân tách những xúc cảm của mình hôm nay. Tôi cần biết tôi thích hay không thích công trình này.

Sau cùng, tôi có kết luận. Tôi đi về, lòng thanh thỏa. Tôi thích công trình.

Nó bày ra trước mắt thiện hạ danh sách gần năm mươi tám ngàn người đã bỏ mạng cho một danh nghĩa , môt danh nghĩa chẳng mang lợi lộc gì cho họ cả. Bức tường đã nói lên một sự kiện rất rõ ràng. Nếu bảo máu là cái giá phải trả để có danh dự thì các cựu chiến binh chiến tranh Việt nam đã trả môt cách rất là đầy đủ.

***

Sau rốt, tôi đã thấy chúng tôi có cuộc diễu hành. Chỉ ngày hôm đó thôi, dường như toàn quân đã bừng sống dậy.Đây là ngày Cựu Chiến binh chiến tranh Việt Nam. Ngày 13 tháng 11. Người ta nói với nhau hoàn toàn bằng thuật ngữ quân đội ngắn gọn: Tập họp diễn hành lúc 0845 sáng. Những người lính năm xưa cố nhớ xem phải sắp hàng như thế nào, áo quân ra sao và bước làm sao cho thật rập ràng. Lòng dạ hân hoan đến nỗi các chi tiết lắt léo của màn diễn hành trở nên chẳng nghĩa lý gì cả. Chúng tôi được đi diễn hành ! Bao nhiêu đó cũng đã khoái rồi.

` Đồng phục ngày hôm đó gồm một đôi giày trận bạc trắng qua năm tháng, tấm áo trận màu sắc đã nhạt phai mặc với chiếc quần jean màu xanh cũ kỹ, đầu đội đủ loại mũ nhà binh .Ngày 13 tháng 11 năm 1982, sau hơn mười năm chờ đợi, Đội quân

Hoa kỳ từng chiến đấu tại Việt nam di chuyển ra ngoài đường đề thực hiện một cuộc diễu hành luôm thuộm nhưng huy hoàng trên đại lộ Constitution.

Khi chúng tôi vừa đột ngột quay trái từ Khu Quảng trường để nhập vào đại lộ Constitution, tôi có thể nhìn suốt dọc con đường thênh thang . Người xem chen chật cả hai lề đường, vang tiếng hoan hô. Nhờ xếp hàng đầu và lại phía hông tôi được người ta chòm người ra bắt tay và vỗ lưng. Tôi chẳng có nét gì đặc sắc, chỉ có điều tôi ở chỗ họ dễ với tới mà thôi. Đàn ông, phụ nữ, trẻ con hò reo và phất cờ. Câu hò hay nghe nhất là :" Welcome home! Welcome home!" Hàng quân chúng tôi trông giống một đàn bò lộn xộn chứ không giống một đội hình diễn hành tí nào. Mà như vậy thì càng hay , càng tăng thêm điều hoan hỷ cho ngày hôm nay. Chẳng có chi phải áy náy, mọi người thảy đều vui mừng.

Trong lòng ngực tôi như có cái gì đè nặng, mắt tôi lệ rơi nhạt nhòa, không phải tôi buồn điều gì, --tôi khóc vì lòng sung sướng và nhẹ nhỏm. Đi diễn hành! Tôi được đi diễn hành. tôi như bỏ đi gánh nặng vai mang suốt mầy năm nay. Những đám đông hoan hô, những người phụ nữ vui cười, những em bé vẩy tay, -- đó là những thứ rất đơn giản nhưng những quân nhân chúng tôi lúc nào cũng

ước ao được thấy và bao giờ cũng mong được như thế.

***

Chung quanh thủ đô Washington có một cộng đồng người Việt khá lớn. Tôi không biết họ nghĩ gì trước sự quan tâm đối với cựu chiến binh hiện nay. Họ có thích ra đây tham dự buổi lễ khánh thành Bức tường và diễn hành không hay là họ sẽ ngồi yên tại gia vì không biết người ta sẽ sử sự ra sao khi họ có mặt? Tôi lấy làm lo lắng rằng họ muốn lánh xa vì e ngại người ta làm điều sai quấy làm họ khó xử. Họ đã không tham dự. Trong đám đông dường như ít thấy họ. Lòng tôi cảm thấy không vui vì dù gì đi nữa thì họ cũng phải xem cuộc diễn hành để hưởng ít nhất cái cảm nhận như tôi đã từng trải qua.

Cuộc diễn hành chấm dứt tại Bức tường tưởng niệm. các đơn vị tan hàng, dến tham dự lễ khai mạc chính thức. Hàng chục ngàn cựu chiến binh đứng đầy cả vùng lòng chảo, tràn qua cả ngọn đồi trước mặt , làm ngẽn cả Khu Quảng trường chạy dài tới Đài tưởng niệm Abraham Lincoln. Cuối buổi lể, tôi len lõi trong đám đông, bắt tay mấy người vừa mới quen lần cuối cùng rồi từ từ đi ra xe. Đối với tôi, vậy là kết thúc nên tôi về.

Phía xa, bên ngoài đám đông, nơi chỉ còn vài nhóm nhỏ người tò mò đứng xem, tôi đi tới gần một lùm

cãy thấp, suýt nữa tôi đâm sầm vào môt gia đình người Việt gồm một cặp vợ chồng với hai đứa con. Người đàn ông và vợ nhìn tôi trân trân vì tôi đang đội cái mũ nồi Việt nam màu xanh dương, áo jacket màu ô liu vẫn còn đính cấp hiệu chứng tỏ tôi từng là một cố vấn. Cái nhìn của họ như nói lên rằng họ biết tôi là một trong số những người Hoa kỳ từng sát cánh bên đồng bào của họ. Cả hai người không ai nói lời nào. Điều họ muốn nói, nó thể hiện trong đôi mắt và trên khuôn mặt của họ. Đó là bức thông điêp của đau khổ, ưu phiền và sự mất mát lớn lao.

Tôi bước tới gần hơn, người đàn ông nhìn thẳng vào mặt tôi, trông thật thiểu não. Tôi hy vọng anh ta thấy được sự cảm thông của tôi cùng lòng ân hận trước đau khổ của anh ta. Tự nhiên lòng tôi lóe lên một chút thân thiện khi anh ta lặng lẽ chìa tay ra bắt tay tôi. Nụ cười sẽ không bao giờ nở trên môi, không một tiếng chào mừng, thế nhưng tôi đã thấy đôi mắt anh mấp máy và hai giòng lệ trên khuôn mặt người vợ anh ta. Tôi muốn nói một đôi điều gì đó. Tôi muốn chạy tới ôm họ vào lòng như từng ôm mấy người bạn mới quen mới mấy ngày gần đây. Thế nhưng tôi chỉ nắm chặt tay người chồng, lắc lắc mấy cái, đôi mắt tôi cố nói mọi điều. Tôi ngưng một chốc rồi tôi lại bước đi. Tôi đi miết, không biết nên làm gì, và nên nói cái gì. Người Hoa kỳ chúng ta đã thua trận nhưng những người Việt này thì lại mất cả một nước.

Khi đi ngang hàng cây, tôi ngoắc nhìn lại gia dình người Việt. Trông họ như lạc loài môt thân một mình trên cái nền hậu cảnh của Đài Tưởng niệm Abraham Lincoln và đám đông bao la những người Hoa kỳ đang đi đi lại lại trong vùng lòng chảo dưới kia. Tôi như muốn quay trở lại nói chuyện với họ, bảo họ rằng tôi thông cảm sâu xa nỗi mất mát của họ, tôi muốn họ biết rằng tôi và bạn bè của tôi không bao giờ gọi họ là" đồ này, đồ kia" và cũng chưa bao giờ nghĩ là họ kém thua chúng tôi. Tôi lòng thực muốn họ biết tôi là David Donovan, rằng tôi đã từng chiến đấu chống lại bọn khủng bố, rằng chẳng ai biết tôi hôm nay nhưng tôi từng là một ông vua cầm súng.

(Once a Warrior King, Memoiries of An Officer in Vietnam, David Donovan, McGraw-Hill Book Company, 1985, chương 23, pp 309-314)

(*) Tựa do người dịch đặt.

** David Donovan chỉ là một bút danh, trước kia là môt viên trung úy Lục quân Hoa kỳ. Nay ông là giáo sư đai học dạy môn sinh học.

# Diễn văn giã biệt
# Trước Quốc hội liên bang Hoa kỳ.

--*Tướng* Douglas MacArthur

*TT Truman cất quyền chỉ huy của tướng Douglas MacArthur ở chiến trường Triều tiên đã tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị và xúc cảm tại Hoa kỳ vì ông tướng rất được quần chúng ủng hộ và cảm mến. Người ta hoan hô và tiếp rước bằng cuộc diễu hành có rắc hoa giấy truyền thống trên đại lộ Broadway. Ngày19 tháng 4 năm 1951, MacArthur xuất hiện tại diễn đàn Quôc hội trong một phiên họp đăc biệt và ông đọc một bài diễn*

*văn giã biệt, kết thúc  đời binh nghiệp hiển hách của mình.*

Kính thưa Tổng thống,

Kính thưa Ngài Chủ tịch và quí ngài nghị sĩ,

Tôi đứng tại diễn đàn này trong sự khiêm tốn sâu xa và niềm tự hào khôn cùng-- khiêm tốn vì tôi bước theo sau những vĩ nhân Hoa kỳ đã tạo ra lịch sử, đã từng đứng  tại diễn đàn này trước tôi, tự hào vì tôi nghĩ  vị trí này là diễn đàn tranh luận lập pháp  thể hiện sự tư do của con người theo ý nghĩa trong sáng  nhất. Đây là nơi tụ hội những hy vọng, và những mong ước và niềm tin của toàn thể loài người.

Tôi không đứng đây để nói tốt cho một danh nghĩa mang tính đảng phái nào bởi lẽ những gì tôi sắp trình bày là những vấn đề nền tảng và vượt qua khỏi thực tiễn các đảng phái đang quan tâm. Chúng phải được giải quyết dựa trên quyền lợi quốc gia trên một bình diện cao nhất nếu như phương thức chúng ta tìm được là đúng và tương lai xứ sở này được bảo đảm.  Vì vậy, ôi tin rằng quí vị sẽ công bằng nghe những gì tôi trình bày ở đây duy nhất chỉ là những suy nghĩ của một công dân. Tôi không thấy cay đắng và cũng không cần oán than gì vào buổi xế bóng của đời mình mà chỉ

mang một chủ đích trong lòng—đó là được phụng sự quốc gia.

Các vấn đề đều có tính toàn cầu và đan chéo với nhau chặt chẽ đến mức giải quyết mặt này, không chú ý mặt kia, chắc chắn chúng ta sẽ làm hỏng cả hai.

Chúng ta xem Á châu như cánh cửa dẫn vào Âu châu; nói Âu châu là cánh cửa dẫn vào Á châu cũng không phải là sai vì ảnh hưởng rộng lớn của vùng này nhất định phải lan tỏa tới vùng kia.

Có những người nói rằng sức mạnh của chúng ta không thể bao biện cùng một lúc hai mặt trận—nghĩa là nỗ lục của chúng ta không thể chia làm hai. Tôi cho rằng phát biểu đó rõ ràng là chủ bại.Nếu đối phương có thể chia được sức mạnh của họ cho hai trận tuyến, chúng ta cũng phải chống lại cả hai mặt trận,

Hiểm họa cọng sản mang tính tòan cầu. Họ thắng được phía này thì họ sẽ đe dọa phía khác. Chúng ta không thể cứ đấu dịu hay đầu hàng cọng sản ở Á châu mà không kéo theo sự thất bại của nỗ lực ngăn chặn bước tiến của cọng sản tại Âu châu của chúng ta.

Bên cạnh đó, tôi sẽ giới hạn câu chuyện vào những điễm chính của Á châu.Trước khi khách quan

đánh giá tình nhình hiện nay, chúng ta phải hiểu quá khứ và những thay đổi toàn diện đánh dấu từng chặng đường tứ đó đến nay. Từ lâu các "được gọi" là cường quốc thực dân đã khai thác, không có bất cứ cơ hội nào để có chút công bằng xã hội, nhân phẩm hay cuộc sống khá cao theo như cách mà sự cai trị cao quí của riêng chúng ta (Hoa kỳ) đã dành cho người Phi luật tân, các dân tộc Á châu nhân cuộc chiến vừa qua thấy có cơ hội vất bỏ ách thống trị thực dân, và nay thì họ thấy trước mặt lộ ra ánh sáng của một thời cơ mới, một nhân phẩm mới từ trước tới giờ chưa từng có và một thứ tự do về mặt chính trị không ai có thể xăm phạm.

Bao gồm một nửa nhân loại, cọng vời sáu mươi phần trăm tài nguyên, các dân tộc này nhanh chóng củng cố sức mạnh tinh thần lẫn vật chất, tứ đó nâng cao mức sống, hình thành các mô phỏng kiểu thức tiến bộ tân tiến áp dụng thích nghi cho từng khung cảnh văn hóa đặc thù của họ. Dù có cố bám vào ý niệm thực dân hay không, người ta buộc phải thừa nhận đây là xu hương tiến bước không thể nào chặn đứng được của Á châu. Đó chỉ là hệ luận của cơn chuyển dịch biên giới kinh tế vì toàn bộ trung tâm quốc tế sự vụ đã luân chuyển về điểm từ đó chúng khởi đầu. Trong tình cảnh này, điều cực kỳ qun trọng là chúng ta phải điều hướng các chính sách của mình sao cho phù hợp với

những tiến hóa cơ bản này thay vì theo đuổi một cách mù quáng, không cần biết thực tế là thời đại thực dân đã không còn, và các dân tộc Á châu đã mong muốn được quyền tạo ra một nền tự do cho riêng mình.

Nay thì họ cần một sự dìu dắt thân hữu, hiểu biết, và nâng đỡ chứ họ không cần chúng ta chỉ đạo một cách kẻ cả; bình đẳng chứ không như kẻ chủ người tớ. Mức sống quá thấp trước chiến tranh, nay lại càng thấp thảm hại vì cảnh tàn phá do chiến tranh để lại. Chủ nghĩa tư bản hay cọng sản không đóng vai trò nghĩa lý gì trong tâm tưởng của họ và họ cũng chẳng hiểu chúng chút nào. Cái họ phấn đấu chính là kiếm thêm chút đỉnh gạo bỏ bụng, một mạnh áo lành lặn hơn, một mái nhà vững chắc hơn để che nắng che mưa và một niềm ước mơ bình thường là được sống đời tự do. Các tình cảnh xã hội-chính trị này chỉ ảnh hưởng gián tiếp tới an ninh của Hoa kỳ, nhưng chúng làm thành hậu cảnh cho công cuộc hoạch định hiện thời, công việc chúng ta cần suy xét thấu đáo hầu tránh những thất bại do không thiết thực.

Ảnh hưởng trực tiếp và tức thời hơn, đó là những thay đổi cuộc chiến vừa qua đã mang lại trong vùng mang tầm vóc chiến lược là Thái Bình dương này. Trước kia, biên giới chiến lược của Hoa kỳ chạy dọc theo đường bờ biển Mỹ châu với chuổi

đảo phình ra từ Hawaii, Midway, và từ Guam tới Phi luật tân.Đường phình này tỏ ra không phài là tiền đồn mạnh ; chúng là thông lộ yếu kém địch có thể tấn công thâm nhập. Thái Bình dương là khu vực đối phương tham lam có thể đánh chiếm một khi chúng tấn công các vùng địa đầu.

Nay thì mọi thứ đã thay đổi nhờ chúng ta chiến thắng. Biên giới chiến lược nay đã dịch chuyển bao trùm toãn thể đại dương này, giờ đây đã trở thành hào lũy bao la bảo vệ chúng ta chừng nào chúng ta còn làm chủ được nó.Thực vậy, nó là lá chắn bảo vệ toàn cõi Mỹ châu và tất cả các đảo nằm trong đó. Vùng kiểm soát của chúng ta chạy đến tận bờ biển Á châu nhờ chuỗi đảo chạy hình vòng cung từ các đảo Aleutians cho tới quần đào Mariannes nằm dưới sụ kiểm soát của chúng và bạn bè đồng minh.

Từ chuỗi đảo này, chúng ta có khả năng chế ngự các hải cảng từ Vladivostok tới Singapore ở Á châu bằng hải và không quân, ngăn chặn không để đối phương tấn chiếm Thái Bình dương. Bất cứ cuộc lấn chiếm xuất phát từ Á châu nào cũng đều là những nỗ lực thủy bộ.Mà cuộc hành quân thủy bộ nào thì cũng bắt buộc phải làm chủ các hải lộ và bầu trời trên hướng tấn công.Không làm chủ được hai thứ trên và không có đủ quân thối thiểu phòng thủ các căn cứ, bất cứ cuộc tấn công xuất phát từ lục địa Á châu nào nhắm vào chúng ta hay

đồng minh của chúng ta trong vùng biển này cũng nhất định sẽ thất bại. Trong tình hình như vậy, Thái Bình dương không còn là một thông lộ đầy đe dọa của phe xâm lăng — trái lại, biển trở nên cái hồ lớn yên bình. Tuyến phòng vệ của chúng ta là những đảo và biển, cần rất ít quân để giữ và ít tốn kém. Nó không có ý tấn công ai cũng như nó không phải là thành lũy từ đó xuất phát các cuộc tấn công nhưng nếu chúng ta khéo duy trì, chúng sẽ là tuyến phòng thủ vững chắc.

Công cuộc giữ vững tuyến phòng thủ phía tây Thái Bình dương phụ thuộc hoàn toàn vào việc giữ vững từng phần đoạn một của tuyến. Bởi vỉ bất cứ một phần đoạn nào bị đối phương chọc thủng cũng sẽ làm các phần đoạn chính khác đổ gẫy. Đây là ước định của riêng tôi mà cho tới nay tôi chưa thấy có người chỉ huy nào có thể làm khác hơn .Vì lẽ ầy, trong quá khứ tôi nằng nặc không muốn để Formosa (Đài loan) rơi vào tay cọng sản. Nếu để xẩy ra như thế, tức khắc Phi luật tân sẽ bị nô dịch, Nhật bản sẽ mất, và chúng ta buộc phải lùi tuyến phòng thủ phía tây về California, Oregon và Washington.

Để hiểu nhưng gì đang thay đổi trong Trung hoa lục địa, chúng ta phải tìm hiểu cá tính và văn hóa người Tàu trong năm mươi năm qua. Trong nửa thế kỷ qua, Trung hoa không phải là nước thuần

nhất, nó chia năm xẻ bảy kình chống lẫn nhau. Khuynh hướng đâm chém không hề tồn tại (?) vì họ vẫn còn theo đạo lý nằm trong văn hóa hòa bình có vẻ rất lý tưởng của Khổng Tử. Đến đầu thế kỷ này, dưới triều đại Trương Tác Lâm, người ta cố gắng tạo ra tính đồng nhất toàn khắp cho nên mới sản sinh ra xu hướng dân tộc.Nỗ lực này đi xa hơn và tỏ ra thành công hơn dưới sự lãnh đạo của Tưởng Giới Thạch, nhưng chỉ dưới chế độ hiện tại, nỗ lực này mới mang lại thành quả, lớn đến nỗi nó trở nên một thứ chủ nghĩa dân tộc hợp nhất ngày càng ngả về hướng áp đảo các quôc gia lân cận.

Suốt năm mươi năm rồi, người Tàu đã bị quân sự hóa về mặt ý thức cũng như về mặt các lý tương đề ra. Họ là những chiến binh dạn dày được chỉ huy bởi một bộ tham mưu và các chỉ huy đầy đủ khả năng. Từ đó sinh ra một quyền lực thống trị mới tại Á châu, và với mục đích riêng nó đã liên minh với Nga sô viết, trong khi trong lòng nó, những ý niệm, phương cách riêng dần dà trở nên đế quốc một cách hung hăng, cứ muốn chiếm đất, muốn mạnh mẽ hơn như ta thường thấy ở loại hình đế quốc như vậy.

Dù có xem xét mọi mặt, y niệm về hệ ý thức thường có rất ít trong tâ tư người Tàu.Mức sống quá thấp, các tích tụ của cải mất hoàn toàn trong chiến tranh, quần chúng trở nên tuyệt vọng, chỉ

chờ ai hứa hẹn mang lại cuộc sống đở khổ hơn thì theo.

Ngay từ đầu, tôi tin rằng Cọng sản Tàu là sự ủng hộ lớn nhất của Bắc Triều Tiên.Quyền lợi của Tàu hiện này song hành với quyền lợi của Nga sô viết. Nhưng tôi tin rằng các khiêu khích vừa xẩy ra không chỉ ở Cao ly mà còn ở Đông dương và Tây tạng và rõ ràng đang quay mũi về hướng nam, nó phản ánh rõ ràng tham vọng bành trướng của người muốn chinh phục từ xưa tới nay.

Người Nhật kể từ khi có chiến tranh đã chịu sự cải tạo to lớn nhất trong lịch sử. Với ý chí mạnh mẽ, với lòng hiếu học, và với một khả năng đáng chú ý là muốn tìm hiểu, họ đã xây dựng một tòa nhà to lớn, từ đống tro tàn chiến tranh, một cơ sở dành riêng cho sự ưu việt của tự do cá nhân, nhân phẩm, đồng thời kiến tạo một chính quyền thật sự đại diện toàn dân, cam kết nâng cao đạo đức chính trị, tự do thương mãi, và xã hội công bằng. Về phương diện chính trị, kinh tế và xã hội, nước Nhật nay đứng ngang tầm với các quôc gia tự do trên hành tinh này và sẽ không bao giờ làm mất sự tin tưởng của mọi người. Chúng ta có thề chờ mong Nhật sẽ có một ảnh hưởng đáng kể lên mọi diễn tiến ở Á châu như vừa qua, người Nhật đã xử sự rất đẹp trước thách đố của chiền tranh,bất ổn và hoảng loạn đến từ bên ngoài, và đã kềm chế

chủ nghĩa cọng sản bên trong đất nước họ mà vẫn không ngưng nghỉ tiến bước.

Tôi đã gởi cả bốn sư đoàn đang làm nhiệm vụ chiếm đóng Nhật sang mặt trận Triều Tiên mà không hề e ngại việc đó sẽ tạo ra sự trống vắng lực lương tại Nhật Bản.Kết quả đã bào chữa cho lòng tin của tôi. Chưa có nước nào bình yên, có nề nếp, và chuyên cần hơn—cũng như không có nơi nào mà con người có thể ấp ủ những hy vọng đóng góp xây dựng vào sự tiến bộ của nhân loại to lớn hơn.

Nói về những đảo Phi Luật tân, chúng ta tin tưởng tình trạng bất ổn hiện nay sẽ được chấn chỉnh lại, một quốc gia cứng cáp và lành lặn sẽ hình thành trong thời hậu chiến khá dài giữa những đổ nát khủng khiếp. Chúng ta cần kiên nhẫn, thông cảm và chớ bao giờ làm họ thất vọng, cũng như họ đã không phụ lòng chúng khi chúng ta cần đến họ. Phi luật tân là một quốc gia theo Thiên Chúa giáo, sẽ đứng vững là một thành trì tôn giáo tại Viễn Đông với khả năng vô hạn trong tư cách lãnh đạo tinh thần.

Nói về đảo Formosa (Đài Loan) Chính quyền CH Trung hoa đã nhiều lần phản bác những luận điệu vu khống từng làm giảm sút uy tín của mình khi còn ở trên Hoa lục. Người dân Đài Loan nay đã có một chính quyền công chính và sáng suốt qua một

sự đại diện rộng rãi trong mọi cơ quan công quyền; trên các mặt chính trị, kinh tế và xã hội, họ có vẻ như đang tiến bước theo những đường tối hợp lý và xây dựng.

Sau khi nói vắn tắt đôi điều về khung cảnh nay tôi xin nói về cuộc chiến tại Triều Tiên.Dù Tổng thống không tham kháo với tôi trước khi có quyết định can thiệp giúp đỡ nước CH Triều Tiên, quyết định này, xét trên quan điểm quân sự, tỏ ra đúng lúc vì chúng ta đã đẩy lui kẻ xâm lược và làm chúng tổn thất nhiều. Chiến thắng gần toàn vẹn và các mục tiêu đã nằm trong tầm với thì Trung hoa đỏ tung một lượng bộ binh áp đảo nhảy vào tham chiến. Thế là xuất hiện một thứ chiến tranh mới và một tình hình hoàn toàn mới -- một thứ tình hình không được chúng ta xem xét trước khi binh lực chúng ta chạm trán với quân Bắc Triều Tiên -- tình hình này yêu cầu chúng ta phải có một quyết định mới trên mặt ngoại giao hầu tìm được một sự điều chỉnh chiến lược thiết thực.

Người suy nghĩ bình thường không ai kêu gọi hãy tung lực lượng bộ binh vào Hoa lục nhưng chắc chắn người ta phải nghĩ tình hình mới này cấp thiết đòi hỏi chúng ta xem xét lại hoạch định chiến lược nếu như chúng ta vẫn còn nhắm tới mục tiêu chính trị là phải đánh gục kẻ thù mới như trước đãy ta đã từng làm với kẻ thù cũ.

Ngoài cái nhu cầu tôi thấy cần phải vô hiệu hóa khu an toàn dành cho đối phương phía bắc sông Áp lục, tôi cảm thấy nhu cầu quân sự trong điều hành cuộc chiến buộc chúng ta phải làm những công tác như sau:

1.-Gia tăng phong tỏa kinh tê đối với Trung hoa.

2.-Thiết lập cuộc phong tỏa hàng hải toàn bờ biển Trung hoa.

3.-Giở bỏ hạn chế hoạt động không thám dọc bờ biển Trung hoa và vùng Mãn Châu.

4.-Giở bỏ các giới hạn đối với lực lượng CH Trung hoa trên đảo Đài Loan bằng việc yểm trợ tiếp vận để lực lượng này cùng hành động quân sự hữu hiệu chống kẻ thù chung.

Vì những quan điểm vừa kể, cốt chỉ để yểm trợ lực lượng chúng ta tham chiến tại Triều Tiên hầu kết thúc chiến cuộc nhanh chóng với ít tổn thất cho Hoa kỳ và Đồng minh nhất, tôi đã chịu nhiếu phê phán nặng nề của phe dân sự, đặc biệt là ở nước ngoài, mặc dù, theo hiểu biết quân sự của tôi, những suy nghĩ nói trên đã được các vị chỉ huy từng quan tâm tới chiến cuộc ở Triều Tiên, đồng ý hoàn toàn, kể cả Bộ Tham mưu liên quân của chúng ta.

Tôi yêu cầu quân tăng viện them , nhưng đươc cho biết là không có quân tăng viện gì cà.Tôi giải thích nếu tôi không được phép đánh bom tiêu diệt các căn cứ tập trung quân phía bắc sông Áp lục,nếu không được phép sử dụng lực lượng 600 ngàn quân Trung hoa /Đài Loan , nếu không được phép phong tỏa bờ biển không cho Trung hoa đỏ nhận trợ giúp từ bên ngoài, và nếu như không thể hy vọng có quân tăng viện dồi dào, thì tứ quan điểm quân sự mà nói, cuộc chỉ đạo của tôi không thể mang lại chiến thắng được. Chúng ta có thể giữ vững Triều Tiên bằng cách phối trí liên tục các lực lượng và chỉ trong một khu vực tương đối khi mà đường tiếp vận thuận lợi của ta cũng ngang bằng với tuyến tiếp vận bất lợi của đối phương, nhưng cũng còn hy vọng ít nhất thì ta cũng kềm cuộc chiến thành không thắng mà cũng không bại, với những tiêu hao liên lục và khủng khiếp cho lực lương bạn nếu như đối phương sứ dụng hết tiềm năng quân sự của chúng.

Tôi đã liên tiếp yêu cầu những giải pháp chính trị để giải quyết tình hình này. Người ta đã cố sức bóp méo lập trường của tôi. Thực tề, người ta nói rằng tôi là người hiếu chiến, Thật không gì sai trái hơn khi người ta nói thế. Tôi biết rất nhiêu về chiến tranh hơn mọi người nên không gì làm tôi ê chề hơn là chiến tranh. Lâu nay tôi từng cổ võ nên hủy bỏ chiến tranh vì chính sự hủy diệt nó gây ra cho

cả hai phía ta và đối phương mà nó trở nên một phương sách vô ích trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế. Thật thế, ngày mồng hai tháng 9 năm 1945, tiếp theo sau nước Nhật bản đầu hàng trên chiến hạm *Missouri*, tôi đã cảnh giác như sau:

Con người từ thuở khai thiên lập địa đã biết mưu cầu hòa bình. Trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã có nhiều phương sách được sử dụng nhằm ngăn ngừa hay giàn xếp các tranh chấp giữa các quốc gia. Ngay từ đầu, các phương pháp khả thi đã tìm thấy trong chừng mực mà các công dân còn có thể dùng được nhưng các cơ chế có tầm cỡ quốc tế rộng hơn thì chẳng bao giờ khả thi cả. Các liên minh quân sự, các thế cân bằng quyền lực, các liên hiệp giữa các quốc gia, không thứ nào thành công, chỉ còn một còn lộ duy nhất là con đường chiến tranh. Tính chất hủy diệt triệt đễ của chiến tranh đã lấn át tất cả. Nay chúng ta không còn cơ hội nào nữa. Nếu như chúng ta không nghĩ ra một công cụ khác to lớn hơn, công bằng hơn thì Ngày Chúa phạt (Armageddon) đã cận kề. Bài toán này về căn bản, nó mang tính thần học, và bao hàm sự phục hung và cải thiện nhân tính; nó sẽ hòa nhịp với các tiên bộ không tiền khoáng hậu trong lãnh vực khoa học, nghệ thuật, văn chương cùng tất cả sự phát triễn vật chất, văn hóa suốt 2 ngàn năm qua . Đó là phần hồn phải giữ nếu chúng ta muốn cứu phần xác.

Nhưng một khi chúng ta buộc phải chấp nhận chiến tranh, thì chẳng có cái gì khác hơn là phải sử dụng mọi phương sách dể sớm kết thúc nó.Mục tiêu tối hậu của chiến tranh là chiến thắng -- chứ không phải là cứ lưỡng lự lâu dài.Khi lâm trận, thì chỉ có chiến thắng chứ không có gì có thể thay thế nó được..

Vì nhiều lý do khác nhau, một số người muốn đấu dịu với Trung hoa Đỏ. Họ không dọc được  bài học rất rõ ràng của lịch sử vì lịch sử từng dạy chúng ta cũng rất rõ ràng rằng  đấu dịu chỉ phát sinh thêm chiến tranh càng đẫm máu hơn thôi. Lịch sử cũng cho thấy không bao giờ kết quả biện hộ cho phương tiện cả-- ở những nơi, những lúc đấu dịu chỉ đem lại một nền hòa bình giả hiệu mà thôi. Giống như khi ta bắt chẹt ai, nó sẽ tạo ra cơ hội để đối phương đưa ra nhiều yêu cầu mỗi lần một nhiều hơn cho đến khi, giống như màn bắt chẹt, chỉ còn cách duy nhất là đánh nhau.

Binh sĩ hay hỏi tôi, tại sao chúng ta phải từ bỏ lợi thế cho quân thù trên chiến trường? Tôi không thể có câu trả lời. Có người nói do muốn tránh mở rộng cuộc xung đột thành cuộc chiến tranh tổng lực với Trung hoa; người khác lại nói là tránh kéo Nga sô viết can thiệp vào. Hai lý lẽ này tôi nghĩ đều không có lý.Vì Trung hoa đang tung tối đa lực lượng và Nga sô viết sẽ  không cần phải ngăn cản

hành động của chúng ta. Giống như con rắn hổ mang, kẻ thù chúng ta chỉ đánh vào những chỗ chúng thấy tương quan binh lực hay tiềm năng gì đó có lợi cho chúng trên bình diện toàn cầu mà thôi.

Tấn bi kịch Triều Tiên càng ngày càng đậm nét hơn vì chưng hoạt động quân sự đã bị thu hẹp vào biên giới lãnh thổ.Nó buộc quốc gia chúng ta muốn bảo vệ này phải gánh chịu hậu quả tàn phá của các cuộc hải pháo, không kích trong khi đối phương lại có vùng an toàn không bao giờ bị tấn công và pháo kích. Giữa các quốc gia trên hoàn vũ, từ bấy đến nay, Triều tiên đã đơn độc chịu bao nguy khốn khi đứng lên chống lại cọng sản. Lòng can trường tuyệt vời  và ý chí bền vững của dân tộc Triều Tiên thực không bút mực nào tả xiết. Họ thà chết còn hơn chịu làm nô lệ. Lời nhắn nhủ sau cùng của họ với tôi là: “ Chớ đánh chìm Thái Bình dương.”

Tôi vừa chia tay với con cái quí vị đang chiến đấu tại Triều Tiên. Họ đã chịu nhiều thử thách nơi đó nên tôi có thể báo cáo thật cùng quí vị rằng   họ mặt nào cũng *bảnh* cả. Tôi luôn cố gắng bảo toàn sinh mệnh của họ và chấm dứt trong danh dự cuộc xung đột dã man này nhanh nhất và ít tổn thất nhất. Máu đã đổ ngày càng nhiều khiến cho tôi vô cùng khắc khoải và âu lo.     Những chiến sĩ can

trường này lúc nào cũng hiện diện trong suy nghĩ của tôi và trong lời cầu kinh của tôi.

Hôm nay, tôi xin khép lại năm mươi hai năm binh nghiệp của mình. Khi tôi gia nhập Quân đội trước khi thế kỷ này bắt đầu, chính là lúc tôi thực hiện ước nguyện của một trang thanh niên mới lớn. Thế giới đã bao lần chuyển mình kể từ ngày tôi đọc lời tuyên thệ trên quảng trường Westpoint này, Rồi những hy vọng, những ước mơ nay đã tan biến. Nhưng tôi lúc nào cũng nhớ điệp khúc của một bản quân hành rất phổ biến khi đó trong quân trường, vang vang một cách kiêu hãnh:

*Old soldiers never die;*
*They just fade away,*

Và cũng giống như người lính già của khúc quân hành, ngày hôm nay tôi kết thúc binh nghiệp của mình rồi sẽ tan biến dần dần — đó là một người lính già từng cố gắng chu toàn trách nhiệm đúng như ý Chúa   đã trao cho mình trách nhiệm đó.

Xin giã từ quí vị.

*[Record, 82 Cong., 1 Sess., pp 4123-4125]*

[*The Annals of America*, Vol. 17, 1950-1960, Cold War in the Nuclear Age, ENCYCLOPAEDIA BRITANICA, INC. Chicago, London...., 1976. pp 79-84.]

# MỤC LỤC

# MỤC LỤC

## Phần I

## Phần II

## Dịch văn là một niềm vui



-Sinh tại Nhatrang, Khánh Hòa.

- Trường Võ Tánh, Nha Trang (1959-1961)
-Trường Quốc Học, Huế (1961-1962)

-Dạy học Trường Lasalle Benilde, Nha Trang (1962-1966)

-Trường Đại học Chiến tranh Chính trị, Dalat (1966-1969)

-Ban Thông tin Báo chí SĐ23BB, Ban Mê thuột ( 1973)

-Tù binh (1975)

Minneapolis, USA  2025